

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH



Quy hoạch Phát triển Du lịch bền vững Khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng Giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến 2025



Tháng 9, 2010

Đơn vị thực hiện

Công ty Tư vấn Tài nguyên Du lịch (TRC)

Thực hiện theo yêu cầu của

Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ)

Thuộc dự án: Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên
Khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình, Việt Nam



VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BMZ	Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Đức
BTTN	Bảo tồn Thiên nhiên
CBT	Du lịch dựa vào cộng đồng
CBfT	Du lịch vì lợi ích cộng đồng
CTMB	Ban quản lý Du lịch Cộng đồng
DSTG	Khu Di sản Thế giới
DED	Tổ chức Hỗ trợ Phát triển Đức
EIA	Đánh giá tác động môi trường
FFI	Tổ chức Bảo tồn Động vật hoang dã Thế giới
FIT	Khách đi lẻ tự do
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GMS	Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng
GTZ	Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
IUCN	Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
KfW	Ngân hàng Phát triển Đức
KHĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LAC	Ngưỡng thay đổi chấp nhận được
Lao PDR	CHDCND Lào
MTCO	Văn phòng Điều phối Du lịch khu vực Mê Kông
No&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
ODA	Nguồn Hỗ trợ Phát triển chính thức
PATA	Hiệp hội Du lịch Châu Á - Thái Bình Dương
QHPTDLBV	Quy hoạch Phát triển Du lịch bền vững
QHPTKTXH	Quy hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội
QHTT	Quy hoạch Tổng thể
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TRC	Công ty tư vấn về Tài nguyên Du lịch
TTXTDL	Trung tâm thông tin và xúc tiến du lịch
UBND	Ủy ban nhân dân
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc
VHTTDL	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
VNAT	Tổng cục Du lịch Việt Nam
VQG PNKB	Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

MỤC LỤC

VIẾT TẮT	2
MỤC LỤC	3
Danh mục các hình	6
Danh mục các bảng	6
ĐẶT VẤN ĐỀ	8
1. PHẦN MỞ ĐẦU	8
1. Giới thiệu	8
2. Vị thế và định hướng	9
3. Quan điểm quy hoạch và khung thời gian	10
4. Phạm vi địa lý	11
5. Cấu trúc	13
2. BỐI CẢNH QUY HOẠCH	14
1. Cơ sở pháp lý	14
2. Hiện trạng quy hoạch	16
3. Cách tiếp cận quy hoạch	18
4. Phương pháp quy hoạch phát triển du lịch bền vững	19
CHƯƠNG MỘT - PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA KHU VỰC VQG PHONG NHA - KÊ BÀNG, QUẢNG BÌNH, VIỆT NAM	20
1. MÔ TẢ KHU VỰC VQG PHONG NHA - KÊ BÀNG	20
1. Khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	20
2. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	20
3. Vùng đệm	23
4. Khung thể chế của khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	24
2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH	26
1. Hiện trạng du lịch ở Việt Nam	26
2. Du lịch ở Quảng Bình và VQG PNKB	31
3. Phân tích phát triển du lịch bền vững khu vực VQG PNKB	41
4. Định hướng chiến lược phát triển du lịch bền vững khu vực VQG PNKB	45
CHƯƠNG HAI - QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG ĐỐI VỚI KHU VỰC VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KÊ BÀNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2020	46
1. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC QUY HOẠCH	46
1.1. Tầm nhìn quy hoạch	46
1.2. Mục tiêu của quy hoạch du lịch bền vững	47
1.3. Nguyên tắc quy hoạch du lịch bền vững	47
2. TĂNG TRƯỞNG DU LỊCH TRONG TƯƠNG LAI VÀ NHỮNG GIẢ ĐỊNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHÍNH ĐỐI VỚI KHU VỰC VQG PHONG NHA - KÊ BÀNG	49
1. Nguyên tắc tăng trưởng du lịch bền vững	49

2.	Dự báo du khách tham quan khu vực VQG PNKB	50
3.	Chiến lược tăng trưởng du lịch bền vững	51
4.	Những chỉ báo và chỉ tiêu tăng trưởng du lịch chiến lược	51
3.	PHÂN VÙNG KHÔNG GIAN CHỨC NĂNG VÀ DU LỊCH	54
1.	Giới thiệu	54
2.	Mô tả các phân khu du lịch	54
3.	Hướng dẫn đối với các phân khu chức năng	57
4.	QUY TRÌNH LẬP ĐỀ ÁN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	66
1.	Đầu tư phát triển du lịch: kêu gọi dự án và sàng lọc bước đầu	66
2.	Tiêu chí phát triển du lịch bền vững trong quá trình thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án	66
5.	HƯỚNG DẪN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG THU HÚT CỘNG ĐỒNG THAM GIA XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO, CẢI THIỆN SINH KẾ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	68
1.	Giới thiệu	68
2.	Du lịch dựa vào cộng đồng	68
3.	Du lịch vì lợi ích cộng đồng	70
4.	Những ràng buộc và hỗ trợ pháp lý	74
5.	Khuôn khổ quy hoạch chiến lược	75
6.	Các hoạt động phát triển	76
6.	PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH	78
1.	Cách tiếp cận chiến lược và các hướng dẫn phát triển	78
2.	Định hướng sản phẩm và các tuyến du lịch	79
3.	Khung quy hoạch chiến lược	83
4.	Các hoạt động phát triển	86
7.	TIẾP THỊ VÀ QUẢNG BÁ DU LỊCH	91
1.	Cách tiếp cận chiến lược và hướng dẫn	91
2.	Khung quy hoạch chiến lược	92
3.	Các hoạt động phát triển	93
8.	QUẢN LÝ THÔNG TIN DU LỊCH VÀ QUẢN LÝ DIỄN GIẢI	95
1.	Giới thiệu	95
2.	Cách tiếp cận chiến lược và hướng dẫn phát triển	95
3.	Khung quy hoạch chiến lược	97
4.	Các hoạt động phát triển	98
9.	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH	100
1.	Cách tiếp cận chiến lược và hướng dẫn	100
2.	Khung quy hoạch chiến lược	101
3.	Các hoạt động phát triển	103
10.	HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ DU LỊCH	105
1.	Giới thiệu	105
2.	Cách tiếp cận chiến lược và hướng dẫn	105
3.	Những điểm cần lưu ý khi phát triển hạ tầng phụ trợ hiện nay	106
4.	Khung quy hoạch chiến lược	107
5.	Các hoạt động phát triển	108

CHƯƠNG BA - KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	111
1. YÊU CẦU THỰC HIỆN	111
1. Quản lý	111
2. Chính sách	113
2. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	115
1. Giải pháp về nâng cao nhận thức xã hội về du lịch	115
2. Giải pháp về quản lý phát triển du lịch	116
3. Giải pháp về chính sách phát triển du lịch	117
4. Giải pháp về quảng bá và tiếp thị	119
5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	120
6. Giải pháp về tài chính	120
3. HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT THỰC HIỆN	122
1. Giới thiệu	122
2. Thông tin cơ bản, chỉ báo và các chỉ tiêu	123
3. Hướng dẫn giám sát	125
4. Giám sát QHPTDLBV	126
4. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	127
1. Tổng quan về kế hoạch thực hiện	127
2. Các hoạt động ngắn hạn và ưu tiên thực hiện (đến năm 2012)	128
3. Mục tiêu thực hiện trung hạn (2013 đến 2015)	141
4. Định hướng thực hiện mục tiêu dài hạn (đến 2020)	143
PHỤ LỤC	144
Phụ lục 1: Mô tả Thị trường khách và các phân khúc thị trường	144
Phụ lục 2: Các dự án xây dựng và đầu tư liên quan đến du lịch hiện nay tại tỉnh Quảng Bình	149
Phụ lục 3: Ước tính tăng trưởng phân khúc thị trường du khách hàng năm	151
Phụ lục 4: Dự báo lượng du khách hàng năm đến 2020	152
Phụ lục 5: Tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu	153
Phụ lục 6: Đánh giá các điểm du lịch Khu vực VQG PNKB	156
Phụ lục 7: Danh sách các hoạt động du lịch theo từng điểm tham quan và thị trường mục tiêu	211
Phụ lục 8: Các chính sách và quy chế nhượng quyền hoạt động kinh doanh	216
Phụ lục 9: Thỏa thuận tổ chức các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng ở vùng đệm	224
Phụ lục 10: Danh mục các chỉ báo phát triển du lịch tiềm năng	228
Phụ lục 11: Danh sách thành viên tham gia quá trình xây dựng Quy hoạch PTDLBV	237

DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG

Danh mục các hình

Hình 1: Bản đồ khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	260
Hình 2: Cơ cấu tổ chức của VQG PNKB.....	22
Hình 3: Khung thể chế của khu vực VQG PNKB	25
Hình 4: Lượng khách quốc tế đến Việt Nam.....	26
Hình 5: Luồng du khách vào Việt Nam	30
Hình 6: Khu vực ưu tiên du lịch	31
Hình 7: Tính thời vụ của du khách tham quan khu vực VQG PNKB năm 2009	35
Hình 8: Các vùng du lịch khu vực VQG PNKB	64
Hình 9: Các điểm du lịch khu vực VQG PNKB.....	65
Hình 10: Các tuyến và điểm trong VQG PNKB	81
Hình 11: Các tuyến và điểm trong khu vực VQG PNKB	82
Hình 12: Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch.....	218

Danh mục các bảng

Bảng 1: Tổng quan diện tích đất tự nhiên khu vực VQG PNKB	12
Bảng 2: Dân số Vùng đệm năm 2009.....	12
Bảng 3: Các bộ luật liên quan	14
Bảng 4: Các quyết định cấp quốc gia liên quan	14
Bảng 5: Các thỏa thuận quốc tế liên quan	15
Bảng 6: Tỷ lệ dân tộc thiểu số mỗi xã năm 2009	23
Bảng 7: Số liệu du khách đến Quảng Bình và khu vực VQG PNKB từ 2002 đến 2009.....	32
Bảng 8: Tóm tắt ước tính lượng du khách và tỉ lệ đối với các phân khúc thị trường năm 2009	33
Bảng 9: Các số liệu kinh tế cơ bản của du lịch Quảng Bình và VQG PNKB.....	34
Bảng 10: Tóm tắt ước tính nguồn thu du lịch ở khu vực VQG PNKB năm 2009	34
Bảng 11: Lao động du lịch ở khu vực VQG PNKB	39
Bảng 12: Điểm mạnh và cơ hội phát triển du lịch bền vững khu vực VQG PNKB.....	41
Bảng 13: Những khó khăn và đe dọa đối với phát triển du lịch bền vững ở VQG PNKB	42
Bảng 14: Các vấn đề quan trọng và các giải pháp để phát triển du lịch bền vững	42
Bảng 15: Dự báo lượng khách của khu vực VQG PNKB, giai đoạn 2008-2020.....	50
Bảng 16: Chiến lược tăng trưởng du lịch bền vững.....	51
Bảng 17: Những chỉ báo và chỉ tiêu tăng trưởng du lịch chiến lược định lượng	52
Bảng 18: Những chỉ báo và chỉ tiêu tăng trưởng du lịch chiến lược định tính	53
Bảng 19: Mô tả và mục tiêu quản lý đối với phân khu Du lịch đại chúng.....	54
Bảng 20: Mô tả và mục tiêu quản lý đối với phân khu Du lịch Di sản và Thiên nhiên.....	55
Bảng 21: Mô tả và mục tiêu quản lý đối với phân khu Du lịch Sinh thái nghiêm ngặt	55
Bảng 22: Mô tả và mục tiêu quản lý đối với phân khu Du lịch vì lợi ích cộng đồng.....	55
Bảng 23: Mô tả và mục tiêu quản lý đối với khu vực đầu tư hạ tầng du lịch	56
Bảng 24: Mục tiêu và yêu cầu quản lý du lịch đối với phân khu Hành chính và Dịch vụ.....	57
Bảng 25: Mục tiêu quản lý du lịch và yêu cầu đối với phân khu Phục hồi Sinh thái.....	59
Bảng 26: Các mục tiêu quản lý du lịch và các yêu cầu đối với phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt	60
Bảng 27: Các mục tiêu quản lý du lịch và các yêu cầu đối với Khu vực Mở rộng	61
Bảng 28: Các mục tiêu quản lý du lịch và các yêu cầu đối với Vùng đệm	62
Bảng 29: Tiêu chí sàng lọc ban đầu đối với các đề án đầu tư phát triển du lịch	66
Bảng 30: Các bước phát triển sản phẩm Du lịch cộng đồng	69
Bảng 31: Khuôn khổ quy hoạch chiến lược đối với du lịch cộng đồng và du lịch vì lợi ích cộng đồng	75
Bảng 32: Các hoạt động phát triển đối với du lịch cộng đồng và du lịch vì lợi ích cộng đồng	76

Bảng 33: Định hướng chiến lược cho phát triển sản phẩm du lịch	78
Bảng 34: Hướng dẫn phát triển đối với phát triển sản phẩm du lịch.....	78
Bảng 35: Các hoạt động du lịch và tiềm năng phát triển	79
Bảng 36: Các tuyến du lịch khu vực VQG PNKB	80
Bảng 37: Khung quy hoạch chiến lược đối với phát triển sản phẩm du lịch.....	83
Bảng 38: Các hoạt động phát triển nhằm xây dựng sản phẩm du lịch.....	86
Bảng 39: Định hướng chiến lược về tiếp thị và quảng bá	91
Bảng 40: Hướng dẫn phát triển hoạt động tiếp thị và quảng bá	91
Bảng 41: Khung quy hoạch chiến lược đối với tiếp thị và quảng bá du lịch	92
Bảng 42: Các hoạt động phát triển cho tiếp thị và quảng bá du lịch	93
Bảng 43: Định hướng chiến lược về quản lý thông tin và diễn giải.....	96
Bảng 44: Hướng dẫn phát triển về quản lý thông tin du lịch và quản lý diễn giải du lịch	96
Bảng 45: Khung quy hoạch chiến lược đối với quản lý thông tin du lịch và quản lý diễn giải du lịch ...	97
Bảng 46: Các hoạt động phát triển đối với quản lý thông tin du lịch và diễn giải du lịch	98
Bảng 47: Định hướng chiến lược phát triển nguồn nhân lực du lịch	100
Bảng 48: Hướng dẫn phát triển đối với hoạt động phát triển nguồn nhân lực du lịch	101
Bảng 49: Khung quy hoạch chiến lược đối với hoạt động phát triển nguồn nhân lực du lịch	101
Bảng 50: Các hoạt động phát triển nhằm phát triển nguồn nhân lực du lịch	103
Bảng 51: Định hướng chiến lược về phát triển hạ tầng du lịch	105
Bảng 52: Hướng dẫn phát triển đối với phát triển hạ tầng du lịch.....	106
Bảng 53: Khung quy hoạch chiến lược đối với phát triển hạ tầng du lịch.....	107
Bảng 54: Các hoạt động phát triển nhằm phát triển hạ tầng du lịch.....	108
Bảng 55: Yêu cầu thực hiện - khung quản lý.....	111
Bảng 56: Yêu cầu thực hiện - chu kỳ giám sát, báo cáo đánh giá và quản lý	112
Bảng 57: Yêu cầu thực hiện - nguồn nhân lực.....	113
Bảng 58: Các cấp độ giám sát.....	122
Bảng 59: Quy trình của kế hoạch giám sát tổng thể.....	123
Bảng 60: Nội dung cơ bản của hoạt động giám sát.....	123
Bảng 61: Quy trình của các cấp độ giám sát	124
Bảng 62: Hướng dẫn về thời gian giám sát.....	125
Bảng 63: Trách nhiệm quản lý về giám sát.....	125
Bảng 64: Mục tiêu và biện pháp giám sát QHPTDLBV	126
Bảng 65: Các hoạt động ngắn hạn và ưu tiên thực hiện - quản lý và quy hoạch phát triển du lịch	128
Bảng 66: Các hoạt động thực thi ngắn hạn - phát triển nguồn nhân lực du lịch.....	136
Bảng 67: Các hoạt động thực thi ngắn hạn - phát triển cơ sở hạ tầng trực tiếp cho du lịch	137
Bảng 68: Mục tiêu thực hiện trung hạn (2013 đến 2015).....	141
Bảng 69: Định hướng thực hiện mục tiêu dài hạn (đến 2020).....	143
Bảng 70: Công trình liên quan đến du lịch do chính phủ đầu tư.....	149
Bảng 71: Các dự án đầu tư của doanh nghiệp/phi chính phủ	149
Bảng 72: Ước tính tăng trưởng phân khúc thị trường du khách hàng năm	152
Bảng 73: Dự báo lượng du khách hàng năm	153
Bảng 74: Điểm mạnh của cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch.....	217
Bảng 75: Lợi ích của nhượng quyền kinh doanh du lịch.....	217
Bảng 76: Các hình thức nhượng quyền du lịch đối với VQG PNKB	218
Bảng 77: Cơ cấu phí và thời hạn nhượng quyền kinh doanh du lịch đối với VQG PNKB.....	220
Bảng 78: Những yêu cầu về thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch đối với VQG PNKB.....	220
Bảng 79: Các loại thỏa thuận tổ chức hoạt động du lịch trong vùng đệm.....	222
Bảng 80: Cơ cấu phí và khung thời gian cho các thỏa thuận kinh doanh du lịch tại Vùng đệm	223

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu

1.1.1. Bối cảnh dự án

Quy hoạch Phát triển Du lịch Bền vững (QHPTDLBV) giai đoạn 2010 – 2020 khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (VQG PNKB) được Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) thực hiện nằm trong dự án Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn Tài nguyên Thiên nhiên khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng do Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Đức (BMZ) tài trợ.

Dự án là chương trình hợp tác giữa Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Bình, Việt Nam với GTZ, Ngân hàng Phát triển Đức (KfW) và Tổ chức Hỗ trợ Phát triển (DED) của Đức. UBND tỉnh là cơ quan điều hành và Sở Kế hoạch Đầu tư (Sở KHĐT) thuộc UBND tỉnh là chủ dự án và đơn vị thực hiện. GTZ và KfW hỗ trợ dự án bằng các biện pháp tài chính và kỹ thuật. Thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh và GTZ được ký vào ngày 19 tháng 10 năm 2007 và Thỏa thuận giữa UBND tỉnh và KfW được ký kết vào ngày 23 tháng 1 năm 2008.

Mục tiêu tổng thể của dự án là góp phần vào công tác bảo tồn khu vực Bắc Trường Sơn¹, các hoạt động đa dạng sinh học và sinh thái của khu vực gắn với phát triển kinh tế xã hội bền vững ở vùng lõi (bao gồm phân khu Hành chính và Dịch vụ, phân khu Phục hồi Sinh thái, phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt và khu vực Mở rộng) và Vùng đệm của Vườn quốc gia. Dự án nhằm tìm cách giảm áp lực đối với tài nguyên thiên nhiên của Vườn quốc gia, cũng như hỗ trợ việc tái cơ cấu nguồn thu nhập chính đáng và các hoạt động sinh kế thay thế cho cư dân địa phương. Thời gian triển khai dự án là tám năm, trong đó sáu năm đầu tiên là giai đoạn thực hiện và giai đoạn hai năm cuối dành cho hoạt động hoàn thiện.

Các biện pháp hỗ trợ chính của dự án liên quan đến phát triển du lịch là:

1. Quản lý vườn quốc gia (KfW chủ trì trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện)
2. Phát triển Vùng đệm (GTZ chủ trì trong quá trình lập kế hoạch và KfW hỗ trợ thực hiện)
3. Phát triển Du lịch khu vực PNKB (GTZ chủ trì trong quá trình lập kế hoạch và KfW hỗ trợ thực hiện)

Dự án cũng sẽ hỗ trợ xây dựng Quy hoạch tổng thể (QH TT) khu vực VQG PNKB. Đây sẽ là tài liệu quy hoạch toàn diện hướng dẫn về tất cả các lĩnh vực phát triển của khu vực. QH TT khu vực VQG PNKB sẽ tích hợp các chiến lược phát triển của chương trình thực hiện QHPTDLBV.

1.1.2. Sự cần thiết phải Quy hoạch du lịch khu vực VQG PNKB

Khu vực VQG PNKB là điểm du lịch đang được phát triển ở miền Trung Việt Nam. Khu vực này nằm trong một môi trường thiên nhiên độc đáo, được UNESCO công nhận trong Danh mục Di sản thế giới vì các giá trị địa chất, địa mạo và cảnh quan. Năm 2009², có khoảng 311.630 lượt du khách tham quan khu vực VQG PNKB. Phát triển du lịch ở VQG PNKB, đặc biệt là trong Vùng đệm đang trong giai đoạn ban đầu. Ngành du lịch ở khu vực này hình thành chưa lâu, vì vậy vẫn còn nhiều cơ hội phát triển du lịch.

¹ Khu vực Bắc Trường Sơn là dãy núi nằm phía Đông của Đông Dương, kéo dài khoảng 1100 km (700 dặm) qua các nước: Lào, Việt Nam, và một phần nhỏ ở Đông bắc Cam-pu-chia. Việt Nam gọi đó là Dãy Trường Sơn, Lào thì gọi là Phou Luang, còn Pháp gọi là Chaîne Annamitique. Dãy núi này còn có nhiều tên gọi khác nhau như Annamese Range, Annamese Mountains, Annamese Cordillera, Annamite Mountains và Annamite Cordillera.

² Nguồn từ Số liệu thống kê của Phòng Nghiệp vụ Du lịch, Sở VHTTDL Quảng Bình

Hiện nay phát triển du lịch trong khu vực VQG PNKB tập trung ở thị trấn Phong Nha, Động Phong Nha (kể cả Động Tiên Sơn) và Hang Tám Cô. Đây là những điểm có lượng khách tham quan đông nhất, đặc biệt vào mùa hè. Khách rất hiếm khi hoặc chỉ thỉnh thoảng tham quan các nơi khác thuộc khu vực PNKB. Các cơ sở lưu trú và du lịch chỉ có ở thị trấn Phong Nha hoặc tại Đồng Hới. VQG PNKB là đơn vị tổ chức du lịch lớn nhất trong phạm vi khu vực VQG PNKB thông qua khai thác tuyến du lịch tham quan động Phong Nha. Tuy nhiên việc tham quan các khu vực khác của VQG và Vùng đệm vẫn còn hạn chế do vấn đề năng lực, cơ sở hạ tầng yếu kém và cả thủ tục cấp phép.

Du lịch ở Việt Nam đã phát triển rất nhanh kể từ năm 1990, và cùng với vị thế Di sản thế giới (DSTG), VQG PNKB đã có mức tăng trưởng khách du lịch đáng kể trong những năm qua. Ngày càng nhiều nhà đầu tư về du lịch tiếp cận UBND tỉnh Quảng Bình và VQG PNKB nhằm phát triển cơ sở hạ tầng du lịch trong vùng. Hiện tại có rất ít tài liệu quy hoạch³ đề cập đến khu vực VQG PNKB. Chưa có quy hoạch cụ thể cho khu vực này để hướng dẫn và tư vấn cho tỉnh, hoặc chính quyền địa phương, VQG hoặc các nhà đầu tư phát triển du lịch tiềm năng.

Khu vực VQG PNKB đang ở trong giai đoạn cực kỳ quan trọng và bất kỳ hoạt động phát triển du lịch nào ở khu vực trong tương lai cũng cần phải được quy hoạch cẩn trọng để không ảnh hưởng đến môi trường độc đáo và nhạy cảm, di sản văn hóa và vị thế Di sản Thế giới của VQG PNKB. Cần phải có quy hoạch du lịch cho khu vực VQG PNKB để đảm bảo việc bảo tồn di sản thiên nhiên và khuyến khích phát triển du lịch nhằm đem lại lợi ích cho địa phương và cư dân trong vùng. Đã đến lúc phải có QHPTDLBV dành cho khu vực VQG PNKB nhằm định ra khuôn khổ quy hoạch phát triển du lịch toàn diện để hướng dẫn chính quyền từ trung ương, đến tỉnh và huyện cũng như các đơn vị phát triển du lịch và nhà đầu tư tiềm năng trong tương lai.

2. Vị thế và định hướng

QHPTDLBV khu vực VQG PNKB được xây dựng làm tài liệu hướng dẫn và quản lý phát triển du lịch bền vững cho khu vực VQG PNKB. QHPTDLBV cần nhất quán, kết cấu rõ ràng và khả thi nhằm đạt được tính bền vững lâu dài trong công tác bảo tồn và phát triển ở khu vực VQG PNKB.

Thẩm quyền và quyền chủ quản QHPTDLBV thuộc về UBND tỉnh Quảng Bình, đặc biệt là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tài liệu này sẽ là một văn bản pháp lý của UBND tỉnh và được lồng ghép vào quy hoạch du lịch trong tương lai của tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, QHPTDLBV còn nhằm bổ sung cho QHTT khu vực VQG PNKB để hướng dẫn và quản lý tất cả các lĩnh vực phát triển của khu vực VQG PNKB. QHTT sẽ bao gồm các nội dung quản lý của VQG PNKB và vùng đệm. QHTT sẽ được xúc tiến xây dựng vào năm 2010.

Bên cạnh đó, QHPTDLBV được xây dựng để thực hiện những yêu cầu đối với khu DSTG của UNESCO, trong đó đòi hỏi phải có những công cụ quản lý đối với DSTG. QHPTDLBV sẽ giải quyết những vấn đề về quản lý du lịch và quy hoạch của DSTG VQG PNKB. Kế hoạch quản lý hoạt động riêng biệt cho VQG PNKB bao gồm một phần liên quan của QHPTDLBV sẽ được xây dựng riêng và sau đó được lồng ghép vào QHTT khu vực VQG PNKB.

Định hướng của QHPTDLBV hình thành dựa trên quan điểm quy hoạch tập trung vào phát triển tổng thể theo chủ định ở khu vực VQG PNKB và phản ánh lợi ích của tất cả các bên

³ Quy hoạch Tổng thể Phát triển Du lịch tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1996 - 2010 (Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình, 1996); Quy hoạch Du lịch Tổng thể khu vực Bắc Trung bộ đến 2010, hướng đến 2020 (TCDL VN, 2001); Nghiên cứu tổng thể về Phát triển Du lịch ở miền Trung Việt Nam (JICA/TCDLVN, 2002).

có liên quan và chịu ảnh hưởng. Mục tiêu và nguyên tắc quy hoạch thể hiện phương pháp tiếp cận cụ thể cũng như hướng dẫn quản lý phát triển du lịch bền vững và thực hiện QHPTDLBV.

Kế hoạch triển khai QHPTDLBV được các sở, ban ngành liên quan, các cơ quan phát triển, các đối tác và các bên liên quan khác tham vấn, xem xét và thông qua. Việc thực thi nguyên tắc của QHPTDLBV thuộc về các cơ quan sau đây:

- ▶ UBND tỉnh Quảng Bình là cơ quan chỉ đạo việc thực hiện với sự hỗ trợ của các cơ quan sau:
 - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư
 - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 - Sở Tài nguyên và Môi trường
- ▶ VQG PNKB là cơ quan triển khai thực hiện và tham mưu cho UBND tỉnh
- ▶ Ủy ban nhân dân các huyện Bố Trạch, Minh Hóa và Quảng Ninh là cơ quan triển khai thực hiện và tham mưu cho UBND tỉnh
- ▶ GTZ, KfW, ADB và FFI là đơn vị tài trợ, đối tác thực hiện và trợ giúp kỹ thuật đối với UBND tỉnh.

3. Quan điểm Quy hoạch và khung thời gian

1.3.1. Cơ sở của nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

Du lịch bền vững được định nghĩa trong Luật Du lịch của Việt Nam như sau:

" Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của tương lai."

Các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững bao gồm:

- ▶ Bảo tồn và tôn tạo các tài nguyên. Phát triển du lịch phải góp phần bảo tồn và tôn tạo tài nguyên thiên nhiên và văn hoá để bảo đảm sự tồn tại lâu dài và lành mạnh của những tài nguyên đó.
- ▶ Phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng và dịch vụ phản ánh đặc trưng của địa phương cũng như nhu cầu thị trường và kỳ vọng của khách du lịch, các doanh nghiệp du lịch quan tâm đến việc ủng hộ phát triển bền vững.
- ▶ Hỗ trợ các hình thức phát triển kinh tế - xã hội địa phương góp phần phân phối công bằng lợi ích và sinh kế

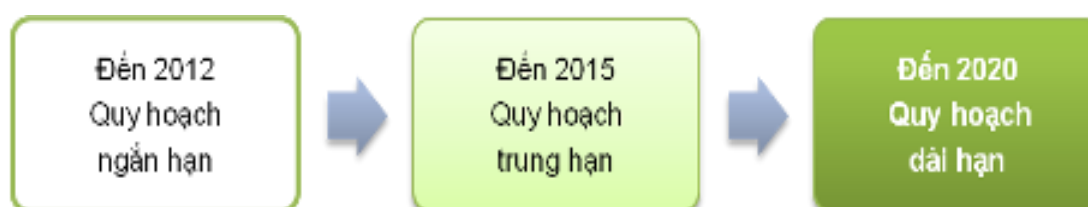
1.3.2. Tầm nhìn Quy hoạch trong QHPTDLBV

Tầm nhìn quy hoạch chủ đạo định hướng đến năm 2025 cho QHPTDLBV khu vực VQG PNKB là:

""Khu vực VQG PNKB phải được duy trì để bảo tồn những giá trị Di sản, cải thiện và nâng cao tính bền vững sinh kế của cộng đồng địa phương với sự hỗ trợ của phát triển du lịch bền vững".

1.3.3. Khung thời gian

QHPTDLBV sẽ có hiệu lực sau khi UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt vào năm 2010. Thời gian thực hiện là 10 năm từ 2010-2020 với tầm nhìn quy hoạch đến năm 2025. Giai đoạn triển khai trong bản quy hoạch được thể hiện theo 3 cách tiếp cận quy hoạch:



4. Phạm vi địa lý

QHPTDLBV sẽ bao gồm toàn bộ khu vực VQG PNKB. Khu vực VQG PNKB được hiểu bao gồm toàn bộ diện tích của VQG PNKB (Vùng lõi) và 13 xã của ba huyện giáp giới với Vườn quốc gia, thường được gọi là Vùng đệm⁴.

Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Vùng lõi của VQG PNKB có diện tích 85.754 ha được chia thành ba phân khu chức năng: i) Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt: 64.894 ha, ii) Phân khu Phục hồi Sinh thái: 17.449 ha và iii) Phân khu Hành chính và Dịch vụ: 3.411 ha.⁵ Toàn bộ vùng lõi của VQG PNKB được UNESCO công nhận là khu Di sản Thiên nhiên Thế giới.

Ngoài ra, UBND tỉnh Quảng Bình đã phê duyệt mở rộng diện tích VQG PNKB theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2008. Phần mở rộng bao gồm 31.070 ha đất trong khu vực các xã Thượng Hóa và Hóa Sơn (huyện Minh Hoá) và thuộc loại rừng đặc dụng. Bảng 1 thể hiện tổng quan diện tích đất tự nhiên khu vực VQG PNKB.

⁴ Xem chi tiết tại bảng 1 và 2

⁵ Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg ngày 12/12/2001

Bảng 1: Tổng quan diện tích đất tự nhiên khu vực VQG PNKB⁶

Diện tích đất tự nhiên khu vực Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng		
	Vùng lõi (ha)	Vùng đệm (ha)
Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt diện tích	17.449	
Phân khu phục hồi sinh thái	64.894	
Phân khu hành chính dịch vụ	3.411	
Khu vực Mở rộng	31.070	
Rừng đặc dụng	8.364,5	
Đất chưa có rừng	173,6	
Diện tích đất khác	367,5	
Tổng	125.729,6	217.908,44
Tổng diện tích khu vực VQG PNKB	343.638,04 ha	

Vùng đệm

Vùng đệm có tổng diện tích 217.908,44 ha, bao gồm 13 xã giáp ranh với trên 64.243 dân thuộc các nhóm dân tộc khác nhau như Kinh, Bru - Vân Kiều (gồm các tộc người Vân Kiều, Khùa, Ma Coong, Trì) và dân tộc Chứt (gồm Sách, Mày, Rục, A Rem, Mã Liềng). Bảng 2 thể hiện tổng quan dân số Vùng đệm thuộc 3 huyện Bố Trạch, Minh Hoá và Quảng Ninh năm 2009.

Bảng 2: Dân số Vùng đệm năm 2009⁷

Huyện	Xã	Thôn	Số hộ		Số dân	
			Vùng đệm	Vùng lõi	Vùng đệm	Vùng lõi
Bố Trạch	Hưng Trạch	18	2.602		11.071	
	Phúc Trạch	12	2.369		10.713	
	Sơn Trạch	10	2.454		10.571	
	Tân Trạch	2	0	78	0	444
	Thượng Trạch	18	469		2.464	
	Phú Định	9	655		2.713	
	Xuân Trạch	10	1.249		5.701	
Minh Hóa	Trung Hóa	10	1.037		5.122	
	Dân Hóa	12	669		3.342	
	Trọng Hóa	16	641		3.463	
	Hóa Sơn	5	318		1.547	
	Thượng Hóa	10	654		3.065	
Quảng Ninh	Trường Sơn	22	919		4.027	
			14.036	78	63.799	444
Tổng số		154	14.114		64.243	

⁶ Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg ngày 12/12/2001, Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 14/7/2008, Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 26/4/2007 và số liệu thống kê năm 2009 từ Phòng Thống kê của các huyện Bố Trạch, Minh Hoá và Quảng Ninh.

⁷ Nguồn từ Niên giám thống kê năm 2009 của Phòng Thống kê các huyện Bố Trạch, Minh Hoá và Quảng Ninh.

5. Cấu trúc

QHPTDLBV khu vực VQG PNKB bao gồm một chương mở đầu và ba chương chính:

- ▶ **Chương Mở đầu** là phần giới thiệu và bối cảnh hồ sơ quy hoạch nhằm hiểu rõ sự cần thiết phải quy hoạch và cơ sở xây dựng quy hoạch là gì.
- ▶ **Chương Một - Phân tích và đánh giá hiện trạng và tiềm năng du lịch của khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình và Việt Nam** là phân tích chi tiết các lĩnh vực liên quan đến phát triển du lịch. Những thông tin này là cơ sở để xây dựng QHPTDLBV.
- ▶ **Chương Hai - Quy hoạch Phát triển Du lịch bền vững khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, giai đoạn 2010 - 2020** là nội dung chính của hồ sơ, bao gồm tầm nhìn quy hoạch, mục đích và các mục tiêu cụ thể, chính sách và khuôn khổ pháp lý của QHPTDLBV cùng với chiến lược, hướng dẫn và hoạt động chi tiết trong các lĩnh vực chính như: quy trình xây dựng và phát triển dự án đầu tư du lịch, các hoạt động kinh doanh du lịch, chính sách và quy định về nhượng quyền kinh doanh du lịch, du lịch dựa vào cộng đồng, phát triển sản phẩm du lịch, tiếp thị và quảng bá, thông tin và diễn giải, phát triển nguồn nhân lực, và đầu tư hạ tầng du lịch.
- ▶ **Chương Ba - Những yêu cầu thực hiện, kế hoạch triển khai và giám sát thực hiện** nêu những yêu cầu trong triển khai và giám sát QHPTDLBV bao gồm cả kế hoạch thực hiện.

Phần phụ lục và tham khảo liệt kê các tài liệu liên quan bổ sung cho việc diễn giải và thực hiện QHPTDLBV

2. BỐI CẢNH QUY HOẠCH

1. Cơ sở pháp lý

QH PTDLBV khu vực VQG PNKB được xây dựng trên cơ sở luật và quy định liên quan cấp quốc gia và khu vực. Sau đây là danh mục các văn bản pháp lý được tham khảo trong quá trình xây dựng QH PTDLBV.

2.1.1. Các bộ luật liên quan

Bảng 3: Các bộ luật liên quan

Các bộ luật liên quan
➤ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành ngày 26/11/2003;
➤ Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng ban hành ngày 3/12/2004;
➤ Luật Bảo vệ Môi trường, ban hành ngày 29/11/2005;
➤ Luật Đa dạng Sinh học ban hành ngày 13/11/2008;
➤ Luật Du lịch ban hành ngày 14/6/2005;
➤ Luật Di sản Văn hóa ban hành ngày 29/6/2001;
➤ Luật Đất đai, ban hành ngày 26/11/ 2003;
➤ Luật Đầu tư, ban hành ngày 29/11/2005;

2.1.2. Các quyết định cấp quốc gia liên quan

Bảng 4: Các quyết định cấp quốc gia liên quan

Các quyết định cấp quốc gia liên quan
➤ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP về việc thực hiện Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng, ngày 03/3/2006;
➤ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều trong Luật Bảo vệ Môi trường ngày 9/8/2006;
➤ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/6/2007, quy định chi tiết việc thực hiện một số điều trong Luật Du lịch;
➤ Nghị định số 92/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/11/2002, quy định chi tiết việc thực hiện một số điều trong Luật Di sản Văn hóa;
➤ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về quản lý rác thải ngày 04/4/2007;
➤ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai;
➤ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/9/2006 quy định chi tiết việc thực hiện một số điều trong Luật Đầu tư;
➤ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg về việc ban hành quy định về quản lý rừng ngày 08/8/2006;

- Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha – Kẻ Bàng thành Vườn Quốc gia ngày 12/12/2001;
- Quyết định số 02/2003/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch ngày 29/7/2003;
- Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc áp dụng tiêu chuẩn môi trường Việt Nam
- Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN ban hành quy định về quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia và khu Bảo tồn Thiên nhiên ngày 27/12/2007;
- Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế quản lý VQG PNKB ngày 16/8/2007;
- Nghị định số 34/2000/ND-CP ngày 08/8/2000 của Chính phủ về quy định đối với khu vực Biên giới của nước CHXHCN Việt Nam
- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/8/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Thông tư số 179/2001/TT-BQP ngày 01/01/2001 của Bộ Quốc Phòng về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 34/2000/ND-CP ngày 18/8/2000 của Chính phủ về quy định đối với khu vực Biên giới của nước CHXHCN Việt Nam
- Quy chế phối hợp về quản lý lãnh thổ quốc gia và biên giới đường bộ tại tỉnh Quảng Bình (ban hành kèm theo Quyết định số 59/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Bình

2.1.3. Các thỏa thuận quốc tế liên quan

Bảng 5: Các thỏa thuận quốc tế liên quan

Các thỏa thuận quốc tế liên quan
➤ Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản Thế giới, Trung tâm Di sản Thế giới UNESCO, 2005.
➤ Công ước quốc tế về bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên ngày 26/12/1972;

2.1.4. Những yêu cầu về vị thế Di sản Thế giới⁸

Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới được ký tại Paris ngày 16/11/1972 là một hiệp ước quốc tế mà các nước tham gia nhằm bảo vệ những báu vật vượt thời gian của thế giới. Công ước bảo vệ hàng trăm điểm có “giá trị nổi bật toàn cầu” – bao gồm các di sản văn hóa, thiên nhiên và hỗn hợp. Để được đưa vào danh mục DSTG, di sản đó phải đáp ứng một hay nhiều tiêu chí văn hóa hoặc thiên nhiên cụ thể, và giá trị của nó phải chứng minh được tính nguyên bản và/hoặc toàn vẹn. Công ước đưa ra bốn tiêu chí đối với di sản thiên nhiên và sáu tiêu chí đối với di sản văn hóa làm thước đo xác định giá trị mà một di sản được công nhận là DSTG.

Điều 5 Công ước Di sản Thế giới nêu rằng mỗi quốc gia thành viên phải đảm bảo việc bảo vệ, bảo tồn và giới thiệu di sản văn hóa và thiên nhiên trên lãnh thổ của mình bằng cách

⁸ Theo Pederson 2002, Quản lý Du lịch tại các Điểm Di sản Thế giới: Sổ tay dành cho Nhà quản lý các Khu Di sản Thế giới, Trung tâm Di sản Thế giới UNESCO

đưa ra những biện pháp thích hợp về luật pháp. Công ước thúc giục các chính phủ “thực thi chính sách chung nhằm tạo một chức năng cho di sản văn hóa và thiên nhiên trong đời sống của cộng đồng và lồng ghép việc bảo vệ di sản vào các chương trình quy hoạch tổng thể”. Các khuyến nghị bao gồm việc quan tâm các quy hoạch quốc gia và địa phương, dự báo về tăng hay giảm dân số, các yếu tố kinh tế và dự kiến lưu lượng giao thông, cũng như đưa ra các biện pháp phòng chống thảm họa.

Báo cáo định kỳ về tình trạng bảo tồn DSTG phải được các quốc gia thành viên gửi 6 tháng một lần. Trung tâm Di sản có thể hỗ trợ các quốc gia thành viên trong việc chuẩn bị báo cáo. Các quốc gia cũng được yêu cầu đệ trình báo cáo và nghiên cứu tác động khi có công trình quy mô lớn triển khai trong khu vực di sản có thể ảnh hưởng đến tình trạng bảo tồn. Những chiến lược chủ động nhằm giám sát di sản phải được xây dựng cho mỗi vùng. Ủy ban Di sản Thế giới chọn cách tiếp cận khu vực trong báo cáo định kỳ như là cách để khuyến khích hợp tác xây dựng chiến lược vùng. Mỗi chiến lược vùng sẽ đem lại kết quả là Báo cáo Di sản Thế giới sẽ mang tầm khu vực.

Báo cáo định kỳ nên có hai phần. Phần một đề cập tình hình chung thực hiện Công ước Di sản Thế giới của quốc gia tham gia, bao gồm những nỗ lực xác định giá trị văn hóa và/hoặc thiên nhiên của di sản; công tác bảo vệ, tôn tạo và giới thiệu di sản văn hóa và thiên nhiên; hợp tác quốc tế và tìm kiếm tài trợ; giáo dục, truyền thông và nâng cao nhận thức. Phần hai báo cáo tình trạng bảo tồn khu di sản. Mục đích chính nhằm chứng minh những giá trị của di sản mà nhờ đó nó được đưa vào danh mục Di sản Thế giới được duy trì theo thời gian. Tất cả các quốc gia tham gia được yêu cầu phải cung cấp thông tin cập nhật về quản lý di sản, những yếu tố ảnh hưởng đến di sản và những hoạt động giám sát.

Những DSTG bị đưa vào danh mục DSTG đang bị đe dọa khi Ủy ban Di sản Thế giới quyết định di sản đó đang bị đe dọa bởi những nguy cơ hiện hữu hoặc tiềm tàng, như là xuống cấp do tình trạng đô thị hóa không kiểm soát được hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững. Ủy ban cũng có thể cảnh báo những mối đe dọa tiềm tàng đối với điểm DSTG, và sau đó đưa ra quyết định có đưa di sản đó vào danh mục DSTG đang bị đe dọa hay không sau khi tham vấn quốc gia thành viên đó.

2. Hiện trạng quy hoạch

2.2.1. Tổng quan

Quảng Bình trở thành điểm thu hút du lịch phần lớn nhờ vào VQG PNKB và việc UNESCO công nhận Di sản Thế giới vào tháng 7/2003. Kể từ năm 2003 hoạt động du lịch tăng trưởng rõ rệt và ngày càng có nhiều áp lực trong việc phát triển hơn nữa hạ tầng và các cơ sở du lịch. Việc thiếu quy hoạch hoặc chiến lược hỗ trợ phát triển du lịch bền vững vẫn đang là mối quan ngại của UBND tỉnh, VQG PNKB và các tổ chức phát triển quốc tế.

Việc thiếu kinh nghiệm trong phát triển và quy hoạch du lịch là điều dễ nhận thấy ở nhiều phương diện với cách hiểu và nhận thức rất khác nhau trong các thành phần tham gia vào lĩnh vực du lịch, kể cả thiếu nhận thức về yêu cầu và sự cần thiết của phát triển du lịch bền vững, thiếu các chính sách hỗ trợ, thiếu kinh nghiệm và cơ chế hỗ trợ khuyến khích các bên tham gia và hợp tác trong quy hoạch. Ngoài ra phải kể đến những thách thức về mặt thể chế, kể cả địa giới hành chính không rõ ràng, tạo nên sự chồng chéo và kẽ hở. Trong khi đó, áp lực phát triển du lịch vẫn cứ tiếp tục và du lịch ngày càng mở rộng với những hệ quả hỗn hợp mà không có một định hướng chiến lược nào. Tuy vậy vẫn chưa phải là quá muộn và các bên liên quan đều hết sức ủng hộ những hình thức phát triển du lịch bền vững hơn ở địa phương.

Quy hoạch phát triển du lịch và quản lý vườn quốc gia phần lớn theo cấu trúc và hệ thống do nhà nước Việt Nam Quy định. Cơ cấu này hiệu quả ở mức độ nào đó, nhưng quá trình

xây dựng và thực hiện QH PTDLBV hiệu quả đòi hỏi sự hợp tác giữa các bên tham gia rộng rãi hơn, cũng như cách tiếp cận và cơ chế quản lý phải mang tính tổng hợp.

Ở cấp độ khu vực và tỉnh, du lịch được xem là ngành kinh tế mũi nhọn; là công cụ kích thích đầu tư, nguồn thu và việc làm. Phát triển công nghiệp theo cách hiểu truyền thống với nhà máy và cơ sở sản xuất đã và đang là trọng tâm trong quan điểm và các hoạt động phát triển của Quảng Bình và vẫn là lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Do vậy du lịch vẫn thường được xem là một phương án khác trong phát triển kinh tế. Trên thực tế, ngành dịch vụ chủ yếu là từ du lịch. Trong khi đó một số bộ phận thuộc khu vực nhà nước cũng nhận ra rằng khả năng đóng góp của ngành du lịch trong công tác bảo vệ tài nguyên (thiên nhiên, văn hóa, di sản) và rộng hơn trên bình diện kinh tế xã hội như xóa đói giảm nghèo là rất tiềm năng, những đóng góp này thường không được nhắc đến trong các chính sách và kế hoạch liên quan. Việc hiểu và nhận thức một cách đầy đủ lợi ích đối với phát triển của tiềm năng sẵn có thông qua du lịch sẽ thúc đẩy việc phát triển các chính sách, kế hoạch và chương trình du lịch bền vững hơn, như vậy cũng là cách tăng cường sự đóng góp về mặt kinh tế - xã hội của ngành này.

2.2.2. Quy hoạch phát triển liên quan ở cấp tỉnh

Quy hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội của tỉnh (QHPTKTXH) là tài liệu quy hoạch chủ chốt của tỉnh đặt ra các chỉ tiêu và định hướng mà tất cả các quy hoạch phát triển ngành đều phải tuân theo, và QHPTKTXH này lại cần phải phù hợp với QHPTKTXH quốc gia với các chỉ tiêu và định hướng cho các ngành kinh tế cũng như các vùng lãnh thổ. QHPTKTXH ở cấp quốc gia cũng như cấp tỉnh đều được xem xét và điều chỉnh bốn năm một lần. QHPTKTXH quốc gia được điều chỉnh lần gần nhất vào năm 2007 và QHPTKTXH của Quảng Bình cũng được điều chỉnh dựa trên quy hoạch này và hiện đang trong những bước rà soát cuối cùng để thông qua.

2.2.3. Quy hoạch phát triển du lịch

Như các quy hoạch phát triển ngành khác, quy hoạch phát triển du lịch phải tuân theo những định hướng của QHPTKTXH cũng như định hướng của Quy hoạch và Chiến lược Phát triển Du lịch Quốc gia. Quy hoạch ngành cấp tỉnh được triển khai ở các sở ngành dọc đại diện cho ban ngành hoặc lĩnh vực đòi hỏi sự chú ý đặc biệt của chính phủ, thông qua các bộ liên quan chịu trách nhiệm xây dựng quy hoạch và chiến lược quản lý ngành.

Hiện tại, ba tài liệu quy hoạch du lịch liên quan đến tỉnh Quảng Bình và khu vực VQG PNKB bao gồm:

- ▶ Quy hoạch tổng thể Phát triển Du lịch tỉnh Quảng Bình giai đoạn 1996-2010 (Sở Thương mại và Du lịch Quảng Bình, 1996)
- ▶ Quy hoạch Du lịch tổng thể khu vực Bắc Trung bộ đến năm 2010 và hướng tới 2020 (TCDL VN, 2001)
- ▶ Nghiên cứu tổng thể về Phát triển Du lịch ở miền Trung Việt Nam (JICA/TCDL VN, 2002)

Quyết định số 38/2006/QĐ-UBND ngày 1 tháng 9 năm 2006 của UBND tỉnh Quảng Bình mô tả các chương trình phát triển du lịch của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2006-2010. Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2008 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt các bước chuẩn bị cho Quy hoạch tổng thể Phát triển Du lịch tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 bao gồm cả đề cương quy hoạch. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có quy hoạch nào về phát triển du lịch của tỉnh được xây dựng.

2.2.4. Quy hoạch VQG PNKB

VQG PNKB trực thuộc UBND tỉnh Quảng Bình và Ban quản lý Vườn quốc gia báo cáo trực tiếp cho UBND tỉnh. Ban quản lý VQG PNKB chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của Vườn quốc gia theo các văn bản quản lý do UBND tỉnh thông qua.

Hiện tại, quy hoạch quản lý VQG PNKB chưa có. Quy hoạch quản lý VQG mới nhất là vào năm 2001, trước khi UNESCO công nhận Di sản Thế giới. Văn bản quy hoạch này có đề cập đến du lịch, nhưng không chi tiết lắm và hầu như quá lạc hậu, không còn phù hợp nữa.

2.2.5. Quy trình lập kế hoạch, thẩm định và phê duyệt đầu tư về du lịch

Hiện nay, một số dự án phát triển du lịch chỉ được phác thảo vắn tắt và được thông qua trong Quy hoạch Phát triển Du lịch. Đối với các dự án phát triển du lịch khác, thì thường kêu gọi đầu tư và nhà đầu tư được mời đăng ký và nộp dự án đề nghị. Văn bản xin đầu tư vào lĩnh vực du lịch của doanh nghiệp có ý định đầu tư được gửi đến UBND tỉnh và được xử lý trước khi chuyển cho Sở VHTTDL và Sở KHĐT nghiên cứu góp ý. Nếu thấy phù hợp, nhà đầu tư sẽ được yêu cầu lập dự án chi tiết hơn. Các cơ quan khác cũng được yêu cầu góp ý ở giai đoạn này. Khi kế hoạch phát triển chi tiết được nhà đầu tư trình lên, thì một cuộc họp thẩm định sẽ được tổ chức giữa các sở ban ngành liên quan để xem xét. Sau khi đã thống nhất, Sở VHTTDL và Sở KHĐT sẽ thông qua dự án đề nghị và trình UBND tỉnh xem xét lần cuối và thông qua.

3. Cách tiếp cận quy hoạch

Việc lập kế hoạch và hình thành QHPTDLBV gắn liền với phương pháp tiếp cận quy hoạch mang tính tổng thể, lồng ghép, hướng đến các bên tham gia và có khả năng thích nghi nhằm đáp ứng tiêu chuẩn của hình mẫu quốc tế tốt nhất. Các thể chế quốc tế gồm UNESCO và IUCN phải được tham vấn để đảm bảo QHPTDLBV đáp ứng các tiêu chuẩn này.

Phương pháp tiếp cận trong quá trình xây dựng QHPTDLBV được dẫn dắt bởi định hướng phát triển bền vững nhắm hướng đến sự hòa hợp toàn diện giữa môi trường của VQG với cộng đồng dân cư và những động thái về xã hội - kinh tế - môi trường của họ như một thể thống nhất trong đó du lịch là một tác nhân tích cực thúc đẩy sự thay đổi và là bộ phận không thể tách rời của hệ thống. Quá trình hình thành QHPTDLBV là quá trình tham gia tích cực của các bên liên quan kể cả cộng đồng địa phương thông qua hội thảo, khảo sát và tham vấn. Hoạt động đầu vào này không chỉ cần thiết để đảm bảo rằng QHPTDLBV sẽ là một văn kiện phù hợp mang tính đại diện cao, mà còn khẳng định rằng việc thực hiện QHPTDLBV sẽ phụ thuộc vào sự ủng hộ và tham gia mạnh mẽ của các bên liên quan. QHPTDLBV được thiết kế có khả năng thích ứng theo hướng các lựa chọn được trình bày không phải cố định mà có tính linh hoạt phù hợp với ưu tiên và nhu cầu phát sinh của VQG và các cộng đồng địa phương.

Cách tiếp cận có sự tham gia của QHPTDLBV được định nghĩa như sau:

Các bên tham gia liên quan ở mọi cấp độ đều được lắng nghe ý kiến và tham vấn thông qua các cuộc họp và hội thảo. Nhóm tư vấn cố gắng mời không chỉ thành viên của UBND tỉnh, mà còn các bên tham gia liên quan và đại diện các cộng đồng tham dự các cuộc họp, hội nghị và hội thảo. Quan điểm, quy trình, hoạt động và quy hoạch được hình thành từ đó và sau đó chuyển cho UBND tỉnh phê duyệt và có quyết định sau cùng.

Cách tiếp cận có sự tham gia tập trung tăng cường và xây dựng năng lực địa phương về lập kế hoạch, xây dựng và quản lý du lịch bền vững và các yếu tố kèm theo. Nhóm hỗ trợ của dự án đã được thành lập và các chuyên gia tư vấn cũng tham gia tích cực cùng các thành viên của Nhóm hỗ trợ và các đối tác địa phương liên quan, đồng thời tiến hành tối đa các hoạt động tư vấn không chính thức và xây dựng năng lực. Các thành viên của Nhóm hỗ trợ được mời tham dự những chuyến đi thực tế và các cuộc họp tham vấn cộng đồng cùng với chuyên gia tư vấn. Ngoài ra, các buổi họp lập kế hoạch với Nhóm hỗ trợ cũng đã được tổ chức.

Với quy trình quy hoạch này, QHPTDLBV được thiết kế để cho kết quả đầu ra hữu hình, đưa các vấn đề ưu tiên và cơ hội vào chiến lược triển khai toàn diện sử dụng cách tiếp cận hợp tác thu hút các đối tác phát triển khác, nếu thấy phù hợp về mặt chiến lược.

4. Phương pháp quy hoạch phát triển du lịch bền vững

Phương pháp soạn thảo QHPTDLBV bao gồm bốn giai đoạn chính:

Giai đoạn 1 – Nghiên cứu bối cảnh và tham vấn

- Xem xét hiện trạng ngành du lịch, số liệu và báo cáo liên quan
- Hình thành Nhóm hỗ trợ để chuẩn bị quy hoạch
- Hội thảo Du lịch Quốc tế
- Đi thực địa và bắt đầu quá trình tham vấn

Giai đoạn 2 – Phân tích, xây dựng quy hoạch và tham vấn

- Phân tích chiều sâu các vấn đề và cơ hội phát triển du lịch
- Rà soát và phân tích bối cảnh của các nội dung quy hoạch:
 - Chính sách du lịch, nguồn lực và quản lý du khách
 - Thông tin du lịch và diễn giải
 - Đào tạo du lịch, xây dựng năng lực và phát triển nguồn nhân lực
 - Phát triển sản phẩm du lịch
 - Tiếp thị và quảng bá du lịch
- Đi thực địa và bắt đầu quy trình tham vấn

Giai đoạn 3 – Chuẩn bị và điều chỉnh dự thảo QHPTDLBV

- Rà soát các phân tích và tham vấn
- Soạn thảo báo cáo quy hoạch
- Sao gửi báo cáo quy hoạch

Giai đoạn 4 – Hoàn thiện và thông qua QHPTDLBV

- Rà soát báo cáo quy hoạch
- Hoàn thiện báo cáo quy hoạch
- Trình bày báo cáo quy hoạch

CHƯƠNG MỘT

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA KHU VỰC VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KẼ BÀNG QUẢNG BÌNH, VIỆT NAM

1. MÔ TẢ KHU VỰC VQG PHONG NHA - KẼ BÀNG

1. Khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Khu vực VQG PNKB nằm phía Tây tỉnh Quảng Bình, cách Hà Nội 500km về phía Nam ở phần hẹp nhất của Việt Nam, giữa Lào và Vịnh Bắc bộ, gồm Vườn quốc gia và Vùng đệm bao phủ 13 xã phụ cận quanh VQG. Tổng diện tích của khu vực VQG PNKB khoảng 343.638 ha.

Đặc trưng địa chất nổi bật của khu vực này là cảnh quan karst bao gồm kiến tạo đá vôi kỳ vĩ và những dòng sông xanh ngắt. Một phần rất đặc biệt của kiến tạo cảnh quan là hệ thống hang động ngầm quy mô rộng lớn đã được phát hiện trong khu vực bao gồm một hệ thống hang động lớn nhất thế giới và một hang động lớn nhất thế giới. Dãy Trường Sơn chạy qua khu vực, là một trong 200 vùng sinh thái quan trọng nhất thế giới, dựa trên tính đa dạng sinh học nổi bật và sự phong phú của các loài đặc hữu. Vùng cảnh quan đá vôi của VQG PNKB cũng tạo thành một phần quan trọng của Vùng sinh thái núi đá vôi ở vùng trung tâm Đông Dương kéo dài từ tỉnh Quảng Bình, Việt Nam đến Khăm Muộn - Lào. Khu vực VQG PNKB cùng với Hin Namno ở Lào tạo nên khu vực bảo tồn sinh cảnh karst lớn nhất ở vùng đất liền Đông Nam Á. Hình 1 mô tả địa giới hành chính của VQG và các xã Vùng đệm thuộc khu vực VQG PNKB.

2. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Mô tả tóm tắt

Khu vực hiện tại của VQG PNKB đã từng được biết đến từ thập niên 1920 khi động Phong Nha lần đầu tiên được phát hiện và du khách bắt đầu đến tham quan khu vực này. Năm 1937, Phòng Du lịch của Khâm sứ Pháp tại Huế đã ấn hành một tập gấp giới thiệu du lịch ở Quảng Bình và động Phong Nha. Trong những năm chiến tranh, những khu rừng và hang động quanh khu vực VQG PNKB nói chung và động Phong Nha nói riêng được sử dụng làm căn cứ kháng chiến và nơi cất giấu vũ khí của quân đội Việt Nam. VQG PNKB và khu vực bao quanh VQG cũng là hành lang quan trọng cho việc vận chuyển hàng hóa và hành quân. Đường mòn Hồ Chí Minh chạy dọc khu vực giáp giới Vườn Quốc gia. Quốc lộ 20 là tuyến đường quan trọng nối với Lào trong thời kỳ chiến tranh chạy ngang qua địa phận của VQG.

Sau thời kỳ chiến tranh, chính quyền địa phương đã tổ chức và tiến hành khảo sát nhằm bảo vệ các khu vực xung quanh PNKB. Năm 1986, Khu rừng cấm Quốc gia được hình thành với diện tích 5.000 ha. Du khách đến tham quan khu vực bắt đầu tăng và nhà khách đầu tiên được xây dựng ở bến phà Xuân Sơn năm 1990 nhằm tổ chức các chuyến du lịch bằng thuyền đầu tiên đi động Phong Nha. Năm 1993, Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Nha⁹ được thành lập với diện tích 41.132 ha. Năm 2001, Chính phủ Việt Nam đã ban hành quyết định nâng cấp Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Nha thành VQG PNKB. Năm 2003,

⁹ Quyết định số 964 QĐ/UB ngày 03/12/1993 của UBND tỉnh Quảng Bình

VQG PNKB đã chính thức được công nhận là một DSTG của UNESCO. Phần mở rộng¹⁰ của Vườn quốc gia được đưa vào năm 2008 với diện tích 31.070 ha thuộc các xã Thượng Hóa và Hóa Sơn (huyện Minh Hoá).

VQG PNKB có tổng diện tích 125.729,6 ha, bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (64.894 ha), phân khu phục hồi sinh thái (17.499 ha), phân khu hành chính và dịch vụ (3.411 ha), khu vực Mở rộng (31.070 ha), rừng đặc dụng (8.364.5 ha), đất chưa có rừng (173.6 ha) và diện tích đất khác (367,5 ha).¹¹ Hiện tại có hai cộng đồng dân tộc thiểu số sống trong vùng lõi của VQG PNKB với 78 hộ và 444 người¹². Người Arem định cư tại bản 39, xã Tân Trạch, xã nằm ven Quốc lộ 20 gần biên giới phía Tây của Vườn quốc gia. Người Vân Kiều sinh sống tại bản Đòòng, xã Tân Trạch, ở biên giới phía Nam của Vườn quốc gia. Bản Đòòng đang trong quá trình di dời.

Tổ chức và quản lý¹³

VQG PNKB có một ban quản lý với một giám đốc và hai phó giám đốc, được tổ chức thành ba đơn vị (Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Cứu hộ, Trung tâm Du lịch văn hóa và Sinh thái, Hạt Kiểm lâm Vườn quốc gia) và hai phòng chuyên môn nghiệp vụ (Hành chính - Tổ chức và Kế hoạch - Tài chính). Có liên quan nhiều nhất đến phát triển du lịch ở VQG PNKB là Trung tâm Du lịch, Văn hóa và Sinh thái. Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm được quy định theo Quyết định số 313/QĐ-VQG ngày 19/05/2004 của Giám đốc Ban quản lý VQG PNKB.

VQG PNKB có tổng cộng 318 cán bộ, công nhân viên chức. Văn phòng VQG PNKB có 20 cán bộ, nhân viên, Hạt Kiểm lâm Vườn quốc gia có 124 cán bộ, nhân viên bảo vệ và quản lý tài nguyên thiên nhiên của VQG PNKB, Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hoá có 147 cán bộ, nhân viên quản lý và phát triển bền vững các giá trị văn hóa và sinh thái đồng thời phát huy giá trị di sản của VQG PNKB. Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Cứu hộ có 27 nhân viên phục vụ hoạt động nghiên cứu, bảo tồn các giá trị khoa học và cứu hộ động vật hoang dã. Hình 2 mô tả cơ cấu tổ chức của VQG PNKB.

¹⁰ Quyết định 1678/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 14/7/2008.

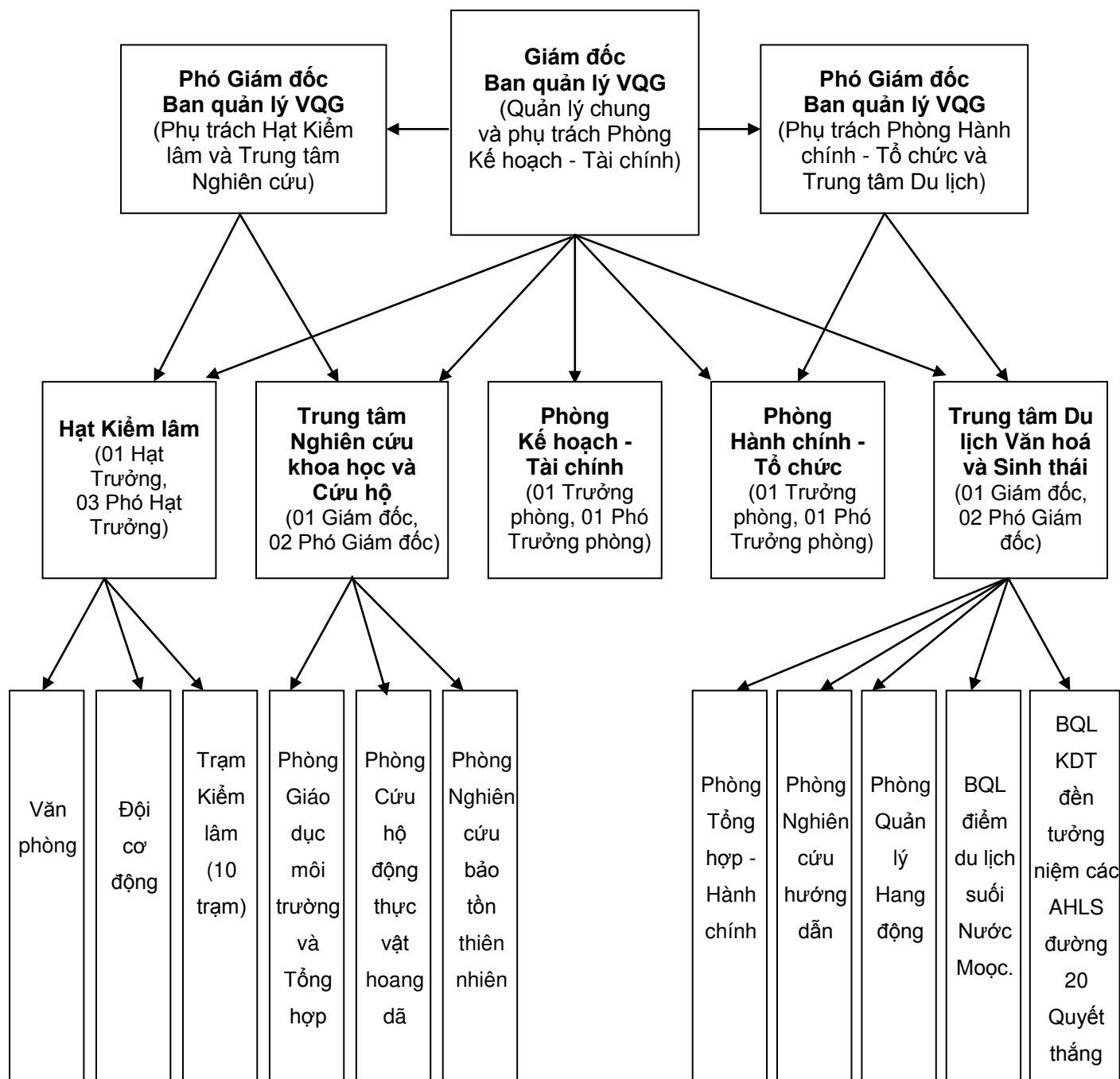
¹¹ Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg ngày 12/12/2001, Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 14/7/2008, Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 26/4/2007 và nguồn từ Niên giám thống kê 2009 của Phòng Thống kê các huyện Bố Trạch, Minh Hoá và Quảng Ninh.

¹² Nguồn từ Niên giám thống kê 2009 của Phòng Thống kê huyện Bố Trạch

¹³ Nguồn do Ban Quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng cung cấp

Hình 2: Cơ cấu tổ chức của VQG PNKB.¹⁴

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY
BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KÊ BÀNG



¹⁴ Nguồn do Ban Quản lý Dự án PNKB cung cấp

3. Vùng đệm¹⁵

Mô tả tóm tắt

Vùng đệm là khu vực tiếp giáp với VQG PNKB và cùng với Vườn quốc gia hình thành Khu vực VQG PNKB. Vùng đệm có tổng diện tích 217.908,44 ha.

Hiện nay, Vùng đệm bao gồm 154 thôn, bản ở 13 xã của ba huyện Bồ Trạch, Minh Hoá và Quảng Ninh với 64.243 dân hay 14.114 hộ gia đình. Đồng bào dân tộc thiểu số sống trong các xã Vùng đệm và Vườn quốc gia chủ yếu thuộc các dân tộc Bru - Vân Kiều (gồm các tộc người Vân Kiều, Khùa, Ma Coong, Trì) và dân tộc Chứt (gồm Sách, Mày, Rục, A Rem, Mã Liềng). Khoảng 22,31% dân số Vùng đệm là dân tộc thiểu số. Bảng 6 cho thấy tỷ lệ phần trăm dân tộc thiểu số tại mỗi xã năm 2009.

Bảng 6: Tỷ lệ dân tộc thiểu số mỗi xã năm 2009

Huyện	Xã	Số hộ	Số dân	Số hộ dân tộc	Số đồng bào dân tộc thiểu số	Tỷ lệ (%) dân tộc thiểu số
Bồ Trạch	Hưng Trạch	2.602	11.071	0	0	0
	Phúc Trạch	2.369	10.713	0	0	0
	Sơn Trạch	2.454	10.571	32	146	1,38
	Tân Trạch	78	444	74	437	98,42
	Thượng Trạch	469	2.464	469	2.464	100,00
	Phú Định	655	2.713	0	0	0
	Xuân Trạch	1.249	5.701	0	0	0
Minh Hóa	Trung Hóa	1.037	5.122	15	94	1,84
	Dân Hóa	669	3.342	651	3.323	99,43
	Trọng Hóa	641	3.463	641	3.463	100,00
	Hóa Sơn	318	1.547	247	1.107	71,56
	Thượng Hóa	654	3.065	172	757	24,70
Quảng Ninh	Trường Sơn	919	4.027	528	2.542	63,12
Tổng số		14.114	64.243	2.829	14.333	22,31

Sử dụng đất

Tài nguyên và việc sử dụng đất trong Vùng đệm chủ yếu là rừng và đất rừng. Đất lâm nghiệp chiếm khoảng 95,54% (328.334 ha) tổng diện tích đất tự nhiên của khu vực VQG PNKB. Theo Quyết định số 857/QĐ - UBND ngày 20 tháng 4 năm 2007 của UBND tỉnh Quảng Bình, đất rừng ở đây được giao cho các xã, các lâm trường, Ban quản lý rừng phòng hộ và VQG PNKB.

¹⁵ Thông tin trích dẫn từ Văn kiện Dự án Hợp tác Việt - Đức "Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam", Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 và thống kê ước tính theo Niên giám thống kê 2009 của Phòng Thống kê các huyện Bồ Trạch, Minh Hoá, Quảng Ninh và Báo cáo Điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội khu vực VQG PNKB do Dự án thực hiện vào tháng 11/2008.

Hiện nay, 125.362 ha đất lâm nghiệp thuộc quyền quản lý của VQG PNKB (chiếm 36,48% tổng diện tích đất tự nhiên của khu vực VQG PNKB), Đất lâm nghiệp Vùng đệm chiếm khoảng 59,06% (202.972 ha) trong đó các Ban quản lý rừng phòng hộ và lâm trường quốc doanh quản lý khoảng 31,65% (108.791 ha) và các xã Vùng đệm quản lý 27,40% (94.181 ha).

Tổng diện tích đất nông nghiệp trong khu vực VQG PNKB khoảng 7.074 ha, tạo ra bất lợi đáng kể cho hệ thống sinh kế địa phương trong Vùng đệm. Đất nông nghiệp bình quân mỗi hộ gia đình là 0,50 ha, từ 0,24 ha ở xã Tân Trạch đến 2,15 ha tại xã Hóa Sơn. Chỉ khoảng một phần tư trong đó (1.255 ha) là đất thủy lợi, điều đó lý giải cho việc năng suất chung vẫn còn thấp. Đất chưa sử dụng (bao gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng và núi đá không có rừng cây) và đất khác lên đến khoảng 8.230 ha. Ngoại trừ một vài cộng đồng thiểu số sống du canh du cư bên trong VQG PNKB cũng như khu vực giáp ranh, đặc biệt là ở các xã Thượng Trạch, Trường Sơn, Minh Hóa, đất nông nghiệp được giao cho hộ gia đình thông qua các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các loại cây trồng chủ yếu ở các xã Vùng đệm là lúa, ngô, lạc, hồ tiêu và sắn.

Hệ thống sinh kế địa phương

Người dân tộc thiểu số trong khu vực sử dụng thường tăng thu nhập chủ yếu từ hoạt động du canh và khai thác tài nguyên rừng ở vùng đồi. Tuy nhiên, nhờ chương trình định canh định cư, hình thức kiếm sống này đã giảm đi so với trước đây và hiện nay chỉ có khoảng 2.000 hộ dân vùng PNKB vẫn kiếm sống theo cách này. Các hộ gia đình thường dựa vào tài nguyên rừng làm nguồn lương thực chính yếu quanh năm và thu nhập kinh tế. Khai thác mật ong rừng, song mây và cọ là ba hoạt động quan trọng nhất tạo ra thu nhập bằng tiền. Các nhóm dân tộc thiểu số thường xuyên nhận được trợ cấp gạo hàng năm từ hợp đồng bảo vệ rừng theo Chương trình 661. Ngược lại, người Kinh ở vùng đồng bằng trong khu vực phát triển nông nghiệp dựa vào sản xuất lúa nước thâm canh kết hợp với chăn nuôi, làm vườn và một loại lâm sản nào đó tùy theo năng lực tưới tiêu của vùng đồng bằng, khả năng tiếp cận vốn và kỹ thuật.

Cả hai hệ thống sinh kế đang chịu áp lực nặng nề do dân số tăng cao, độ màu mỡ của đất đai từ trung bình đến cạn cỗi cũng như hạn chế đất đai dành cho nông nghiệp và lâm nghiệp nói chung, và càng trầm trọng khi Vườn quốc gia hình thành và mở rộng. Kết quả là tỷ lệ nghèo đói khá cao ở một số xã thuộc Vùng đệm như Thượng Trạch (96,88%), Dân Hóa (94,93%), Trọng Hóa (94,25%), và Tân Trạch (91,67%).

4. Khung thể chế của khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

UBND tỉnh Quảng Bình có quyền hạn và trách nhiệm cao nhất trong việc quản lý và giám sát các hoạt động tại khu vực VQG PNKB. Ban quản lý VQG PNKB là đơn vị trực thuộc UBND tỉnh Quảng Bình. Các sở có liên quan nhất trong UBND tỉnh bao gồm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

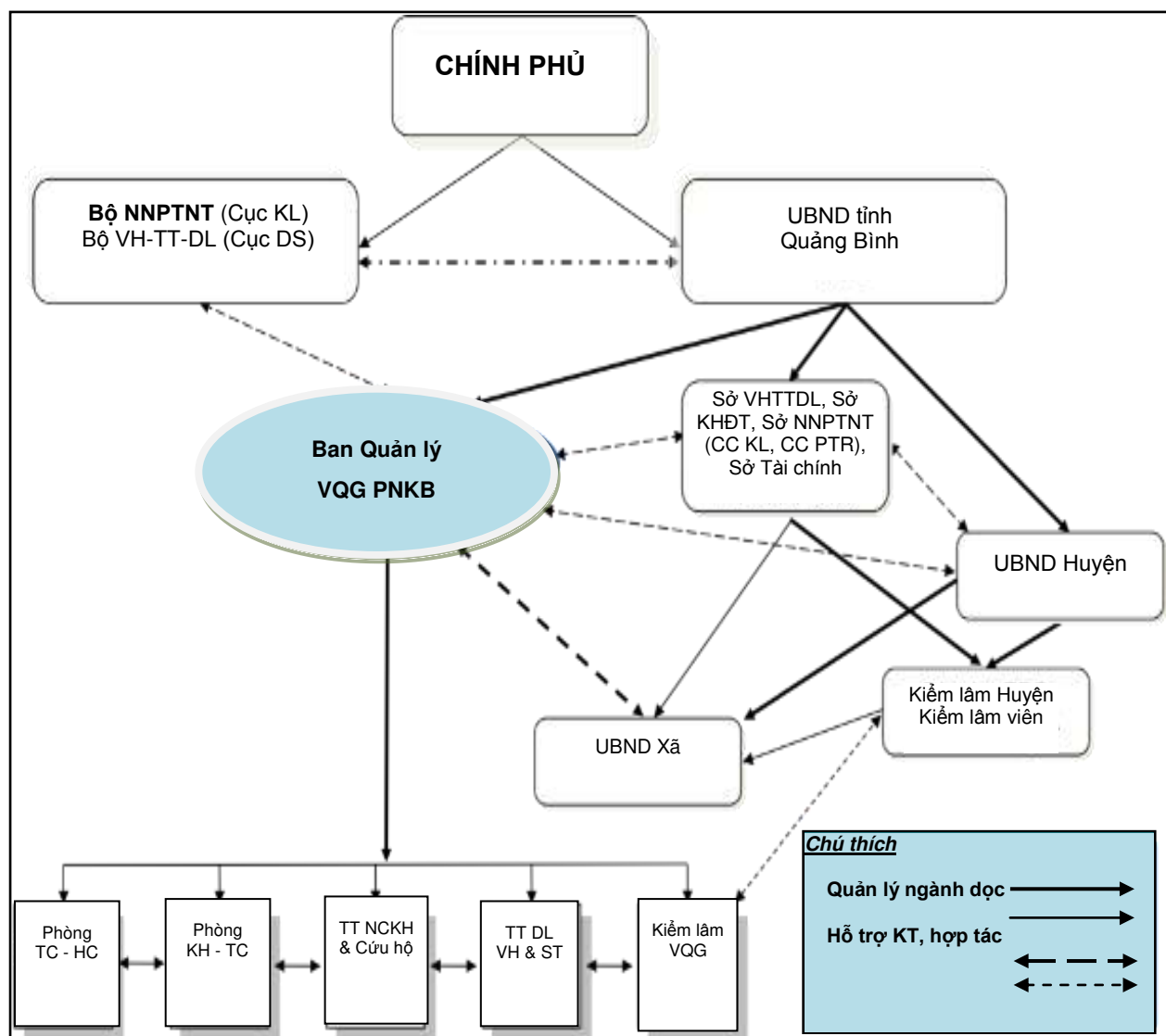
Khung thể chế trong quản lý và giám sát khu vực VQG PNKB được mô tả như sau:

- ▶ Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch có trách nhiệm giám sát các hoạt động liên quan đến bảo tồn và phát triển văn hóa cũng như du lịch ở cả vùng lõi và vùng đệm.
- ▶ Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn đầu tư và thực hiện kế hoạch cơ sở hạ tầng và các hoạt động triển khai ở cấp huyện và cấp xã.
- ▶ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Chi cục Kiểm lâm tỉnh có trách nhiệm theo dõi hoạt động quản lý tài nguyên rừng ở cả vùng lõi và vùng đệm.

- ▶ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giám sát các hoạt động ở vùng núi đá, đá vôi, mỏ và quản lý tài nguyên nước trong Vườn quốc gia.
- ▶ Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giám sát các hoạt động liên quan đến khoa học và công nghệ trong Vườn quốc gia.
- ▶ Hạt Kiểm lâm huyện có trách nhiệm giám sát các hoạt động quản lý rừng ở vùng đệm.
- ▶ UBND huyện và UBND xã có trách nhiệm hợp tác và huy động nhân dân địa phương tham gia bảo vệ rừng ở cả vùng lõi và vùng đệm.
- ▶ Cộng đồng trong vùng lõi và Vùng đệm có thể tham gia giám sát các hoạt động quản lý tài nguyên thiên nhiên trong khu vực của mình.

Hình 3 minh họa khung thể chế của khu vực VQG PNKB

Hình 3: Khung thể chế của khu vực VQG PNKB¹⁶



¹⁶ Trích từ Báo cáo Thể chế Dự án Khu vực VQG PNKB của KFW (2008)

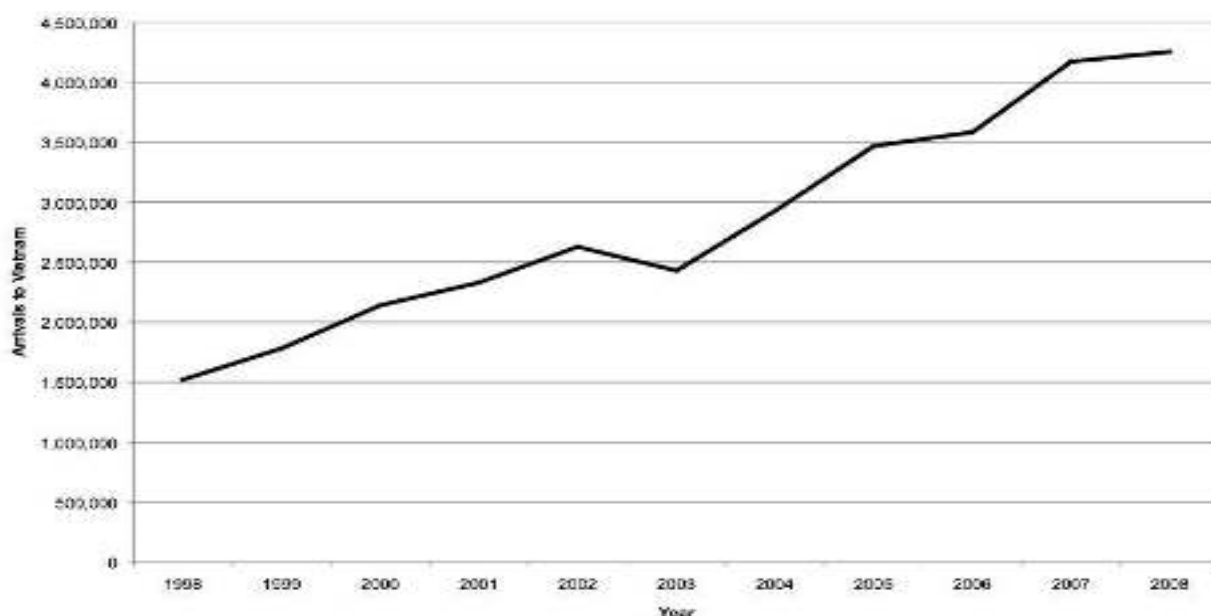
2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH

1. Hiện trạng du lịch ở Việt Nam

2.1.1. Số lượng du khách¹⁷

Việt Nam đang trở thành một điểm đến du lịch toàn cầu với ngành công nghiệp du lịch phát triển và trưởng thành nhanh chóng. Năm 1998, có khoảng 1,5 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam. Kể từ đó, số lượng du khách tăng gần gấp đôi lên đến 4,2 triệu trong năm 2008 (xem hình 4) và Tổng cục Du lịch ước tính năm 2010 sẽ đạt khoảng 4,6 triệu. Trong mười năm qua, tỉ lệ tăng trưởng bình quân lượng khách hàng năm khoảng 18%. Tuy nhiên có dấu hiệu cho thấy tỉ lệ tăng trưởng sút giảm trong những năm gần đây. Tỉ lệ tăng trưởng hàng năm trong năm qua (2007-2008) khoảng hai phần trăm. Cuộc khủng hoảng tài chính cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến lượng du khách quốc tế đến Việt Nam. Lượng khách quốc tế trong năm 2009 đạt 3.772.359 khách, tức thấp hơn 10,9% so với năm 2008.

Hình 4: Lượng khách quốc tế đến Việt Nam



2.1.2. Phân tích thị trường quốc tế¹⁸

Năm 2009, 2.226.440 du khách quốc tế (gần 60% tổng lượng khách) vào Việt Nam với mục đích du lịch, chủ yếu là để khám phá văn hóa và cảnh quan đất nước. Việt Nam đang ngày càng trở nên quen thuộc với khách doanh nhân (783.139 bằng 99,8% so với năm 2008). Khoảng 517.703 du khách quốc tế (13,7% tổng lượng khách) du lịch đến Việt Nam để thăm bạn bè và người thân và 245.077 (6,49%) với mục đích khác. Có thể phần lớn du khách đó là 'Việt Kiều' - người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài. Du khách quốc tế khác đang có xu hướng tăng bao gồm sinh viên sang học ngôn ngữ, văn hóa và lịch sử, thông qua các chương trình giao lưu văn hóa, hoặc chương trình liên kết giữa các trường.

Thị trường Trung Quốc (không kể Đài Loan), chiếm tỉ lệ cao nhất lượng khách đến Việt Nam, với 527.610 du khách, khoảng 14 % tổng số lượng khách. Trung Quốc có mức tăng trưởng kinh tế rất mạnh trong những năm gần đây, vì vậy đi mua sắm và du lịch ngày càng nhiều hơn và miền Bắc Việt Nam trở thành điểm đến được ưa chuộng. Tuy nhiên, thị

¹⁷ Nguồn: Thống kê Du khách của TCDL VN năm 2009

¹⁸ Nguồn: Thống kê Du khách của TCDL VN năm 2009

trường Trung Quốc thường được coi là thị trường du lịch giá rẻ và đại chúng. Mỹ là thị trường lớn thứ hai với 403.930 du khách. Những thị trường quan trọng khác bao gồm Hàn Quốc (362.115 khách), Nhật Bản (359.231 khách) và các nước quốc tế khác như Úc, Pháp, Đức và Canada. Các thị trường khá giả và quan trọng ở châu Á bao gồm Đài Loan (271.643), Malaysia (166.284 khách), Thái Lan (152.633 khách) và Singapore (114.404 khách).

Thời gian lưu trú bình quân của khách quốc tế đến Việt Nam khoảng chín ngày. Hầu hết các tuyến du lịch tổ chức đi khắp đất nước trong vòng 4 đến 7 ngày khám phá các điểm du lịch chính của Việt Nam. Hầu hết du khách Bắc Mỹ và châu Âu có xu hướng ở lại lâu hơn so với các du khách châu Á.

2.1.3. Phân tích thị trường nội địa

Việt Nam có thị trường du lịch nội địa sôi động và phát triển nhanh chóng. Người Việt chính thức có mười hai ngày nghỉ phép hàng năm và chín ngày nghỉ lễ. Việc đi nghỉ phép hàng năm đã trở nên ngày càng phổ biến và ước tính số người Việt Nam đi nghỉ đã tăng từ 11% dân số vào năm 1999 lên 24% vào năm 2004. Yếu tố chính cho sự tăng trưởng du lịch nội địa là thu nhập tăng lên, tầng lớp trung lưu ngày càng nhiều và những thay đổi hành vi xã hội.

Đa số các chuyến đi trong nước có xu hướng ngắn, từ một đến ba ngày, và thời gian cao điểm là trong dịp Tết, ngày lễ và nghỉ hè. Du lịch biển và du lịch lễ hội khá phổ biến đối với người Việt.

Năm 2006, du khách trong nước chiếm 18 triệu lượt và dự kiến 25 triệu lượt vào năm 2010. Người ta ước tính rằng một khách du lịch trong nước chi tiêu từ 30 USD đến 80 USD cho mỗi chuyến đi. Tổng mức chi tiêu trong nước có thể xấp xỉ 1,4 tỉ USD mỗi năm. Về hình thức, đi du lịch đường bộ chiếm tỷ lệ cao nhất đối với du lịch trong nước.

2.1.4. Kinh tế và việc làm¹⁹

Công nghiệp du lịch đem lại nguồn thu đáng kể cho Việt Nam. Ngành du lịch dự kiến sẽ đóng góp trực tiếp khoảng 4 tỷ USD hay 3,8% trong Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2009. Mức đóng góp trong GDP dự kiến sẽ tăng lên gần 8 tỷ USD năm 2019. Nhìn chung nền kinh tế du lịch tại Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng thực tế khoảng 6,5% mỗi năm trong giai đoạn từ 2010 đến 2019.

Xuất khẩu chiếm một phần rất quan trọng trong ngành du lịch tại Việt Nam. Trong toàn bộ xuất khẩu của Việt Nam, ngành công nghiệp du lịch đem lại gần 12% hay 9 tỷ USD. Dự kiến sẽ tăng lên hơn 22 tỷ USD vào năm 2019.

Đầu tư vốn vào du lịch ước đạt 3,5 tỷ USD hoặc 8,3% tổng đầu tư trong năm 2009. Dự kiến sẽ tăng lên khoảng 6 tỷ USD năm 2019. Chi cho hoạt động du lịch của Chính phủ ước tính vào khoảng 89 triệu USD hoặc 1,4% của tổng chi tiêu của chính phủ vào năm 2009.

Lao động gián tiếp trong ngành du lịch ước khoảng 4,8 triệu việc làm trong năm 2009, tức là khoảng 10,4% tổng số việc làm ở Việt Nam, hay cứ 9,6 việc làm thì có 1 việc làm trong ngành du lịch. Dự kiến đến năm 2019, sẽ có trên 5,6 triệu dân có việc làm gián tiếp trong ngành du lịch. Việc làm trực tiếp trong ngành du lịch chiếm hơn 1,3 triệu việc làm, hay 3% tổng số việc làm. Dự báo sẽ có khoảng gần 1,5 triệu việc làm trực tiếp trong ngành du lịch vào năm 2019.

¹⁹ Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới 2009, Tác động về kinh tế của du lịch ở Việt nam.

2.1.5. Sản phẩm du lịch Việt Nam và các vùng du lịch

Sản phẩm du lịch Việt Nam gắn bó mật thiết với di sản văn hóa và thiên nhiên. Phong cảnh thiên nhiên của Việt Nam hữu tình và thường rất độc đáo, với 2 Di sản thiên nhiên thế giới xứng đáng được UNESCO công nhận, đó là Vịnh Hạ Long và VQG PNKB. Việt Nam có phong tục tập quán hết sức phong phú tiêu biểu cho 54 dân tộc thiểu số, và lối sống đa dạng của dân tộc Kinh. Những đặc điểm văn hóa đặc trưng và độc đáo này đã được công nhận bằng 3 Di sản Văn hóa Thế giới bao gồm Quần thể Di tích Cố đô Huế, Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn. Ngoài ra hai Di sản Văn hóa Phi vật thể khác được công nhận đó là Nhã nhạc Cung đình Huế và Văn hóa Cồng chiêng của các dân tộc thiểu số Tây nguyên.

Chiến lược Phát triển Du lịch của Việt Nam đến năm 2010 phân ba Vùng Phát triển Du lịch mang hình thái sản phẩm du lịch tương ứng trên cả nước:

Vùng du lịch Bắc bộ

Vùng du lịch Bắc bộ bao gồm 29 tỉnh từ Hà Giang tiếp giáp Trung Quốc ở phía bắc, đến Hà Tĩnh ở phía nam, và từ cao nguyên Lai Châu ở phía tây ra đến trung tâm du lịch biển Hạ Long ở phía đông. Trung tâm của vùng là thủ đô Hà Nội và đồng bằng sông Hồng có dân cư đông đúc. Vùng du lịch Bắc bộ được chia thành năm phân khu: Đông Bắc, Tây Bắc, ven biển Đông Bắc, Nam Bắc bộ và vùng trung tâm. Du lịch trong vùng này tập trung vào du lịch đô thị và thiên nhiên, kết hợp với du lịch văn hóa dân tộc thiểu số và du lịch sinh thái, với một số khu nghỉ mát bãi biển. Du lịch biển là tương đối hạn chế do mùa đông khá khắc nghiệt.

Trong Vùng du lịch Bắc bộ có ba khu vực trọng điểm phát triển du lịch: (i) Hà Nội và vùng phụ cận, (ii) Vịnh Hạ Long và vùng ven biển lân cận và (iii) vùng núi phía tây ở Sapa. Hà Nội với dân số gần 6.500.000 (sau khi mở rộng vào năm 2008), một thành phố cổ kính và là một trong những thành phố hấp dẫn nhất ở châu Á. Gần Hà Nội là một số khu vực bảo tồn như VQG Cúc Phương, VQG Cát Bà, VQG Bái Tử Long tạo nên tiềm năng phát triển các khu nghỉ dưỡng trên núi và du lịch sinh thái. Những vùng cao đang hấp dẫn đối với cả khách du lịch quốc tế và trong nước, đặc biệt là vào những tháng hè nắng nóng. Ngay trung tâm Vịnh Hạ Long, Di sản Thiên nhiên thế giới của UNESCO, là một khu vực phát triển du lịch biển đảo quan trọng. Các điểm tham quan thiên nhiên và sinh hoạt văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Sapa và khu vực chung quanh đã phát triển du lịch hết sức nhanh chóng trong thời gian gần đây. Tuy vậy, khu vực này vẫn chỉ được xem là đang ở giai đoạn phát triển ban đầu.

Vùng du lịch Bắc Trung Bộ

Kéo dài từ Quảng Bình ở phía bắc đến Quảng Ngãi ở phía nam, đây là vùng tương đối hẹp, bao gồm sáu tỉnh, mỗi tỉnh đều có phong cảnh núi non ở phía tây cho đến cảnh quang đại dương ven biển phía đông. Có hai phân khu: Bắc và Nam. Tiềm năng du lịch ở đây rất cao, nhưng đến nay nhìn chung vẫn còn kém phát triển và chỉ tập trung ở tiểu vùng phía Nam. Du lịch Văn hóa và Thiên nhiên có tiềm năng lớn nhất. Trong khi đó du lịch sinh thái đô thị, và nghỉ dưỡng biển/du lịch biển cũng đều rất có tiềm năng, tuy loại hình này có phần hạn chế trong những tháng mùa đông, nhưng khá hơn so với vùng Bắc bộ.

Các khu vực phát triển du lịch trọng điểm và trung tâm của vùng này tập trung ngay tại hoặc gần các đô thị loại hai Huế và Đà Nẵng. Cụm bờ biển ở đây kết hợp phong phú với các đặc tính tự nhiên và văn hóa, bao gồm cả Di sản Thiên nhiên của UNESCO VQG PNKB và ba trong số năm Di sản Lịch sử của quốc gia được UNESCO công nhận: Cố đô Huế, Khu kiến trúc Chăm ở Mỹ Sơn, và thị trấn thương cảng Hội An. Những khu bảo tồn vùng núi và các khu bảo tồn biển như VQG Bạch Mã là khu dự trữ sinh quyển thế giới, Cù Lao Chàm là miền đất hứa về cả thiên nhiên lẫn phần mong manh nhất của nó, du lịch sinh thái. Rất nhiều bãi biển đẹp dọc theo duyên hải từ Quảng Bình đến Quảng Nam như Nhật

Lệ (Quảng Bình), Cửa Việt (Quảng Trị), Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế), Non Nước (Đà Nẵng), Cửa Đại (Quảng Nam), Mỹ Sơn (Quảng Nam) cho phép xây dựng những khu nghỉ mát bãi biển chất lượng cao.

Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ

Nam Trung bộ và Nam bộ bao gồm 26 tỉnh từ Bình Định và Kon Tum ở phía Bắc đến Kiên Giang và Cà Mau ở tận cùng phía Nam đất nước. Khu vực rộng lớn này có lẽ sở hữu đặc điểm đa dạng nhất của hệ sinh thái trong số ba vùng du lịch của quốc gia. Khu này bao gồm hai phân khu (phân cách bởi ranh giới của các tỉnh Bình Phước/Đồng Nai và Lâm Đồng/Bình Thuận) với bốn tiểu phân khu là Nam Trung bộ/ duyên hải, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Vùng du lịch Nam Trung bộ và Nam bộ có điều kiện hạ tầng du lịch và cơ chế hỗ trợ du lịch khác vượt trội nên tăng trưởng du lịch trong thời gian gần đây hết sức nhanh chóng trong số ba vùng, vì vậy mà du lịch đang trở thành một hoạt động kinh tế chủ yếu. Việc hoàn tất đường xuyên Á sẽ tiếp tục là động lực cho sự phát triển của ngành. Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối phát triển du lịch của phân khu Nam bộ. Thành phố biển Nha Trang là trung tâm của phân khu Nam Trung bộ, tập trung chủ yếu các hoạt động trên biển. Phân khu này có rất nhiều bãi tắm/ sinh cảnh biển, cũng như môi trường núi non kết hợp với văn hóa dân tộc đa dạng.

Thành phố Hồ Chí Minh, bên cạnh là nơi tập trung các điểm mua sắm, giải trí và tụ điểm văn hóa tương đối phát triển, đây còn là đầu mối cho các hoạt động du lịch ở đồng bằng sông Cửu Long và du lịch sông nước, kéo dài ra tận biển và ngược lên Campuchia. Hai khu vực trọng điểm phát triển khác tập trung ở Đà Lạt và Nha Trang. Khu nghỉ mát trên núi hàng đầu và khu phát triển du lịch sinh thái đầy tiềm năng của vùng nằm ngay thành phố của những khu nghỉ mát Đà Lạt và nhiều hồ chung quanh. Tuy nhiên, các khu bảo tồn quan trọng của khu vực cao nguyên này mới đem lại những tiềm năng bổ sung. Về phía tây bờ biển dài có tiềm năng đáng kể cho các bãi tắm/du lịch biển. Đến nay, hoạt động này tập trung vào ba khu vực: Nha Trang, Phan Thiết, và xa hơn về phía nam là Vũng Tàu. Ngoài ra, du lịch nông thôn và du lịch sinh thái rất có tiềm năng nếu được xây dựng một cách cẩn thận, nhờ vào nguồn tài nguyên đồng bằng và ven biển phong phú.

2.1.6. Các luồng du khách

Các luồng du khách vào Việt Nam đã được xác lập và có thể dự báo được, đặc biệt là khách quốc tế. Ước tính có khoảng 45% khách quốc tế nhập cảnh phía Nam thông qua cửa ngõ TP HCM và khoảng 40% nhập cảnh phía Bắc thông qua cửa ngõ Hà Nội. Chỉ có khoảng 15% du khách vào miền Trung Việt Nam.

Hình 5 minh họa các luồng du khách chính đi vào Việt Nam²⁰. Các luồng du khách quốc tế trọng điểm trong phạm vi Việt Nam là từ hai thành phố lớn - Hà Nội là trung tâm để đến các điểm du lịch như Sapa hay Vịnh Hạ Long, trong khi TP.HCM là trung tâm ở phía nam cho các tuyến Nha Trang và Đồng bằng sông Cửu Long. Không có luồng du khách nào được phân định một cách rõ ràng.

Luồng du khách nội địa chủ yếu là theo vùng nhưng thường bắt nguồn từ hai trung tâm đô thị lớn là Hà Nội và TP. HCM.

²⁰ Các luồng khách du lịch chỉ là số liệu tương đối và dựa trên ước tính mà thôi

Hình 5: Luồng du khách vào Việt Nam



Bên cạnh luồng du khách chính còn có một số các tuyến du lịch. Đường bay giữa các thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và TP.HCM hiện khá tốt. Ngày càng có nhiều thành phố tỉnh lỵ quan trọng có đường bay đến. Ví dụ, Đồng Hới có chuyến bay thường xuyên đi Hà Nội và TP.HCM. Điều này làm cho các tỉnh của Việt Nam ngày càng dễ đến và chắc chắn sẽ thay đổi một số luồng du khách giữa các trung tâm lớn.

Tuy nhiên phần lớn các luồng du khách xuyên Việt đi tàu hỏa hoặc đường bộ. Hệ thống đường sắt Việt Nam nối liền các trung tâm lớn kể cả các khu vực tỉnh lỵ nằm trực tiếp dọc trên tuyến. Hệ thống giao thông đường bộ vẫn còn yếu kém, nhưng hệ thống đường Quốc lộ cũng kết nối các thành phố tỉnh lỵ chính và các trung tâm lớn. Quốc lộ 1 kéo dài từ Bắc vào Nam dọc ven biển. Ngoài ra, đường Hồ Chí Minh chạy qua các khu vực nông thôn sâu trong đất liền.

Tỉnh Quảng Bình và khu vực VQG PNKB được kết nối chiến lược với luồng du khách lớn ở Việt Nam, đặc biệt là du khách đi từ Huế ra Hà Nội hoặc ngược lại. Với việc đi lại dễ dàng và ngày càng được biết đến nhiều hơn, tỉnh Quảng Bình và khu vực VQG PNKB ngày càng được kết nối với luồng du khách lớn hiện nay.

2.1.7. **Mối tương quan trong Tiểu vùng Mê-kông mở rộng²¹**

Việt Nam nằm trong Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, bao gồm Thái Lan, Myanmar, Lào, Campuchia, và Trung Quốc. Ngoài ra, Việt Nam có chung đường biên giới với Lào, Campuchia, và Trung Quốc, là cơ sở cho phát triển kinh tế và luồng khách du lịch. Du lịch trong Tiểu vùng sông Mê Kông là khá lớn. Năm 1998, khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng đã đón khoảng 12 triệu du khách kể cả thăm viếng qua lại biên giới. Năm 2008 lượng du khách tăng lên trên 25 triệu du khách và thăm viếng qua lại biên giới. Dự kiến đến năm 2015 sẽ có khoảng 46 đến 52 triệu khách vào Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng.

Ngành du lịch đã được đưa vào là một trong những nội dung trọng điểm của Chương trình Hợp tác Kinh tế Tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng của ADB. Điều đó thể hiện tầm quan trọng của ngành du lịch góp phần phát triển kinh tế xã hội và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hoá. Năm 2005, Chiến lược Du lịch Tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng đã được soạn thảo nhằm hướng dẫn phát triển du lịch bền vững trong khu vực giai đoạn 2006-2015.

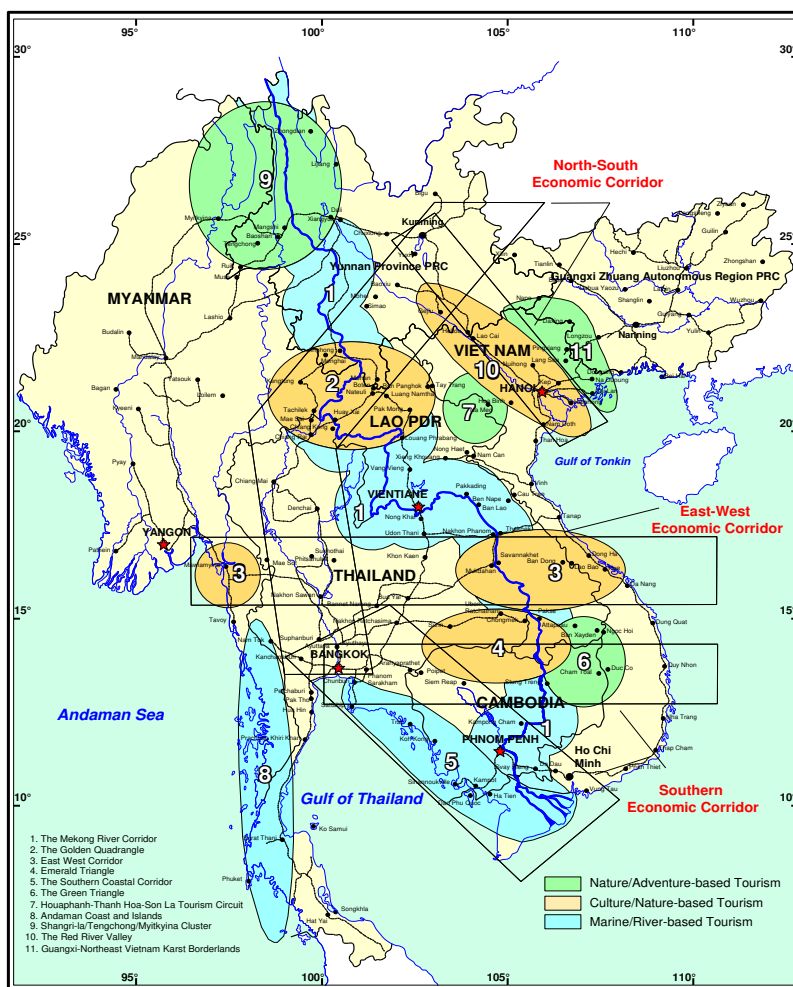
Chiến lược du lịch Tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng được thực hiện thông qua các dự án và chương trình dưới sự điều hành của Văn phòng Điều phối Du lịch Mê-kông (MTCO). Các dự án và chương trình bao gồm các dự án hạ tầng cơ sở cho đến chương trình phát triển nguồn nhân lực.

²¹ Số liệu chính và bản đồ trích từ Chiến lược Du lịch tiểu vùng Mê-kông của PATA và MTCO.

Cách tiếp cận trong quy hoạch Chiến lược du lịch Tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng xác định 13 khu vực ưu tiên du lịch. Hình 6 minh họa khu vực ưu tiên du lịch (Chuỗi các Di sản và các tuyến du lịch bằng thuyền ven biển và trên sông không thể hiện trên bản đồ).

Tỉnh Quảng Bình và Khu vực VQG PNKB nằm trong Hành lang Kinh tế Du lịch Đông Tây. Đây là một hành lang phát triển kinh tế rất quan trọng của Tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng vì nó nối liền ba nước - Thái Lan, Lào và Việt Nam.

Khu vực VQG PNKB còn có cửa khẩu Cha Lo, đây là điểm tiếp nhận luồng khách du lịch trực tiếp đến từ Lào và là cơ hội cho hoạt động thương mại qua biên giới thông qua Hành lang kinh tế du lịch Đông Tây.



Hình 6: Khu vực ưu tiên du lịch

2. Du lịch ở Quảng Bình và VQG PNKB

2.2.1. Số lượng du khách đến Quảng Bình và khu vực VQG PNKB²²

Tỉnh Quảng Bình

Trong thập niên vừa qua, số lượng du khách đến Quảng Bình tăng lên đáng kể từ 135.000 vào năm 1999 lên gần 740.000 vào năm 2009. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng lượng du khách vẫn đều đặn, nhưng có giảm 12% từ năm 2007 đến 2008. Du khách trong nước chiếm đại đa số du khách đến Quảng Bình và chỉ có khoảng 2,37% là khách quốc tế trong năm 2009.

Khu vực VQG PNKB

Tốc độ tăng trưởng du khách đến Quảng Bình đáng kể trong những năm qua. Hoạt động tham quan khu vực VQG PNKB đã tăng lên đáng kể trong mười năm qua, từ khoảng 80.582 du khách năm 1999 lên đến 311.630 du khách trong năm 2009. Cho đến nay lượng

²² Nguồn từ số liệu thống kê do Phòng Nghiệp vụ Du lịch, Sở VH-TT-DL và Trung tâm DLVHST, VQG PNKB cung cấp

khách đạt mức cao nhất với khoảng 331.679 du khách vào năm 2004, năm tiếp sau khi VQG PNKB được đề cử là DSTG.

Người ta ước tính rằng khoảng một nửa khách du lịch đến Quảng Bình đi tham quan VQG PNKB. Và phần lớn khách du lịch đến khu vực VQG PNKB cũng là khách nội địa. Năm 2009, có khoảng 300.015 khách nội địa và 11.615 khách quốc tế tham quan VQG PNKB. Cần lưu ý rằng du khách quốc tế năm 2009 đã tăng gấp gần 9 lần so với năm 2003 với 1.291 khách. Bảng 7 tóm tắt số liệu du khách đến Quảng Bình và khu vực VQG PNKB giai đoạn 2002-2009.

Bảng 7: Số liệu du khách đến Quảng Bình và khu vực VQG PNKB từ 2002 đến 2009

Năm	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng lượng khách đến Quảng Bình	319.437	399.799	615.215	510.194	551.894	593.062	527.959	737.341
Quốc tế	5.377	4.941	6.573	12.228	16.448	23.574	20.144	17.461
Nội địa	314.060	394.858	608.642	497.966	535.446	569.488	507.815	719.880
Du khách đến khu vực VQG PNKB	159.139	197.518	331.679	255.923	257.646	240.493	262.265	311.630
Tỉ lệ trên tổng số du khách đến Quảng Bình	49,8%	49,4%	53,9%	50,2%	46,7%	40,6%	49,7%	42,3%
Quốc tế	1.427	1.291	2.241	4.266	7.158	11.795	11.346	11.615
Tỉ lệ trên tổng số khách quốc tế đến Quảng Bình	26,5%	26,1%	34,1%	34,9%	43,5%	50%	56,3%	66,5%
Nội địa	157.712	196.227	329.438	251.657	250.488	228.698	250.919	300.015
Tỉ lệ trên tổng số khách nội địa đến Quảng Bình	50,2%	49,7%	54,1%	50,5%	46,8%	40,2%	49,4%	41,7%

2.2.2. Phân khúc Thị trường và Du khách

Hiện nay không có thông tin hoặc nghiên cứu chính xác về các phân khúc thị trường đối với tỉnh Quảng Bình hoặc VQG PNKB. Lượng du khách của các thị trường khách trọng điểm (quốc tế và trong nước) đều dựa trên vé bán ra của VQG PNKB hoặc tuyến đi thuyền vào động Phong Nha. Đây được cho là số liệu phản ánh số lượng khách đến VQG PNKB giả định rằng khách đến tham quan khu vực này hầu như chắc chắn tham quan động Phong Nha.

Số liệu du khách chỉ được lập thông qua quan sát trong thời gian đi thực địa, phỏng vấn các bên liên quan, khảo sát nhanh thị trường của các đơn vị lữ hành và ý kiến chuyên gia. Phụ lục 1 mô tả chi tiết mảng du khách đối với mỗi thị trường khách du lịch. Bảng 8 thể hiện tóm tắt phân tích về lượng du khách và ước tính tỷ lệ cho các phân khúc thị trường du khách theo số liệu thống kê năm 2009.

Bảng 8: Tóm tắt ước tính lượng du khách và tỉ lệ đối với các phân khúc thị trường năm 2009

Thị trường khách	Mảng khách	Số khách ước tính	Tỉ lệ ước tính theo từng mảng khách (%)	Tỉ lệ ước tính theo thị trường (%)
Quốc tế	Khách du lịch tự do đi lẻ	4.995	43,0%	
	Khách du lịch ba lô	1.858	16,0%	
	Khách theo tuyến từ Tây Âu	2.149	18,5%	
	Khách theo tuyến trong khu vực	1.045	9,0%	
	Khách chuyên gia	406	3,5%	
	Khách Caravan trong khu vực	348	3,0%	
	Các loại khác	814	7,0%	
	Tổng quốc tế	11.615	100,0%	3,7%
Nội địa	Khách nghỉ dưỡng theo đoàn	223.512	74,5%	
	Khách nghỉ dưỡng riêng lẻ	69.003	23,0%	
	Khách đào tạo/khoa học	3.000	1,0%	
	Thăm bạn bè/thân nhân	3.000	1,0%	
	Khách công tác/kinh doanh	1.500	0,5%	
Tổng nội địa		300.015	100,0%	96,3%
Tổng lượng du khách		311.630		100%

Đối với thị trường quốc tế, khách du lịch tự do đi lẻ (FIT) là mảng khách hàng đầu. Khách du lịch ba lô, khách Tây Âu du lịch theo đoàn và khách trong khu vực du lịch theo đoàn được coi là mảng khách thứ hai. Phân khúc thị trường đang phát triển nhanh là khách chuyên gia, khách du lịch Caravan trong khu vực và khách du lịch khác.

Đối với thị trường trong nước, khách du lịch nghỉ dưỡng đi theo đoàn là phân khúc thị trường đầu tiên. Khách du lịch nghỉ dưỡng riêng lẻ phân đoạn khách thứ hai. Khách đi theo mục đích đào tạo/nghiên cứu khoa học, thăm bạn bè và người thân và khách đi công tác/kinh doanh được xem là những thị trường có tiềm năng phát triển.

2.2.3. Kinh tế du lịch²³

Công nghiệp du lịch là một ngành kinh tế quan trọng và đang phát triển ở Quảng Bình. Từ năm 2003, tổng thu nhập du lịch đã tăng hơn gấp ba lần từ gần 120 tỷ đồng (khoảng 7,69 triệu USD) lên hơn 381 tỷ đồng (khoảng 21,79 triệu USD). Theo ước tính, trong năm 2009 mỗi khách chi tiêu khoảng 517.200 đồng mỗi lần đến Quảng Bình.

Nói chung, không có số liệu toàn diện hoặc đáng tin cậy về kinh tế du lịch khu vực VQG PNKB. Số liệu từ VQG PNKB cho thấy rằng Vườn quốc gia có tổng thu từ du lịch vào khoảng 12,24 tỷ đồng (khoảng 699.428 USD), hơn gấp đôi nguồn thu năm 2003. Điều đó có nghĩa rằng VQG PNKB thu được khoảng 39.300 đồng từ mỗi khách đến tham quan Vườn quốc gia năm 2009. Chưa có số liệu chi tiết về tác động kinh tế trực tiếp của du lịch đối với cộng đồng địa phương. Ước tính doanh thu du lịch của các chủ thuyền khoảng 6,23 tỷ đồng (bình quân 10 người/chuyến, 200.000 đồng/chuyến).

²³ Các số liệu kinh tế được làm tròn và chủ yếu chỉ có tính chất tham khảo. Hiện tại, chưa có mô hình đủ mạnh để cho những số liệu chính xác. Số liệu kinh tế của tỉnh Quảng Bình do Phòng nghiệp vụ Du lịch, Sở VHTTDL cung cấp và số liệu nguồn thu du lịch tại VQG là do Trung tâm DLVHST, VQG PNKB cung cấp.

Những nguồn thu du lịch khác là từ lĩnh vực nhà hàng, khách sạn và bán hàng lưu niệm và chụp ảnh. Theo ước tính có khoảng 24.836 khách nghỉ qua đêm tại khu vực này hay 16.557 lượt phòng (tính theo mức 1,5 người một lượt phòng). Với mức giá phòng bình quân 150.000 đồng/đêm, các khách sạn đã thu được 2,48 tỉ đồng. Tính sơ bộ, ăn ở nhà hàng chi phí khoảng 30.000 đồng/người và hàng lưu niệm, chụp ảnh đem lại nguồn thu khoảng 9,36 tỉ đồng.

Tổng cộng, ngành du lịch ở đây tối thiểu cũng thu được khoảng 30,31 tỉ đồng tức là khoảng 1.732.000 USD. Như vậy tương đương với tỉ lệ khoảng 97.300 VND (5,56 US\$) mỗi đầu người.

Bảng 9 mô tả các số liệu kinh tế chủ yếu về du lịch ở Quảng Bình và VQG PNKB.

Bảng 10 nêu tóm tắt nguồn thu ở khu vực VQG PNKB trong năm 2009.

Bảng 9: Các số liệu kinh tế cơ bản của Du lịch Quảng Bình và VQG PNKB

Năm	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng doanh thu du lịch của Quảng Bình (tỉ đồng)	119,90	196,90	163,30	230,00	283,43	288,43	381,35
Tổng doanh thu du lịch của Quảng Bình (triệu USD)	7,69	12,54	10,34	14,38	17,71	16,97	21,79
Doanh thu từ mỗi du khách đến Quảng Bình (đồng)	299.900	320.000	320.000	416.700	477.900	546.300	517.200
Tổng doanh thu bán vé tham quan VQG PNKB (tỉ đồng)	4,85	8,53	7,21	9,86	9,41	10,46	12,24
Tổng doanh thu bán vé tham quan VQG PNKB (USD)	310.897	543.312	456.329	616.240	588.750	615.294	699.428
Doanh thu bán vé từ mỗi du khách đến VQG PNKB (đồng)	24.600	25.700	28.200	38.300	39.200	39.900	39.300

Ghi chú: Ước tính tỷ giá hối đoái USD 15.600 15.700 15.800 16.000 16.000 17.000 17.500

Bảng 10: Tóm tắt ước tính nguồn thu du lịch ở khu vực VQG PNKB năm 2009

Nguồn thu	2009 (tỉ VND)	2009 (US\$)
Tổng nguồn thu từ bán vé tham quan khu vực VQG PNKB	12,24	699.428
Thu từ thuyền tham quan động Phong Nha	6,23	356.000
Thu từ khách sạn	2,48	141.714
Thu từ nhà hàng và bán đồ lưu niệm, chụp ảnh	9,36	534.857
Tổng	30,31	1.732.000
Tổng theo đầu người	97.300	5,56

2.2.4. Tính thời vụ về du khách của khu vực VQG PNKB²⁴

Du lịch ở khu vực VQG PNKB mang tính thời vụ. Khoảng 75% khách du lịch đến khu vực VQG PNKB trong khoảng từ tháng Tư đến tháng Tám. Lượng du khách của thị trường nội

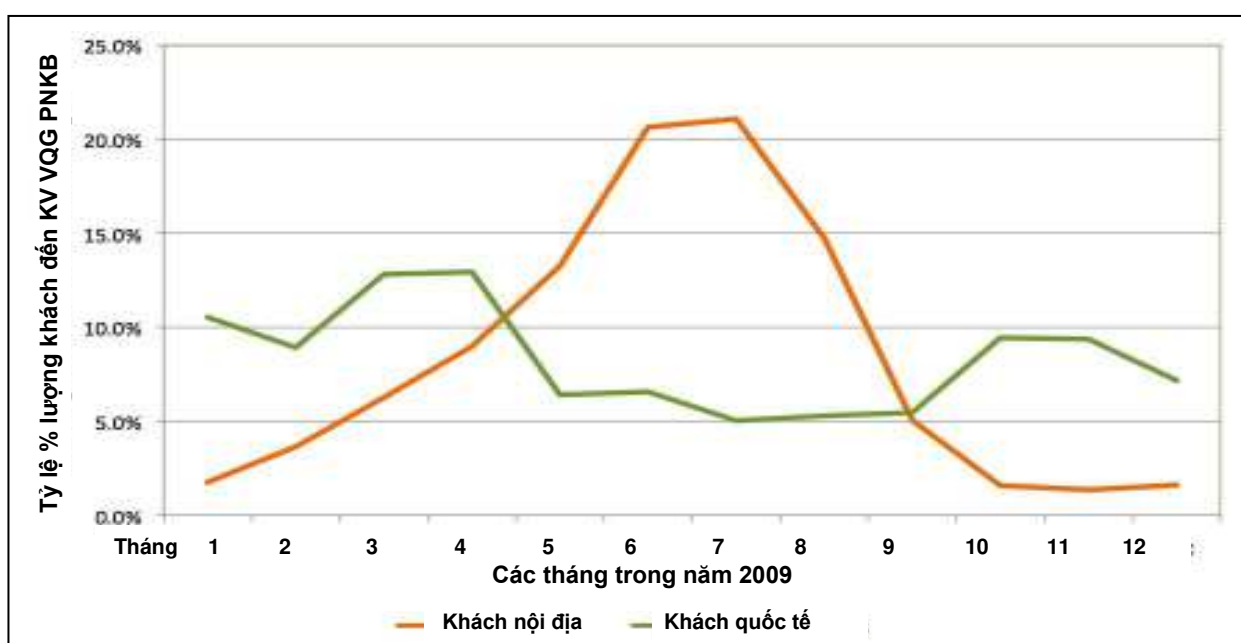
²⁴ Biểu đồ về tính thời vụ dựa trên doanh thu bán vé tham quan động Phong Nha của VQG PNKB

địa hoàn toàn theo mùa. Đối với người Việt Nam, thời gian nghỉ hè chính là từ tháng Sáu đến tháng Tám. Các ngày lễ khác bao gồm Tết (mặc dù không có liên quan đến khu vực VQG PNKB), ngày Giải phóng hoàn toàn Miền Nam (30/4), Ngày Quốc tế Lao động (01/5) và Quốc khánh (02/9). Gần đây, các kỳ nghỉ năm mới âm lịch cũng đã trở nên quan trọng. Cần lưu ý rằng mùa Thu (tháng 9 đến tháng 11) mưa rất nhiều và thường bị ảnh hưởng của bão. Hầu hết du khách nội địa đều tránh đi du lịch đến miền Trung vào thời điểm này trong năm.

Điều thú vị là mùa chính của thị trường quốc tế trái ngược hẳn với thị trường trong nước. Khách quốc tế có xu hướng đi du lịch khu vực VQG PNKB từ tháng Mười đến tháng Tư. Điều này phù hợp với các mùa cao điểm khách quốc tế nói chung, đặc biệt là thị trường Tây Âu du lịch theo đoàn. Tuy nhiên, nhìn chung tính thời vụ của khách quốc tế đến khu vực VQG PNKB là không cao lắm và lượng du khách quốc tế đến thăm khu vực VQG PNKB thấp nhưng đều đặn quanh năm.

Hình 7 minh họa tính thời vụ của du khách đến khu vực VQG PNKB năm 2009.

Hình 7: Tính thời vụ của du khách tham quan khu vực VQG PNKB năm 2009



2.2.5. Thời gian lưu trú

Tỉnh Quảng Bình đang dần đạt được vị thế của một điểm nghỉ dưỡng để du khách dành toàn bộ kỳ nghỉ của họ nơi đây. Tuy nhiên, phần lớn du khách đến Quảng Bình là khách đi theo chương trình du lịch và chọn địa phương này làm một điểm dừng chân trong hành trình của họ. Một số khách dừng lại vì tiện đường (để giải lao trên chặng đường từ Hà Nội đến Huế), số khác dừng lại chỉ để thăm VQG PNKB. Chỉ có rất ít du khách đến Quảng Bình để du lịch biển dài ngày.

Thống kê cho thấy bình quân thời gian khách lưu trú ở Quảng Bình khoảng 1,2 ngày. Tuy nhiên, thực tế có thể thấp hơn một chút. Phần nhiều các luồng khách du lịch qua địa bàn tỉnh chủ yếu xem đây là một điểm ghé qua chứ không phải là một điểm đến.

Thời gian lưu trú trung bình ở khu vực VQG PNKB chưa đầy 0,1 ngày - nghĩa là trong mười khách chỉ có chưa đến một người ở lại một đêm tại đây. Đại đa số khách du lịch đến

khu vực VQG PNKB trong nửa ngày hoặc tham quan nguyên cả ngày, phần lớn nghỉ đêm tại Đồng Hới.

Những lý do chính cho thời gian khách lưu trú tương đối ngắn:

- Thiếu chỗ ở đủ tiêu chuẩn và không đủ công suất, và
- Thiếu hoạt động để thu hút du khách ở lại lâu hơn.

2.2.6. Các luồng du khách ở Quảng Bình và khu vực VQG PNKB

Phần lớn du khách đến Quảng Bình thông qua hệ thống đường Quốc lộ và đường sắt. Quốc lộ 1 đi qua Đồng Hới và Đường Hồ Chí Minh chạy dọc theo VQG PNKB và xuyên qua khu vực VQG PNKB. Đa số khách vào/ra tỉnh qua Quốc lộ 1, chỉ có rất ít du khách sử dụng đường Hồ Chí Minh để vào hay ra khỏi tỉnh. Hơn nữa chỉ có khoảng 1.600 du khách quốc tế đi qua biên giới tại cửa khẩu Cha Lo trong năm 2009. Đối với hệ thống đường sắt, Đồng Hới là chặng dừng thường xuyên trên tuyến tàu Thống nhất nối Hà Nội và TP HCM. Có ít nhất mười chuyến tàu mỗi ngày trên tuyến Bắc và Nam.

Dựa trên các cuộc phỏng vấn với các đơn vị lữ hành tại Việt Nam, người ta nhận định rằng ngày càng nhiều khách du lịch đi từ Nam ra Bắc (Huế đi Hà Nội) qua địa bàn tỉnh. Du khách quốc tế đi cả xe buýt/xe giường nằm và tàu hỏa, trong khi đó khách trong nước có xu hướng đi qua tỉnh Quảng Bình bằng xe buýt/xe giường nằm. Hầu hết các tuyến du lịch trong nước trọn gói đến hoặc đi ngang Quảng Bình bằng xe buýt/xe giường nằm.

Trong vài năm qua Sân bay Đồng Hới đã được nâng cấp đáng kể để đón máy bay phản lực cỡ lớn hơn (A320/A321 hoặc tương đương). Sân bay được thiết kế với công suất 300 hành khách/giờ hoặc 500.000 khách/năm. Hiện nay Hãng Hàng không Việt Nam đang sử dụng máy bay ATR 72 (65 chỗ ngồi) hoặc Fokker 70 (79 chỗ ngồi) ba chuyến mỗi tuần, chặng Hà Nội - Đồng Hới, và TP Hồ Chí Minh - Đồng Hới. Tổng cộng, sáu chuyến bay mỗi tuần sẽ vận chuyển được 474 hành khách mỗi tuần (với máy bay Fokker 70) hay 24.648 hành khách đi và về Đồng Hới mỗi năm.

Các luồng du khách ở Quảng Bình có thể dự đoán được. Dù còn có nhiều điểm thu hút khách du lịch khác trong tỉnh, VQG PNKB vẫn là điểm phổ biến nhất. Do đó luồng du khách chủ yếu đi từ Đồng Hới đến thị trấn Phong Nha rồi trở lại. Động Phong Nha có vẻ là điểm đầu tiên khách du lịch tham quan ở khu vực VQG PNKB. Tại khu vực VQG PNKB, luồng du khách có xu hướng đi từ thị trấn Phong Nha đến Hang Tám Cô. Số liệu thống kê khá tin cậy, nhưng người ta ước tính rằng có thể một phần ba luồng du khách đi bao quanh phân khu Hành chính - Dịch vụ (có thể dừng lại ở tuyến du lịch sinh thái Nước Moọc) qua tuyến Du lịch cộng đồng Chày Lập theo hướng Quốc lộ 15, và sau đó trở về Đồng Hới.

2.2.7. Quản lý, tiếp thị và quảng bá du lịch

Quản lý du lịch

Việc quản lý nhà nước về du lịch Quảng Bình và khu vực VQG PNKB là trách nhiệm của Sở VH-TT-DL thuộc UBND tỉnh. Trung tâm VHDLST của VQG PNKB chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động du lịch ở VQG PNKB dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh. Việc quản lý du lịch ở Vùng đệm được phối hợp thông qua UBND ở các huyện và xã có liên quan dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh.

Mối liên hệ giữa các bên tham gia chính trong lĩnh vực du lịch, UBND tỉnh (Sở VH-TT-DL), VQG PNKB, các xã Vùng đệm và các đơn vị khai thác tư nhân, vẫn còn khá yếu, và hiện

tại không có cơ chế hỗ trợ cho việc lập kế hoạch du lịch và quản lý có tính tổng hợp hoặc có bài bản. Tuy nhiên, gần đây Hiệp hội du lịch Quảng Bình vừa mới được thành lập và có thể củng cố mối quan hệ giữa các bên liên quan.

Xã Sơn Trạch, là trung tâm của khu vực VQG PNKB về du lịch, có một ban quản lý du lịch. Ban quản lý được thành lập nhằm tăng cường nhận thức về du lịch và thúc đẩy du lịch tại xã. Tuy nhiên sự tham gia Ban quản lý hiện nay trong lĩnh vực du lịch là khá yếu và gần đây không có hoạt động gì.

Tiếp thị và quảng bá du lịch

Tiếp thị và quảng bá du lịch cho Quảng Bình là trách nhiệm của Sở VHTTDL trực thuộc UBND tỉnh. Tuy nhiên, hiệu quả tiếp thị và quảng bá hiện tại rất thấp, chủ yếu là do hạn chế về kinh phí và năng lực.

Gần đây, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch được thành lập (theo Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 31/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Bình) chịu trách nhiệm tiếp thị và quảng bá du lịch cho Quảng Bình, kể cả khu vực VQG PNKB. Tuy nhiên cơ chế hỗ trợ đối với Trung tâm này chưa được rõ ràng lắm.

VQG PNKB có một số hoạt động tiếp thị bao gồm các tập gấp quảng bá về điểm du lịch cụ thể do Dự án Khu vực PNKB/ GTZ xây dựng. Các khách sạn lớn tại Đồng Hới có về hoạt động tích cực nhất trong việc quảng bá DSTG PNKB trong các chuyến du lịch đến khu nghỉ mát của họ. Tuy nhiên, việc tiếp thị và quảng bá khu vực thiếu hệ thống và không nhất quán.

Kết quả là hiệu quả về tiếp thị và quảng bá của VQG PNKB tương đối thấp. Nhìn chung, các đơn vị du lịch và lữ hành bán và tổ chức chương trình du lịch, chỗ ở, các tuyến trọn gói và từng phần đến khu vực VQG PNKB dựa trên thông tin thu thập được mà không có bất kỳ hỗ trợ chính thức hoặc từ tỉnh hoặc quốc gia.

Kiến thức của các đơn vị du lịch và lữ hành về khu vực VQG PNKB và các hoạt động du lịch còn yếu và không đủ để chủ động quảng bá và bán sản phẩm cho khách hàng. Hầu hết các đơn vị lữ hành và du lịch không có sẵn các tập giới thiệu hoặc tài liệu quảng bá về khu vực VQG PNKB. Kiến thức chung về VQG PNKB dường như chỉ biết rằng đây là DSTG và biết đôi chút về động Phong Nha.

2.2.8. Cơ sở lưu trú, hạ tầng dịch vụ du lịch và các hoạt động du lịch²⁵

Các cơ sở lưu trú

Dịch vụ lưu trú có lẽ là mảng lớn nhất của ngành du lịch tỉnh Quảng Bình và khu vực VQG PNKB. Hiện tại có tổng cộng 177 cơ sở lưu trú du lịch có đăng ký tại tỉnh Quảng Bình. Những cơ sở này bao gồm hai khách sạn bốn sao, 17 khách sạn từ một đến hai sao và 156 nhà nghỉ các loại. Cộng tất cả có khoảng 2.698 phòng nghỉ.

Phần lớn các cơ sở lưu trú nằm ở Đồng Hới, bao gồm hai khách sạn tiêu chuẩn quốc tế. Cơ sở lưu trú ở khu vực VQG PNKB rất hạn chế, chủ yếu ở thị trấn Phong Nha gần Trung tâm DLVHST, khoảng 20 nhà nghỉ với tổng số 188 phòng và 377 giường. Khu Kinh tế Cửa khẩu Cha Lo có một vài nhà nghỉ và một số thôn cũng có nhà nghỉ. Tuy nhiên những điểm lưu trú này chủ yếu kinh doanh không thường xuyên và dành cho cán bộ nhà nước hơn là cho mục đích du lịch. Hiện đang có một mô hình du lịch cộng đồng ở thôn Chày Lập.

²⁵ Nguồn do Phòng nghiệp vụ Du lịch, Sở VHTTDL và Trung tâm VHDLST, VQG cung cấp

Số liệu thống kê tổng hợp và đáng tin cậy về công suất sử dụng phòng hiện không có. Một số số liệu thống kê chính thức công bố công suất sử dụng phòng hàng năm khoảng 50%, tuy nhiên có thể có những thời điểm trong năm, ví dụ, mùa hè và ngày lễ, các cơ sở lưu trú hoạt động hết công suất.

Các cơ sở và dịch vụ du lịch

Các cơ sở và dịch vụ du lịch như lữ hành, dịch vụ đưa đón và thông tin tour du lịch phần lớn chỉ có ở Đồng Hới và chủ yếu giới hạn ở hai khách sạn tiêu chuẩn quốc tế. Có rất nhiều nhà hàng và quán cà phê xung quanh Đồng Hới, tuy nhiên món ăn Âu cũng chỉ có ở hai khách sạn tiêu chuẩn quốc tế.

Khu vực VQG PNKB có một trung tâm phục vụ du khách nằm ở thị trấn Phong Nha và do VQG PNKB điều hành, tuy nhiên có thể làm tốt hơn nữa để nâng cao chất lượng và số lượng thông tin du lịch và dịch vụ. Trung tâm Thông tin Du lịch là một phần của bến thuyền du lịch, bao gồm hoạt động bán vé và các quầy hàng lưu niệm của cư dân địa phương. Người ta ước tính rằng có khoảng 28 cửa hàng và quầy hàng lưu niệm và 21 nhà hàng và cửa hàng ăn uống chủ yếu phục vụ du khách vào cao điểm mùa hè.

Các hoạt động du lịch

Có khá ít hoạt động du lịch để du khách tham gia tại tỉnh Quảng Bình và khu vực VQG PNKB. Trong khi biển Quảng Bình tạo cơ hội cho du lịch biển, thì lại có rất ít đầu tư. VQG PNKB là điểm thu hút lớn nhất trong tỉnh. Tuy nhiên, các hoạt động du lịch trong khu vực VQG PNKB nói chung chỉ dừng lại ở một chuyến đi thuyền vào động Phong Nha và tham quan một vài điểm quanh Vườn quốc gia và Vùng đệm.

Hiện nay Thôn Chày Lập đang tổ chức các hoạt động và dịch vụ du lịch cộng đồng như đi xe đạp, bơi thuyền và đi bộ đến các thôn khác trong Vùng đệm. Tuyến sinh thái Nước Mọc được mở năm 2008 và du khách có cơ hội đi bộ khoảng 1 km xuyên qua rừng và một số điểm hấp dẫn để nghỉ ngơi và thưởng ngoạn dòng sông. Ngoài tham quan và đi bộ một đoạn ngắn trong VQG PNKB ra không còn hoạt động du lịch nào khác.

Trung tâm VHDLST của VQG PNKB có thể được coi là nhà điều hành hoạt động du lịch lớn nhất của địa phương ở khu vực VQG PNKB. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, các hoạt động tham quan chỉ giới hạn trong việc hướng dẫn đi thuyền đến động Phong Nha. Người dân địa phương điều hành thuyền tham quan một cách độc lập.

2.2.9. Lao động du lịch và phát triển nguồn nhân lực²⁶

Lao động du lịch

Lao động trực tiếp trong ngành du lịch ở Quảng Bình hiện ước khoảng 2.252. Gần 90% lực lượng lao động đang làm việc trong lĩnh vực lưu trú và nhà hàng. Các lĩnh vực khác bao gồm dịch vụ lữ hành, các vị trí quản lý du lịch nhà nước và hướng dẫn viên du lịch. Phần lớn lao động du lịch làm việc cho hai khách sạn tiêu chuẩn quốc tế tại Đồng Hới.

Trong khu vực VQG PNKB thì VQG được coi là đơn vị sử dụng lao động du lịch lớn nhất. Trung tâm VHDLST của VQG PNKB sử dụng 147 lao động, trong đó có 3 cán bộ quản lý, 19 nhân viên hành chính, 50 hướng dẫn viên du lịch động Phong Nha và 75 nhân viên kỹ thuật và bảo vệ bao gồm quản lý hàng động, điều thuyền bán vé. Nhiều hướng dẫn viên có bằng đại học và nói chung là được tuyển từ Đồng Hới, và các địa phương khác. Tất cả các hướng dẫn cần phải có chứng chỉ hướng dẫn du lịch quốc gia.

²⁶ Nguồn do Phòng nghiệp vụ Du lịch, Sở VHTTDL và Trung tâm VHDLST, VQG cung cấp

Ngành du lịch cũng sử dụng một số lượng đáng kể người dân tại chỗ hoặc khu vực lân cận thị trấn Phong Nha và Sơn Thủy. Xã Sơn Trạch là trung tâm của khu vực VQG PNKB. Người ta ước tính rằng khoảng 1.250 người dân trong xã có việc làm liên quan đến du lịch. Phần lớn những người này chạy thuyền du lịch tham quan động Phong Nha hay thợ chụp hình quanh khu vực Trung tâm Thông tin Du lịch.

Những cơ hội kiếm thu nhập khác thông qua du lịch bao gồm bán hàng lưu niệm, hay cung cấp bò, cá, và rau quả làm thực phẩm phục vụ du lịch. Tỷ lệ đói nghèo trong huyện đã giảm đáng kể, từ 27% năm 2001 xuống 8,5% năm 2005 và giảm bình quân 4-5% mỗi năm. Bình quân thu nhập đầu người hàng năm khoảng 4,5 triệu đồng/tháng. Hiện tại, có khoảng 310 thuyền phục vụ tham quan động Phong Nha. Các thuyền này nói chung do các hộ gia đình địa phương sở hữu và điều hành. Một số gia đình có đến ba thuyền. Do số lượng tàu thuyền như vậy, các gia đình không thể vận hành thuyền toàn bộ thời gian. Trong mùa khách cao điểm, có thể gần như mỗi ngày được một chuyến, tuy nhiên trong mùa thấp điểm, phải từ 7 đến 10 ngày mới có một chuyến. Ước tính có khoảng 650 người đang tham gia bán thời gian vào hoạt động của thuyền tham quan trong thời kỳ cao điểm.

Ngoài ra còn có lao động du lịch tại các khách sạn ở thị trấn Phong Nha, các nhà nghỉ trong khu vực, những nhà hàng được lựa chọn phục vụ cho du khách và cửa hàng ăn và quầy lưu niệm dọc theo lối đi từ động Phong Nha đến động khô.

Ở thời điểm hiện tại, chưa có khảo sát toàn diện về lao động du lịch ở khu vực này. Ước tính khoảng 952 lao động (gần như làm toàn thời gian) làm việc trong lĩnh vực du lịch tại khu vực VQG PNKB. Bảng 11 cung cấp các số liệu ước tính dựa trên quan sát về lao động du lịch.

Bảng 11: Lao động du lịch ở khu vực VQG PNKB

Đơn vị sử dụng	Ước tính số người làm du lịch
➤ VQG PNKB	147 người làm toàn thời gian
➤ Các đơn vị chạy thuyền tham quan động Phong Nha	Lên đến gần 650 người làm bán thời gian hoặc tương đương 310 người làm toàn thời gian
➤ Khách sạn, nhà hàng ở khu vực VQG PNKB	Lên đến 150 người làm toàn thời gian
➤ Bán hàng ăn, quà lưu niệm	Lên đến 250 người làm bán thời gian hoặc tương đương 120 người làm toàn thời gian
➤ Dịch vụ chụp ảnh	Lên đến 350 người làm bán thời gian hoặc tương đương 175 người làm toàn thời gian
➤ Các nguồn thu nhập từ du lịch khác (chuỗi giá trị)	Tối thiểu là 350 người làm bán thời gian hoặc tương đương 200 người làm toàn thời gian
Tổng	Tương đương 952 người làm toàn thời gian

Phát triển nhân lực

Trong những năm gần đây, các khách sạn lớn tại Đồng Hới và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực thuộc UBND tỉnh đã tích cực tổ chức các khóa đào tạo để tăng cường phát triển nguồn nhân lực du lịch. Hơn 700 nhân viên trong lĩnh vực lễ tân đã tham gia các khóa đào tạo về ngành nghề chuyên môn. Tuy nhiên, hoạt động đào tạo này chủ yếu tập trung vào lĩnh vực lễ tân ở Đồng Hới, và khu vực VQG PNKB rất ít được quan tâm về hoạt động đào tạo du lịch.

Nhiều cán bộ cấp tỉnh và cán bộ cấp quản lý VQG PNKB không được đào tạo chính Quy về quản lý du lịch. Các cán bộ thường có xu hướng thiếu hiểu biết về chính sách và quy hoạch du lịch, phát triển sản phẩm du lịch, tiếp thị du lịch, chất lượng và tiêu chuẩn phát triển du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch và nghiên cứu, thống kê về du lịch. Việc đào tạo về quản lý du lịch cho cán bộ là một nhu cầu rất quan trọng.

VQG PNKB khuyến khích phát triển nguồn nhân lực và đào tạo nghiệp vụ diễn giải cho nhân viên hướng dẫn. Tuy nhiên kiến thức kỹ thuật về địa chất cảnh quan, hang động và di sản văn hoá của khu vực còn yếu. Trong khi nhiều nhân viên hướng dẫn có bằng đại học, trình độ tiếng Anh của các nhân viên VQG PNKB vẫn còn rất thấp và chỉ có một số rất ít hướng dẫn nói được tiếng Anh. Với tốc độ phát triển du lịch nhanh chóng ở VQG PNKB và nhu cầu của du khách tham quan Vườn quốc gia, thì các chương trình đào tạo du lịch về quản lý tuyến du lịch, du khách và động vật hoang dã là hết sức cấp thiết.

Những người lái thuyền và cư dân địa phương khác làm việc trong lĩnh vực dịch vụ du lịch thường ít được đào tạo và ít kinh nghiệm đối với du khách, đặc biệt là khách quốc tế. Nhu cầu đào tạo ngôn ngữ và các khóa tập huấn nhận thức về du lịch rõ ràng là cần thiết, có như vậy người dân địa phương mới hiểu biết tốt hơn về du khách và những ảnh hưởng của phát triển du lịch trong khu vực VQG PNKB.

2.2.10. Cơ sở hạ tầng chủ yếu phục vụ du lịch²⁷

Trong giai đoạn từ 2001 - 2010, Chính phủ Việt Nam đầu tư vào tỉnh Quảng Bình trên dưới 1, 500 tỷ đồng cho việc phát triển giao thông, cấp điện, hệ thống nước. Các dự án đầu tư được thực hiện thông qua các chương trình phát triển 134 và 135 của chính phủ, Trái phiếu Chính phủ, Chương trình mục tiêu của chính phủ và Vốn đầu tư phát triển du lịch của Chính phủ

Hệ thống giao thông

Mạng lưới đường bộ ở khu vực VQG PNKB bao gồm đường cao tốc HCM – nhánh Đông và nhánh Tây, Quốc lộ 12A và một phần của Tỉnh lộ 10, 15, 20. Các con đường chính đang trong tình trạng tốt và được bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo giao thông đi lại giữa các xã và huyện. Đường giao thông liên xã của huyện và đường liên thôn như ở xã Tân Trạch, Thượng Trạch, Dân Hoá, Trọng Hóa, Thượng Trạch, Tân Trạch và Trường Sơn chưa được trải thảm và đa số cầu cống, đập dâng và đập tràn vẫn còn yếu kém và/hoặc hư hỏng. Các chương trình phát triển cấp tỉnh và huyện hiện tại đang tìm cách cải thiện tình trạng đường sá ở nông thôn vào năm 2015.

Điện

Mạng lưới điện quốc gia đã kéo đến trung tâm của tất cả các xã, ngoại trừ Tân Trạch, Thượng Trạch là những nơi có chương trình năng lượng mặt trời do nhà nước hỗ trợ. Trong phạm vi VQG PNKB, điện chạy bằng máy phát chỉ có ở Phân khu Hành chính và Dịch vụ và một số trạm kiểm lâm tại khu vực gần biên giới.

Tỉnh hiện đang có chủ trương khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng nhà máy thủy điện và cải thiện các máy biến áp, trạm hạ thế và hệ thống lưới điện tại tất cả các xã để đảm bảo đến năm 2015, tất cả các xã, thôn đều có điện cho sản xuất và sinh hoạt.

Nước

Trong thập kỷ vừa qua, nhiều chương trình, dự án quốc gia và của tỉnh đã được triển khai nhằm đáp ứng một phần nhu cầu cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của người dân địa

²⁷ Thông tin lấy từ dự thảo QH PTKTXH của tỉnh Quảng Bình

phương. Hiện nay, có những điểm nước tự Chày tại trên 50% số xã thiếu nguồn nước. Ở các xã còn lại, nguồn nước chính là từ giếng đào, giếng khoan, và sông suối.

Theo QHPTKTXH, tỉnh chủ trương tăng đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước ở các vùng nông thôn để đến năm 2020 đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho 90% đến 95% tổng số dân trong huyện.

2.2.11. Các dự án đầu tư vào du lịch hiện tại

Tăng trưởng du lịch nhanh kèm theo một loạt các dự án phát triển du lịch. Trong bốn năm qua, ước tính có hơn 800 tỷ đồng (khoảng 45 triệu USD) đã được huy động cho đầu tư du lịch, bao gồm khoảng 80 tỷ đồng (khoảng 4,5 triệu USD) từ ngân sách của chính phủ cho phát triển cơ sở hạ tầng trong tỉnh. Chính phủ xem khoản kinh phí này để kính thích các nguồn lực tài chính khác từ ngân sách của tỉnh, các tổ chức quốc tế và khu vực tư nhân tiếp tục đầu tư vào phát triển du lịch trong tỉnh và khu vực VQG PNKB.

Hiện nay, có 25 dự án đăng ký về đầu tư du lịch của tư nhân/phi chính phủ, trong đó có hai dự án đã hoàn thành. Kể từ năm 2003 có 11 dự án xây dựng liên quan đến du lịch từ nguồn chính phủ. Hầu hết các dự án xây dựng tập trung vào khu vực VQG PNKB. Phụ lục 2 liệt kê danh sách các dự án xây dựng liên quan đến du lịch từ nguồn chính phủ và danh mục các dự án đầu tư của khu vực tư nhân/phi chính phủ.

3. Phân tích phát triển du lịch bền vững khu vực VQG PNKB

2.3.1. Điểm mạnh và cơ hội

Bảng 12: Điểm mạnh và cơ hội phát triển du lịch bền vững khu vực VQG PNKB

Điểm mạnh và Cơ hội cho phát triển du lịch bền vững khu vực VQG PNKB

- VQG PNKB được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới.
- Môi trường tương đối chưa bị ảnh hưởng và có phong cảnh đẹp.
- Khu vực có nhiều tài nguyên du lịch - tự nhiên, văn hóa và lịch sử.
- Chính phủ và địa phương ủng hộ việc phát triển du lịch bền vững.
- Đầu tư mạnh từ các nhà tài trợ (GTZ, KfW và ADB) cho khu vực. Phần lớn các nhà tài trợ đầu tư tập trung vào hoạt động bảo tồn trong khu vực, từ sáng kiến đào tạo đến phát triển cơ sở hạ tầng.
- Đi lại tương đối dễ dàng từ các địa bàn trong tỉnh với tỉnh lỵ Đồng Hới. Cơ sở hạ tầng đường bộ đến khu vực và trong khu vực này đầy đủ cho phát triển du lịch.
- Ở vị trí tương đối trung tâm của các luồng khách du lịch chính ở Việt Nam và các tuyến đường du lịch chính như Quốc lộ 1, Quốc lộ Hồ Chí Minh, Hành lang Kinh tế Đông Tây, có đường sắt và sân bay.
- Khu vực hầu như tránh được việc phát triển cơ sở hạ tầng quy mô lớn mà có thể ảnh hưởng đến hoạt động phát triển du lịch, đặc biệt là các giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử và của khu vực.
- Những điểm du lịch đại chúng tập trung ở một vùng của vườn, và đến nay chưa tác động đến những khu vực nhạy cảm của VQG PNKB. Vẫn còn cơ hội cho việc quản lý hiệu quả khách du lịch đại chúng.
- Khu vực này tương đối nhỏ gọn và phát triển du lịch có thể hạn chế ở những khu vực cụ thể trong vùng.

2.3.2. Những khó khăn và đe dọa

Bảng 13: Những khó khăn và đe dọa đối với phát triển du lịch bền vững ở VQG PNKB

Những khó khăn và đe dọa đối với phát triển du lịch bền vững ở VQG PNKB	
➤	Thiếu hoặc chưa có quy hoạch quản lý du lịch thống nhất và tổng hợp, kể cả quy hoạch ở mọi cấp – cấp tỉnh, cấp vùng, cấp huyện và các điểm du lịch cụ thể.
➤	Thiếu hoặc chưa có các quy định, quy trình và chính sách cho phát triển du lịch và đầu tư.
➤	Thiếu hoặc chưa có các hoạt động tiếp thị, quảng bá du lịch.
➤	Các điểm thu hút khách du lịch chất lượng tương đối thấp và thiếu.
➤	Thiếu hoạt động du lịch có chất lượng.
➤	Thiếu các hoạt động kinh doanh du lịch, đặc biệt là hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các doanh nghiệp có trụ sở ở Quảng Bình. Hầu hết các hoạt động kinh doanh du lịch là tự phát và thiếu quy hoạch dài hạn và điều phối.
➤	Thiếu hoặc chưa đáp ứng điều kiện lưu trú chất lượng theo tiêu chuẩn
➤	Các dịch vụ hỗ trợ du lịch tiêu chuẩn kém như trung tâm thông tin, nhà hàng và các cơ sở vui chơi giải trí
➤	Thời gian lưu trú tương đối ngắn.
➤	Tính thời vụ cao.
➤	Mức độ chi tiêu du lịch tương đối thấp – ít lựa chọn để du khách tiêu tiền .
➤	Nền tảng phân khúc thị trường chủ yếu khá hạn hẹp (Khách nội địa-nghỉ dưỡng theo đoàn = gần 75%), cần đa dạng hơn.
➤	Trình độ phát triển nguồn nhân lực nhìn chung thấp, đặc biệt là trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch.
➤	Thiếu hoặc chưa có sự hỗ trợ để cộng đồng địa phương tham gia vào lĩnh vực du lịch. Việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển du lịch còn hạn chế và du lịch dựa vào cộng đồng còn kém phát triển.
➤	Vấn đề thông tin liên lạc giữa VQG PNKB với các xã và cộng đồng địa phương.
➤	Việc điều phối theo ngành vẫn còn yếu. Trách nhiệm và hợp tác phát triển du lịch giữa các cơ quan quốc gia và cấp tỉnh, cộng đồng và khu vực tư nhân còn thấp và chưa đầy đủ.
➤	Thiếu hoặc chưa có đầu tư của khu vực tư nhân - hoạt động du lịch và cơ sở hạ tầng.
➤	Thủ tục và quá trình cấp giấy phép để vào VQG PNKB tương đối khó khăn.
➤	Thiếu các mặt hàng thủ công có chất lượng cũng như những sản phẩm lưu niệm khác.
➤	Thiếu nhận thức hoặc thiếu quan tâm về phát triển du lịch bền vững.
➤	Nguy cơ của việc phê duyệt phát triển cơ sở hạ tầng quy mô lớn mà không tính đến sự phát triển du lịch, đặc biệt là các giá trị tự nhiên, văn hóa và lịch sử của khu vực.

2.3.3. Các vấn đề quan trọng và các giải pháp để phát triển du lịch bền vững

Bảng 14: Các vấn đề quan trọng và các giải pháp để phát triển du lịch bền vững

Lĩnh vực DL liên quan	Các vấn đề phát triển quan trọng	Các giải pháp
Quy hoạch và quản lý bền vững cho ngành	➤ Thiếu quy hoạch quản lý toàn diện và tổng hợp. ➤ Thiếu hoặc chưa có các quy định, quy trình và chính sách cho phát	➤ Việc xây dựng QHPTDLBV sẽ tạo ra một kế hoạch tổng hợp và phương thức quản lý để phát triển du lịch cho Vùng lõi và Vùng đệm của VQG PNKB.

Lĩnh vực DL liên quan	Các vấn đề phát triển quan trọng	Các giải pháp
du lịch	triển du lịch và đầu tư.	➤ Quy hoạch mang tính hợp tác và tổng hợp hơn cần có trong quá trình thực hiện QHPTKTXH của tỉnh. ➤ Xây dựng các chính sách đảm bảo một phần từ nguồn thu du lịch được dành cho công tác bảo tồn và phát triển cộng đồng
Số lượng du khách và kinh tế du lịch bền vững	➤ Thiếu thông tin về số lượng và luồng du khách. ➤ Thiếu thông tin về thái độ ứng xử và sự hài lòng của du khách. ➤ Thiếu số liệu về kinh tế du lịch và số liệu về tác động kinh tế - xã hội của du lịch. ➤ Các dự báo tăng trưởng du lịch quá tham vọng. ➤ Ngành du lịch chỉ chú trọng vào một vài lĩnh vực.	➤ Thiết lập hệ thống giám sát và tiến hành khảo sát thường xuyên thái độ ứng xử và sự hài lòng của du khách. ➤ Nghiên cứu, thu thập, chia sẻ và phân tích các dữ liệu về du lịch thường xuyên. ➤ Phát triển hệ thống chỉ báo bền vững để đo lường những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của du lịch. ➤ Dự báo tăng trưởng du lịch dựa trên những mục tiêu bền vững, không chạy theo số lượng. ➤ Phân bố đồng đều và phù hợp hơn hoạt động du lịch trong khu vực.
Tiếp thị Du lịch	➤ Thiếu hoặc chưa có các hoạt động tiếp thị và quảng bá du lịch. ➤ Thiếu sự quảng bá đồng bộ điểm đến VQG PNKB .	➤ Xây dựng chiến lược tiếp thị điểm đến và một kế hoạch hành động. ➤ Phối hợp các hoạt động tiếp thị và quảng bá, đặc biệt sự hợp tác giữa tư nhân và nhà nước ➤ Phân công trách nhiệm trong các hoạt động tiếp thị và quảng bá. ➤ Thực hiện các hoạt động tiếp thị và quảng bá
Phát triển sản phẩm du lịch	➤ Các điểm thu hút khách du lịch chất lượng tương đối thấp và thiếu. ➤ Thiếu hoạt động du lịch có chất lượng. ➤ Nhìn chung các sản phẩm du lịch kém đa dạng. ➤ Thường không dựa trên chuỗi thông tin thị trường. ➤ Chưa có hoặc thiếu sự tham gia và gắn kết của cộng đồng địa phương. ➤ Chưa có hoặc thiếu sự đầu tư của khu vực tư nhân. ➤ Các sản phẩm hiện tại của khu vực vẫn chưa đặc trưng và độc đáo. ➤ Thiếu chiến lược phát triển sản phẩm toàn diện.	➤ Chuẩn bị đánh giá các điểm tham quan du lịch và đánh giá tính khả thi của việc phát triển hoạt động du lịch và các điểm thu hút du khách. ➤ Chuẩn bị một chiến lược phát triển sản phẩm du lịch. ➤ Chú trọng phát triển sản phẩm du lịch dựa trên mục tiêu về chất lượng chứ không phải số lượng. ➤ Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch hiện có tùy theo thị trường khách du lịch. ➤ Thu hút cộng đồng địa phương phát triển các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng. ➤ Thu hút khu vực tư nhân đầu tư và phát triển các hoạt động và các điểm thu hút du khách. ➤ Tăng cường nhận thức về phát triển sản phẩm du lịch của các cấp chính quyền và thiết lập các quy định và chính sách để giám sát các hoạt động du lịch và các điểm du lịch.

Lĩnh vực DL liên quan	Các vấn đề phát triển quan trọng	Các giải pháp
Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Du lịch	➤ Kỹ năng còn yếu về các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể ở tất cả các bên liên quan chính: khu vực tư nhân và nhà nước, VQG và cộng đồng địa phương.	➤ Đánh giá nhu cầu đào tạo chuyên ngành cụ thể về du lịch. ➤ Thực hiện các chương trình đào tạo về du lịch.
Di sản Văn hóa, Tự nhiên, Lịch sử và ý nghĩa	➤ Thiếu một kế hoạch quản lý toàn diện cho VQG PNKB bao gồm đánh giá quy hoạch các điểm tham quan cụ thể. ➤ Không có báo cáo định kỳ để khẳng định điểm DSTG của UNESCO.	➤ Thực hiện QH PTDLBV ➤ Triển khai mẫu báo cáo (một phần của kế hoạch giám sát).
Thông tin Du lịch và diễn giải	➤ Thông tin du lịch và diễn giải về di sản thiên nhiên, lịch sử và văn hóa còn yếu hoặc thiếu về giá trị di sản và bảo tồn.	➤ Soạn thảo và triển khai một chiến lược toàn diện về thông tin và diễn giải.
Quản lý môi trường	➤ Thiếu tiêu chuẩn để đảm bảo việc quản lý môi trường. ➤ Thiếu nhận thức. ➤ Thiếu một hệ thống quản lý môi trường. ➤ Thiếu biểu mẫu cần thiết để giám sát và đánh giá.	➤ Đánh giá nhu cầu quản lý môi trường cho đầu tư du lịch. ➤ Tăng cường quy định và chính sách liên quan đến đánh giá tác động môi trường trong đầu tư du lịch. ➤ Bất kỳ nhu cầu phát triển du lịch nào góp phần vào mục tiêu bảo tồn khu vực. ➤ Thường xuyên theo dõi và đánh giá quy trình quản lý môi trường. ➤ Tổ chức “Tuần lễ Môi trường” và Hội thảo/hội nghị về “du lịch bền vững” dành cho cộng đồng và các đối tượng liên quan
Phát triển hạ tầng du lịch bền vững	➤ Thiếu một kế hoạch và chiến lược toàn diện về phát triển cơ sở hạ tầng du lịch bền vững. ➤ Phát triển cơ sở hạ tầng còn yếu hoặc thiếu. ➤ Phát triển cơ sở hạ tầng chấp vá.	➤ Xây dựng và triển khai kế hoạch và chiến lược hạ tầng du lịch bền vững ➤ Quy định khu vực cụ thể cho các dự án hạ tầng du lịch. ➤ Tăng cường quy định và chính sách liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng du lịch. ➤ Cung cấp quy trình áp dụng cho phát triển cơ sở hạ tầng.
Sinh kế và giảm nghèo	➤ Thiếu nhận thức và đánh giá đúng về tiềm năng và cơ hội để hỗ trợ giảm nghèo thông qua phát triển du lịch địa phương.	➤ Đưa cộng đồng địa phương vào trong quy hoạch du lịch. ➤ Thu hút cộng đồng để phát triển các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng. ➤ Tạo nhận thức về du lịch trong các cộng đồng liên quan ➤ Xây dựng một cơ chế hỗ trợ các cộng đồng trong phát triển du lịch.

4. Định hướng chiến lược phát triển du lịch bền vững khu vực VQG PNKB

Trên cơ sở thực trạng và vấn đề phát triển du lịch, các giải pháp cũng như bối cảnh chung của khu vực VQG PNKB, những định hướng chiến lược sau đây là cơ sở cho việc xây dựng QH PTDLBV:

- ▶ Bảo tồn các giá trị di sản là vấn đề mấu chốt. Mọi phát triển du lịch trong khu vực phải góp phần vào việc bảo tồn Vườn quốc gia và các giá trị di sản của khu vực.
- ▶ Tạo dựng những trải nghiệm du lịch chất lượng cao bao gồm những điểm tham quan, sản phẩm và dịch vụ chất lượng, chú trọng nâng cao nhận thức và diễn giải về bảo tồn di sản.
- ▶ Phát triển du lịch nhằm tạo ra một sự phân phối cân bằng và bình đẳng hơn về các tác động và cơ hội trong khu vực làm nổi bật các điểm hấp dẫn du lịch và mục tiêu giảm nghèo, cải thiện sinh kế của địa phương là những ưu tiên hàng đầu.
- ▶ Việc quy hoạch và quản lý phát triển du lịch một cách có hiệu quả liên quan đến yếu tố lập kế hoạch đồng bộ và lồng ghép vào nhau, có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan và nghiên cứu thông tin khoa học và thị trường.
- ▶ Phát triển nguồn nhân lực là một vấn đề bao trùm và xuyên suốt làm nền tảng trên mọi phương diện để phát triển và quản lý du lịch thành công trong khu vực.
- ▶ Việc tiếp thị và quảng bá hiệu quả khu vực PNKB dựa trên một kế hoạch chiến lược xây dựng thương hiệu và vị thế để thu hút các phân khúc thị trường cụ thể, góp phần vào việc phát triển du lịch đem lại nguồn thu cao và bền vững trong khu vực.

CHƯƠNG HAI

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG ĐỐI VỚI KHU VỰC VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA KÊ BÀNG

GIẢI ĐOẠN 2010 – 2020

1. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC QUY HOẠCH

1.1. Tầm nhìn quy hoạch

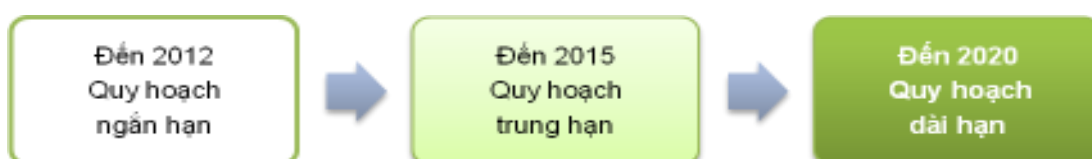
QH PTDLBV khu vực VQG PNKB được xây dựng với tầm nhìn quy hoạch như sau:

“Khu vực VQG PNKB được gìn giữ nhằm đạt được mục tiêu **Bảo tồn những giá trị Di sản** trong khi **Sinh kế** của **Cộng đồng địa phương** được cải thiện và bền vững hơn với sự **Hỗ trợ** của **Phát triển Du lịch Bền vững**.”

Với tầm quan trọng đó, tầm nhìn quy hoạch cần phải súc tích, đầy đủ, mô tả các nội dung chủ yếu phải rõ ràng và chi tiết:



Tầm nhìn quy hoạch được thực hiện theo ba cấp độ:



1.2. Mục tiêu của quy hoạch du lịch bền vững

Các mục tiêu quy hoạch du lịch bền vững thể hiện phương pháp quản lý chiến lược lĩnh vực du lịch trong QH PTDLBV. Bốn mục tiêu quy hoạch du lịch bền vững là:



1.3 Nguyên tắc quy hoạch du lịch bền vững

Dựa vào mục đích Quy hoạch Du lịch bền vững, các mục tiêu quy hoạch sẽ tạo cơ sở định hướng rõ ràng đối với QHPTDLBV.

i. Phát triển Du lịch bền vững cần đảm bảo:

- ▶ Quá trình tái tạo thiên nhiên không mang tính thỏa hiệp
- ▶ Chất lượng và số lượng tổng thể của tài nguyên được duy trì và tôn tạo,
- ▶ Chất lượng và số lượng tổng thể của tài nguyên văn hóa, lịch sử được duy trì và tôn tạo,
- ▶ Sản phẩm du lịch có chất lượng cao tạo mức độ hài lòng cao đối với du khách
- ▶ Sản phẩm và các hoạt động du lịch xây dựng được thẩm định và phê duyệt trên cơ sở xác định được thị trường và năng lực điều hành về mặt tài chính lành mạnh
- ▶ Lợi nhuận của các đơn vị cung cấp dịch vụ phải có sự chia sẻ bình đẳng lợi ích và các chi phí giữa các bên liên quan và các nhóm bị ảnh hưởng

ii. Bảo tồn di sản cần đảm bảo rằng:

- ▶ Tất cả các hình thức phát triển du lịch phải bổ sung, bảo tồn và tôn tạo những giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên của VQG và không được làm giảm hoặc mất đi các giá trị này.
- ▶ Bảo tồn các giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên phải được hỗ trợ thông qua nỗ lực giáo dục, thông tin và tuyên truyền nâng cao nhận thức được các dự án phát triển và đơn vị hoạt động du lịch gắn kết và hỗ trợ.

iii. Phát triển địa phương cần đảm bảo rằng:

- ▶ Tạo cơ hội phát triển các hoạt động du lịch ở cộng đồng địa phương, hỗ trợ thông qua đào tạo có mục tiêu và các quy trình dựa vào cộng đồng đem đến cơ hội cho người dân địa phương, đặc biệt là người nghèo, được tham dự vào lĩnh vực du lịch và nền kinh tế.
- ▶ Tạo cơ hội cho người dân địa phương hưởng lợi từ việc tham gia vào lĩnh vực du lịch trên bình diện lớn hơn, không chỉ các hoạt động dựa vào cộng đồng. Hoạt động này được hỗ trợ thông qua đào tạo theo mục tiêu và những nỗ lực khác để tăng cường việc tiêu thụ hàng hóa và các dịch vụ tại chỗ theo nhu cầu của du lịch diện rộng, kể cả những cơ hội việc làm trực tiếp.
- ▶ Các hoạt động kinh doanh du lịch thương mại phải trực tiếp giải quyết vấn đề việc làm và tham gia hoạt động thương mại của cư dân địa phương.

iv. Quy hoạch và quản lý hiệu quả cần đảm bảo rằng:

- ▶ Những đặc điểm văn hóa và thiên nhiên có tiềm năng phát triển du lịch không chỉ được khai thác nhằm mục đích kinh tế theo cách phá vỡ hoặc làm mất đi giá trị của chúng.
- ▶ Quản lý du lịch bền vững và hiệu quả ở khu vực VQG PNKB phải lồng ghép hiệu quả vào quy hoạch du lịch cấp tỉnh, vùng, quốc gia và phù hợp ở cấp độ toàn cầu.
- ▶ Các quy hoạch và hoạt động du lịch phải được liên kết và lồng ghép với những kế hoạch và hoạt động phát triển kinh tế xã hội và bảo tồn khác để đạt được hiệu quả tối đa, đồng thời tránh trùng lặp không cần thiết và những cách biệt có thể ngăn chặn trong quá trình chuyển giao phát triển.
- ▶ Quy hoạch du lịch tại Khu vực VQG PNKB phải thu hút sự tham gia ý kiến của các bên liên quan và ủng hộ những nỗ lực quy hoạch hợp tác để đảm bảo rằng lợi ích và ý tưởng của tất cả các bên liên quan và các bên chịu ảnh hưởng được lắng nghe và đưa vào quy hoạch, phát triển và quản lý du lịch một cách hiệu quả nhất. Quy trình và thủ tục đối với quy hoạch có tham vấn và quản lý trên tinh thần hợp tác cần được chú trọng.

2. TĂNG TRƯỞNG DU LỊCH TRONG TƯƠNG LAI VÀ NHỮNG GIẢ ĐỊNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHÍNH ĐỐI VỚI KHU VỰC VQG PHONG NHA - KÊ BÀNG

1. Nguyên tắc tăng trưởng du lịch bền vững

Tăng trưởng du lịch tương lai và các giả định phát triển bền vững chính của QHPTDLBV hướng tới mức tăng trưởng khách du lịch vào khu vực VQG PNKB có thể quản lý được và bền vững. Cơ sở đối với mô hình tăng trưởng du lịch trong tương lai và dự báo về du khách dựa trên các nguyên tắc tăng trưởng du lịch bền vững sau đây:

- ▶ Tăng trưởng du lịch mà vẫn bảo tồn các giá trị di sản thiên nhiên, lịch sử và văn hóa của khu vực VQG PNKB và hỗ trợ cho Di sản thế giới VQG PNKB.
- ▶ Tăng trưởng du lịch mà vẫn bảo tồn tính toàn vẹn sinh thái của khu vực VQG PNKB.
- ▶ Tăng trưởng du lịch mà vẫn phát huy những trải nghiệm du lịch chất lượng - nghĩa là đem lại những sản phẩm du lịch và các hoạt động chất lượng cao và với nguồn thu tính trên đầu khách ngày càng cao hơn.
- ▶ Tăng trưởng du lịch góp phần mở rộng địa bàn phát triển phù hợp, để các hoạt động gây nhiều tác động tập trung ở các địa điểm thích hợp nhằm quản lý hiệu quả, đồng thời các hoạt động ít gây tác động đem lại lợi ích cho địa phương sẽ được mở rộng hợp lý trên toàn khu vực.
- ▶ Tăng trưởng du lịch theo từng cách thức riêng phù hợp với thị trường mục tiêu và nhằm tối đa hoá hiệu quả kinh tế (nguồn thu) hơn là số lượng.
- ▶ Tăng trưởng du lịch là điều chỉnh và giám sát từng điểm tham quan cụ thể trên nguyên tắc ngưỡng thay đổi chấp nhận được.
- ▶ Tăng trưởng du lịch sử dụng cơ chế quản lý để kiểm soát lượng du khách ở cấp độ bền vững và không gây phương hại đối với sự đa dạng sinh học và tính toàn vẹn về lịch sử và văn hóa của khu vực VQG PNKB.
- ▶ Phát triển du lịch phải nằm trong khả năng quản lý của UBND tỉnh, VQG PNKB và các đơn vị du lịch liên quan.
- ▶ Phát triển du lịch theo hướng tách bạch về mặt thể chế giữa quản lý và tổ chức hoạt động du lịch ở VQG PNKB để tránh xung đột về mặt lợi ích
- ▶ Phát triển du lịch phải sử dụng các thỏa thuận nhượng quyền giữa VQG PNKB và các đơn vị kinh doanh tư nhân đối với mọi hoạt động của VQG PNKB.
- ▶ Phát triển du lịch phải khuyến khích cộng đồng tham gia và đem lại lợi ích cho cộng đồng trong Vùng đệm của khu vực VQG PNKB.
- ▶ Phát triển du lịch phải giảm thiểu nhu cầu về hạ tầng và phát triển hạ tầng trong VQG PNKB đồng thời củng cố hạ tầng trong Vùng đệm của khu vực VQG PNKB.

2. Dự báo du khách tham quan khu vực VQG PNKB

2.2.1. Ước tính nhu cầu khách

Dự báo khách tham quan được dựa trên giả định tăng trưởng của các phân khúc thị trường du khách cả trong nước và quốc tế. Con số ước đoán căn cứ vào đánh giá của nhóm tư vấn và nên xem đây là chỉ báo và định hướng tăng trưởng trong tương lai. Các ước tính dựa vào tăng trưởng du lịch tuyến tính, có nghĩa là biến động thị trường không được tính đến, ví dụ, sự sụt giảm khách du lịch do khủng hoảng tài chính hoặc lượng khách tăng đột biến nhờ chiến dịch tiếp thị. Phụ lục 3 thể hiện ước tính mức tăng trưởng hàng năm cho mỗi phân khúc thị trường.

2.2.2. Dự báo lượng khách đến Khu vực VQG PNKB, giai đoạn 2009-2020²⁸

Dự báo tổng lượng du khách đến Khu vực VQG PNKB sẽ tăng xấp xỉ 19% từ 2009 (311.630 khách) đến 2012 (370.193 khách). Đến năm 2015, lượng khách sẽ tăng lên 455.076 (tăng 46% so với 2009) và đến năm 2020 lượng khách sẽ tăng hơn gấp đôi đạt mức 645.897 (tăng 107% so với 2009).

Khách trong nước tham quan Khu vực VQG PNKB sẽ tăng khoảng 18% từ 2009 (300.015 khách) đến 2012 (356.246). Đến năm 2015, lượng khách sẽ tăng lên 437.441 (tăng gần 46% so với 2009) và đến năm 2020 lượng khách sẽ tăng hơn gấp đôi lên đến 621.365 (tăng 107% so với 2009). Phân khúc thị trường tăng khá nhất sẽ là khách nghỉ dưỡng đi lẻ. Trong thập kỷ tới, phân khúc thị trường này có thời điểm sẽ tăng đến 15% mỗi năm.

Du khách quốc tế đến Khu vực VQG PNKB sẽ tăng khoảng 20% từ 2009 (11.615 du khách) đến 2012 (13.946). Đến năm 2015, lượng khách sẽ tăng lên khoảng 17.635 (tăng gần 52% so với 2009) và đến năm 2020 lượng khách sẽ tăng hơn gấp đôi lên đến 24.532 (tăng 111% so với 2009). Khách lẻ, khách Tây Âu đi theo đoàn là các phân khúc tăng trưởng chính của thị trường quốc tế. Bảng 15 mô tả dự báo tổng quan lượng khách tham quan đến Khu vực VQG PNKB. Phụ lục 4 thể hiện dự báo lượng du khách theo từng năm đến 2020.

Bảng 15: Dự báo lượng khách của khu vực VQG PNKB, giai đoạn 2009-2020

Thị trường khách	Phân khúc thị trường khách	"2009"	"2012"	"2015"	"2020"
Quốc tế	Khách đi lẻ	4.995	6.055	7.626	10.300
	Khách ba lô	1.858	2.110	2.442	3.000
	Khách Tây Âu đi theo đoàn	2.149	2.605	3.595	5.478
	Khách trong khu vực đi theo đoàn	1.045	1.353	1.834	2.975
	Khách chuyên gia	406	471	545	696
	Khách Caravan trong khu vực	348	410	503	692
	Khách khác	814	941	1.089	1.391
	Tổng khách quốc tế	11.615	13.946	17.635	24.532
Nội địa	Khách nghỉ dưỡng theo đoàn	223.512	258.743	299.527	382.281
	Khách nghỉ dưỡng đi lẻ	69.003	89.338	128.876	229.042
	Khách giáo dục/khoa học	3.000	3.152	3.345	3.694
	Khách thăm bạn bè & thân nhân	3.000	3.309	3.758	4.149
	Khách công tác/kinh doanh	1.500	1.703	1.934	2.199
Tổng khách nội địa		300.015	356.246	437.441	621.365
Tổng lượng khách		311.630	370.193	455.076	645.897

²⁸ Xem Phụ lục 3 về ước tính tăng trưởng phân khúc thị trường du lịch hàng năm và Phụ lục 4 về dự báo lượng du khách hàng năm đến năm 2020.

3. Chiến lược tăng trưởng du lịch bền vững

Trên cơ sở nguyên tắc tăng trưởng du lịch bền vững và dự báo lượng khách hiện tại, những định hướng chiến lược sau đây được xây dựng nhằm điều chỉnh tăng trưởng du lịch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Bảng 16: Chiến lược tăng trưởng du lịch bền vững

Chiến lược tăng trưởng du lịch bền vững
<u>Ngắn hạn:</u> ➢ Cải thiện các điểm du lịch hiện có để đảm bảo tác động bền vững và nâng cao thu nhập/ khả năng tạo nguồn thu ➢ Đa dạng các cơ sở dịch vụ và điểm tham quan đối với các thị trường chính nhằm kéo dài thời gian lưu trú và kích thích chi tiêu tại chỗ ➢ Tiếp thị và quảng bá đến các phân khúc thị trường mục tiêu; trong khu vực và quốc tế ➢ Phát triển nhiều hơn các "sản phẩm du lịch tiên phong" chú trọng đến bảo tồn các giá trị và hấp dẫn đối với các phân khúc thị trường mục tiêu và một số phân khúc của thị trường hiện đang chiếm ưu thế.
<u>Trung hạn:</u> ➢ Nâng cấp các điểm du lịch, dịch vụ và hạ tầng dành cho phân khúc thị trường chính yếu nhằm cải thiện và duy trì lâu dài các tác động bền vững, vừa giúp tăng doanh thu vừa nâng cao khả năng thu nhập của người dân địa phương ➢ Tăng cường sản phẩm dành cho phân khúc thị trường mục tiêu cao cấp ➢ Mở rộng tiếp thị và quảng bá đến các phân khúc thị trường mục tiêu trong khu vực và quốc tế ➢ Tận dụng các hoạt động tiếp thị và quảng bá để khuyến khích phân khúc thị trường chính yếu thử nghiệm các sản phẩm mới nhiều hơn với cam kết bảo tồn mạnh mẽ hơn và nâng cao khả năng thu nhập địa phương
<u>Dài hạn:</u> ➢ Đạt được mức du khách cân đối như mong muốn thông qua ➢ Đáp ứng nhu cầu của các phân khúc thị trường chính yếu bằng những sản phẩm dựa trên nền tảng bảo tồn, tạo doanh thu cao hơn và hỗ trợ cộng đồng địa phương trong việc tăng thu nhập ➢ Thu hút tỉ lệ cao hơn các phân khúc thị trường đem lại doanh thu cao hơn, có lợi cho bảo tồn hơn thông qua hoạt động tiếp thị và phát triển sản phẩm hiệu quả.

4. Những chỉ báo và chỉ tiêu tăng trưởng du lịch chiến lược

QH PTDLBV được đo bằng một số các chỉ báo tăng trưởng du lịch bền vững chính. Các chỉ báo được chia thành chỉ báo định lượng như mức tăng lượng khách, tác động kinh tế, thời gian lưu trú và việc làm, và các chỉ báo định tính liên quan đến việc tích cực triển khai QH PTDLBV bao gồm quản lý và phát triển các hoạt động.

Việc theo dõi của các chỉ báo được kết cấu trong ba giai đoạn quy hoạch: Quy hoạch ngắn hạn - đến 2012, Quy hoạch trung hạn - đến năm 2015, Quy hoạch dài hạn - đến năm 2020. Các chỉ báo được liên kết chặt chẽ với Kế hoạch giám sát và thực hiện QH PTDLBV (Chương Ba). Các chỉ báo được sắp xếp thành chỉ báo định tính và định lượng, và nên được xem là công cụ theo dõi chung về phát triển du lịch bền vững ở khu vực VQG PNKB.

Bảng 17: Những chỉ báo và chỉ tiêu tăng trưởng du lịch chiến lược định lượng²⁹

Chỉ báo	Chỉ tiêu			
	Xuất phát điểm năm 2009	Quy hoạch ngắn hạn đến 2012	Quy hoạch trung hạn đến 2015	Quy hoạch dài hạn đến 2020
Các chỉ tiêu định lượng:				
Tổng số du khách	311.630 (Dựa trên số khách tham quan VQG PNKB)	370.193 (Dự kiến lượng khách)	455.076 (Dự kiến lượng khách)	645.897 (Dự kiến lượng khách)
Khách nội địa	300.015 (Dựa trên số khách tham quan VQG PNKB)	356.246 (Dự kiến lượng khách)	437.441 (Dự kiến lượng khách)	621.365 (Dự kiến lượng khách)
Khách quốc tế	11.615 (Dựa trên số khách tham quan VQG PNKB)	13.946 (Dự kiến lượng khách)	17.635 (Dự kiến lượng khách)	24.532 (Dự kiến lượng khách)
Thời gian lưu trú	0,08 (Ước tính)	0,10 (Chỉ tiêu)	0,12 (Chỉ tiêu)	0,14 (Chỉ tiêu)
Tổng lượt khách nghỉ	24.836 (Ước tính dựa trên thời gian lưu trú và số khách tham quan VQG PNKB)	37.193 (Ước tính dựa trên thời gian lưu trú và số khách tham quan VQG PNKB)	54.609 (Ước tính dựa trên thời gian lưu trú và số khách tham quan VQG PNKB)	90.426 (Ước tính dựa trên thời gian lưu trú và số khách tham quan VQG PNKB)
Tổng chỉ tiêu		Tăng X%	Tăng X% + 1	Tăng X% +2
Chỉ tiêu cho mỗi người	97.300 đồng (Số liệu chỉ báo cơ bản)	121.600 đồng (Tăng X% Chỉ tiêu: tăng 25% từ 2009)	152.000 đồng (Chỉ tiêu: tăng 25% từ 2012) Tăng X% + 1	190.000 đồng (Chỉ tiêu: tăng 25% từ 2015) Tăng X% +2
Tổng thu từ du lịch	30,31 tỉ đồng (Số liệu chỉ báo cơ bản)	45,02 tỉ đồng (Dựa trên tổng số khách và chỉ tiêu mỗi người)	69,17 tỉ đồng (Dựa trên tổng số khách và chỉ tiêu mỗi người)	122,72 tỉ đồng (Dựa trên tổng số khách và chỉ tiêu mỗi người)
Việc làm trực tiếp trong ngành DL	Tương đương 952 người làm toàn thời gian (Ước tính)	Tương đương 1047 người làm toàn thời gian (Chỉ tiêu: tăng 10% từ 2009) Tăng 10% so với ban đầu	Tương đương 1.151 người làm toàn thời gian (Chỉ tiêu: tăng 10% từ 2012) Tăng 20% so với ban đầu	Tương đương 1.266 người làm toàn thời gian (Chỉ tiêu: tăng 10% từ 2015) Tăng 25% so với ban đầu
Việc làm gián tiếp trong ngành DL		Tăng 5% so với ban đầu	Tăng 15% so với ban đầu	Tăng 30% so với ban đầu
Lượng chất thải/ mỗi khách tạo ra		Giảm 10% so với ban đầu	Giảm 15% so với ban đầu	Giảm 20% so với ban đầu

²⁹ Xem Phụ lục 4 về Dự báo lượng khách hàng năm đến năm 2020.

Bảng 18: Những chỉ báo và chỉ tiêu tăng trưởng du lịch chiến lược định tính

Chỉ báo	Chỉ tiêu		
Chỉ báo định tính	Quy hoạch ngắn hạn Đến 2012	Quy hoạch ngắn hạn Đến 2012	Quy hoạch ngắn hạn Đến 2012
Chất lượng của tài nguyên và các giá trị bảo tồn	Tác động tiêu cực đến tài nguyên và các giá trị bảo tồn đã được giải quyết ở tất cả các điểm, cải thiện cụ thể về chất lượng nói chung	Tác động tiêu cực đến tài nguyên và các giá trị bảo tồn đã được giải quyết triệt để và chất lượng của tài nguyên/ giá trị cải thiện rõ ràng	Tài nguyên và các giá trị bảo tồn không còn chịu bất kỳ tác động nào vượt quá khả năng quản lý và nhìn chung thể hiện chất lượng cải thiện rõ rệt
Phát triển các sản phẩm du lịch chính	Các sản phẩm du lịch hiện tại đã có các biện pháp giảm thiểu tác động và tạo ra nguồn thu ngày càng cao.	Các sản phẩm du lịch chính đã giảm thiểu tác động tiêu cực đồng thời tối ưu hóa lợi ích của cộng đồng địa phương nhưng vẫn phát huy đáng kể các giá trị bảo tồn	Các sản phẩm du lịch chính thể hiện mạnh mẽ xu hướng bảo tồn góp phần nâng cao nhận thức của du khách về giá trị bảo tồn
Phát triển các sản phẩm du lịch dựa vào bảo tồn	Ngày càng có nhiều các sản phẩm du lịch dựa vào bảo tồn được đưa vào hoạt động	Việc nhân rộng một cách hợp lý các sản phẩm du lịch dựa vào bảo tồn thu hút lượng du khách như mong muốn và góp phần vào mục tiêu bảo tồn và phát triển	Các sản phẩm du lịch dựa vào bảo tồn được thừa nhận là đặc trưng của PNKB, góp phần vào mục tiêu bảo tồn và phát triển, và đạt được lượng du khách bền vững
Tiếp thị du lịch	Xây dựng PNKB thành thương hiệu mạnh với tư cách là một điểm đến du lịch dựa vào bảo tồn có chất lượng	Thu hút sự quan tâm đến bảo tồn là một yếu tố thúc đẩy du khách trong nước tăng lên. Tăng tỷ lệ các phân khúc thị trường mục tiêu trọng điểm đến tham quan	PNKB được công nhận là một điểm đến tâm cỡ thế giới về du lịch dựa vào bảo tồn
Thông tin và diễn giải du lịch	Hình thành Chiến lược toàn diện về thông tin và diễn giải. Có kế hoạch thông tin và diễn giải cụ thể từng điểm	Cải thiện chất lượng hệ thống quản lý thông tin thể hiện rõ ràng trong quy hoạch và quản lý vườn. Cải thiện chất lượng diễn giải được phản ánh trong trải nghiệm của du khách và mục tiêu bảo tồn	Quy hoạch và quản lý được cải thiện, nhận thức bảo tồn được nâng cao phản ánh trong việc đạt được các mục tiêu bảo tồn, cải thiện sinh kế địa phương và phát triển du lịch.
Kế hoạch quản lý điểm du lịch	Kế hoạch quản lý điểm du lịch được xây dựng cho tất cả các khu du lịch đang hoạt động	Kế hoạch quản lý điểm du lịch được rà soát và hiệu chỉnh khi đề xuất được những cải thiện trong công tác bảo tồn và những lợi ích địa phương	Kế hoạch quản lý điểm du lịch được rà soát và hiệu chỉnh khi đề xuất được những cải thiện trong công tác bảo tồn và những lợi ích địa phương
Sự hài lòng của du khách/doanh nghiệp	Cả du khách và doanh nghiệp nói chung đều hài lòng với sản phẩm và dịch vụ cũng như cách thức tổ chức hoạt động.	Cả du khách và doanh nghiệp nói chung đều hài lòng với sản phẩm và dịch vụ cũng như cách thức tổ chức hoạt động.	Cả du khách và doanh nghiệp nói chung đều hài lòng với sản phẩm và dịch vụ cũng như cách thức tổ chức hoạt động.

3. PHÂN VÙNG KHÔNG GIAN CHỨC NĂNG VÀ DU LỊCH

1. Giới thiệu

Cơ sở và những mục tiêu

Việc phân vùng (định nghĩa: việc ấn định các khu vực địa lý cho mục đích quy hoạch và phát triển cụ thể) là cơ sở quan trọng của quy hoạch du lịch. Mục đích mang tính nguyên tắc của quy hoạch du lịch là đảm bảo phát triển du lịch diễn ra ở một khu vực cụ thể sẽ hỗ trợ cho mục đích và mục tiêu phát triển tổng thể của QH PTDLBV và mục tiêu quản lý của VQG PNKB.

Phân vùng không gian chức năng

Điều 14 của Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg Quy định và mô tả về phân khu chức năng đối với Vườn quốc gia và Khu bảo tồn Thiên nhiên ở Việt Nam và là cơ sở cho việc phân vùng du lịch đảm bảo các hoạt động, các sản phẩm và tham quan du lịch tiến hành ở các điểm có các mục tiêu quản lý thích hợp và năng lực. VQG PNKB được chia thành bốn phân khu quản lý của Vùng lõi (phân khu Hành chính và Dịch vụ, phân khu Phục hồi Sinh thái, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, khu vực Mở rộng) và khu vực Vùng đệm.

Phân vùng du lịch

Các hoạt động, cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch có thể phát triển và quản lý hiệu quả nhất theo phân vùng du lịch cụ thể để bảo đảm các hoạt động du lịch diễn ra ở mức độ bền vững. Như thế sẽ đảm bảo một trải nghiệm du lịch chất lượng cao, khai thác tối đa lợi ích bảo tồn và giảm thiểu tác động tiêu cực. Năm phân khu du lịch cụ thể đã được thiết kế để hỗ trợ phát triển du lịch phù hợp với mục tiêu quản lý của VQG PNKB, mục tiêu phân vùng chức năng và các quy định của Điều 14, Quyết định 186/2006/QĐ-TTg, và Quyết định 104/2007/QĐ-BNN về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn Thiên nhiên.

2. Mô tả các phân khu du lịch

3.2.1. Phân khu Du lịch đại chúng

Bảng 19: Mô tả và mục tiêu quản lý đối với phân khu Du lịch đại chúng

Mô tả	Mục tiêu quản lý cụ thể
➤ Phân khu này bao gồm các điểm tham quan và các khu vực có khả năng thu hút số lượng lớn khách tham quan trên cơ sở ổn định. ➤ Những điểm tham quan này thường đòi hỏi phải đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng như các tuyến đường giao thông và đường đi bộ, khu nghỉ ngơi, các khu vực vệ sinh và giải khát, khu vực bán vé và kiểm soát khách, khu vực mua sắm. ➤ Khách tham quan thường chỉ lưu lại trong một thời gian ngắn, cho nên cần phải có phương tiện đi lại dễ dàng, và thông tin dễ hiểu, rõ ràng.	➤ Quản lý và kiểm soát lưu lượng các điểm phổ biến và nhiều khách tham quan. ➤ Quản lý hiệu quả luồng du khách đại chúng nhằm duy trì trải nghiệm du lịch chất lượng cao. ➤ Đảm bảo rằng tác động từ hoạt động du lịch đại chúng trong khu vực không ảnh hưởng tiêu cực đến các hình thức du lịch khác trong các khu vực còn lại của Vườn và góp phần cải thiện chất lượng sống cho cư dân sống bên trong hoặc gần Vườn Quốc gia. ➤ Đảm bảo rằng các cộng đồng địa phương không chỉ thụ động chấp nhận, mà gắn kết trong phát triển du lịch đại chúng, và lợi ích kinh tế góp phần cải thiện chất lượng sống.

3.2.2. Phân khu Du lịch Thiên nhiên và Di sản

Bảng 20: Mô tả và mục tiêu quản lý phân khu Du lịch Di sản và Thiên nhiên

Mô tả	Mục tiêu quản lý cụ thể
➤ Phân khu này bao gồm các điểm tham quan và các khu vực có khả năng hỗ trợ số lượng du khách vừa phải và ổn định. ➤ Các điểm tham quan và các khu vực này có những giá trị di sản và thiên nhiên hết sức thú vị. ➤ Du khách muốn đi lại dễ dàng và thông tin có chiều sâu hơn. ➤ Cơ sở hạ tầng cho các điểm tham quan này thường khá khiêm tốn, có thể gồm khu vực đỗ xe, các lối đi bộ đơn giản, các khu vực nghỉ ngơi, vệ sinh, giải khát, khu vực bán vé và kiểm soát khách.	➤ Quản lý và hỗ trợ phát triển các điểm và các hoạt động tham quan ở mức độ vừa phải. ➤ Quản lý hiệu quả ở mức độ lưu lượng khách trung bình để duy trì đặc tính tự nhiên và lịch sử của điểm tham quan và các khu vực và đảm bảo trải nghiệm chất lượng cao của du khách. ➤ Đảm bảo những quy định cụ thể và điều cấm tại từng điểm cụ thể được bố trí cho du khách và các đơn vị kinh doanh du lịch. ➤ Đảm bảo rằng các cộng đồng địa phương không chỉ thụ động thỏa hiệp, mà gắn kết trong phát triển du lịch đại chúng, và lợi ích kinh tế góp phần cải thiện chất lượng sống.

3.2.3. Phân khu Du lịch Sinh thái nghiêm ngặt

Bảng 21: Mô tả và mục tiêu quản lý Phân khu Du lịch sinh thái nghiêm ngặt

Mô tả	Mục tiêu quản lý cụ thể
➤ Phân khu này bao gồm các điểm tham quan và các khu vực phù hợp với lượng khách tham quan ít ➤ Những đặc điểm thiên nhiên là điểm thu hút chính đối với du khách đi tìm kiếm những trải nghiệm ở nơi hoang dã, yên tĩnh, chú trọng tìm hiểu và thưởng ngoạn hệ sinh thái của địa phương. ➤ Yêu cầu về cơ sở hạ tầng là tối thiểu và chỉ cần đảm bảo tham quan an toàn và ngăn ngừa việc hủy hoại hệ sinh thái của địa phương.	➤ Quản lý và hỗ trợ sự phát triển của các điểm và các hoạt động du lịch có lượng tham quan thấp - các nhóm nhỏ . ➤ Các hoạt động du lịch cần phải dựa vào môi trường tự nhiên, và hỗ trợ bảo tồn sinh thái của khu vực và các điểm tham quan cũng như đảm bảo duy trì trải nghiệm chất lượng cao cho du khách. ➤ Quản lý hiệu quả lượng khách du lịch ở mức độ thấp và điều chỉnh chặt chẽ số lượng khách tham quan nếu cần thiết. ➤ Đảm bảo những quy định cụ thể và điều cấm tại từng điểm cụ thể được bố trí cho du khách và các đơn vị kinh doanh du lịch. ➤ Đảm bảo rằng các cộng đồng địa phương không chỉ thụ động chấp nhận, mà gắn kết trong phát triển du lịch đại chúng, và lợi ích kinh tế góp phần cải thiện chất lượng sống.

3.2.4. Phân khu Du lịch vì lợi ích cộng đồng

Bảng 22: Mô tả và mục tiêu quản lý của Phân khu Du lịch vì lợi ích cộng đồng

Mô tả	Mục tiêu quản lý cụ thể
➤ Du lịch vì cộng đồng là phát triển du lịch đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. ➤ Hoạt động này diễn ra dưới hai hình thức: ➤ 1. Du lịch dựa vào cộng đồng là du lịch diễn ra ở ở cộng đồng	➤ Quản lý và hỗ trợ phát triển bền vững, các điểm và các hoạt động du lịch đảm bảo quyền lợi sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương

Mô tả	Mục tiêu quản lý cụ thể
và mang đặc tính cộng đồng địa phương ➤ 2. Du lịch đem lại lợi ích cho cộng đồng thông qua các hoạt động kinh tế trong làng hoặc liên kết với ngành du lịch trong khu vực - nhưng không nhất thiết du khách phải ghé thăm làng. ➤ Trường hợp sau là thu hút cộng đồng địa phương bán sản phẩm ăn uống, hàng thủ công, hoặc các hàng hóa khác cho du lịch - các doanh nghiệp hoặc du khách. ➤ Hoạt động này bao gồm các điểm tham quan và khu vực như các làng lân cận và đang có hoạt động du lịch và các điểm tham quan hoặc có tiềm năng mà cộng đồng có thể tham gia. ➤ Các điểm tham quan có lưu lượng khách từ thấp đến trung bình. Tuy nhiên cũng có thể là gần những điểm du lịch đại chúng. Phân khu du lịch vì cộng đồng thường trùng lặp với các phân khu du lịch khác. ➤ Những điểm thu hút khách ở các khu vực này gắn liền với cộng đồng nhưng đồng thời có thể mang những giá trị thiên nhiên và di sản. Du khách muốn đi lại dễ dàng và thông tin có chiều sâu hơn. ➤ Yêu cầu về cơ sở hạ tầng là tối thiểu và chỉ cần đảm bảo tham quan an toàn và ngăn ngừa việc hủy hoại hệ sinh thái của địa phương. ➤ Cơ sở hạ tầng cho các điểm tham quan này thường khá khiêm tốn, có thể gồm khu vực đỗ xe, các lối đi bộ đơn giản, các khu vực nghỉ ngơi, vệ sinh, giải khát, khu vực bán vé và kiểm soát khách.	hiện sống trong khu vực. ➤ Đảm bảo rằng cộng đồng địa phương có cơ hội chủ động tham gia và hưởng lợi từ phát triển du lịch. ➤ Quản lý hiệu quả ở mức độ lưu lượng khách vừa phải để tránh tác động tiêu cực và duy trì đặc tính thiên nhiên và lịch sử của điểm tham quan và khu vực và đảm bảo trải nghiệm chất lượng cao của du khách. ➤ Các dự án phát triển điểm tham quan và các hoạt động du lịch phải được hoạch định và quản lý trong sự hợp tác với các cộng đồng địa phương liên quan. ➤ Đảm bảo những quy định cụ thể và điều cấm tại từng điểm cụ thể được bố trí cho du khách và các đơn vị kinh doanh du lịch.

3.2.5. Khu vực đầu tư hạ tầng du lịch

Bảng 23: Mô tả và mục tiêu quản lý khu vực đầu tư hạ tầng du lịch

Mô tả	Mục tiêu quản lý cụ thể
➤ Khu vực này bao gồm các địa điểm và các khu vực có thể tiếp nhận lưu lượng khách trung bình đến cao. ➤ Những địa điểm và các khu vực này nói chung không có điểm thu hút khách hoặc các hoạt động du lịch, nhưng nằm gần các điểm tham quan và các hoạt động du lịch cũng như lưu lượng du khách tương đối cao. ➤ Khu vực này bao gồm các điểm hiện đang là nơi có cơ sở hạ tầng phục vụ hoặc có tiềm năng để phát triển cơ sở hạ tầng du lịch như khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, nơi xe cộ ra vào và bãi đỗ, có các công trình nước, điện, truyền thông, và quản lý rác thải.	➤ Xem xét kỹ các dự án phát triển hạ tầng du lịch dựa vào phương thức quản lý và tác động tiềm ẩn. ➤ Xác định vị trí và giới hạn một cách hiệu quả cơ sở hạ tầng du lịch quan trọng cần thiết nhằm phục vụ tốt hơn du khách đến VQG PNKB. ➤ Đánh giá các địa điểm cụ thể nào là thích hợp nhất để phát triển cơ sở hạ tầng du lịch chính như khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí. ➤ Quản lý hiệu quả lưu lượng khách du lịch để duy trì trải nghiệm du lịch chất lượng cao. ➤ Đảm bảo rằng các cộng đồng địa phương không chỉ thụ động chấp nhận, mà gắn kết trong phát triển du lịch đại chúng, và lợi ích kinh tế góp phần cải thiện chất lượng sống.

3. Hướng dẫn đối với các phân khu chức năng

3.3.1. Phân khu Hành chính và Dịch vụ

Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg (Điều 14) nêu rõ khu vực Hành chính và Dịch vụ (phân khu) được dành cho xây dựng và phát triển văn phòng làm việc và công trình phụ trợ cần thiết cho hoạt động thường xuyên của Vườn quốc gia. Phân khu này có thể bao gồm các cơ sở nghiên cứu – thí nghiệm khoa học, và dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí.

Phân khu Hành chính và Dịch vụ của VQG PNKB rộng khoảng 3.411 ha. Hiện tại khu vực này bao gồm hạ tầng phụ trợ (quản lý và nghiên cứu khoa học) của VQG PNKB và các điểm tham quan, công trình phục vụ du lịch thu hút số lượng khách lớn.

Ngoài ra, một số cộng đồng trong khu vực này vẫn còn sống bằng nghề nông, có tham gia thêm vào các hoạt động dịch vụ du lịch và khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Vườn quốc gia.

Mục tiêu và yêu cầu quản lý du lịch

Bảng 24: Mục tiêu và yêu cầu quản lý du lịch đối với phân khu Hành chính và Dịch vụ

Mục tiêu quản lý du lịch	Yêu cầu quản lý du lịch
➢ Hạn chế và giảm nhẹ tác động tiêu cực của các hoạt động du lịch đại chúng ➢ Nội dung thông tin và diễn giải về bảo vệ môi trường và giá trị lịch sử dễ dàng tiếp cận ➢ Hình thành và duy trì các điểm thu hút khách du lịch chất lượng cao, các dịch vụ làm tôn giá trị di sản và thiên nhiên để lượng du khách ổn định có thể tiếp cận được. ➢ Hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương nếu có thể	➢ Không đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô lớn cho mục đích lưu trú và giải trí. ➢ Tất cả du khách đến khu vực này phải mua vé vào cửa ➢ Du khách phải đi theo tuyến đường và lịch trình định sẵn ➢ Mỗi điểm đều có quy định để điều chỉnh lưu lượng cũng như hoạt động tham quan và hành vi ứng xử phù hợp của khách du lịch, kể cả quy định về an toàn ➢ Cả khách du lịch lẫn đơn vị tổ chức dịch vụ du lịch (hướng dẫn viên) phải tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định và nguyên tắc ứng xử này ➢ Việc thực thi các quy định và nguyên tắc ứng xử là trách nhiệm của Vườn quốc gia ➢ Việc tổ chức tham quan các điểm trong khu vực này chỉ dành cho các công ty lữ hành đã có đăng ký với VQG thông qua dịch vụ vận chuyển của VQG. Việc tham quan bằng phương tiện riêng chỉ khi có giấy phép đặc biệt của VQG.

Mô tả phân vùng du lịch

Trên cơ sở chức năng hoạt động của khu vực, và xét về thực trạng du lịch cũng như tiềm năng phát triển du lịch hiện tại, khu vực này bao gồm hai phân khu du lịch: Du lịch đại chúng và Du lịch Thiên nhiên và Di sản.

Các hoạt động du lịch trong khu vực này cần được quy hoạch trong mối liên kết chặt chẽ với quy hoạch du lịch vì cộng đồng ở Vùng đệm liên kề và các khu vực có liên quan của VQG PNKB. Hai phân khu du lịch này có những đặc điểm và yêu cầu quản lý riêng biệt và cần phải được liên kết theo cách bổ sung cho nhau để xây dựng một loạt những trải nghiệm cho du khách để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Khu vực Du lịch đại chúng

- ▶ Khu vực này bao gồm địa bàn từ lối vào chính của VQG PNKB, khu vực thông tin và đón tiếp, dọc theo con đường vào Trụ sở của Vườn quốc gia và dọc theo bờ sông về phía động Phong Nha. Khu vực này kéo dài xuống phía nam dọc theo đường Hồ Chí Minh phía Tây tới giao lộ với Quốc lộ 20, bao gồm các điểm tham quan du lịch (Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh ngoài trời) gần giao lộ này.
- ▶ Khu vực này bao gồm chủ yếu là rừng đã bị xâm hại, địa chất karst, sông, khu vực có các cơ sở du lịch và văn phòng, và khu vực dân cư. Khu này bao gồm các điểm tham quan hiện đang thu hút một số lượng lớn khách (như động Phong Nha và Trung tâm thông tin), và các điểm tham quan có tiềm năng phát triển du lịch trong tương lai.

Khu Du lịch Thiên nhiên và Di sản

- ▶ Khu này bao quanh phạm vi gần đường Hồ Chí Minh phía Tây từ ngã tư Quốc lộ 20 phía cổng vào VQG PNKB.
- ▶ Khu vực này bao gồm chủ yếu là rừng đã bị xâm hại, địa chất karst, sông, khu vực tổ chức các hoạt động du lịch dựa vào thiên nhiên. Môi trường tự nhiên trong khu vực này có chất lượng tương đối cao, nhưng vẫn rất nhạy cảm với lượng khách ở mức độ trung bình. Khu này đi lại khá dễ dàng với hệ thống đường hiện có và cũng gần với các điểm tham quan du lịch và cơ sở hạ tầng khác trong phân khu Hành chính và Dịch vụ.
- ▶ Khu vực này có tiềm năng phát triển các hoạt động du lịch thiên nhiên chất lượng cao, dễ đi, và có thể duy trì lượng du khách thường xuyên vừa phải. Chẳng hạn Vườn thực vật có thể đón lượng du khách từ mức độ trung bình đến cao với phương thức quản lý và các quy định phù hợp. Trung tâm Cứu hộ linh trưởng cần phải được quản lý theo cách hạn chế đón du khách tham quan ở mức độ từ thấp đến vừa phải. Các điểm có tiềm năng phát triển du lịch khác trong khu vực này bao gồm Hang E, Thung Tre, Hang Tối, tuyến sinh thái Nước Mọc và sông Chày .

3.3.2. Phân khu Phục hồi Sinh thái

Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg (Điều 14) nêu phân khu Phục hồi Sinh thái là khu vực quản lý và bảo vệ chặt chẽ để phục hồi hệ sinh thái rừng. Trong khu vực này, chỉ cho phép mở những con đường chính và xây dựng cơ sở hạ tầng để bảo vệ và phát triển rừng cũng như phục vụ các hoạt động du lịch và dịch vụ.

Phân khu Phục hồi Sinh thái của VQG PNKB rộng khoảng 17.449 ha. Hiện nay khu vực này có các hoạt động du lịch hạn chế và phần lớn của khu vực tiếp đón rất ít khách tham quan. Tuy nhiên, một số điểm có tiềm năng du lịch nằm trong khu vực này.

Ngoài ra, một số cộng đồng thiểu số trong khu vực này vẫn còn sống bằng nghề nông, có tham gia thêm vào các hoạt động dịch vụ du lịch và khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Vườn quốc gia.

Bảng 25: Mục tiêu quản lý du lịch và yêu cầu đối với Phân khu Phục hồi Sinh thái

Mục tiêu quản lý du lịch	Yêu cầu quản lý du lịch
➤ Đảm bảo phát triển du lịch trong khu vực này mang tính hỗ trợ, chứ không gây ảnh hưởng đến mục tiêu chức năng của khu vực này đối với sự phục hồi hệ sinh thái rừng. ➤ Hỗ trợ phát triển ở mức độ vừa phải hoạt động du lịch với cơ sở hạ tầng tối thiểu và được quản lý theo cách giảm nhẹ tác động tiêu cực ➤ Cung cấp thông tin và diễn giải bảo vệ môi trường chất lượng cao ➤ Hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương nếu có thể được ➤ Ngăn chặn và giảm thiểu tác động tiêu cực từ du lịch đại chúng	➤ Không đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô lớn cho mục đích lưu trú và giải trí. ➤ Phát triển các cơ sở hạ tầng du lịch khác phải hỗ trợ các hoạt động du lịch ở mức độ khiêm tốn và ngăn chặn khả năng ra vào dễ dàng của khách du lịch đại chúng. ➤ Tất cả du khách đến khu vực này phải mua vé vào cửa và giữ vé trong tay ➤ Việc tổ chức tham quan các điểm trong khu vực này chỉ dành cho các công ty lữ hành đã có đăng ký với VQG hoặc thông qua dịch vụ vận chuyển của VQG. Việc tham quan bằng phương tiện riêng chỉ được phép khi có giấy phép đặc biệt của Vườn quốc gia ➤ Mỗi điểm đều có quy định để điều chỉnh lưu lượng cũng như hoạt động tham quan và hành vi ứng xử phù hợp của khách du lịch, kể cả quy định về an toàn ➤ Du khách phải đi theo tuyến, đường và lịch trình định sẵn ➤ Cả khách du lịch lẫn đơn vị tổ chức dịch vụ du lịch (hướng dẫn viên) phải tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định và nguyên tắc ứng xử này ➤ Việc thực thi các quy định và nguyên tắc ứng xử là trách nhiệm của Vườn quốc gia.

Mô tả phân vùng du lịch

Căn cứ vào các quy định và mục tiêu quản lý phát triển du lịch bền vững, khu vực này bao gồm ba vùng du lịch: vùng Du lịch đại chúng, vùng Du lịch Sinh thái nghiêm ngặt và vùng Du lịch vì cộng đồng.

▶ Vùng Du lịch đại chúng

Hang Tám Cô là điểm du lịch lịch sử và tâm linh quan trọng hiện đang thu hút khá đông khách tham quan và trong tương lai vẫn sẽ như vậy. Mặc dù điểm tham quan này nằm trong phân khu Phục hồi Sinh thái là nơi du lịch đại chúng không được phép phát triển, tuy nhiên đây là trường hợp ngoại lệ do tầm quan trọng của nó và vị trí rất gần với các điểm du lịch đại chúng quan trọng quanh phân khu Hành chính và Dịch vụ.

▶ Vùng Du lịch Sinh thái nghiêm ngặt

Đây là vùng có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái một cách cẩn trọng với lưu lượng du khách thấp. Các khu vực ưu tiên cho phát triển du lịch sinh thái sẽ là những khu vực xung quanh và trên đường vào hang Thiên Đường, hang Mẹ Bồng Con, hang Vòm và hệ thống các hang động có thể tham quan từ bản A Rem bao gồm hang Hổ và hang Cá.

▶ Vùng Du lịch vì cộng đồng

Vùng Du lịch vì cộng đồng có vị trí tại nơi các cộng đồng tại VQG PNKB và các vùng lân cận đang cư trú có thể vào được. Bản A Rem có tiềm năng hưởng lợi từ phát triển du lịch. Các hoạt động du lịch trong khu vực như leo núi, ngắm thú rừng, các

hoạt động văn hóa sông nước và mang đậm truyền thống sẽ giúp cải thiện sinh kế, giảm áp lực về tài nguyên thiên nhiên, và sẽ đem lại những trải nghiệm chất lượng cho du khách.

3.3.3. Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt

Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg (Điều 14) nêu rõ phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt được bố trí đủ lớn để duy trì hệ sinh thái tự nhiên còn nguyên vẹn. Việc phân vùng cụ thể trong khu vực được xác định theo mục tiêu bảo tồn, chủ đề và tiêu chí và điều kiện thủy văn. Trong khu vực này ngoài hệ thống đường mòn, trạm dừng, biển báo tuần tra (kiểm lâm) và các hoạt động du lịch sinh thái chọn lọc, các công trình cơ sở hạ tầng đều không được xây dựng. Hệ thống đường mòn phục vụ du lịch đi bộ phải bảo đảm an toàn cho du khách và tuân theo hướng dẫn và giám sát của Ban quản lý Vườn quốc gia.

Phân khu vực Bảo vệ nghiêm ngặt của VQG PNKB rộng khoảng 64.894 ha. Phần lớn khu vực này là du khách không vào được và các hoạt động du lịch hiện nay ở khu vực này rất hạn chế. Có những hoạt động du lịch tiềm năng ở khu vực này, ví dụ như phát triển của các tuyến đường đi bộ.

Ngoài ra, một số cộng đồng thiểu số trong khu vực này vẫn còn sống bằng nghề nông và khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Vườn quốc gia.

Các mục tiêu và yêu cầu quản lý du lịch

Bảng 26: Các mục tiêu quản lý du lịch và các yêu cầu đối với phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt

Mục tiêu quản lý du lịch	Yêu cầu quản lý du lịch
➢ Đảm bảo phát triển du lịch trong khu vực này chỉ được thực hiện khi nó góp phần bảo vệ và hỗ trợ cho sự phát triển tự nhiên của khu rừng và hệ sinh thái. ➢ Hoạt động du lịch trong khu vực này chỉ được phép ở mức tối thiểu với giấy phép đặc biệt và với mục tiêu hỗ trợ cho việc diễn giải và nghiên cứu khoa học có chất lượng về bảo vệ môi trường và ngăn ngừa tác động tiêu cực. ➢ Việc xây dựng cơ sở hạ tầng đều không được phép, ngoài hệ thống đường mòn, trạm dừng, biển báo tuần tra (bảo vệ rừng).	➢ Không phát triển cơ sở hạ tầng vĩnh cửu. ➢ Việc tham quan chỉ được cho phép khi có giấy phép đặc biệt của VQG ➢ Việc tổ chức tham quan các điểm trong khu vực này chỉ dành cho các công ty lữ hành đã có đăng ký với VQG có sự phối hợp với cán bộ của VQG và những đoàn công tác chính thức được sự đồng ý của VQG hoặc cơ quan liên quan ➢ Mỗi chuyến thăm/công tác đều có quy định lượng người cũng như hoạt động tham quan và hành vi ứng xử phù hợp của khách, kể cả quy định về an toàn. ➢ Cả khách du lịch lẫn đơn vị tổ chức (hướng dẫn viên) phải tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định và nguyên tắc ứng xử này ➢ Việc thực thi các quy định và nguyên tắc ứng xử là trách nhiệm của Vườn quốc gia ➢ Cá nhân không được phép vào.

Mô tả phân vùng du lịch

Căn cứ vào các quy định và mục tiêu quản lý phát triển du lịch bền vững, khu vực này bao gồm phân khu Du lịch Sinh thái nghiêm ngặt

- ▶ Phân khu Du lịch Sinh thái nghiêm ngặt

Phân khu này có tiềm năng lớn cho phát triển du lịch sinh thái một cách cẩn trọng chỉ với lượng nhỏ du khách. Những khu vực ưu tiên cho phát triển du lịch sinh thái là khu vực đỉnh U Bò và hang Én.

3.3.4. Khu vực Mở rộng

Quyết định số 1678/QĐ-UBND phê duyệt khu vực Mở rộng của VQG PNKB. Khu vực Mở rộng gồm khoảng 31.070 ha, thuộc các xã Thượng Hóa và Hóa Sơn (huyện Minh Hoá). Hiện nay chưa có phê duyệt phân vùng cụ thể cho khu vực Mở rộng. Có khả năng là khu vực Mở rộng sẽ được phân chia thành các phân khu phục hồi sinh thái hoặc phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt.

Hiện nay phần lớn của khu vực này du khách không thể đến được và không có hoạt động du lịch nào. Chỉ có vài điểm tham quan có tiềm năng du lịch trong khu vực và phát triển du lịch đang còn hạn chế. Ngoài ra, một số cộng đồng thiểu số trong khu vực này vẫn còn sống bằng nghề nông và khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Vườn quốc gia.

Các mục tiêu và yêu cầu quản lý du lịch

Các mục tiêu và các yêu cầu quản lý du lịch được đề xuất trên cơ sở của phân khu Phục hồi Sinh thái hoặc phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt.

Bảng 27: Các mục tiêu quản lý du lịch và các yêu cầu đối với khu vực Mở rộng

Mục tiêu quản lý du lịch	Yêu cầu quản lý du lịch
➢ Đảm bảo phát triển du lịch trong khu vực này chỉ được thực hiện khi nó góp phần bảo vệ và hỗ trợ cho sự phát triển tự nhiên của khu rừng và hệ sinh thái. ➢ Hỗ trợ phát triển ở mức độ vừa phải hoạt động du lịch với cơ sở hạ tầng tối thiểu và được quản lý theo cách giảm nhẹ tác động tiêu cực ➢ Cung cấp thông tin và diễn giải bảo vệ môi trường chất lượng cao ➢ Hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương nếu có thể được ➢ Ngăn chặn và giảm thiểu tác động tiêu cực từ du lịch đại chúng	➢ Không đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô lớn cho mục đích lưu trú và giải trí. ➢ Phát triển các cơ sở hạ tầng du lịch khác phải hỗ trợ các hoạt động du lịch ở mức độ khiêm tốn và ngăn chặn khả năng ra vào dễ dàng của khách du lịch đại chúng. ➢ Tất cả du khách đến khu vực này phải mua vé vào cửa và giữ vé trong tay ➢ Việc tổ chức tham quan các điểm trong khu vực này chỉ dành cho các công ty lữ hành đã có đăng ký với VQG hoặc thông qua dịch vụ vận chuyển của VQG. Việc tham quan bằng phương tiện riêng chỉ được phép khi có giấy phép đặc biệt của Vườn quốc gia ➢ Mỗi điểm đều có quy định để điều chỉnh lưu lượng cũng như hoạt động tham quan và hành vi ứng xử phù hợp của khách du lịch, kể cả quy định về an toàn ➢ Du khách phải đi theo tuyến, đường và lịch trình định sẵn ➢ Cả khách du lịch lẫn đơn vị tổ chức dịch vụ du lịch (hướng dẫn viên) phải tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định và nguyên tắc ứng xử này ➢ Việc thực thi các quy định và nguyên tắc ứng xử là trách nhiệm của Vườn quốc gia.

Mô tả phân vùng du lịch

- Vùng du lịch vì lợi ích cộng đồng

Tiềm năng phát triển du lịch là rõ ràng nếu giao thông được cải thiện. Hiện tại chỉ có một cộng đồng, bản A Rộc, được hưởng lợi từ phát triển du lịch vì lợi ích cộng đồng và các hoạt động liên quan như leo núi, ngắm thú rừng, và các hoạt động văn hóa sông nước đậm nét truyền thống. Cách làm này có thể cải thiện sinh kế, giảm áp lực về tài nguyên thiên nhiên, đem lại những trải nghiệm du lịch chất lượng.

3.3.5. Vùng đệm

Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg (Điều 24) đã nêu Vườn quốc gia phải có Vùng đệm. Vùng đệm là vùng tiếp giáp với VQG và bao gồm tất cả hoặc một phần các xã, phường, thị trấn giáp giới với Vùng lõi của VQG. Nói chung Vùng đệm được thiết lập để ngăn chặn hoặc giảm thiểu sự xâm lấn của con người vào VQG và Ban quản lý Vườn quốc gia được yêu cầu phải bố trí để cư dân Vùng đệm tham gia vào việc bảo vệ, bảo tồn và sử dụng hợp lý các sản phẩm rừng và tài nguyên thiên nhiên cũng như các hoạt động và dịch vụ du lịch liên quan bên trong và xung quanh VQG để tăng thu nhập và cải thiện sinh kế.

Vùng đệm của VQG PNKB có tổng diện tích khoảng 217.908 ha, bao gồm 13 xã giáp ranh với khoảng 64.243 dân. Du lịch trong Vùng đệm là chủ yếu giới hạn ở thị trấn Phong Nha tạo thành trung tâm du lịch cho khu vực VQG PNKB. Hiện tại, du lịch dựa vào cộng đồng đang phát triển gần thôn Chày Lấp. Có một số điểm tham quan có tiềm năng du lịch nằm trong khu vực này.

Các mục tiêu và yêu cầu quản lý du lịch

Bảng 28: Các mục tiêu quản lý du lịch và các yêu cầu đối với Vùng đệm

Mục tiêu quản lý du lịch	Yêu cầu quản lý du lịch
➤ Hỗ trợ phát triển và quản lý các điểm và các hoạt động du lịch mang đặc trưng môi trường lịch sử, văn hóa và tự nhiên để ưu tiên phát triển kinh tế và sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên ở cả Vùng đệm và VQG PNKB. ➤ Phát triển và quản lý du lịch trong Vùng đệm gắn liền với phát triển du lịch ở VQG PNKB bằng cách tạo ra các sản phẩm bổ sung và các điểm tham quan nhằm làm giảm áp lực du lịch và khai thác tài nguyên trong VQG và tạo ra một điểm đến du lịch hoàn chỉnh và toàn diện cho khu vực, liên kết với hoạt động du lịch cấp quốc gia và tiểu vùng. ➤ Mọi phát triển du lịch, đặc biệt là phát triển cơ sở hạ tầng trong Vùng đệm nên tìm cách thu hút người dân địa phương và các thành phần kinh tế địa phương càng nhiều càng tốt để tối đa hoá phát triển kinh tế địa phương và sinh kế bền vững từ du lịch	➤ Quy định và thủ tục đối với tất cả các điểm tham quan du lịch chính trong Vùng đệm bao gồm lưu lượng khách phù hợp, mô tả các hoạt động của du khách và hành vi ứng xử và các quy định về an toàn. ➤ Cả khách du lịch lẫn đơn vị tổ chức dịch vụ du lịch (hướng dẫn viên) phải tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định và nguyên tắc ứng xử này ➤ Việc thực thi các quy định và nguyên tắc ứng xử là trách nhiệm của chính quyền địa phương (xã/huyện) ➤ Bất kỳ đơn vị khai thác du lịch nào cũng cần phải hợp tác với chính quyền địa phương liên quan (xã/ huyện) thẩm quyền và tham khảo ý kiến của cộng đồng địa phương/cư dân về các chương trình phát triển du lịch. ➤ Việc tổ chức tham quan các điểm du lịch trong Vùng đệm do các đơn vị tổ chức tour và du khách tự sắp xếp.

Hướng dẫn phân vùng du lịch

Căn cứ vào các quy định liên quan, các mục tiêu quản lý và tiềm năng phát triển du lịch và phát triển cộng đồng sẵn có, vùng này được phân thành bốn khu: Khu phát triển hạ tầng

du lịch, khu phát triển du lịch vì cộng đồng và khu phát triển du lịch Di sản và Thiên nhiên, cũng như các tuyến đường cho khu phát triển du lịch lịch sử.

► Khu du lịch đại chúng và khu đầu tư hạ tầng du lịch

Khu vực các xã Sơn Trạch và Phúc Trạch gần lối vào chính của Vườn quốc gia được quy định là khu du lịch đại chúng và khu đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch. Phần lớn khu vực này đã bị xáo trộn, trồng trọt và sinh sống của một số xã. Hiện tại đang có chương trình phát triển cơ sở hạ tầng du lịch khá lớn (nhà hàng và nhà nghỉ) trong khu vực, nhưng vẫn còn nhu cầu rất lớn đối với việc quy hoạch và điều phối tốt hơn trong lĩnh vực du lịch. Khu vực này rất phù hợp để phát triển cơ sở hạ tầng du lịch chủ yếu như cơ sở lưu trú, nhà hàng và khu vui chơi giải trí.

► Khu du lịch vì cộng đồng

Các khu vực được phân định trong Vùng đệm thường mở đường đến các khu du lịch khác trong VQG PNKB và tạo cơ hội phát triển vừa là các hoạt động du lịch tập trung tại cộng đồng, vừa là các hoạt động và cơ sở dịch vụ hỗ trợ chung cho phát triển du lịch trong khu vực. Các huyện và xã nằm cách xa cổng chính của VQG PNKB hơn có tiềm năng hơn để tham gia vào các hoạt động du lịch phát triển khác trong khu vực vùng đệm.

► Khu du lịch Thiên nhiên và Di sản

Vùng đệm có tiềm năng lớn để phát triển các hoạt động du lịch thiên nhiên và di sản. Một số điểm tham quan được coi là ưu tiên cho phát triển du lịch bao gồm sông Troóc và thác nước Phú Định. Ngoài ra, có một số điểm khác bên ngoài của Vùng đệm như núi Thần Đinh, thác Mơ, và bản chất các hoạt động du lịch và các điểm thắng cảnh dọc theo sông Long Đại. Ngoài ra còn có rất nhiều di tích lịch sử quan trọng và hấp dẫn tại khu vực này xứng đáng để được nghiên cứu, quy hoạch quản lý một cách toàn diện và tổng hợp để tạo ra những sản phẩm du lịch đồng đều và chất lượng. Một số điểm tham quan có tiềm năng cao cho phát triển du lịch bao gồm di tích lịch sử Bãi Dinh, hang Én/ Cổng Trời gần Cha Lo và Đồi 37, hang 36, bến phà Xuân Sơn, hang Chà Nòi, hang Bệnh viện và sân bay Khe Gát.

Các điểm và tuyến du lịch thiên nhiên và di sản trong Vùng đệm cần phải được phát triển và kết nối vào các tuyến du lịch lịch sử của tỉnh và quốc gia đã được quy hoạch và phát triển trong khu vực, đồng thời cần bổ sung các điểm tham quan du lịch đại chúng trong phân khu Hành chính và Dịch vụ của VQG PNKB.

Hình 8 và 9 thể hiện tổng quan các vùng và điểm du lịch khu vực VQG PNKB.

Hình 8: Các vùng du lịch khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng



Hình 9: Các điểm du lịch khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng



4. QUY TRÌNH LẬP ĐỀ ÁN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1. Đầu tư phát triển du lịch: kêu gọi dự án và sàng lọc bước đầu

Việc kêu gọi đề án phát triển sẽ được căn cứ trên nội dung đầu tư phát triển du lịch chi tiết trong kế hoạch triển khai thực hiện QHPTDLBV. Việc kêu gọi đầu tư cần được tiến hành một cách công khai và phù hợp nhằm đảm bảo một quy trình bình đẳng để thu hút những đề án chất lượng cao nhất.

Bảng 29 liệt kê các điều kiện tiêu chuẩn mà các nhà đầu tư tiềm năng sẽ phải chứng minh khi trình đề án phát triển. Yêu cầu phải hoàn thành những điều kiện này cần được nêu rõ ràng với các nhà đầu tư tiềm năng trước khi họ chuẩn bị đề án. Mức độ đáp ứng những điều kiện này sẽ là tiêu chuẩn để sàng lọc ban đầu đề án đầu tư. Đề án đầu tư tuân thủ các tiêu chí sàng lọc ban đầu sẽ được xem xét, phê duyệt và triển khai.

Bảng 29: Tiêu chí sàng lọc ban đầu đối với các đề án đầu tư phát triển du lịch

Tiêu chí sàng lọc ban đầu đối với các Đề án Đầu tư Phát triển Du lịch
➤ Đề án phát triển cụ thể
➤ Báo cáo tiềm khả thi của đề án
➤ Chứng minh năng lực tài chính lâu dài.
➤ Kế hoạch kinh doanh tốt, theo xu hướng thị trường
➤ Cung cấp số năm kinh nghiệm và hồ sơ chứng minh hoạt động trong lĩnh vực du lịch có chất lượng
➤ Cam kết về giảm thiểu tác động môi trường, nâng cao phúc lợi xã hội và công tác bảo tồn

2. Tiêu chí phát triển du lịch bền vững trong quá trình thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án

Toàn bộ quá trình thẩm định, phê duyệt, và triển khai các dự án đầu tư du lịch phải tuân theo các thủ tục do luật pháp Việt Nam quy định và theo quy trình chuẩn của tỉnh Quảng Bình.

Ngoài các quy trình, quy định theo thủ tục, các đề án phát triển và đầu tư cần được đánh giá theo các tiêu chí du lịch bền vững được xây dựng trên cơ sở Tiêu chí Du lịch bền vững toàn cầu theo Phụ lục 5. Sau đây là những nội dung bổ sung để các tiêu chí này có thể tích hợp vào quá trình thẩm định, phê duyệt, và triển khai các dự án đầu tư phát triển du lịch:

1. Thẩm định

Việc thẩm định các dự án đầu tư trên cơ sở tiêu chí lựa chọn/sàng lọc sự tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan và VQG. Ý kiến phản hồi và khuyến nghị cũng cần thiết nếu được. Các tiêu chí du lịch bền vững cụ thể áp dụng với dự án đầu tư được thẩm định sẽ do các cơ quan liên quan xác định sau khi nghiên cứu và trên cơ sở xem xét về vị trí, tính nhạy cảm của vùng dự án, hình thức và quy mô đầu tư đề nghị, và chiến lược giảm thiểu tác động trong đề án. Khi xây dựng xong các tiêu chí như vậy

rồi, thì sẽ áp dụng đối với đề án phát triển đang thẩm định xem có cần yêu cầu điều chỉnh để được phê duyệt hay không. Đề án đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đặt ra sẽ chuyển sang bước phê duyệt. Chủ đầu tư của đề án không tuân thủ đầy đủ các tiêu chí đặt ra sẽ được thông báo có thiếu sót ở đâu và cần phải thực hiện điều gì để được phê duyệt, và mời gửi lại đề án sau khi đã điều chỉnh xong.

2. Phê duyệt

Đề án sau khi vượt qua giai đoạn thẩm định sẽ được trao giấy phép đầu tư bao gồm một loạt tiêu chí cần tuân theo trong quá trình thực hiện và hoạt động của dự án. Các chỉ số về tác động chi tiết hơn và các tiêu chuẩn về việc tuân thủ sẽ được thiết kế, thể hiện đúng các tiêu chí từng được sử dụng trong quá trình thẩm định, nhưng chi tiết hơn về những kết quả mong đợi trong suốt quá trình triển khai và hoạt động.

3. Triển khai

UBND tỉnh với đại diện là các ban ngành có liên quan và VQG sẽ giám sát việc thực hiện và phát triển các dự án đầu tư để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí và điều kiện đã chấp thuận trong quá trình phê duyệt dự án.

Những dự án nào không tuân theo các tiêu chuẩn thực hiện đã chấp thuận từ trước sẽ nhận được một thông báo vi phạm nêu rõ sai phạm cũng như biện pháp xử lý và thời gian dự kiến để chấn chỉnh. Nếu sai phạm không được xử lý thì sẽ áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động, và chỉ khi nào xử lý xong một cách đầy đủ mới cho tiếp tục. Những vi phạm nghiêm trọng và có tính chất lặp lại đối với các điều khoản trong văn bản phê duyệt có thể dẫn đến việc hủy bỏ và thu hồi quyết định phê duyệt.

4. Hoạt động

UBND tỉnh với đại diện là các ban ngành có liên quan và VQG sẽ giám sát hoạt động của các dự án đầu tư để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí và điều kiện đã chấp thuận trong quá trình phê duyệt dự án sẽ được duy trì.

Những dự án nào không tuân theo các tiêu chuẩn hoạt động đã chấp thuận từ trước sẽ nhận được một thông báo vi phạm nêu rõ sai phạm cũng như biện pháp xử lý và thời gian dự kiến để chấn chỉnh. Nếu sai phạm không được xử lý thì sẽ áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động, và chỉ khi nào xử lý xong một cách đầy đủ mới cho tiếp tục. Những vi phạm nghiêm trọng và có tính chất lặp lại đối với các điều khoản trong văn bản phê duyệt có thể dẫn đến việc hủy bỏ và thu hồi quyết định phê duyệt.

5. HƯỚNG DẪN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG THU HÚT CỘNG ĐỒNG THAM GIA XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO, CẢI THIỆN SINH KẾ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giới thiệu

Phát triển du lịch có thể góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế và bảo vệ môi trường. Điều đó có thể đạt được thông qua việc đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, và diễn ra qua hai hình thức:

1. **Du lịch cộng đồng (DLCĐ).** Đây là hình thức du lịch diễn ra ngay tại cộng đồng và thể hiện những nét đặc trưng của cộng đồng địa phương, các cộng đồng địa phương trực tiếp tham gia xây dựng, tổ chức và quản lý hoạt động du lịch.
2. **Du lịch vì lợi ích cộng đồng.** Đây là hình thức du lịch liên quan đến các hoạt động kinh tế ở thôn bản được liên kết với ngành du lịch trong khu vực - nhưng du khách không nhất thiết phải ghé thăm hoặc tiếp xúc với các cư dân trong làng của họ. Hình thức này chủ yếu là các cộng đồng địa phương bán các sản phẩm như thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ hoặc các nguyên vật liệu khác cho các doanh nghiệp du lịch hoặc khách tham quan. Hoạt động này cũng bao gồm việc làm trong ngành du lịch.

Thông qua việc sử dụng cả hai phương thức, cộng đồng địa phương có thể hưởng lợi tối đa từ phát triển du lịch trong khu vực. Dự kiến cách tiếp cận này sẽ cải thiện đời sống, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hoá cả trong và quanh khu vực VQG PNKB, đồng thời tạo ra những sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng hóa cho khu vực VQG PNKB.

2. Du lịch cộng đồng

5.2.1. Cách tiếp cận chiến lược

Cách tiếp cận du lịch cộng đồng đối với phát triển du lịch là tận dụng nguồn tài nguyên du lịch của cộng đồng nhằm đạt được mục tiêu phát triển cộng đồng. Cách tiếp cận này vừa dựa trên sự tham gia của cộng đồng vừa hỗ trợ cộng đồng trong quy hoạch, phát triển và tổ chức hoạt động du lịch và dịch vụ mang nét đặc trưng của điểm tham quan và tạo nên sự phân phối công bằng lợi ích. Trong khi cách tiếp cận DLCĐ với cộng đồng đóng vai trò chủ đạo, thì nó chủ yếu dựa vào sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là hỗ trợ từ chính quyền địa phương, các doanh nghiệp du lịch và các đối tác phát triển khác.

5.2.2. Hướng dẫn phát triển

Yêu cầu

- ▶ Chia sẻ lợi ích bình đẳng trong cộng đồng và các đơn vị kinh doanh du lịch đang khai thác các điểm DLCĐ. Điều này thường đạt được thông qua:
 - Cơ chế luân phiên để các đơn vị cung cấp dịch vụ đều có cơ hội như nhau
 - Các tổ sản xuất dành cho các đơn vị cung ứng sản phẩm đảm bảo giá cả bình đẳng và ngăn chặn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh

- Quỹ phát triển cộng đồng đảm bảo rằng cộng đồng nói chung, đặc biệt những đối tượng thiệt thòi nhất được hưởng lợi từ hoạt động du lịch tại thôn bản của mình
 - Các thỏa thuận hợp đồng giữa cộng đồng địa phương và doanh nghiệp du lịch đang hoạt động tại điểm tham quan.
- Việc tổ chức và quản lý cấp cộng đồng phải mang tính đại diện bình đẳng theo một cơ cấu quản lý được địa phương thông qua. Thường điều này có thể đạt được thông qua việc hình thành một Ban hoặc Hiệp hội Du lịch địa phương. Về cơ bản, các tổ chức này bao gồm tối đa 10 đại diện cộng đồng do dân bầu với trách nhiệm:
- Quản lý lĩnh vực tài chính một cách công khai và minh bạch.
 - Đại diện cho cộng đồng trong các cuộc họp với các bên liên quan về du lịch.
 - Giám sát phát triển du lịch trong cộng đồng.
- Khả năng đứng vững trên thị trường. Đối với bất kỳ tác động tích cực nào có được từ sáng kiến du lịch cộng đồng, thì đều phải chứng tỏ được là sản phẩm có khả năng tồn tại và sẽ bán được trên thị trường. Để đảm bảo rằng sản phẩm DLCĐ có thể đứng vững về mặt thương mại thì sản phẩm đó cần phải:
- Tiến hành nghiên cứu thị trường thích hợp mà chứng minh cho việc triển khai một sáng kiến DLCĐ sẽ có thể đứng vững về mặt thương mại.
 - Tư vấn chặt chẽ với các công ty lữ hành trong quá trình thiết kế, triển khai, quảng bá và cung cấp sản phẩm.
 - Tiếp tục cải tiến sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu thị trường trọng điểm và các thay đổi trên thị trường.

Bảng 30 mô tả quy trình phát triển sản phẩm DLCĐ điển hình.

Bảng 30: Các bước phát triển sản phẩm Du lịch Cộng đồng

Các bước phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng	
1.	Đánh giá địa điểm để phát hiện tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng: nguồn lực cần có, sự quan tâm của cộng đồng, giao thông đi lại và các điểm cần xem xét khác
2.	Xác nhận của thị trường về đánh giá tính khả thi của sản phẩm tiềm năng
3.	Nâng cao nhận thức của cộng đồng
4.	Đặt ra những mục tiêu và các hoạt động cơ bản để đạt được những mục tiêu đó
5.	Thu hút sự tham gia của các bên
6.	Tổ chức địa phương
7.	Phát triển sản phẩm
8.	Phát triển nguồn nhân lực
9.	Thử nghiệm sản phẩm
10.	Dần dần triển khai hoạt động: giám sát và hỗ trợ chặt chẽ
11.	Dần dần chuyển giao trách nhiệm quản lý địa phương cho cộng đồng một khi thấy đủ khả năng

Mạng lưới hỗ trợ

Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng thường đòi hỏi một mạng lưới hỗ trợ tốt. Những điểm sau đây mô tả một mạng lưới hỗ trợ chức năng để phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng:

- ▶ Hỗ trợ từ các cơ quan chính quyền địa phương, các tổ chức phát triển và các doanh nghiệp du lịch.
- ▶ Lồng ghép hỗ trợ của các đối tác phát triển/chương trình khác nhau trong các lĩnh vực như khuyến nông, hạ tầng nông thôn, phát triển kỹ năng.
- ▶ Phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan khác, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp để có thể tư vấn về phát triển sản phẩm, hỗ trợ đào tạo, và quan trọng nhất - tiếp cận thị trường.
- ▶ Chính quyền địa phương tạo môi trường phát triển thuận lợi cho phép và hỗ trợ phát triển du lịch tại cộng đồng địa phương.

Chọn địa điểm

Việc lựa chọn điểm tham quan rất quan trọng trong phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng. Lý tưởng nhất là các điểm tham quan du lịch cộng đồng cần được:

- ▶ Khoanh vùng các địa điểm/điểm tham quan nơi hội tụ tài nguyên chất lượng cao, giao thông đi lại tốt, hấp dẫn, thú vị và năng lực tốt (cả nội và ngoại lực).
- ▶ Nên nằm xa các điểm tham quan du lịch chính, để:
- ▶ Phân bố đồng đều lợi ích du lịch trên toàn khu vực, và
- ▶ Đem lại trải nghiệm du lịch cộng đồng đích thực như mong muốn của phân đoạn thị trường cổ súy hình thức du lịch này.

3. Du lịch vì lợi ích cộng đồng

5.3.1. Giới thiệu

Những cộng đồng không có điều kiện cần thiết để đứng ra làm du lịch vẫn có thể có được lợi ích kinh tế thông qua việc tham gia trong ngành du lịch. Có hai cách chính được đề xuất:

- a. Cơ hội tạo thu nhập trong ngành du lịch, và
- b. Việc làm trong ngành du lịch

5.3.2. Cơ hội tạo thu nhập trong ngành du lịch

Cách tiếp cận chiến lược

Cách tiếp cận dựa vào thị trường là nối kết các sản phẩm địa phương với nhu cầu của ngành du lịch. Cách này có thể bao gồm:

- ▶ Bán sản phẩm địa phương cho doanh nghiệp du lịch như nông sản, nguyên vật liệu,
- ▶ Bán sản phẩm địa phương trực tiếp cho khách du lịch như hàng thủ công mỹ nghệ, đặc sản địa phương hoặc các loại quà lưu niệm.

Hướng dẫn phát triển

Việc hỗ trợ quá trình này thường đòi hỏi:

1. Khả năng đứng vững trên thị trường:

- ▶ Đánh giá thông qua rà soát toàn diện các sản phẩm tiềm năng và đánh giá thị trường du lịch về tiềm năng và nhu cầu đối với các sản phẩm có tác động mạnh nhất.
- ▶ Khả năng kinh doanh với lợi nhuận đủ và đồng đều cho những người liên quan.
- ▶ Thường xuyên chú ý đến nhu cầu thị trường, các kênh phân phối, và phát triển sản phẩm

2. Mạng lưới chuyên môn nghiệp vụ đủ rộng và hệ thống thị trường đáng tin cậy:

- ▶ Xây dựng giá cả/chi phí/lợi nhuận đều đặn và sát thực tế
- ▶ Thường thì vấn đề về chất lượng và số lượng đồng đều là những rào cản chính.
- ▶ Phương thức hợp đồng và chuyển giao sản phẩm/dịch vụ đáng tin cậy
- ▶ Nền kinh tế địa phương nên tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh để đảm bảo giá bán cao hơn/công bằng hơn.

3. Nội dung đào tạo phù hợp:

- ▶ Nhu cầu thị trường và tiếp cận thị trường mới
- ▶ Phát triển/cải tiến sản phẩm tinh xảo hơn
- ▶ Cải tiến kỹ thuật canh tác
- ▶ Kỹ năng kinh doanh và hình thành, điều hành doanh nghiệp nhỏ

4. Những yêu cầu phát triển bền vững:

- ▶ Tất cả các hoạt động tạo thu nhập phải phần đầu giảm thiểu và hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực về môi trường và phù hợp với các chuẩn mực và giá trị xã hội tại địa phương.

Mạng lưới hỗ trợ

- ▶ Hình thành các tổ sản xuất cũng giúp giải quyết các vấn đề nhất định như tính kinh tế theo quy mô sản xuất, đào tạo hiệu quả hơn, chia sẻ lợi ích có tổ chức.
- ▶ Hỗ trợ cải tiến hoặc phát triển sản phẩm
- ▶ Xây dựng mạng lưới kinh doanh và hợp đồng
- ▶ Hỗ trợ đối tác phát triển bằng cách đào tạo kỹ năng phát triển sản phẩm, và cải tiến kỹ thuật nuôi trồng.
- ▶ Phân phối lợi ích trên địa bàn nhằm đảm bảo cơ hội công bằng và bình đẳng cho mọi thành viên của cộng đồng
- ▶ Có chính sách ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và quảng bá các sản phẩm/dịch vụ địa phương

Chọn địa điểm

Đối với các sáng kiến hỗ trợ tạo thu nhập trong lĩnh vực du lịch, thì những cộng đồng phù hợp nhất là những người hoặc đi lại dễ dàng đến các điểm du lịch hoặc bán hàng trực tiếp cho du khách, và/hoặc những người tiếp cận được những người trong ngành du lịch đi thu mua sản phẩm địa phương. Những người sống ngay sát với các điểm tham quan chính, các doanh nghiệp du lịch và các tua tuyến cũng gặp thuận lợi hơn. Tuy nhiên, bất kỳ cộng đồng nào trong khu vực cũng đều xứng đáng được cân nhắc tùy thuộc vào cơ hội bán sản phẩm ra thị trường có tiềm năng hay không.

5.3.3. Việc làm trong ngành du lịch

Cách tiếp cận chiến lược

Tạo cơ hội tối đa cho người dân ở các cộng đồng địa phương có công ăn việc làm trong các doanh nghiệp du lịch như khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, hướng dẫn, hoặc phụ giúp ở các điểm tham quan (như bán vé) và các việc làm trong ngành du lịch khác.

Hướng dẫn phát triển

Việc hỗ trợ quá trình này thường đòi hỏi:

1. Làm cho hoạt động đào tạo về du lịch đến được với người nghèo.

Những rào cản đối với người nghèo trong việc tham gia tích cực vào các chương trình đào tạo về du lịch kể cả chi phí và thời gian theo học, những yêu cầu đầu vào của các cơ sở đào tạo chính thức nhằm khoanh vùng đối tượng học, và thiếu các cơ sở đào tạo có sẵn có thể tùy chọn và dễ tiếp cận hơn. Để thu hút người nghèo nhiều hơn, các chương trình đào tạo cần có mức phí vừa phải, phù hợp với điều kiện sống ở địa phương, tổ chức ngay tại chỗ hoặc gần nơi người nghèo sinh sống.

Hai cách tiếp cận cần được xem xét ở đây là:

- ▶ Những chương trình đào tạo dựa vào cộng đồng về tận cơ sở, và
- ▶ Những chương trình cơ bản tạo cơ hội nhiều hơn cho người nghèo tham gia vào các chương trình do các cơ sở đào tạo chính quy tổ chức.

2. Tiến hành đào tạo về du lịch phù hợp với người nghèo.

Đào tạo kỹ năng nghề nên dựa trên khả năng hiện tại của học viên và cơ hội việc làm trong ngành du lịch mà họ gần như chắc chắn theo đuổi. Phương pháp đào tạo và tài liệu cần được xây dựng cho những đối tượng với trình độ văn hóa có hạn. Lợi ích mang lại sẽ nhanh nhất từ hoạt động đào tạo sẽ đặc biệt phù hợp đối với người nghèo cần có kết quả ngay để kiếm việc làm mới có thu nhập. Hình thức đào tạo cầm tay chỉ việc cũng đặc biệt quan trọng đối với những người nghèo cần có thu nhập ngay và nên ưu tiên tập trung cho những chương trình như vậy.

3. Đào tạo cho các vị trí sơ cấp cũng nên tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo nâng cao.

Trong khi những vị trí sơ cấp có thể là bước khởi đầu quan trọng để thoát nghèo, thì nên được tiếp tục tạo cơ hội đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho những người có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ đạt được những vị trí cao để họ có thể đóng góp nhiều hơn trong nghề.

4. Nhấn mạnh hơn về những nội dung phát triển bền vững và giảm nghèo đối với các nhà quản lý về du lịch

Nâng cao năng lực quản lý và nhận thức về tầm quan trọng của phát triển bền vững và giảm nghèo là cần thiết nếu ngành du lịch góp sức cho những hoạt động này trên địa bàn. Gắn kết chặt chẽ các hoạt động phát triển nguồn nhân lực du lịch trong tương lai với chiến lược và chương trình quốc gia và khu vực về giảm nghèo sẽ có tác động đòn bẩy tích cực hơn nữa.

5. Tìm cách hợp tác với các đơn vị, tổ chức và chương trình hỗ trợ.

Có nhiều đơn vị, tổ chức và chương trình tìm cách tạo cơ hội nâng cao điều kiện kinh tế và sinh kế cho người nghèo. Đây là cơ hội tuyệt vời để tổng hợp sức mạnh, lồng ghép, mở rộng và tăng cường hỗ trợ đào tạo để kiếm việc làm trong ngành du lịch. Việc kết hợp hiệu quả những kỹ thuật đào tạo nghề hiện nay vào các chương trình và hoạt động

của các cơ sở/chương trình đào tạo đã có sẽ tạo ra nhiều cơ hội hơn để nhân rộng hiệu quả tác động. Tăng cường liên kết trong ngành du lịch cũng đưa lại những sáng kiến có lợi cho ngành thường rất hiệu quả về mặt chi phí và bền vững.

Mạng lưới hỗ trợ

Cụ thể hơn, vai trò của các bên tham gia hỗ trợ nhiều hơn về việc làm cho người nghèo bao gồm:

Nhà nước: Lồng ghép các chương trình, chính sách, phối kết hợp trong ngành:

- ▶ Cần phối kết hợp những kế hoạch và chính sách của nhà nước với ngành du lịch nếu được. Các bộ ngành có tác động mạnh mẽ đối với phát triển du lịch (như Sở VHTTDL, Sở KHĐT, Sở No&PTNT...).
- ▶ Theo dõi và hỗ trợ cho việc phối kết hợp hiệu quả hơn trong phạm vi toàn ngành – và tham gia với tư cách là thành viên tích cực.

Các cơ sở phát triển nguồn nhân lực: linh hoạt - sáng tạo, hoạt động rộng và bài bản:

- ▶ Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp nhằm đảm bảo các chương trình đào tạo sẵn sàng đáp ứng cho ngành nghề sau khi mãn khóa.
- ▶ Phát triển phương thức tiếp cận phù hợp để đến được với học viên nghèo nhiều hơn

Các doanh nghiệp du lịch: Đối tác tích cực – kỹ năng và cơ hội:

- ▶ Đào tạo theo hình thức vừa học vừa làm và thực tập.
- ▶ Hợp tác giữa các đơn vị trong ngành để cùng nhau góp phần nâng cao mặt bằng về nhân lực cho ngành, và hạn chế việc tuyển người một cách không lành mạnh.
- ▶ Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và công bằng cho mọi nhân viên.
- ▶ Hòa đồng với cộng đồng để trở thành láng giềng hữu hảo.

Lĩnh vực phát triển: Phối kết hợp các sáng kiến:

- ▶ Các tổ chức phát triển gắn kết đầy đủ hơn trong xây dựng quy hoạch phát triển du lịch
- ▶ Áp dụng và lồng ghép các sáng kiến và chương trình phát triển nguồn nhân lực, du lịch và giảm nghèo.
- ▶ Hỗ trợ có trọng tâm cho các đối tác khác căn cứ vào lĩnh vực chuyên môn của họ

Chọn địa điểm:

Những cộng đồng phù hợp nhất là những cộng đồng sống ngay sát với các điểm tham quan chính và các doanh nghiệp du lịch, như những người gần khu hạ tầng du lịch. Tuy nhiên, bất kỳ cộng đồng nào trong khu vực cũng đều đáng xem xét tùy thuộc vào khả năng tiếp cận cơ hội đào tạo và việc làm.

4. Những ràng buộc và hỗ trợ pháp lý

Cần có hỗ trợ pháp lý mạnh mẽ để đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương từ phát triển du lịch ở khu vực trong và gần Vườn quốc gia và các điểm du lịch.

5.4.1. Luật Du lịch

Điều 7, Điều 8 của Luật Du lịch tạo điều kiện pháp lý cho sự tham gia của cộng đồng vào lĩnh vực du lịch.

► Điều 7. Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch:

1. Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch; có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hoá địa phương; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường để tạo sự hấp dẫn du lịch.
2. Cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hoá, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống; sản xuất hàng hoá của địa phương phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương.

Cộng đồng có thể tham gia hiệu quả vào hoạt động du lịch thông qua việc hình thành các hiệp hội du lịch được nêu ở Điều 8.

► Điều 8. Hiệp hội Du lịch:

1. Hiệp hội du lịch được thành lập trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân có hoạt động du lịch, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và góp phần thúc đẩy sự phát triển của các thành viên.
2. Hiệp hội du lịch tham gia tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch; tham gia xây dựng, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về du lịch.
3. Tổ chức và hoạt động của hiệp hội du lịch được thực hiện theo quy định của pháp luật về hội.

5.4.2. Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg

Điều 24 của Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg đề cập đến Vùng đệm của các Vườn quốc gia và quy định Vùng đệm được xác lập nhằm ngăn chặn, giảm nhẹ sự xâm lấn của con người tới Vườn quốc gia và Ban quản lý Vùng đệm tổ chức cho cộng đồng dân cư Vùng đệm tham gia các hoạt động bảo vệ, bảo tồn, sử dụng hợp lý lâm sản và các tài nguyên tự nhiên, các dịch vụ du lịch sinh thái để góp phần nâng cao thu nhập và gắn sinh kế của người dân với các hoạt động của Vườn quốc gia.

5. Khuôn khổ quy hoạch chiến lược

Bảng 31: Khuôn khổ quy hoạch chiến lược đối với du lịch cộng đồng và du lịch vì lợi ích cộng đồng

Khung thời gian quy hoạch	Cấp độ chức năng	
	Du lịch Cộng đồng	Du lịch vì Lợi ích Cộng đồng
Quy hoạch ngắn hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt và ưu tiên cao Năm 1 - 3 (đến 2012)	➢ Tiến hành các hoạt động nâng cao nhận thức của cộng đồng và chính quyền địa phương về tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng và vai trò trách nhiệm của các bên tham gia để hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng ➢ Liên tục hỗ trợ sáng kiến Du lịch cộng đồng Chày Lập như là dự án thí điểm nhằm hỗ trợ nhân rộng phát triển du lịch cộng đồng trong khu vực. ➢ Điều tra về sự quan tâm và cơ hội hình thành mạng lưới hỗ trợ có thể bao gồm các doanh nghiệp du lịch, các cấp chính quyền, các đối tác phát triển và các cộng đồng địa phương.	➢ Tiến hành rà soát tổng thể để xác định toàn bộ tiềm năng nhằm đưa ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu du lịch. Việc rà soát nên được thực hiện với sự hợp tác của khu vực doanh nghiệp và đầu tư phát triển du lịch, giúp xác định những cơ hội ưu tiên cao nhất và phát triển thành một kế hoạch hành động có sự điều phối chung. ➢ Tiến hành đánh giá tổng thể dự báo việc làm ngành du lịch, ở khu vực PNKB và với sự hợp tác cùng các doanh nghiệp du lịch, các cơ sở đào tạo nghề, và các dự án phát triển để xác định nhu cầu đào tạo và cơ hội hỗ trợ thiết kế một kế hoạch hành động có sự phối kết hợp về phát triển nguồn nhân lực đối với việc làm trong ngành du lịch ở địa phương.
Quy hoạch Trung hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt Năm 3 - 5 (đến 2015)	➢ Triển khai hỗ trợ nhân rộng du lịch cộng đồng ở các địa bàn ưu tiên ➢ Tiếp tục hỗ trợ sáng kiến Du lịch cộng đồng Chày Lập làm nền tảng hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch DLCĐ và nhân rộng sang các địa bàn khác của khu vực PNKB. ➢ Tiến hành thành lập mạng lưới hỗ trợ DLCĐ nếu cơ hội chín muồi và được quan tâm.	➢ Thực hiện các sáng kiến đưa ra trong kế hoạch hành động để nâng cao cơ hội thu nhập từ ngành du lịch đối với người nghèo sống trong khu vực Vùng đệm của PNKB. ➢ Thực hiện sáng kiến phát triển nguồn nhân lực đưa ra trong kế hoạch hành động nhằm hỗ trợ tăng thêm việc làm cho người dân ở khu vực PNKB trong lĩnh vực du lịch.
Quy hoạch dài hạn - Chính sách và Quy hoạch dài hạn tập trung vào Tầm nhìn Phát triển Năm 5 - 10 (đến 2020)	➢ Phát triển một hệ thống lồng ghép và điều phối nhịp nhàng các dự án phát triển DLCĐ trong khu vực góp phần nâng cao chất lượng và tính đa dạng của sản phẩm du lịch khu vực PNKB nói chung, đồng thời góp phần cải thiện sinh kế người dân và bảo tồn các giá trị văn hóa, xã hội trong quá trình bảo vệ môi trường.	➢ Xây dựng ngành du lịch khai thác tối đa sức mạnh tổng hợp của các hoạt động kinh tế địa phương thành một nền kinh tế du lịch trên diện rộng nhằm mục tiêu giảm nghèo, và tạo cơ hội cũng như hỗ trợ người dân có công ăn việc làm trong ngành du lịch

6. Các hoạt động phát triển

Bảng 32: Các hoạt động phát triển đối với CBT và CBfT

#	Hoạt động	Địa điểm/Vị trí	Khung thời gian			
			2010	2011	2012	2013 - 2015
1	Phát triển sản phẩm CBT ở VQG PNKB Các bản A Rem, A Rộc và Sơn Đoòng: Hoạt động phát triển cộng đồng đã được triển khai cần có đánh giá, tiến hành nghiên cứu tính nhạy cảm về mặt văn hóa-xã hội và nhu cầu bảo tồn, tiến hành phân tích về tính nhạy cảm của môi trường, hỗ trợ việc tổ chức cộng đồng, nâng cao nhận thức và phát triển kỹ năng làm chủ thể của hoạt động du lịch, xây dựng và cải thiện hệ thống quản lý chất thải, nước sinh hoạt và thông tin liên lạc, tiến hành phân tích thị trường cụ thể và phát triển khái niệm sản phẩm, xem xét các chính sách cho phép du khách lưu trú, xây dựng cơ chế thỏa thuận/nhượng quyền kinh doanh.		- Đánh giá, quy hoạch và tham vấn	- Đánh giá, quy hoạch và tham vấn - Chuẩn bị hoạt động	- Triển khai hoạt động	1
2	Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng Chày Lấp Đào tạo kỹ năng và ngôn ngữ cho người dân địa phương tham gia vào các dịch vụ du lịch nhằm đem lại dịch vụ tốt hơn (có giá trị cao hơn), tăng cường nhận thức về du lịch trong cộng đồng dân cư, phát triển và hỗ trợ loại hình du lịch nghỉ lại nhà dân ở Chày Lấp, làm mô hình để nhân rộng trong toàn vùng, xác định và hỗ trợ các hoạt động du lịch cộng đồng như đi xe đạp, đi bộ qua các bản, đi thuyền kayak và tubing, tổ chức các hoạt động ban ngày cho du khách, tìm tòi những cơ hội tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình liên quan đến lĩnh vực du lịch, hỗ trợ tiếp thị và quảng bá hình thức du lịch nghỉ lại nhà dân và các hoạt động du lịch cộng đồng trong khu vực.	- Hỗ trợ phát triển và điều hành hoạt động kinh doanh - Nâng cao năng lực	Hỗ trợ phát triển và điều hành hoạt động kinh doanh	- Củng cố sản phẩm chính - Tăng cường tác động tích cực - Hỗ trợ hoạt động	- Giám sát và duy trì - Mở rộng mạng lưới để nhân rộng mô hình CBT	2
3	Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng ở Vùng đệm Rà soát và đánh giá thêm các cộng đồng tiềm năng có thể tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng và nâng cao nhận thức về du lịch trong xã, thôn, đánh giá nhu cầu tiềm năng đối với sản phẩm du lịch cộng đồng ở Vùng đệm, đánh giá nhu cầu về nâng cao năng lực, khảo sát và đánh giá sản phẩm tour và tính khả thi về cơ chế	Đánh giá, quy hoạch và tham vấn	- Đánh giá, quy hoạch và tham vấn - Chuẩn bị hoạt động	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Triển khai hoạt động - Hỗ trợ phát triển và điều hành hoạt động kinh doanh	3

#	Hoạt động	Địa điểm/Vị trí	Khung thời gian			
			2010	2011	2012	2013 - 2015
	tài chính.					
4	CBfT ở vùng đệm Hỗ trợ việc sản xuất các sản vật địa phương kết nối với chuỗi giá trị du lịch, hợp tác với các sáng kiến phát triển liên quan (chính phủ và tổ chức phát triển), tham khảo thêm ý kiến của doanh nghiệp du lịch để xác định rõ nhu cầu thực tế về sản phẩm du lịch cộng đồng và hợp tác để hình thành những sản phẩm phù hợp nhất, hỗ trợ và lồng ghép các xã thôn và các chương trình phát triển nguồn nhân lực.	Đánh giá, quy hoạch và tham vấn	- Đánh giá, quy hoạch và tham vấn - Chuẩn bị hoạt động	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Triển khai hoạt động - Hỗ trợ phát triển và điều hành hoạt động kinh doanh	4
5	Phân tích chuỗi giá trị du lịch đối với khu vực VQG PNKB Tiến hành nghiên cứu nhằm đưa ra các chỉ báo cơ bản để hỗ trợ trong việc mở rộng và phát triển cơ hội có lợi từ du lịch, bao gồm cả kết nối sản phẩm địa phương vào nền kinh tế du lịch và gia tăng cơ hội việc làm trong ngành du lịch.	Tiến hành nghiên cứu để xác định những biện pháp can thiệp ưu tiên	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai biện pháp can thiệp	- Triển khai biện pháp can thiệp - Tăng cường tiếp cận thị trường	- Mở rộng các hoạt động - Mở rộng và nhân rộng	5
6	Đào tạo nguồn nhân lực về CBT Đánh giá nhu cầu đào tạo, đào tạo kỹ năng và ngôn ngữ cho người dân địa phương có liên quan trong các dịch vụ du lịch nhằm đem lại dịch vụ tốt hơn (có giá trị cao hơn), tăng cường nhận thức về du lịch trong cộng đồng dân cư.	- Đánh giá nhu cầu - Thiết kế những biện pháp can thiệp trong lĩnh vực đào tạo	Triển khai các chương trình đào tạo	Tăng cường và mở rộng chương trình phát triển nguồn nhân lực	Hỗ trợ liên tục cho việc Phát triển nguồn nhân lực và thực hiện các chương trình đào tạo	6
7	Lập quỹ phát triển doanh nghiệp cộng đồng để hỗ trợ và xây dựng doanh nghiệp Quỹ phát triển doanh nghiệp cộng đồng để hỗ trợ: các khoản vay phát triển doanh nghiệp du lịch nhỏ như lưu trú trong dân, các nhà nghỉ cộng đồng và tổ chức các hoạt động du lịch cộng đồng, hỗ trợ các thỏa thuận giữa cộng đồng với các đơn vị lữ hành và tài trợ cho các hoạt động phát triển nguồn nhân lực	Nghiên cứu cơ chế tài trợ tối ưu	Thiết kế biện pháp can thiệp cụ thể	- Triển khai quỹ - Tìm nguồn hỗ trợ cho quỹ	Hỗ trợ cho quỹ liên tục theo nhu cầu	7

6. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH

1. Cách tiếp cận chiến lược và các hướng dẫn phát triển

6.1.1. Cách tiếp cận chiến lược

Việc phát triển các sản phẩm du lịch ở khu vực VQG PNKB trên cơ sở những sản phẩm du lịch chất lượng cao mang đặc điểm di sản độc đáo, được đặt đúng vị trí, sẽ hỗ trợ và góp phần xây dựng tổng thể điểm đến, nhất quán về hình ảnh thương hiệu, giảm nhẹ tác động tiêu cực cũng như phù hợp với thị trường mục tiêu. Phát triển sản phẩm du lịch bền vững phụ thuộc vào định hướng chiến lược sau:

Bảng 33: Định hướng chiến lược cho phát triển sản phẩm du lịch

Định hướng chiến lược cho phát triển sản phẩm du lịch

- Khai thác những khía cạnh độc đáo và đặc trưng của khu vực VQG PNKB
- Trực tiếp hỗ trợ bảo tồn và phát triển cộng đồng
- Phù hợp với phân vùng phát triển du lịch và đặc điểm cụ thể của từng điểm
- Hỗ trợ cách tiếp cận và sử dụng bền vững tài nguyên
- Dựa trên thông tin thị trường rõ ràng
- Hỗ trợ liên kết tiếp cận với các sản phẩm và tuyến du lịch khác trong khu vực
- Lồng ghép với các chương trình du lịch hiện tại của VQG PNKB và các dự án khác trong khu vực
- Góp phần tạo vị thế chung của thương hiệu du lịch PNKB
- Sản phẩm phát triển với quy mô và hình thức phù hợp với địa điểm

6.1.2. Hướng dẫn phát triển

Những hướng dẫn sau đây trình bày cụ thể hơn cách triển khai các chiến lược được mô tả trên. Đối với mỗi hoạt động phát triển sản phẩm sẽ có một bộ hướng dẫn mô tả nguyên tắc ưu tiên định hướng phát triển sản phẩm du lịch tương ứng với từng khu vực quy hoạch:

Bảng 34: Hướng dẫn phát triển đối với phát triển sản phẩm du lịch

Hướng dẫn phát triển sản phẩm chung	Hướng dẫn cụ thể cho từng vùng du lịch
➢ Báo cáo khả thi về sản phẩm bao gồm chiến lược tích hợp/lồng ghép sản phẩm, chiến lược xây dựng thương hiệu, chiến lược quản lý môi trường và phát triển cộng đồng. ➢ Chuẩn bị và tiến hành tham vấn các bên liên quan.	i. <u>Du lịch đại chúng</u>: Giảm thiểu tác động ii. <u>Du lịch Thiên nhiên-Di sản</u>: Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản iii. <u>Du lịch vì lợi ích cộng đồng</u>: Thu hút sự tham gia của cộng đồng vì lợi ích của cộng đồng iv. <u>Du lịch sinh thái nghiêm ngặt</u>: Giảm thiểu tác động và nâng cao kiến thức v. <u>Đầu tư hạ tầng du lịch</u>: Hiệu quả và giảm thiểu tác động

2. Định hướng sản phẩm và các tuyến du lịch

6.2.1. Các hoạt động du lịch và tiềm năng phát triển

Tất cả các điểm du lịch liên quan ở khu vực VQG PNKB đã được đánh giá về tiềm năng phát triển hoạt động du lịch. Xem Phụ lục 6 về đánh giá tổng thể các điểm. Bảng 35 nêu tổng quan các hoạt động du lịch và tiềm năng phát triển chung. Phụ lục 7 khái quát các hoạt động trong mối tương quan với các điểm du lịch cụ thể và thị trường mục tiêu.

Bảng 35: Các hoạt động du lịch và tiềm năng phát triển

Hoạt động du lịch	Mô tả	Tiềm năng phát triển chung
1. Tham quan hang động	Tham quan hang động tức là thăm các hang để vào được bằng thuyền hoặc đi bộ.	Rất cao
2. Tham quan ngắm cảnh, đi bộ trekking	Thường ngoạn và trải nghiệm phong cảnh thiên nhiên.	Rất cao-
3. Tìm hiểu lịch sử cách mạng	Tham quan về chủ đề lịch sử về chiến tranh cách mạng.	Cao
4. Đi bộ	Đi bộ ở đây là từ quãng ngắn trong vòng 5 phút cho đến những tuyến dài hơn từ 2 đến 3 giờ. Đi bộ tức là không cần bất kỳ trang bị đặc biệt nào. Hầu hết các tuyến đi bộ cần phải làm sao để đi bằng giày thông thường vẫn dễ dàng.	Rất cao
5. Du ngoạn trên sông bằng thuyền	Du ngoạn trên sông sử dụng thuyền dài hiện tại.	Cao
6. Thăm hiểm hang động	Các hoạt động thám hiểm đến những hang xa xôi và nhạy cảm. Những hang này không phát triển thành điểm tham quan du lịch đại chúng. Để đến được hang, du khách đôi khi phải đi bộ, leo trèo hoặc bơi lội một số đoạn trong hang.	Cao
7. Mua sắm và đồ lưu niệm	Mua hàng lưu niệm làm tại địa phương.	Trung bình đến Cao
8. Đi bộ trekking	Các hoạt động <i>trekking</i> là những cuộc đi bộ đường dài từ nửa ngày đến nhiều ngày. Cần mang những loại giày chắc chắn để đi vào những tuyến đường mòn và đối với những chuyến đi dài ngày cần trang bị dụng cụ đặc biệt như lều bạt và dụng cụ nấu ăn.	Trung bình đến Cao
9. Tham quan thôn bản và trải nghiệm sinh hoạt dân dã	Trải nghiệm cuộc sống làng quê và đắm mình trong các sinh hoạt dân dã, có thể từ đi dạo quanh làng cho đến tham gia vào các sinh hoạt hàng ngày như ra đồng cày ruộng hoặc nấu nướng.	Trung bình đến Cao
10. Trải nghiệm và sinh hoạt tại cộng đồng	Nghỉ lại với một gia đình địa phương và tham gia vào sinh hoạt hàng ngày.	Trung bình đến cao
11. Nghiên cứu khoa học	Tham quan những khu vực dành cho mục đích nghiên cứu và giáo dục.	Trung bình đến Cao
12. Bơi thuyền kayak hoặc canoe trên sông	Bơi thuyền <i>Kayak</i> nghĩa là bơi thuyền trên sông hồ dùng mái chèo tay. Bơi thuyền kayak hơi khác so với bơi thuyền canoe ở chỗ <i>kayak</i> có chỗ ngồi hẹp và chật còn ở canoe thì chỗ ngồi rộng hơn. Người bơi <i>kayak</i> ngồi trên ghế gắn trong lòng thuyền chân duỗi ra trước. Người bơi <i>canoe</i> hoặc là ngồi trên băng ghế kê cao hoặc quỳ gối vào lòng thuyền.	Trung bình đến Cao
13. Đi dã ngoại	Đi dã ngoại nghĩa là tổ chức ăn ngoài trời. Nói chung hoạt động này nghĩa là tổ chức ăn trưa tại một điểm thắng cảnh.	Trung bình đến Cao
14. Bơi lội	Bơi lội tức là bơi trên sông hoặc hồ.	Trung bình đến Cao
15. Đi tham quan bằng xe máy	Ở đây mang nghĩa đi chơi bằng xe máy trên những con đường có thảm nhựa hay cấp phối.	Trung bình đến Cao
16. Chơi trượt nước (tubing) trên sông	Chơi trượt nước (tubing) trên sông nghĩa là ngồi trên một cái phao giống như cái sấm ô tô trượt xuôi theo sông. Người chơi mặc đồ tắm hoặc các loại áo quần khác có thể vận động thoải mái trong nước. Để an toàn hơn người chơi còn mặc cả áo cứu sinh.	Trung bình đến Cao
17. Văn hóa dân tộc thiểu số	Sinh hoạt và trải nghiệm văn hóa dân tộc thiểu số, có thể qua những câu chuyện kể diễn giải đến những lớp nấu ăn.	Trung bình đến Cao
18. Leo núi bằng xe đạp, xe máy.	Đi xe đạp và xe máy khắp vùng theo những con đường lớn và lối mòn. Đi xe trên núi nghĩa là đi trên những con đường chưa được trải thảm.	Trung bình đến Cao
19. Cáp treo <i>Flying Fox/ Zip Lines</i>	Cáp treo <i>Flying fox</i> hay <i>Zip line</i> là một loại xe cáp nhỏ gắn vào hệ thống treo kéo đẩy nhờ trọng lực. Hệ thống cáp treo <i>Flying fox</i> hay <i>Zip line</i> có thể kéo băng ngang qua thung lũng nhiều cây.	Trung bình đến Cao
20. Ngắm động vật hoang dã.	Ngắm động vật hoang dã tức là ngắm động thực vật hoang dã từ một khoảng cách an toàn cho cả du khách lẫn động vật, chim chóc.	Trung bình

6.2.2. Các tuyến du lịch ở khu vực VQG PNKB

Các luồng du khách chính đến khu vực VQG PNKB đi từ Đồng Hới đến thị trấn Phong Nha. Phân khu Hành chính – Dịch vụ là khu vực tập trung tất cả các hoạt động du lịch chính. Các tuyến du lịch được hình thành nhằm hỗ trợ cho việc quy hoạch phân luồng du khách và định hướng phát triển sản phẩm. Hiện tại trong khuôn khổ Quy hoạch này chưa thể đưa ra đề xuất kết nối du lịch khu vực VQG PNKB với các vùng du lịch khác trong tỉnh do QHPTDL tổng thể tỉnh Quảng Bình chưa được xây dựng.

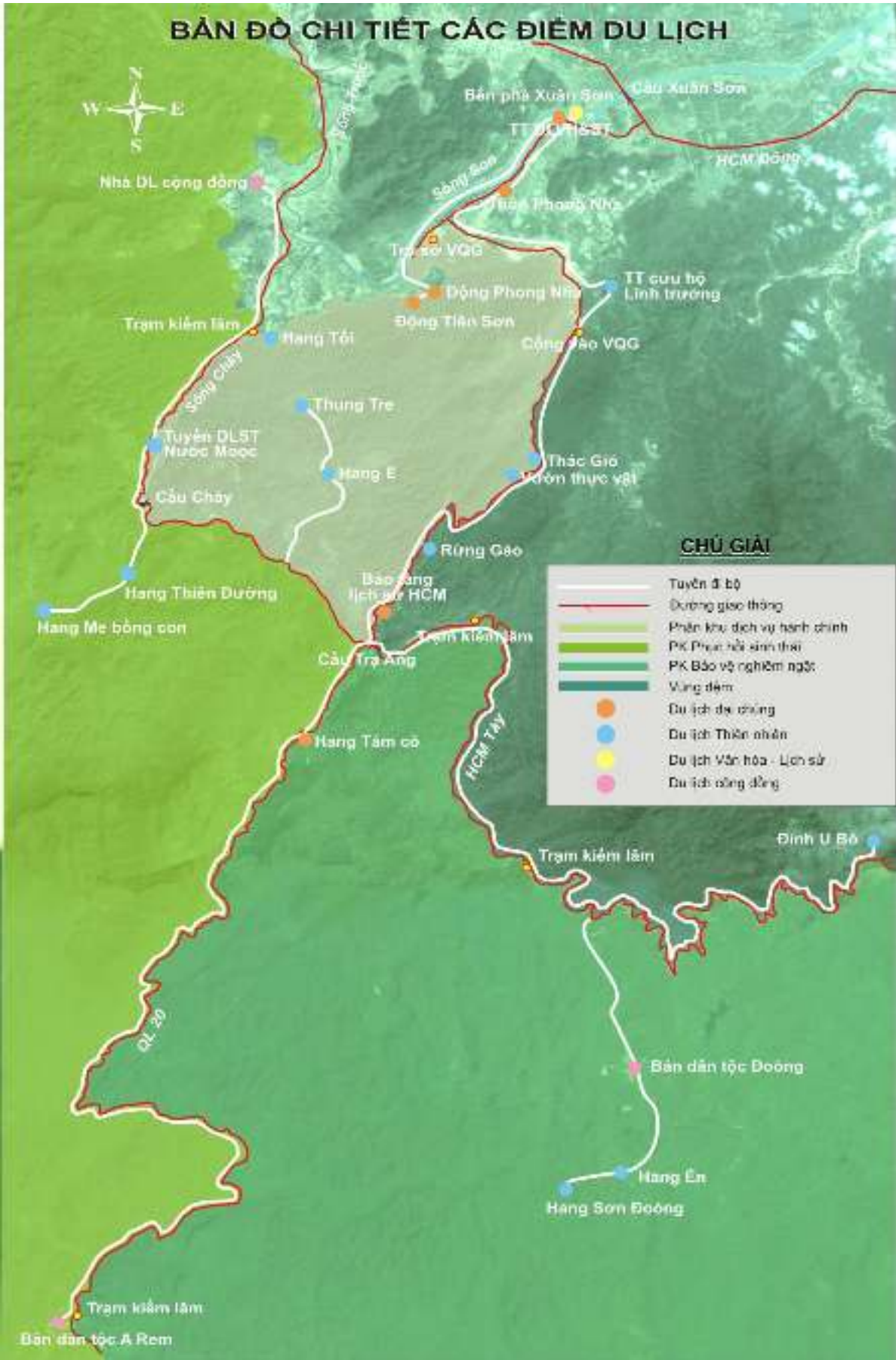
Bảng 36 hiển thị 5 tuyến du lịch dành cho khu vực VQG PNKB. Phụ lục 6 là báo cáo đánh giá chi tiết các điểm du lịch dọc theo các tuyến du lịch.

Bảng 36: Các tuyến du lịch khu vực VQG PNKB

Tuyến du lịch	Mô tả	Các điểm du lịch tương ứng trên tuyến
Tuyến 1: Quốc lộ 12 Cha Lo – Khe Ve	➤ Tuyến 1 đi theo Quốc lộ 12 phía bắc khu vực VQG PNKB. Tuyến này nằm giữa Cửa khẩu Cha Lo và ngã ba Khe Ve. Tuyến này có một số điểm ngắm cảnh ngoạn mục và những điểm có ý nghĩa lịch sử. Tuyến này chạy qua vùng đệm.	➤ Các điểm du lịch hiện tại dọc theo tuyến này bao gồm: hang Én/ Cổng Trời và di tích lịch sử Bãi Dinh.
Tuyến 2: Quốc lộ 15 Khe Ve đến phân khu Hành chính và Dịch vụ VQG PNKB và đường HCM	➤ Tuyến 2 đi dọc theo Quốc lộ 15 (Đường HCM) giữa ngã ba Khe Ve đến Vùng đệm ở Phân khu Hành chính – Dịch vụ (không kể xã Sơn Trạch). Tuyến này có một số điểm ngắm cảnh ngoạn mục thuộc VQG PNKB. Nhìn chung tuyến này nằm trong Vùng đệm, mặc dù một số điểm du lịch nằm trong VQG PNKB	➤ Các điểm du lịch hiện tại dọc theo tuyến này bao gồm: thác Mơ, bản dân tộc thiểu số người Rục, hang Chà Nòi, sân bay Khe Gát.
Tuyến 3: Tuyến du lịch quanh phân khu Hành chính và Dịch vụ VQG PNKB	➤ Tuyến 3 chạy quanh phân khu Hành chính và Dịch vụ của VQG PNKB. Tuyến này bao gồm các điểm du lịch chính của VQG PNKB. Đại đa số du khách đến khu vực VQG PNKB sử dụng tuyến này. Tuyến gần như chia đều cho cả Vùng đệm và VQG PNKB. Hầu hết các điểm du lịch có thể đến được trực tiếp từ tuyến này.	➤ Các điểm du lịch hiện tại dọc theo Tuyến này bao gồm: thị trấn Phong Nha, Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa, động Phong Nha, động Tiên Sơn, hang E, Thung Tre, hang Tối, Trung tâm Cứu hộ linh trưởng, Vườn Thực vật, tuyến sinh thái Nước Moọc, sông Chày, rừng Gáo, thác Gió, hang Thiên Đường, hang Mẹ Bồng Con và hang Vòm. ➤ Ngoài ra hang Tám Cô cũng nằm trong tuyến này.
Tuyến 4: Quốc lộ 20 (từ ngã rẽ phân khu Hành chính và Dịch vụ VQG PNKB) đến bản A Rem	➤ Tuyến 4 chạy từ ngã rẽ Quốc lộ 20 ở VQG PNKB lên phía biên giới Lào. Phần lớn tuyến này là đường cấp phối phân chia phân khu Phục hồi Sinh thái và phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt. Tuyến này thỉnh thoảng có một số điểm ngắm cảnh khá ngoạn mục.	➤ Các điểm du lịch hiện tại dọc theo tuyến này bao gồm: Hang Tám Cô (chung với Tuyến 3) và Bản dân tộc A Rem và các hang xung quanh
Tuyến 5: Đường HCM (từ ngã rẽ phân khu HC-DV VQG PNKB) qua đỉnh U Bò đến xã Trường Sơn	➤ Tuyến 5 chạy từ ngã rẽ Quốc lộ 20 ở VQG PNKB theo đường HCM đến cửa ra vào VQG PNKB ngược lên xã Trường Sơn. Tuyến này có một số điểm ngắm cảnh rất ngoạn mục của VQG PNKB và vùng đệm.	➤ Các điểm du lịch hiện tại dọc theo tuyến này bao gồm: đường vào xã Sơn Đoòng, hang Én và hang Sơn Đoòng, Đỉnh U Bò và xã Trường Sơn/ sông Long Đại.

Hình 10 và 11 mô tả các tuyến và chi tiết các điểm du lịch trong khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

Hình 10: Các tuyến và điểm du lịch trong VQG Phong Nha - Kẻ Bàng



Hình 11: Các tuyến và điểm du lịch trong khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng



3. Khung quy hoạch chiến lược

Bảng 37: Khung quy hoạch chiến lược đối với phát triển sản phẩm du lịch

Khung thời gian quy hoạch	Khu vực không gian chức năng	
	Vùng lõi của VQG PNKB (bao gồm phân khu Hành chính và Dịch vụ, phân khu Phục hồi Sinh thái, phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt, khu vực Mở rộng)	Vùng đệm
Quy hoạch ngắn hạn – Các biện pháp ưu tiên cao phát triển trước mắt Năm 1-3 (đến 2012)	Phân khu Hành chính - Dịch vụ: ➢ Giảm nhẹ tác động tiêu cực hiện nay đối với các sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch hiện có. Tập trung vào các điểm du lịch trọng điểm đã hình thành và các điểm du lịch đại chúng - động Phong Nha, động Tiên Sơn và hang Tám Cô ➢ Nhân rộng và nâng cấp các điểm du lịch trọng điểm đã hình thành. ➢ Điều tra tính khả thi để phát triển các hoạt động du lịch thương mại trong Vùng lõi. Phát triển các sản phẩm du lịch tập trung vào các điểm và các hoạt động du lịch mạo hiểm nhẹ nhàng thích hợp như đi bộ, leo núi, đi xe đạp và bơi thuyền ➢ Kết hợp các sản phẩm du lịch với các dự án phát triển hạ tầng du lịch tiềm năng, chẳng hạn các dự án ADB xây dựng bến thuyền và phát triển tuyến xe buýt. ➢ Tăng cường mối liên kết sản phẩm du lịch với Vùng đệm. Lưu ý: Trước khi phát triển bất kỳ hạng động nào trong phạm vi VQG PNKB thì phải có quyết định của UBND tỉnh/Ban Quản lý VQG về chính sách phát triển hạng động chung. Quyết định về chính sách này cần nêu những hướng dẫn và tiêu chí cụ thể cho phát triển, đặc biệt lưu ý tiêu chí đặc thù đối với hoạt động phát triển điểm Di sản.	Vùng đệm: ➢ Nâng cấp Trung tâm Thông tin Du lịch, đặc biệt là tài liệu diễn giải. ➢ Hỗ trợ hình thành các sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng hiện có – thôn Chày Lấp. ➢ Hỗ trợ thúc đẩy phát triển các hoạt động du lịch mạo hiểm nhẹ nhàng (đi bộ, leo núi, đi xe đạp và bơi thuyền) ở những nơi thích hợp trong Vùng đệm. ➢ Lập và triển khai quy hoạch phát triển chi tiết về sản phẩm du lịch cho hang 36 và bến phà Xuân Sơn, hang Chà Nòi, sân bay Khe Gát, hang Én/ Cổng Trời gần Cha Lo và Đồi 37 là sản phẩm du lịch tìm hiểu lịch sử. ➢ Lập và triển khai quy hoạch phát triển chi tiết về sản phẩm du lịch cho đỉnh U Bò và xã Trường Sơn/ sông Long Đại. ➢ Tiến hành nghiên cứu nhằm hỗ trợ việc nhân rộng và phát triển các sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng trong tương lai. ➢ Tiến hành nghiên cứu nhằm hỗ trợ việc nhân rộng và phát triển các sáng kiến du lịch vì lợi ích cộng đồng bao gồm cung cấp các sản phẩm/ dịch vụ cho du khách và hoạt động kinh tế du lịch, cũng như chiến lược tăng cường việc làm tại chỗ trong ngành du lịch. ➢ Tăng cường liên kết sản phẩm du lịch với Vùng lõi.
	Phân khu Phục hồi Sinh thái: ➢ Giảm nhẹ tác động tiêu cực hiện nay đối với các sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch hiện có ở hang Tám Cô.	Phân khu Hạ tầng du lịch: ➢ Tiến hành quy hoạch tổng thể từng điểm và lập chiến lược quản lý nhằm hỗ trợ hạ tầng cho du lịch đại chúng.

Khung thời gian quy hoạch	Khu vực không gian chức năng	
	Vùng lõi của VQG PNKB (bao gồm phân khu Hành chính và Dịch vụ, phân khu Phục hồi Sinh thái, phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt, khu vực Mở rộng)	Vùng đệm
	➢ Điều tra tính khả thi để phát triển các hoạt động du lịch ở các khu vực Hang Mẹ Bồng con, Hang Vòm, và Hang Thiên Đường. Lập quy hoạch phát triển cho từng điểm. ➢ Điều tra tính khả thi để phát triển các hoạt động du lịch ở Bản A Rem và các khu vực lân cận. Lập quy hoạch phát triển cho từng điểm. Lưu ý: Trước khi phát triển bất kỳ hang động nào trong phạm vi VQG PNKB thì phải có quyết định của UBND tỉnh/Ban Quản lý VQG về chính sách phát triển hang động chung. Quyết định về chính sách này cần nêu những hướng dẫn và tiêu chí cụ thể cho phát triển, đặc biệt lưu ý tiêu chí đặc thù đối với hoạt động phát triển điểm Di sản. Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt: ➢ Phát triển các sản phẩm du lịch tại hang Én và tuyến trekking ➢ Điều tra tính khả thi để phát triển các hoạt động du lịch ở Đỉnh U Bò. Lập quy hoạch phát triển cho từng điểm. Lưu ý: Trước khi phát triển bất kỳ hang động nào trong phạm vi VQG PNKB thì phải có quyết định của UBND tỉnh/Ban Quản lý VQG về chính sách phát triển hang động chung. Quyết định về chính sách này cần nêu những hướng dẫn và tiêu chí cụ thể cho phát triển, đặc biệt lưu ý tiêu chí đặc thù đối với hoạt động phát triển điểm Di sản.	Nghiên cứu xác định và đánh giá các điểm có khả năng xây dựng hạ tầng du lịch tại thị trấn Phong Nha, đặc biệt là phát triển các cơ sở lưu trú quy mô lớn và kết hợp quy hoạch hạ tầng với cơ chế quản lý về môi trường, dựa trên dự báo chính xác về tăng trưởng khách và nhu cầu thị trường.
	Khu vực Mở rộng: ➢ Điều tra tính khả thi đối với việc phát triển các hoạt động du lịch ở Bản Rục quanh các hang động.	
Quy hoạch trung hạn - Biện pháp Phát triển Trung hạn Năm 3-5 (đến 2015)	Phân khu Hành chính: ➢ Tổ chức các sản phẩm du lịch chất lượng cao ở các điểm du lịch đại chúng – Trung tâm Thông tin Du lịch, động Phong Nha, động Tiên Sơn, và Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh ngoài trời ➢ Tổ chức các sản phẩm du lịch mạo hiểm nhẹ nhàng và sản phẩm	Vùng đệm: ➢ Tổ chức các sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng thành công ở những khu vực chọn lọc trong Vùng đệm ➢ Hình thành và tổ chức các hoạt động du lịch mạo hiểm nhẹ nhàng (đi bộ, leo núi, đi xe đạp và bơi thuyền) ở

Khung thời gian quy hoạch	Khu vực không gian chức năng	
	Vùng lõi của VQG PNKB (bao gồm phân khu Hành chính và Dịch vụ, phân khu Phục hồi Sinh thái, phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt, khu vực Mở rộng)	Vùng đệm
	du lịch thiên nhiên trên cơ sở lượng khách trung bình ở khu vực Thung Tre. ➤ Tổ chức các sản phẩm du lịch mạo hiểm nhẹ nhàng và sản phẩm du lịch thiên nhiên trên cơ sở lượng khách trung bình ở các khu vực hang E, hang Tối, tuyến sinh thái suối Nước Mọc và sông Chày. ➤ Tăng cường và duy trì mối liên kết sản phẩm du lịch với Vùng đệm ➤ Xem xét và mở rộng quy mô sản phẩm du lịch cho phù hợp	những nơi thích hợp của Vùng đệm. ➤ Hỗ trợ việc nhân rộng và phát triển các sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng trong tương lai. ➤ Hỗ trợ việc nhân rộng và phát triển các sáng kiến du lịch vì lợi ích cộng đồng bao gồm cung cấp các sản phẩm/dịch vụ cho du khách và hoạt động kinh tế du lịch, cũng như chiến lược tăng cường việc làm tại chỗ trong ngành du lịch. ➤ Củng cố và duy trì mối liên kết sản phẩm du lịch với Vùng lõi
	Phân khu Phục hồi Sinh thái: ➤ Phát triển các sản phẩm du lịch ở các khu vực hang Mẹ Bồng Con, hang Vòm và hang Thiên Đường. ➤ Phát triển các sản phẩm du lịch ở bản A Rem và khu vực lân cận.	Phân khu Hạ tầng du lịch: ➤ Hỗ trợ đầu tư và phát triển du lịch đại chúng ở Phân khu hạ tầng du lịch.
	Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt: ➤ Quản lý chặt chẽ các sản phẩm du lịch ở hang Én và tuyến đi bộ ➤ Phát triển sản phẩm du lịch ở đỉnh U Bò	
	Khu vực Mở rộng: ➤ Nếu được thì triển khai phát triển các hoạt động du lịch ở Bản Rục và các hang chung quanh.	
Quy hoạch dài hạn - Chính sách và Quy hoạch dài hạn tập trung vào Tầm nhìn Phát triển Năm 5-10 (đến 2020)	➤ Chất lượng cao của sản phẩm du lịch góp phần vào các mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng ➤ Giám sát (liên tục nghiên cứu, giữ gìn, giảm nhẹ) ➤ Nâng cao khi cần và mở rộng có chọn lọc nếu thấy thích hợp dựa trên kết quả từng thời điểm, cập nhật mục tiêu quản lý và thông tin thị trường	

4. Các hoạt động phát triển

Bảng 38: Các hoạt động phát triển nhằm xây dựng sản phẩm du lịch

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
1	Kế hoạch quản lý du khách tại động Phong Nha, động Tiên Sơn và Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa Phát triển một hệ thống quản lý du khách cho các tour du lịch động Phong Nha - bao gồm cả Động Tiên Sơn có quy định về luồng khách vào hang đặc biệt là trong mùa cao điểm, xây dựng sức chứa hàng giờ của các hang, xác định rõ các Tuyến đi bộ qua các hang, tăng cường và nâng cấp hệ thống chiếu sáng trong hang động, hạn chế nghiêm ngặt thuyền du lịch vào trong hang động và tại khu vực cửa hang để có thể điều chỉnh lưu lượng khách, nâng cao số lượng và chất lượng các thông tin và tài liệu diễn giải về động Phong Nha, điều tra tiềm năng để phát triển một trung tâm diễn giải ở ngay cửa hang.	- Xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động ưu tiên	- Triển khai hoạt động và giám sát	- Triển khai hoạt động và giám sát	- Hoạt động của các sản phẩm du lịch chất lượng cao
2	Khảo sát theo dõi lượng khách vào động Phong Nha, động Tiên Sơn và Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa Xây dựng và triển khai một hệ thống giám sát du khách thường xuyên để đánh giá chất lượng về trải nghiệm của du khách	- Phát triển khảo sát ban đầu	- Khảo sát thường xuyên	- Khảo sát thường xuyên	- Khảo sát thường xuyên
3	Xây dựng lại Trung tâm thông tin cho du khách - Lập kế hoạch: Lồng ghép với Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa trong quy hoạch và quan điểm quản lý về khu bến thuyền du lịch, nâng cao số lượng và chất lượng của thông tin và diễn giải của trung tâm thông tin du khách, điều tra mô hình kinh doanh tiềm năng cho trung tâm, tích cực thúc đẩy và tích hợp trung tâm du khách thành một phần của trải nghiệm ở động Phong Nha. - Xây dựng: Đánh giá yêu cầu xây dựng lại	- Xây dựng kế hoạch và đánh giá việc tái xây dựng	- Tái xây dựng - Phát triển và tổ chức kinh doanh	- Phát triển và tổ chức kinh doanh	- Tổ chức sản phẩm du lịch chất lượng cao
4	Kế hoạch quản lý điểm tham quan hang Tám Cô Phát triển một kế hoạch quản lý điểm tham quan (bao gồm hệ thống quản lý môi trường để thu gom và xử lý chất thải) bao gồm hệ thống giám sát khách để đánh giá các luồng khách cụ thể, xác định tuyến đi bộ tại các điểm, đặc biệt giữa các chùa và khu vực hang động, cải thiện và mở rộng các cơ sở du lịch và dịch vụ, phát triển các tài liệu diễn giải về địa điểm tốt hơn và cung cấp thêm thông tin về khu vực, điều tra tiềm năng phát triển cơ hội đi bộ để tạo ra trải nghiệm bổ sung tại điểm tham quan và để giảm bớt lưu lượng khách vào điểm tham quan.	- Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động ưu tiên	- Triển khai các hoạt động và giám sát	- Triển khai các hoạt động và giám sát	- Tổ chức sản phẩm du lịch chất lượng cao
5	Phát triển sản phẩm đi bộ Trekking ở VQG PNKB Đánh giá yêu cầu về tuyến trekking, đánh dấu các tuyến leo núi, hướng dẫn thủ tục		- Đánh giá và quy	- Triển khai hoạt động	- Hỗ trợ phát triển sản

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
	phát triển và quy trình điều hành các tuyến trekking, cơ chế quản lý đối với các tuyến trekking, giảm thiểu tác động môi trường, sức chứa, và tài liệu diễn giải. ➢ Những tuyến đề nghị: hang Ёn, Thung Tre, hang Thiên Đường, hang Mẹ Bồng Con và hang Vòm, hang Sơn Đoòng, bản A Rem và các hang động quanh đó.		hoạch - Thiết kế sản phẩm - Hoạt động chuẩn bị	- Phát triển sản phẩm	phẩm - Phát triển và tổ chức kinh doanh
6	Phát triển tuyến đi bộ, trekking và đi xe đạp trong Vùng đệm ➢ Vạch các tuyến đi bộ, trekking và đi xe đạp trong Vùng đệm tập trung vào vùng quanh phân khu hành chính và dịch vụ - xã Sơn Trạch, hướng dẫn phát triển các tuyến đi bộ, leo núi và đi xe đạp, cơ chế quản lý hoạt động đi bộ, leo núi và đi xe đạp bao gồm các cộng đồng, giảm thiểu tác động môi trường, sức chứa của điểm tham quan, và tài liệu diễn giải. ➢ Hoạt động này cần được liên kết với hoạt động phát triển du lịch cộng đồng trong vùng đệm ➢ Các điểm nên được đưa vào: hang 36 và bến phà Xuân Sơn, các xã được chọn và hệ thống sông.	- Đánh giá và lập kế hoạch - Thiết kế sản phẩm - Chuẩn bị hoạt động	- Triển khai hoạt động - Phát triển sản phẩm	- Hỗ trợ phát triển sản phẩm - Phát triển và tổ chức kinh doanh	- Phát triển và tổ chức kinh doanh
7	Phát triển sản phẩm du lịch dưới nước trong VQG PNKB/ Vùng đệm ➢ Phát triển các hoạt động dưới sông như bơi thuyền kayak, tubing, bơi lội, du ngoạn trên sông. ➢ Hình thành các tuyến hoạt động dựa vào sông nước, hướng dẫn phát triển các hoạt động dưới nước, giảm thiểu tác động môi trường, sức chứa của điểm tham quan, tham khảo ý kiến với VQG PNKB và cộng đồng nhằm phối hợp trong khai thác sử dụng dòng sông, đào tạo các dịch vụ diễn giải, đón tiếp, và an toàn cứu nạn. ➢ Hoạt động này cần được liên kết với hoạt động phát triển du lịch cộng đồng trong vùng đệm ➢ Những con sông cần được nghiên cứu đánh giá gồm: sông Chày, sông Troóc, sông Sơn và sông Long Đại.	- Đánh giá và lập kế hoạch - Thiết kế sản phẩm - Chuẩn bị hoạt động	- Triển khai hoạt động - Phát triển sản phẩm	- Hỗ trợ phát triển sản phẩm - Phát triển và tổ chức kinh doanh	- Phát triển và tổ chức kinh doanh
8	Phát triển các hoạt động thám hiểm hang động ➢ Đánh giá các hang động về tiềm năng thám hiểm, vạch các tuyến đi bộ qua các hang động, hướng dẫn phát triển và quy trình tổ chức hoạt động thám hiểm hang động, giảm thiểu tác động môi trường, sức chứa của địa điểm, và tài liệu diễn giải. ➢ Các hang cần được đánh giá bao gồm: hang E, hang Tối, hang Thiên Đường, hang Mẹ Bồng con và hang Vòm, hang Ёn Lưu ý: Trước khi phát triển bất kỳ hang động nào trong phạm vi VQG PNKB thì phải có quyết định của UBND tỉnh/ Ban Quản lý VQG về chính sách phát triển hang động chung. Quyết định về chính sách này cần nêu những hướng dẫn và tiêu chí cụ thể cho phát triển,		- Đánh giá và lập kế hoạch - Thiết kế sản phẩm - Chuẩn bị hoạt động	- Triển khai hoạt động - Phát triển sản phẩm	- Hỗ trợ phát triển sản phẩm - Phát triển và tổ chức kinh doanh

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
	đặc biệt lưu ý tiêu chí đặc thù đối với hoạt động phát triển điểm Di sản.				
9	Phát triển sản phẩm ngắm động vật hoang dã ➢ Tạo cơ hội quan sát động vật hoang dã. ➢ Đánh giá các khu vực quan sát động vật hoang dã, điều tra yêu cầu cơ sở hạ tầng như: trạm hoặc điểm quan sát, xây dựng hướng dẫn quan sát động vật hoang dã. ➢ Tập trung vào các điểm hiện có như: điểm quan sát Voọc Hà Tĩnh ngay trước tuyến sinh thái Nước Mọc, Trung tâm Cứu hộ linh trưởng và Vườn thực vật	- Đánh giá và lập kế hoạch - Thiết kế sản phẩm	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Phát triển sản phẩm - Hỗ trợ phát triển sản phẩm	- Hỗ trợ phát triển sản phẩm - Phát triển và tổ chức kinh doanh
10	Phát triển ý tưởng tổ chức hoạt động du lịch tại Trung tâm Cứu hộ linh trưởng ➢ Hình thành kế hoạch quản lý hoạt động cụ thể cho từng điểm bảo đảm an toàn, hướng dẫn khách đúng nguyên tắc và ngăn chặn tác động đến môi trường và động vật, xây dựng các tài liệu diễn giải, lập kế hoạch đào tạo diễn giải viên, và đánh giá tác động/chương trình giám sát, thiết kế lịch trình tham quan thích hợp với bộ phận quản lý dự án	- Đánh giá và lập kế hoạch - Thiết kế sản phẩm	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Phát triển sản phẩm - Hỗ trợ phát triển sản phẩm	- Hỗ trợ phát triển sản phẩm - Phát triển và tổ chức kinh doanh
11	Phát triển các ý tưởng tổ chức hoạt động du lịch tại Vườn thực vật ➢ Chuẩn bị một kế hoạch cho các ý tưởng cho Vườn thực vật. Công việc này nên bao gồm quản lý du khách, hình thành các lối đi, thông tin và diễn giải, nhu cầu cơ sở hạ tầng tiềm năng như biển báo, bãi đậu xe, nhà vệ sinh và phòng nhân viên, phát triển nội dung diễn giải và thông tin cụ thể, tìm hiểu cơ hội sử dụng nhân viên VQG PNKB hoặc người dân trong cộng đồng làm diễn giải viên/phiên dịch.	- Đánh giá và lập kế hoạch - Thiết kế sản phẩm	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Phát triển sản phẩm - Hỗ trợ phát triển sản phẩm	- Hỗ trợ phát triển sản phẩm - Phát triển và tổ chức kinh doanh
12	Phát triển các ý tưởng tổ chức hoạt động du lịch tại Thung Tre ➢ Xem xét cẩn thận bất kỳ đề xuất dự án đầu tư nào tại Thung Tre về tác động đối với tính đa dạng sinh học của khu vực và toàn vùng nói chung, đánh giá tính đa dạng sinh học và mô tả rõ ràng các động vật hoang dã hiện có, tiến hành một đánh giá điểm du lịch hoàn chỉnh để xác định mức độ phát triển sản phẩm du lịch và cơ sở hạ tầng phù hợp, vừa đáp ứng nhu cầu của thị trường đồng thời đảm bảo bảo vệ môi trường và bảo tồn các giá trị, điều tra khả năng đi bộ dưới tán cây trong Thung Tre và chuẩn bị nghiên cứu khả thi.	- Đánh giá tính nhạy cảm về môi trường - Nghiên cứu thị trường	- Phát triển khái niệm - Chuẩn bị lập kế hoạch	- Thiết kế sản phẩm - Đánh giá và lập kế hoạch - Tổ chức đầu tư	- Huy động đầu tư - Triển khai các hoạt động phát triển
13	Phát triển các ý tưởng phát triển du lịch đối với rừng Gáo ➢ Chuẩn bị một kế hoạch cho các ý tưởng đối với rừng Gáo. Kế hoạch này nên bao gồm những nội dung quản lý du khách, phát triển tuyến đường mòn, thông tin và diễn giải, nhu cầu cơ sở hạ tầng tiềm năng và nhu cầu như biển báo, bãi đậu xe, nhà vệ sinh và phòng nhân viên, phát triển nội dung diễn giải và thông tin cụ thể, tìm hiểu cơ hội sử dụng nhân viên VQG PNKB hoặc người dân trong cộng đồng làm diễn giải viên/phiên dịch.			- Đánh giá và lập kế hoạch	- Thiết kế sản phẩm - Chuẩn bị hoạt động
14	Phát triển các ý tưởng phát triển du lịch đối với đỉnh U Bò		- Đánh giá	- Thiết kế	- Triển khai

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
	➢ Điều tra một tuyến đường mòn cho Đình U Bò, điều tra tính khả thi về kinh phí cho tuyến đường mòn, tính toán để địa điểm này sẽ được gắn kết với các tuyến du lịch / sản phẩm khác.		và lập kế hoạch	sản phẩm - Chuẩn bị hoạt động	hoạt động
15	Phát triển điểm Thác Mơ ➢ Quy hoạch điểm du lịch, phát triển khu vực đỗ xe làm trạm nghỉ chân trên Quốc lộ 15. Nhu cầu hạ tầng chủ yếu tại khu vực nghỉ chân này là: Biển báo khu vực đỗ xe và thác nước, nhà vệ sinh và nơi đổ rác, phục vụ các mặt hàng cho khách du lịch như nước giải khát, thư giãn, bán đồ lưu niệm. Phát triển thông tin và diễn giải cụ thể về khu vực. Xây dựng điểm này thành một bộ phận trong quá trình phát triển các tuyến đường du lịch khác trên Quốc lộ 15.	- Đánh giá và lập kế hoạch	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Phát triển sản phẩm - Hỗ trợ phát triển sản phẩm	- Hỗ trợ phát triển sản phẩm - Phát triển và tổ chức kinh doanh
16	Duy trì và mở rộng Tuyến sinh thái suối Nước Mọc ➢ Xem lại một tiềm năng mở rộng tuyến này, rà soát và kiểm tra lịch bảo dưỡng tuyến, đặc biệt là các cầu, cải thiện bảng chỉ dẫn và thông tin tại chỗ, kết nối và lồng ghép tuyến này với các hoạt động du lịch cộng đồng tại thôn Chày Lấp, tận dụng cơ hội hơn để góp phần phát triển kinh tế địa phương như cung cấp hàng hoá và dịch vụ (đồ uống, quà lưu niệm và sản phẩm địa phương của dân làng gần đó, thiết lập kế hoạch giám sát du khách và xem xét kế hoạch quản lý điểm du lịch trong tương lai, hỗ trợ tiếp thị và quảng bá tuyến du lịch này, liên kết và đưa tuyến sinh thái vào các hoạt động du lịch trọn gói khác.	- Đánh giá và lập kế hoạch - Chuẩn bị hoạt động	- Triển khai các hoạt động mở rộng	- Hỗ trợ hoạt động kinh doanh và lồng ghép các sản phẩm	- Hỗ trợ liên tục khi cần
17	Giám sát việc xây dựng Bảo tàng lịch sử Hồ Chí Minh ngoài trời theo quy hoạch ➢ Giám sát việc lập quy hoạch và xây dựng Bảo tàng lịch sử Hồ Chí Minh, thông báo cho đơn vị chủ quản xây dựng về QHPTDLBV, kết hợp phát triển bảo tàng và quản lý du khách của VQG PNKB. Đặc biệt là trong Tuyến tham quan quanh phân khu Hành chính và Dịch vụ. Lưu ý rằng đây sẽ là điểm du lịch đại chúng.	- Hợp tác	- Điều phối và lồng ghép với các quy hoạch khác	- Lồng ghép với các quy hoạch khác	- Giám sát
18	Hình thành các điểm du lịch nhỏ để phát triển tuyến đi bằng xe ô tô ➢ Các điểm này bao gồm: hang Cha Lo (bao gồm cả khu vực từ Quốc lộ vào thung lũng), di tích lịch sử Bãi Đình, hang Én/ Cổng Trời gần Cha Lo và Đồi 37, núi Thần Đình, sân bay Khe Gát. ➢ Phát triển các điểm cụ thể bao gồm: chỉnh trang địa điểm và bố trí những công trình hạ tầng quy mô nhỏ như nhà vệ sinh, xây dựng nội dung thông tin và diễn giải cho từng khu vực, phát triển điểm đến này như là một phần của cả tuyến du lịch, nâng cao nhận thức trong cộng đồng địa phương về du lịch và hỗ trợ các dịch vụ như ăn uống giải khát và quà lưu niệm.		- Đánh giá và lập kế hoạch - Thiết kế sản phẩm	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Phát triển sản phẩm - Hỗ trợ phát triển sản phẩm
19	Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng trong VQG PNKB ➢ Các bản A Rem và A Rộc: Tiến hành đánh giá nhu cầu phát triển cộng đồng, đánh giá		- Đánh giá, quy hoạch	- Đánh giá, quy hoạch	- Triển khai hoạt động

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
	tính nhạy cảm về văn hóa xã hội và các yêu cầu bảo tồn, tiến hành phân tích mức độ nhạy cảm về môi trường, hỗ trợ các tổ chức cộng đồng, nâng cao nhận thức và phát triển kỹ năng đón tiếp khách du lịch, thiết lập và cải thiện hệ thống quản lý rác thải, nước sạch và thông tin liên lạc, tiến hành phân tích thị trường cụ thể và phát triển ý tưởng sản phẩm, rà soát các chính sách cho phép khách lưu trú, phát triển cơ chế thỏa thuận kinh doanh/ nhượng quyền.		và tham vấn	và tham vấn - Chuẩn bị hoạt động	
20	Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng Chày Lập ➢ Đào tạo kỹ năng và ngôn ngữ để người dân địa phương tham gia vào dịch vụ du lịch cung cấp dịch vụ tốt hơn (giá trị cao hơn), nâng cao nhận thức về du lịch giữa các cư dân địa phương, phát triển và hỗ trợ loại hình homestay ở Chày Lập thành mô hình nhân rộng trong khu vực, xác định và hỗ trợ tổ chức các hoạt động du lịch cộng đồng như đi xe đạp, đi bộ đến các làng khác, bơi thuyền kayak và chơi tubing, sẵn sàng bố trí các hoạt động du lịch cộng đồng vào ban ngày cho khách, xác định các cơ hội khác để các hộ gia đình có thu nhập liên quan đến du lịch nhiều hơn, hỗ trợ tiếp thị và quảng bá các hoạt động du lịch cộng đồng và homestay trong khu vực.	- Hỗ trợ phát triển và tổ chức hoạt động kinh doanh - Nâng cao năng lực	- Hỗ trợ phát triển và tổ chức hoạt động kinh doanh	- Củng cố sản phẩm chính - Tăng cường tác động tích cực - Hỗ trợ hoạt động	- Giám sát và bảo dưỡng - Liên kết rộng rãi hơn để mở rộng du lịch cộng đồng
21	Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng tại vùng đệm ➢ Rà soát và đánh giá các cộng đồng có tiềm năng tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng và nâng cao nhận thức về du lịch tại các xã, thôn, đánh giá nhu cầu tiềm năng về sản phẩm du lịch Cộng đồng trong vùng đệm, đánh giá nhu cầu năng lực, khảo sát và đánh giá sản phẩm tour du lịch và tính khả thi về cơ chế tài chính.	- Đánh giá, quy hoạch và tham vấn	- Đánh giá, quy hoạch và tham vấn - Chuẩn bị hoạt động	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Triển khai hoạt động - Hỗ trợ phát triển và tổ chức hoạt động kinh doanh
22	Du lịch vì lợi ích cộng đồng ở vùng đệm ➢ Hỗ trợ hoạt động sản xuất các sản phẩm địa phương gắn liền với chuỗi giá trị du lịch, hợp tác với các sáng kiến phát triển có liên quan khác (chính phủ và các tổ chức phát triển), tham khảo thêm ý kiến các đơn vị lữ hành để xác định nhu cầu thực tế về sản phẩm du lịch cộng đồng và hợp tác để xây dựng các sản phẩm phù hợp nhất, hỗ trợ và lồng ghép các xã, thôn trong chương trình phát triển nguồn nhân lực.	- Đánh giá, quy hoạch và tham vấn	- Đánh giá, quy hoạch và tham vấn - Chuẩn bị hoạt động	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Triển khai hoạt động - Hỗ trợ phát triển và tổ chức hoạt động kinh doanh
23	Phân tích chuỗi giá trị du lịch đối với khu vực VQG PNKB ➢ Tiến hành nghiên cứu nhằm đưa ra các chỉ báo cơ bản về du lịch để hỗ trợ việc mở rộng và phát triển các cơ hội hưởng lợi từ du lịch bao gồm kết nối sản phẩm địa phương vào nền kinh tế du lịch và tăng cơ hội việc làm trong lĩnh vực du lịch.	- Tiến hành nghiên cứu xác định biện pháp can thiệp ưu tiên	- Chuẩn bị hoạt động - Triển khai hoạt động	- Triển khai biện pháp can thiệp - Tăng cường tiếp cận thị trường	- Mở rộng hoạt động - Nâng cấp và nhân rộng

7. TIẾP THỊ VÀ QUẢNG BÁ DU LỊCH

1. Cách tiếp cận chiến lược và hướng dẫn

7.1.1. Cách tiếp cận chiến lược

Cần có phương thức quảng bá và tiếp thị toàn diện thể hiện hình ảnh nhất quán và chất lượng cao của khu vực PNKB để thu hút du khách từ thị trường mục tiêu nhằm hỗ trợ du lịch bền vững và bảo tồn các giá trị di sản.

Chiến lược và các hoạt động tiếp thị quảng bá thích hợp và hiệu quả phụ thuộc vào các định hướng chiến lược sau đây:

Bảng 39: Định hướng chiến lược về tiếp thị và quảng bá

Định hướng chiến lược cho tiếp thị và xúc tiến du lịch
➤ Khai thác những khía cạnh độc đáo và đặc trưng của khu vực VQG PNKB ➤ Góp phần tạo vị thế chung của thương hiệu du lịch PNKB ➤ Nhắm đến các phân khúc thị trường ưu tiên ➤ Tận dụng mọi cơ hội để hợp tác và lồng ghép hiệu quả với những chiến lược, hoạt động và đối tác liên quan ➤ Khai thác tối đa hiệu suất và hiệu quả chi phí ➤ Phối kết hợp với các cuộc vận động và chiến lược khác ở tầm quốc gia và tiểu vùng ➤ Có chiến lược tổng thể và lồng ghép để kết hợp các các mặt của quy hoạch này thông qua thông tin, diễn giải, phát triển nguồn nhân lực, các chiến lược và hoạt động phát triển sản phẩm.

7.1.2. Hướng dẫn phát triển

Bảng 40: Hướng dẫn phát triển hoạt động tiếp thị và quảng bá

Hướng dẫn Phát triển
➤ Hướng dẫn nhằm định hướng chiến lược tiếp thị và xúc tiến tổng thể ➤ Liên kết với các chiến lược và hoạt động cấp tỉnh, khu vực và quốc gia ➤ Duy trì hình ảnh và thông điệp nhất quán về khu vực PNKB với tư cách là một điểm đến ➤ Nhấn mạnh những giá trị di sản có chất lượng và những nỗ lực bảo tồn ➤ Thông tin: theo dõi sự hài lòng của khách du lịch ➤ Nhấn mạnh về mặt tìm tòi học hỏi và bảo tồn. ➤ Đặc trưng chủ yếu của Quảng Bình và Bắc Trung bộ Việt Nam, cụm các DSTG của Việt Nam, Hành lang du lịch Đông - Tây của tiểu vùng Mêkông mở rộng, và các điểm DSTG toàn cầu - châu Á.

2. Khung quy hoạch chiến lược

Bảng 41: Khung quy hoạch chiến lược đối với tiếp thị và quảng bá du lịch

Khung thời gian quy hoạch	Cấp độ chức năng	
	Khu vực PNKB	Quảng Bình, Quốc gia, và tiểu vùng
Quy hoạch ngắn hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt và ưu tiên cao Năm 1-3 (đến 2012)	➢ Triển khai chiến lược tiếp thị tổng thể bao gồm: - Phân tích thị trường tổng thể - Chiến lược xác lập vị thế và xây dựng thương hiệu - Các kênh và chiến lược tiếp thị và phân phối - Các hoạt động xúc tiến ➢ Thiết lập hệ thống thu thập và phân tích thông tin thị trường bao gồm: - Nắm thông tin du khách và thị trường, - Sự hài lòng của các bên liên quan... ➢ Xây dựng các tài liệu tiếp thị và chiến lược quảng bá chất lượng mang tính nhất quán, có trọng tâm và phản ánh trung thực về “thương hiệu” và “vị thế” của sản phẩm du lịch của khu vực VQG PNKB.	➢ Đưa PNKB vào các chiến lược quốc gia và tiểu vùng ➢ Sự tham gia của đại diện Sở VH-TT-DL và doanh nghiệp tại các sự kiện quảng bá, hội chợ thương mại khu vực và quốc gia
Quy hoạch trung hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt Năm 3-5 (đến 2015)	➢ Khai thác các kênh phân phối chính ➢ Cải thiện và củng cố tài liệu tiếp thị ➢ Xây dựng chương trình thu thập và theo dõi thông tin	➢ Mở rộng hoạt động của PNKB nhắm đến những thị trường then chốt ➢ Tiếp tục lồng ghép PNKB vào các chiến dịch/tiếp thị quốc gia, khu vực và toàn cầu ➢ Khai thác các kênh tiếp thị tối ưu ➢ Nâng cấp và chỉnh lý tài liệu tiếp thị ➢ Phân tích diễn tiến thị trường
Quy hoạch dài hạn - Chính sách và Quy hoạch dài hạn tập trung vào Tầm nhìn Phát triển Năm 5-10 (đến 2020)	➢ Tiếp tục rà soát và hiệu chỉnh sự phù hợp giữa sản phẩm và thị trường nhằm đạt được những mục tiêu quản lý Vườn quốc gia ➢ Duy trì chiến lược tiếp thị và quảng bá du lịch chất lượng cao, các sản phẩm và hoạt động góp phần vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng ➢ Giám sát (rà soát và hiệu chỉnh trong quá trình thực hiện) ➢ Tăng cường nếu cần và nhân rộng có chọn lọc nếu phù hợp dựa trên kết quả từng thời điểm, mục tiêu quản lý và thông tin thị trường	

3. Các hoạt động phát triển

Bảng 42: Các hoạt động phát triển cho tiếp thị và quảng bá du lịch

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
1	Chiến lược tiếp thị, quảng bá và Kế hoạch hành động đối với khu vực VQG PNKB Chiến lược này bao gồm: phân tích thị trường toàn diện (dựa trên cuộc khảo sát về du khách), định vị và chiến lược xây dựng thương hiệu (cùng với tỉnh Quảng Bình và Tổng cục Du lịch), phát triển hoạt động tiếp thị và kênh phân phối đồng thời có kế hoạch hành động tổng thể	- Xây dựng kế hoạch - Thiết kế các hoạt động ưu tiên triển khai	- Triển khai các hoạt động chiến lược ưu tiên - Tiếp tục nghiên cứu nếu cần - Giám sát	- Triển khai toàn diện các hoạt động - Giám sát và điều chỉnh	Giám sát và điều chỉnh liên tục
2	Khảo sát về khách du lịch đến động Phong Nha, động Tiên Sơn và Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa Thiết lập và thực hiện hình thức khảo sát để theo dõi thường xuyên về du khách để đánh giá chất lượng các trải nghiệm của du khách.	Hình thành khảo sát ban đầu	Khảo sát thường xuyên	Khảo sát thường xuyên	Khảo sát thường xuyên
3	Xây dựng thương hiệu Phát triển một thương hiệu nhất quán và biểu tượng cho khu vực. Đây là điểm cần được áp dụng đối với tất cả các hoạt động tiếp thị, truyền thông và biển báo diễn giải.	- Chiến lược xây dựng thương hiệu - Thiết kế biểu tượng - Triển khai hoạt động ưu tiên	Tiếp tục các hoạt động xây dựng thương hiệu	- Đánh giá tính hiệu quả về xây dựng thương hiệu - Chỉnh lý nếu cần	Tiếp tục và mở rộng các hoạt động xây dựng thương hiệu
4	Phát triển các hình thức tiếp thị cho khu vực VQG PNKB Phát triển các hình thức tiếp thị phù hợp như tập gấp, áp phích, tờ rơi v.v... Đưa bản đồ du lịch toàn diện kèm vào các tập gấp giới thiệu từng điểm du lịch cụ thể.	Bước đầu cải thiện tài liệu cho từng điểm	Xây dựng các tài liệu tiếp thị tổng thể có lồng ghép nội dung	Rà soát và cập nhật nếu cần	Rà soát và cập nhật nếu cần
5	Quảng cáo và xúc tiến Thực hiện quảng cáo và xúc tiến cũng như chuẩn bị chiến lược tiếp thị và xúc tiến và kế hoạch hành động cho khu vực VQG	Bước đầu cải thiện tài liệu cho từng điểm	Xây dựng các tài liệu tiếp thị tổng thể có lồng ghép	Rà soát và cập nhật nếu cần	Rà soát và cập nhật nếu cần

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
	PNKB.		nội dung		
6	Phát triển và duy trì Website ➢ Phát triển một trang web quảng bá cho khu vực và tất cả các đơn vị du lịch liên quan. Có thể bao gồm hệ thống đặt chỗ cho các tuyến du lịch hàng động chính, các hoạt động quanh khu vực và khách sạn.	- Cải thiện bước đầu website dựa trên cách tiếp cận thị trường và cung cấp thông tin rõ ràng	- Tăng cường nội dung và xây dựng hệ thống đặt chỗ	- Chinh lý nội dung và đưa hệ thống đặt chỗ vào hoạt động	- Tiếp tục chỉnh lý nội dung và đưa hệ thống đặt chỗ vào hoạt động
7	Hỗ trợ các tour khảo sát của các đơn vị lữ hành và truyền thông (farm tour) ➢ Cung cấp hỗ trợ liên tục trong khu vực đối với các đơn vị lữ hành và truyền thông báo chí đến thăm. Thường xuyên mời những các hãng lữ hành và đại diện báo đài	- Xây dựng chương trình <i>farm tour</i>	- Tổ chức <i>farm tour</i> thường xuyên	- Tổ chức <i>farm tour</i> thường xuyên	- Tổ chức <i>farm tour</i> thường xuyên
8	Tham gia các sự kiện quảng bá và hội chợ thương mại quốc gia và khu vực ➢ Thường xuyên tham gia các sự kiện quảng bá và hội chợ thương mại quốc gia và khu vực. Dựa trên chiến lược về Tiếp thị và Quảng bá và Kế hoạch hành động cho khu vực VQG PNKB.	- Chuẩn bị chương trình tổng thể về các sự kiện - Chuẩn bị tài liệu	- Tham gia vào các sự kiện ưu tiên	- Tham gia rộng rãi hơn vào các sự kiện ưu tiên	- Tiếp tục tham gia vào các sự kiện ưu tiên

8. QUẢN LÝ THÔNG TIN DU LỊCH VÀ QUẢN LÝ DIỄN GIẢI

1. Giới thiệu

Phần này bao gồm hai bộ phận quan trọng vừa quản lý thông tin hiệu quả (thu thập và sử dụng thông tin) vừa diễn giải chất lượng và hiệu quả (một hình thức quản lý thông tin), cần thiết trong việc đem lại trải nghiệm du lịch chất lượng cao và hỗ trợ cho mục tiêu quản lý Vườn quốc gia.

8.1.1. Quản lý thông tin

Thông tin chất lượng sẵn sàng có tầm quan trọng cơ bản đối với quản lý du lịch hiệu quả tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn. Thông tin chính xác và phù hợp cần thiết để hỗ trợ giám sát và quản lý hiệu quả các tác động phát triển, hình thành và duy trì sản phẩm và trải nghiệm du lịch chất lượng, cũng như chiến lược tiếp thị.

Quản lý thông tin là một nhiệm vụ toàn diện sẽ được thực hiện tốt nhất thông qua việc hình thành một hệ thống quản lý thông tin bao gồm các thành tố có quan hệ mật thiết trong thu thập, tổ chức, sản xuất, phân tích và điều chỉnh đối với thông tin.

8.1.2. Chiến lược diễn giải

Mục tiêu của tất cả các dịch vụ diễn giải là gia tăng mức độ cảm thụ và hiểu biết của du khách về VQG PNKB, và cho phép mỗi du khách thưởng ngoạn và tìm hiểu về VQG theo cách riêng của mình. Diễn giải hiệu quả dựa trên phương thức tiếp cận toàn diện và tổng hợp một cách có chiến lược nguồn thông tin được thiết kế đặc biệt gần gũi với du khách tại điểm tham quan.

Mục đích của phương pháp này là để dẫn dắt du khách mở mang kiến thức và đó là một phần của trải nghiệm du lịch bổ ích. Để đạt được hiệu quả tối đa, điều quan trọng là tất cả các thông tin du lịch phải được thiết kế và truyền đạt thông qua việc hình thành và triển khai một chiến lược về diễn giải toàn diện.

2. Cách tiếp cận chiến lược và hướng dẫn phát triển

8.2.1. Cách tiếp cận chiến lược

Một chiến lược toàn diện về quản lý thông tin và diễn giải được kết hợp nhịp nhàng có tầm quan trọng chính trong việc tạo ra những trải nghiệm du lịch chất lượng cao, chú trọng nâng cao nhận thức và bảo tồn các giá trị thiên nhiên và di sản, đồng thời đáp ứng yêu cầu giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả thông qua việc theo dõi những tác động của du lịch trên tổng thể và từng điểm, sự hài lòng của du khách và thông tin thị trường.

Bảng 43: Định hướng chiến lược về quản lý thông tin và diễn giải

Định hướng chiến lược	
Quản lý thông tin du lịch	Quản lý diễn giải du lịch
➤ Thông tin về đặc điểm du khách, những tác động và mức độ thỏa mãn cần được thu thập ở tất cả các điểm du lịch. ➤ Thông tin cần được thu thập và trình bày hiệu quả để hỗ trợ cho những điều chỉnh về quản lý trên cơ sở thông tin đầy đủ, mang tính chiến lược và kịp thời để quản lý tác động, phát triển và tiếp thị sản phẩm. ➤ Quản lý thông tin cần được thực hiện trong một hệ thống quản lý thông tin toàn diện và tổng hợp	➤ Những trải nghiệm chất lượng của du khách và việc nâng cao nhận thức của du khách có hiệu quả hay không là tùy thuộc vào việc diễn giải có chất lượng và được kết hợp một cách chiến lược ➤ Việc diễn giải sẽ bao gồm mọi hình thức thông tin du lịch như tài liệu quảng bá, bản đồ, nguồn thông tin thụ động và chủ động tại các điểm tham quan kể cả những đơn vị cung cấp diễn giải viên và dịch vụ thông tin. ➤ Việc diễn giải phải bao trùm toàn bộ khu vực điểm đến theo một thể thống nhất và phù hợp với chiến lược thông tin rộng lớn và có liên kết.

8.2.2. Hướng dẫn phát triển

Bảng 44: Hướng dẫn phát triển về quản lý thông tin du lịch và quản lý diễn giải du lịch

Hướng dẫn phát triển	
Quản lý thông tin du lịch	Quản lý diễn giải du lịch
➤ Mỗi điểm du lịch sẽ có Quy trình cụ thể để thu thập thông tin về đặc điểm của khách, tác động và mức độ hài lòng. ➤ Thông tin tại chỗ được thu thập, tổ chức và trình bày để điều chỉnh cách quản lý ở cấp độ thích hợp, hỗ trợ cho việc đáp ứng một cách kịp thời và hiệu quả về quản lý.	➤ Tài liệu diễn giải cụ thể sẽ được xây dựng cho từng điểm du lịch. ➤ Các tài liệu diễn giải tại điểm tham quan sẽ góp phần vào chiến lược diễn giải nhằm nâng cao nhận thức du lịch theo đề tài, các khu du lịch chuyên đề, và sự quan tâm của phân khúc thị trường chính. ➤ Chiến lược diễn giải sẽ được lồng ghép vào thông tin cho du khách và được thiết kế để dẫn dắt du khách có được những trải nghiệm nâng cao nhận thức bổ ích và xứng đáng như một phần trong chuyến tham quan của họ đến khu vực PNKB.

3. Khung quy hoạch chiến lược

Bảng 45: Khung quy hoạch chiến lược đối với quản lý thông tin du lịch và diễn giải du lịch

Khung thời gian quy hoạch	Cấp độ chức năng	
	Quản lý thông tin	Diễn giải
Quy hoạch ngắn hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt và ưu tiên cao Năm 1 - 3 (đến 2012)	➢ Thiết kế một hệ thống quản lý thông tin toàn diện và kế hoạch hành động bao gồm những nội dung hỗ trợ giám sát và quản lý du lịch, cũng như ghi chép chính xác hoạt động của du khách cho mục đích tiếp thị. ➢ Phát triển chiến lược đào tạo về quản lý thông tin. Xem chi tiết ở phần phát triển nguồn nhân lực.	➢ Chuẩn bị một chiến lược diễn giải toàn diện và kế hoạch hành động ➢ Xây dựng các tài liệu diễn giải chung cho Trung tâm thông tin, kể cả tư liệu đa phương tiện ➢ Chuẩn bị tài liệu diễn giải cho những điểm tham quan ưu tiên ➢ Đào tạo kỹ năng diễn giải và hướng dẫn cho cán bộ VQG, cộng đồng địa phương, các công ty du lịch. Xem chi tiết ở phần phát triển nguồn nhân lực.
Quy hoạch trung hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt Năm 3 - 5 (đến 2015)	➢ Triển khai hệ thống quản lý thông tin toàn diện và Kế hoạch hành động ➢ Thực hiện chiến lược đào tạo về quản lý thông tin ➢ Đưa vào vận hành hệ thống quản lý thông tin	➢ Triển khai chiến lược diễn giải toàn diện và Kế hoạch hành động ➢ Thực hiện chiến lược đào tạo về quản lý thông tin ➢ Đưa vào vận hành hệ thống quản lý diễn giải
Quy hoạch dài hạn - Chính sách và Quy hoạch dài hạn tập trung vào Tầm nhìn Phát triển Năm 5 – 10 (đến 2020)	➢ Duy trì việc quản lý thông tin chất lượng cao góp phần vào quản lý hiệu quả du lịch bền vững và bảo tồn di sản ➢ Duy trì hình thức diễn giải chất lượng cao là một phần quan trọng trong các sản phẩm và trải nghiệm du lịch, góp phần đạt được mục tiêu bảo tồn ➢ Giám sát (rà soát và hiệu chỉnh trong quá trình thực hiện) ➢ Nâng cấp nếu cần và nhân rộng có chọn lọc nếu phù hợp, dựa trên kết quả từng thời điểm, mục tiêu quản lý và thông tin thị trường	

4. Các hoạt động phát triển

Bảng 46: Các hoạt động phát triển đối với quản lý thông tin du lịch và diễn giải du lịch

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
1	Phát triển hệ thống quản lý thông tin ➢ Hệ thống này nhằm thu thập thông tin cho mục đích quản lý các tác động của du lịch, quy hoạch, tiếp thị và phát triển sản phẩm và cho hoạt động diễn giải.	- Xây dựng kế hoạch - Triển khai hoạt động ưu tiên	- Triển khai hoạt động - Phát triển nguồn nhân lực cho các hoạt động - Giám sát	- Hoàn tất việc triển khai các hoạt động - Giám sát	- Tiếp tục giám sát và quản lý
2	Xây dựng kế hoạch diễn giải và các hoạt động của Kế hoạch hành động ➢ Chuẩn bị một kế hoạch diễn giải và các hoạt động của Kế hoạch hành động. Kế hoạch diễn giải sẽ cung cấp cho ban quản lý của VQG PNKB căn cứ để diễn giải các khía cạnh tự nhiên cũng như văn hoá của VQG bao gồm cả đề xuất biện pháp trước mắt để cải thiện tình hình hiện tại.	- Xây dựng kế hoạch - Triển khai hoạt động ưu tiên	- Triển khai hoạt động - Phát triển nguồn nhân lực cho các hoạt động - Giám sát	- Hoàn tất việc triển khai các hoạt động - Giám sát	- Tiếp tục giám sát và quản lý
3	Phát triển chương trình giám sát và quản lý du lịch ➢ Chuẩn bị chương trình giám sát và quản lý du lịch, bao gồm các chỉ báo chủ yếu, các hoạt động khảo sát thường xuyên tại các điểm du lịch. Cung cấp các báo cáo hàng năm.	- Thiết kế chương trình giám sát và quản lý tác động du lịch - Triển khai giám sát hoạt động ưu tiên	- Thực hiện chương trình giám sát và quản lý tại các điểm ưu tiên - Mở rộng giám sát	- Thiết lập và triển khai hệ thống giám sát và quản lý tổng thể	- Triển khai đồng bộ chương trình giám sát và quản lý
4	Xây dựng các tài liệu diễn giải của Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa ➢ Phát triển nội dung các tài liệu diễn giải của Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa, bao gồm nội dung trưng bày ngay tại trung tâm và những tài liệu mô tả các khu vực và các điểm cụ thể.	- Xây dựng nội dung	- Phát triển hình thức trưng bày	- Phát triển hình thức trưng bày	- Tiếp tục hoàn thiện

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
5	Kế hoạch và tài liệu diễn giải cụ thể cho những điểm tham quan ưu tiên ➢ Chuẩn bị Kế hoạch và tài liệu diễn giải cụ thể cho những điểm tham quan ưu tiên như động Phong Nha, hang Tám Cô v.v... Tài liệu diễn giải cho mỗi điểm cần thống nhất với cách xây dựng thương hiệu trong các tài liệu tiếp thị khác.	- Xây dựng và chuẩn bị nội dung	- Chuẩn bị	- Duy trì	- Tiếp tục hoàn thiện
6	Biên diễn giải cho từng điểm ưu tiên ➢ Trên cơ sở tài liệu diễn giải của từng điểm cụ thể, xây dựng các biển báo tại những điểm ưu tiên. Tất cả các biển báo trong VQG PNKB cần phải thống nhất và tiêu chuẩn hóa.	- Xây dựng và chuẩn bị nội dung biển báo	- Chuẩn bị biển báo	- Duy trì	- Tiếp tục hoàn thiện
7	Biển báo thông tin quảng bá về khu vực ➢ Căn cứ vào nội dung xây dựng thương hiệu của khu vực, phát triển các biển báo thông tin khu vực dọc theo các tuyến du lịch.	- Xây dựng và chuẩn bị nội dung biển báo	- Chuẩn bị biển báo	- Duy trì	- Tiếp tục hoàn thiện
8	Đào tạo về quản lý thông tin ➢ Đào tạo các khía cạnh nghiên cứu du lịch như khảo sát theo dõi về du khách và quản lý tác động du lịch.	- Xây dựng và chuẩn bị nội dung biển báo	- Chuẩn bị biển báo	- Duy trì	- Tiếp tục hoàn thiện
9	Chương trình đào tạo hướng dẫn viên/diễn giải viên (xem thêm các hoạt động phát triển nguồn nhân lực) ➢ Chương trình đào tạo diễn giải viên hang động cho VQG PNKB. Nên chú trọng vào diễn giải về hang động ở Phong Nha. Đối tượng đào tạo nên bao gồm nhân viên của VQG PNKB, cộng đồng địa phương và các công ty du lịch có tiềm năng có liên quan.	- Thiết lập chương trình đào tạo và sổ tay	- Thực hiện chương trình đào tạo	- Mở rộng chương trình đào tạo	- Tiếp tục chương trình đào tạo

9. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

1. Cách tiếp cận chiến lược và hướng dẫn

9.1.1. Cách tiếp cận chiến lược

Nâng cao và duy trì nguồn nhân lực chất lượng có ý nghĩa quan trọng nhằm đạt hiệu quả cao trên mọi khía cạnh phát triển du lịch bền vững và bảo tồn di sản của khu vực VQG PNKB.

Mỗi nhóm tham gia đều có yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cụ thể riêng. Nhìn chung những nhóm này bao gồm:

- ▶ Ban quản lý VQG PNKB
 - Tăng cường năng lực quản lý phát triển du lịch trong Vườn quốc gia và các khu vực vùng đệm. Những lĩnh vực cụ thể bao gồm quản lý du lịch bền vững, tiếp thị du lịch, phát triển và nâng cao sản phẩm du lịch, quy trình thu hút sự tham gia của các bên liên quan.
- ▶ Nhân viên VQG PNKB
 - Tăng cường khả năng hỗ trợ những trải nghiệm du lịch chất lượng cao hơn và đảm bảo thực hiện du lịch bền vững tại vườn quốc gia, khuyến khích hành vi phù hợp của du khách và phục vụ hiệu quả cho công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức.
- ▶ Cán bộ nhà nước:
 - Tăng cường khả năng hỗ trợ phát triển du lịch bền vững trong khu vực. Các khu vực cụ thể nên đưa ra nguyên tắc phát triển du lịch bền vững và lập kế hoạch, phát triển du lịch nói chung, du lịch dựa vào thị trường, hỗ trợ quá trình phát triển các bên liên quan.
- ▶ Ngành du lịch địa phương:
 - Tăng cường khả năng hỗ trợ phát triển du lịch bền vững. Cụ thể là các nguyên tắc cơ bản và tầm quan trọng của phát triển du lịch bền vững cũng như vai trò và phần thưởng đối với doanh nghiệp, nhận thức về thị trường và hỗ trợ phát triển sản phẩm trong quá trình thu hút sự tham gia của nhiều thành phần liên quan.

Bảng 47 nêu các định hướng chiến lược phát triển nguồn nhân lực du lịch

Bảng 47: Định hướng chiến lược phát triển nguồn nhân lực du lịch

Định hướng chiến lược cho phát triển nhân lực du lịch

- Tìm kiếm hợp tác và hỗ trợ từ các đối tác phát triển, các chương trình đào tạo của nhà nước và tư nhân
- Phát triển nguồn nhân lực tổng thể bao gồm các chiến lược và khuyến nghị đối với:
 - Ban quản lý, nhân viên của Vườn quốc gia
 - Cộng đồng địa phương (bên trong VQG và Vùng đệm)
 - Cơ quan khác (UBND huyện, Bộ đội Biên phòng, Công an, Hải quan..)
 - Ngành du lịch.
- Phát triển nguồn nhân lực cần phải tiến hành thường xuyên nhằm đảm bảo phát triển liên tục nguồn nhân lực chất lượng cao để quản lý, tham gia và có tiếng nói trong toàn ngành du lịch .

9.1.2. Hướng dẫn phát triển

Bảng 48: Hướng dẫn phát triển đối với hoạt động phát triển nguồn nhân lực du lịch

Hướng dẫn
➢ Chuẩn bị và tiến hành thu thập ý kiến các bên liên quan nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và cơ chế chuyển giao đào tạo theo nhu cầu của các bên và các nhóm đối tượng đào tạo. ➢ Nếu được, nên có các hoạt động liên kết đào tạo gồm nhiều nhóm đối tượng khác nhau để góp phần hiểu nhau hơn và củng cố quan hệ hợp tác. ➢ Để hoạt động đào tạo hiệu quả, cần phải đặt nền tảng trên việc xây dựng kiến thức thực tiễn có thể ứng dụng vào những chức năng công việc mà học viên được đào tạo cho dù đối tượng tham gia là ai.

2. Khung quy hoạch chiến lược

Bảng 49: Khung quy hoạch chiến lược đối với hoạt động phát triển nguồn nhân lực du lịch

Khung thời gian quy hoạch	Chiến lược và các mục tiêu		
Quy hoạch ngắn hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt và ưu tiên cao Năm 1 - 3 (đến 2012)	<u>Năm 1-3:</u>		
	➢ Đưa ra những nội dung đào tạo chiến lược đối với các nhóm liên quan cụ thể bằng cách: ➢ Xây dựng một Chiến lược Duy trì và Phát triển nguồn nhân lực toàn diện để quản lý và nâng tầm ngành du lịch trong vùng, sẽ hoàn tất vào cuối năm thứ 2 và thực hiện trong năm thứ 3, và được quản lý như một chương trình song hành trong suốt thời gian của quy hoạch này. ➢ Mục tiêu: 50% tổng số đại diện của mỗi nhóm được đào tạo		
	Đối tượng đào tạo		
	VQG PNKB và khu vực nhà nước	Các nhóm tham gia theo ngành	
	Quản lý: ➢ Quản lý du lịch, quản lý hàng động, quản lý VQG, giám sát và quản lý, lập kế hoạch tham vấn, cơ sở marketing Nhân viên: ➢ Nhân viên của Vườn (du lịch): Dịch vụ khách hàng, ngôn ngữ trong du lịch ➢ Nhân viên của VQG (bộ phận khác, Kiểm lâm): Những vấn đề về du lịch trong Vườn quốc gia, cách thức làm việc với các bên liên quan khác (cộng đồng địa phương và khu vực doanh nghiệp) Khu vực nhà nước: ➢ Quy hoạch và quản lý du lịch tổng hợp và bền vững	Cộng đồng: ➢ Thực tiễn kinh doanh bền vững, nhận biết thị trường, phát triển sản phẩm, dịch vụ khách hàng, hoạt động kinh doanh Ngành du lịch: ➢ Diễn giải viên và hướng dẫn viên du lịch (của VQG, Vùng đệm và các đơn vị lữ hành): Dịch vụ khách hàng, kỹ năng diễn giải, kỹ năng quản lý đoàn an toàn và ngôn ngữ ➢ Lĩnh vực du lịch: thực tiễn kinh doanh bền vững, nhận biết thị trường, phát triển sản phẩm, dịch vụ khách hàng, hoạt động kinh doanh, được tổ chức thông qua Hiệp hội Du lịch Quảng Bình với sự hỗ trợ từ bên ngoài	

Khung thời gian quy hoạch	Chiến lược và các mục tiêu	
Quy hoạch Trung hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt Năm 3 - 5 (đến 2015)	Năm 3-5 ➢ Hình thành một chương trình phát triển nguồn nhân lực thường xuyên để xây dựng hệ thống đào tạo và nâng cao kỹ năng để tiếp tục cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cần thiết cho việc quản lý và cung cấp dịch vụ chất lượng trong khu vực ➢ Nâng cấp, mở rộng và nhân rộng hoạt động 2 nêu trên ➢ Mục tiêu: 75% tổng số đại diện từ mỗi nhóm được đào tạo ➢ Lập kế hoạch và chuẩn bị cho các biện pháp trước mắt	
	Đối tượng đào tạo	
	VQG PNKB và khu vực nhà nước Quản lý: ➢ Đào tạo nâng cao về quản lý du lịch ở VQG, hoặc các nội dung khác Nhân viên: ➢ Nhân viên của VQG (du lịch): chương trình đào tạo đang thực hiện về dịch vụ khách hàng, ngôn ngữ trong du lịch ➢ Nhân viên của VQG (bộ phận khác): Những vấn đề về du lịch trong VQG, cách thức làm việc với các bên liên quan khác Khu vực nhà nước: ➢ Quy hoạch và quản lý du lịch tổng hợp và bền vững	Các nhóm tham gia theo ngành Cộng đồng địa phương: ➢ Các chương trình đào tạo đang thực hiện và mở rộng để nâng cao kỹ năng và năng lực tại các điểm CBT hiện có và tạo thuận lợi cho việc mở rộng các điểm CBT khác khi cần. Ngành du lịch: ➢ Các chương trình đào tạo đang thực hiện và mở rộng về thực tiễn kinh doanh bền vững, nhận biết thị trường và quản lý kinh doanh
Quy hoạch dài hạn - Chính sách và Quy hoạch dài hạn tập trung vào Tầm nhìn Phát triển Năm 5 – 10 (đến 2020)	Chiến lược và các mục tiêu	
	➢ Duy trì phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần đem lại trải nghiệm du lịch có chất lượng và quản lý hiệu quả du lịch bền vững và bảo tồn di sản ở khu vực PNKB ➢ Nâng cấp khi cần và mở rộng có chọn lọc nếu thấy thích hợp dựa trên kết quả từng thời điểm, cập nhật mục tiêu quản lý và thông tin thị trường ➢ Mục tiêu: 90% trong số đại diện của mỗi nhóm đối tượng được đào tạo	
	Đối tượng đào tạo	
	VQG PNKB và khu vực nhà nước Quản lý: ➢ Đào tạo nâng cao về quản lý du lịch ở VQG, những nội dung khác như đã xác định Nhân viên: ➢ Nhân viên VQG (du lịch): Đào tạo về dịch vụ khách hàng và ngôn ngữ du lịch ➢ Nhân viên VQG (bộ phận khác): Đào tạo những vấn đề về du lịch ở VQG, Cách làm việc với các bên tham gia Khu vực nhà nước: ➢ Quy hoạch và quản lý du lịch tổng hợp và bền vững	Các đối tượng liên quan khác Cộng đồng: ➢ Các chương trình đào tạo tại chỗ và mở rộng để nâng cao kỹ năng và năng lực tại các điểm CBT hiện có và tạo điều kiện nhân rộng sang các điểm CBT khác khi cần. Ngành du lịch: ➢ Các chương trình đào tạo tại chỗ và mở rộng về kinh doanh bền vững, nhận thức thị trường và quản trị kinh doanh

3. Các hoạt động phát triển

Bảng 50: Các hoạt động phát triển nhằm phát triển nguồn nhân lực du lịch

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
1	Thiết lập một Chương trình Phát triển nguồn nhân lực cho VQG PNKB ➢ Chuẩn bị một chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch phong phú và toàn diện cho khu vực VQG PNKB. Chương trình bao gồm các sáng kiến đào tạo dưới đây.	- Đánh giá nhu cầu và xây dựng chương trình	- Thực hiện chương trình	- Thực hiện chương trình	- Tiếp tục chương trình
2	Đào tạo nhân lực về du lịch cộng đồng ➢ Đánh giá nhu cầu đào tạo, đào tạo kỹ năng và ngôn ngữ cho người dân địa phương để cung cấp dịch vụ du lịch tốt hơn (giá trị cao hơn), nâng cao nhận thức về du lịch trong cư dân địa phương.	- Đánh giá nhu cầu và xây dựng phương pháp đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục chương trình
3	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho VQG PNKB – cán bộ quản lý ➢ Đánh giá nhu cầu đào tạo, quản lý du lịch tại các khu vực bảo tồn và Vùng đệm - bao gồm quản lý hoạt động nhượng quyền, tham vấn cộng đồng, nắm vững chính sách và quy định liên quan đến du lịch, giám sát và quản lý du lịch. ➢ Hoạt động đào tạo nhằm đến cán bộ quản lý của Vườn ➢ Tổ chức tham quan học tập cho cán bộ quản lý chủ chốt.	- Đánh giá nhu cầu và xây dựng phương pháp đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục chương trình
4	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho VQG PNKB – đội ngũ nhân viên ➢ Đào tạo nâng cao nhận thức về Du lịch và đào tạo kỹ năng ngôn ngữ	- Đánh giá nhu cầu và xây dựng phương pháp đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục chương trình

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
5	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho VQG PNKB – nhân viên bộ phận du lịch ➢ Đào tạo về chăm sóc khách hàng và đào tạo các kỹ năng ngôn ngữ.	- Đánh giá nhu cầu và xây dựng phương pháp đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục chương trình
6	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho VQG PNKB – hướng dẫn viên hàng động ➢ Chương trình đào tạo hướng dẫn viên hàng động cho VQG PNKB. Nên chú trọng vào hướng dẫn viên cho động Phong Nha. Đối tượng đào tạo nên bao gồm nhân viên của VQG PNKB, cộng đồng địa phương và các công ty du lịch có tiềm năng có liên quan.	- Đánh giá nhu cầu và xây dựng phương pháp đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục chương trình
7	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho ngành trên diện rộng ➢ Sáng kiến đào tạo về du lịch cho các đơn vị du lịch địa phương và khu vực.	- Đánh giá nhu cầu và xây dựng phương pháp đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục hỗ trợ phát triển nhân lực và thực hiện chương trình đào tạo	- Tiếp tục chương trình
8	Thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp cộng đồng để hỗ trợ kinh doanh và xây dựng ➢ Quỹ phát triển doanh nghiệp cộng đồng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ vay vốn phát triển du lịch như tổ chức homestay, nhà nghỉ cộng đồng và hoạt động cộng đồng, hỗ trợ trong quá trình kinh doanh đối với thỏa thuận giữa cộng đồng với công ty lữ hành và tài trợ cho các hoạt động phát triển nguồn nhân lực khác	- Lập cơ chế tài trợ	- Hỗ trợ tài chính để kinh doanh và xây dựng	- Hỗ trợ tài chính để kinh doanh và xây dựng	- Tiếp tục tài trợ

10. HẠ TẦNG VÀ ĐẦU TƯ DU LỊCH

1. Giới thiệu

Phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp có tầm quan trọng cơ bản để đạt được phát triển du lịch bền vững. Cơ sở hạ tầng tạo nền tảng cơ học cần thiết cho sự phát triển và hoạt động du lịch tại một địa bàn. Thiết kế chiến lược và chuyển giao hạ tầng cần trọng sẽ có tác dụng lâu dài trong việc xác định chất lượng tổng thể và tính bền vững của phát triển du lịch. Quy hoạch và đầu tư hạ tầng phát triển du lịch phải tuân thủ và góp phần cùng các mục tiêu của QHPTDLBV tổng thể; tính bền vững, bảo tồn di sản, cải thiện sinh kế địa phương và phát triển du lịch có chất lượng.

Phát triển du lịch thường tạo điểm xuất phát tốt, hoặc là nền tảng hỗ trợ cho việc sử dụng rộng rãi hơn nữa công nghệ hạ tầng tiên tiến như các chương trình tái chế, năng lượng và công nghệ xử lý nước/nước thải dựa trên quá trình thiên nhiên. Phát triển hạ tầng du lịch có trách nhiệm với môi trường cũng có thể mở rộng và liên kết để cung cấp lợi ích cho cộng đồng địa phương tại hoặc gần các điểm phát triển du lịch.

Lồng ghép các yêu cầu phát triển du lịch bền vững với các nhu cầu của người dân địa phương đồng thời giảm thiểu tác động môi trường cũng như tình trạng nhân rộng thiếu hiệu quả và chênh lệch về chuyển giao không đáng có. Các sáng kiến cụ thể liên quan đến năng lượng, nước, quản lý chất thải, giao thông vận tải và truyền thông được yêu cầu sẽ chuyển giao theo phương thức có sự phối kết hợp hiệu quả trong phạm vi kế hoạch phát triển hạ tầng chiến lược toàn diện.

2. Cách tiếp cận chiến lược và hướng dẫn

10.2.1. Cách tiếp cận chiến lược

Bảng 51: Định hướng chiến lược về phát triển hạ tầng du lịch

Định hướng chiến lược về phát triển hạ tầng du lịch

- Bất kỳ sự phát triển cơ sở hạ tầng du lịch nào ở khu vực VQG PNKB cũng phải phù hợp với quy định hiện hành và các yêu cầu phân vùng trong vườn có đánh giá tác động môi trường (EIA) và biện pháp giảm thiểu tác động.
- Bất kỳ sự phát triển hạ tầng nào trong khu vực VQG PNKB cũng phải phù hợp với QHPTDLBV.
- Nên tìm ra tiêu chuẩn về các hình mẫu tốt nhất toàn cầu với tất cả các chương trình phát triển hạ tầng.
- Cần phải nỗ lực hết sức giảm thiểu tác động vật lý và thẩm mỹ và duy trì các hoạt động phát triển ở một quy mô phù hợp, chất lượng hơn là số lượng.
- Mọi sự phát triển cơ sở hạ tầng phải được tiến hành thông qua một phương pháp tiếp cận chiến lược toàn diện có sự phối kết hợp (lồng ghép các dự án đầu tư của Chính phủ, dự án hỗ trợ phát triển và đầu tư tư nhân) để đảm bảo phát triển du lịch chất lượng, hiệu quả, bền vững trong khu vực.
- Nỗ lực mở rộng hạ tầng phát triển du lịch đem lại lợi ích cho người dân địa phương trong vùng nên được coi là một phương pháp tiếp cận chiến lược để cải thiện sinh kế địa phương.

10.2.2. Hướng dẫn Phát triển

Bảng 52: Hướng dẫn phát triển đối với phát triển hạ tầng du lịch

Hướng dẫn
➤ Bất kỳ phát triển cơ sở hạ tầng du lịch ở VQG PNKB phải phù hợp với nguyên tắc đặt ra trong Quyết định số 104/2007/QĐ/BNN và Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg. ➤ Chọn địa điểm thích hợp cho việc xây dựng và thực hiện ➤ Sử dụng vật liệu có sẵn ở địa phương và chịu trách nhiệm với môi trường ➤ Theo phong cách kiến trúc địa phương và truyền thống ➤ Xây dựng hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và văn hóa ➤ Sử dụng công nghệ tiết kiệm nước và năng lượng cũng như công nghệ tái tạo ➤ Bảo đảm sự tham gia của địa phương vào các hoạt động triển khai thực hiện cơ sở hạ tầng

3. Những điểm cần lưu ý khi phát triển hạ tầng phụ trợ hiện nay

Dự án Phát triển du lịch bền vững Tiểu vùng sông Mê-kông của ADB có mục tiêu chính là hướng tới sự phát triển du lịch bền vững và đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt tập trung vào xóa đói giảm nghèo, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, bảo vệ DSTG. Khu vực VQG PNKB được chọn là một điểm đến hàng đầu để hỗ trợ phát triển theo hướng này. Dự án ADB tìm cách cải thiện điều kiện môi trường và nâng cao năng lực, nhận thức của cộng đồng trong vùng dự án về sự cần thiết phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái. Các biện pháp can thiệp được lập kế hoạch nhằm xử lý những vấn đề môi trường hiện nay và quản lý lượng khách tham quan ngày một tăng. Dự án nhằm chứng minh việc sử dụng hạ tầng cho du khách ít gây ảnh hưởng trong môi trường đá vôi nhạy cảm ở VQG PNKB.

Sau đây là những điểm dự án ADB xem xét đối với phát triển hạ tầng phụ trợ:

- ▶ Giảm ô nhiễm chất thải rắn tại sông Chày khu vực VQG PNKB và giảm bớt các vấn đề về vệ sinh môi trường tại các thôn bản địa phương.
- ▶ Cung cấp thùng rác và trang thiết bị, đặt những bộ lọc thô rác bẩn trong hệ thống thoát nước, và cải thiện việc quản lý và thực hành vệ sinh tại các bãi rác. Các tiểu dự án liên quan đến công trình xây dựng nhỏ (ví dụ điểm ngắm cảnh, những con đường mòn đi bộ, khu vực đậu xe, phương tiện đi dã ngoại, diễn giải).
- ▶ Một khảo sát cơ bản về thảm thực vật xung quanh các điểm có công trình sẽ được tiến hành trong quá trình thiết kế chi tiết để đánh giá tác động đối với thảm thực vật và lưu ý các biện pháp can thiệp trong thiết kế và xây dựng. Việc giám sát thu gom rác sẽ được thực hiện để đo khối lượng và loại rác thải để thiết kế và điều chỉnh phương thức thu gom và xử lý rác hiện thời cũng như các chương trình nâng cao nhận thức.
- ▶ Khảo sát cơ bản để đánh giá tác động của du khách hiện tại trong phạm vi VQG PNKB về (i) ngắm Vooc Hà Tĩnh; và (ii) tình trạng và giá trị của động Phong Nha và Động Tiên. Nghiên cứu này sẽ cho phép xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động đồng thời tuân theo kế hoạch thiết kế, xây dựng và vận hành cần trọng của cơ sở du lịch và các hoạt động du lịch tại các điểm tham quan này.

4. Khung quy hoạch chiến lược

Bảng 53: Khung quy hoạch chiến lược đối với phát triển hạ tầng du lịch

Khung thời gian quy hoạch	Vùng không gian chức năng	
	Vùng lõi của VQG PNKB (bao gồm phân khu Hành chính và Dịch vụ, phân khu Phục hồi Sinh thái, phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt, khu vực Mở rộng)	Vùng đệm
Quy hoạch ngắn hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt và ưu tiên cao Năm 1 - 3 (đến 2012)	➢ Hình thành Tổ công tác Phát triển hạ tầng bền vững ➢ Trước mắt phối kết hợp với Dự án Phát triển Du lịch Bền vững Tiểu vùng sông Mê-kông của ADB	
	<u>Phân khu Hành chính dịch vụ:</u> ➢ Nâng cấp các hang chính ➢ Cải thiện Thung Tre, Khu du lịch Thiên nhiên	<u>Vùng đệm:</u> ➢ Phát triển các tuyến đi bộ leo núi ➢ Đánh giá nhu cầu hạ tầng đối với các điểm du lịch chính
	<u>Phân khu Phục hồi sinh thái và Bảo vệ nghiêm ngặt:</u> ➢ Đánh giá những yêu cầu về hạ tầng phù hợp đối với phát triển du lịch hiện tại và tương lai	<u>Khu Hạ tầng Du lịch:</u> ➢ Quy hoạch địa điểm tổng thể cần có trước tiên
Quy hoạch Trung hạn – Các biện pháp phát triển trước mắt Năm 3 - 5 (đến 2015)	<u>Phân khu Hành chính dịch vụ:</u> ➢ Nâng cấp các hang chính, cải thiện Thung Tre, Khu du lịch Thiên nhiên	<u>Vùng đệm:</u> ➢ Rà soát lại nhu cầu hạ tầng hiện nay
	<u>Phân khu Phục hồi sinh thái và Bảo vệ nghiêm ngặt:</u> ➢ Rà soát lại nhu cầu hạ tầng hiện nay	<u>Khu Hạ tầng Du lịch:</u> ➢ Dựa trên Quy hoạch địa điểm tổng thể
Quy hoạch dài hạn - Chính sách và Quy hoạch dài hạn tập trung vào Tầm nhìn Phát triển Năm 5 – 10 (đến 2020)	➢ Duy trì hạ tầng chất lượng cao góp phần vào quản lý hiệu quả du lịch bền vững ➢ Giám sát (rà soát trong quá trình thực hiện, duy trì, làm giảm nhẹ) ➢ Nâng cấp nếu cần và nhân rộng có chọn lọc nếu phù hợp, dựa trên kết quả từng thời điểm, mục tiêu quản lý và thông tin thị trường được cập nhật	

5. Các hoạt động phát triển

Bảng 54: Các hoạt động phát triển nhằm phát triển hạ tầng du lịch

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
1	Thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp cộng đồng để hỗ trợ kinh doanh và xây dựng Quỹ phát triển doanh nghiệp cộng đồng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ vay vốn phát triển du lịch như tổ chức homestay, nhà nghỉ cộng đồng và hoạt động cộng đồng, hỗ trợ trong quá trình kinh doanh đối với thỏa thuận giữa cộng đồng với công ty lữ hành và tài trợ cho các hoạt động phát triển nguồn nhân lực khác	- Lập cơ chế tài trợ	- Hỗ trợ tài chính để kinh doanh và xây dựng	- Hỗ trợ tài chính để kinh doanh và xây dựng	- Tiếp tục tự huy động để duy trì quỹ phát triển
2	Phát triển lại và nâng cấp hang Phong Nha và Tiên Sơn Cơ sở hạ tầng của hang an toàn, hạ tầng đường đi trong hang và hệ thống tay vịn an toàn.	- Đánh giá và lập kế hoạch – tiến hành sửa chữa và nâng cấp.	- Sửa chữa và nâng cấp	- Bảo dưỡng	- Bảo dưỡng và nâng cấp nếu cần
3	Sửa chữa và nâng cấp Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa Sửa chữa cấu trúc của trung tâm du khách phù hợp với việc sửa chữa và nâng cấp khu vực bến thuyền Phong Nha, bao gồm phát triển của một trung tâm diễn giải ở khu vực giữa động Phong Nha và động Tiên Sơn.	- Đánh giá và lập kế hoạch – tiến hành sửa chữa và nâng cấp.	- Sửa chữa và nâng cấp	- Bảo dưỡng	- Bảo dưỡng và nâng cấp nếu cần
4	Sửa chữa và nâng cấp bến thuyền Phong Nha Sửa chữa và nâng cấp bến thuyền Phong Nha phù hợp với việc sửa chữa và nâng cấp Trung tâm du khách.	- Đánh giá và lập kế hoạch	- Sửa chữa và nâng cấp	- Sửa chữa và nâng cấp	- Bảo trì và nâng cấp nếu cần
5	Hỗ trợ bảo vệ hang đối với các hang khác Cơ sở hạ tầng của hang an toàn, hạ tầng đường đi trong hang và hệ thống tay vịn an toàn, bao gồm các hang động được mở cửa cho thám hiểm.	- Đánh giá và lập kế hoạch – tiến hành hỗ trợ bảo vệ.	- Hỗ trợ và sửa chữa	- Bảo trì	- Bảo trì và nâng cấp nếu cần
6	Hỗ trợ nâng cấp và xây dựng các tuyến đường mòn trekking Phát triển / nâng cấp đường mòn trekking trong VQG PNKB. Những tuyến chính bao gồm: đường đi hang Én, Thung Tre, hang Thiên Đường, hang Mẹ Bồng Con và hang Vòm, hang Sơn Đoòng, bản A Rem và các hang động xung quanh.	- Đánh giá và lập kế hoạch cho các tuyến trekking	- Nâng cấp và sửa chữa – bảo trì	- Nâng cấp và sửa chữa – bảo trì	- Bảo trì và nâng cấp nếu cần

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
7	Xây dựng tuyến đi bộ, leo núi và đi xe đạp tại Vùng đệm Vạch tuyến đi bộ, leo núi và đi xe đạp tại Vùng đệm tập trung quanh phân khu Hành chính và Dịch vụ - xã Sơn Trạch, xây dựng nội dung diễn giải các tuyến đi bộ, leo núi và đi xe đạp, hệ thống quản lý các tuyến đi bộ, leo núi và đi xe đạp bao gồm các cộng đồng, giảm thiểu tác động môi trường, sức chứa, và tài liệu diễn giải.	- Đánh giá và lập kế hoạch về các tuyến đi bộ, trekking và đi xe đạp	- Khoanh vùng xây dựng và phát triển	- Khoanh vùng xây dựng và phát triển	- Bảo trì và nâng cấp nếu cần
8	Duy trì và mở rộng Tuyến sinh thái Nước Moọc Xem xét tiềm năng mở rộng tuyến này, rà soát và kiểm tra lịch bảo dưỡng tuyến, đặc biệt là các cầu, nâng cấp bảng chỉ dẫn và thông tin tại chỗ, kết nối và lồng ghép tuyến này với các hoạt động du lịch cộng đồng tại thôn Chày Lập, tận dụng cơ hội hơn để góp phần phát triển kinh tế địa phương như cung cấp hàng hoá và dịch vụ (đồ uống, quà lưu niệm và sản phẩm địa phương của dân làng gần đó, thiết lập kế hoạch giám sát du khách và xem xét kế hoạch quản lý điểm du lịch trong tương lai, hỗ trợ tiếp thị và quảng bá tuyến du lịch này, và liên kết và đưa tuyến sinh thái vào các hoạt động du lịch trọn gói khác.	- Xây dựng mở rộng và bảo dưỡng	-Bảo dưỡng	-Bảo dưỡng	- Bảo trì và nâng cấp nếu cần
9	Hỗ trợ xây dựng các điểm du lịch nhỏ để phát triển tuyến đi bằng xe ô tô - Các điểm này bao gồm: hang Cha Lo (bao gồm cả khu vực từ Quốc lộ vào thung lũng), di tích lịch sử Bãi Dinh, hang Én/ Cổng Trời gần Cha Lo và Đồi 37, Núi Thần Đinh, sân bay Khe Gát. - Phát triển các điểm cụ thể bao gồm: dọn dẹp địa điểm và cung cấp những hạ tầng quy mô nhỏ như nhà vệ sinh, xây dựng nội dung thông tin và diễn giải về khu vực cụ thể, phát triển điểm đến này như là một phần của cả tuyến du lịch, nâng cao nhận thức trong cộng đồng địa phương về du lịch và hỗ trợ các dịch vụ như ăn uống giải khát và quà lưu niệm.		- Đánh giá và lập kế hoạch	- Bước đầu tiên phát triển điểm du lịch - Nâng cấp phát triển và kết nối tuyến	- Mở rộng để phát triển tuyến điểm nếu thấy phù hợp
10	Điểm ngắm cảnh núi đá vôi – cải thiện khả năng đi lại cho du khách và hạ tầng bảo vệ Bãi đỗ xe dài 30m, điểm ngắm cảnh 20m2, có tay vịn bảo vệ bao quanh mép ngoài.	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Quy hoạch và xây dựng	- Quy hoạch và xây dựng	- Duy trì và nâng cấp khi cần
11	Phát triển đường mòn Rào Thương và khu vực dã ngoại Khu vực đỗ xe dài 30m, có tay vịn bảo vệ bao quanh mép ngoài, đỗ	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Quy hoạch và xây dựng	- Quy hoạch và xây dựng	- Duy trì và nâng cấp khi cần

#	Hoạt động	Khung thời gian			
		2010	2011	2012	2013 - 2015
	được 10 xe khách, 2 xe 15 chỗ, khu vực bến xe buýt dài 10 m.				
12	Cải tạo và nâng cấp hang Tám Cô ➢ Khu vực dã ngoại, xây dựng công trình, nhà vệ sinh, quầy bán hàng, cảnh quan và biển báo	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Tái phát triển và nâng cấp	- Tái phát triển và nâng cấp	- Duy trì và nâng cấp khi cần
13	Nâng cấp cầu Trà Ang, Đài tưởng niệm đường mòn HCM ➢ Cải thiện việc đỗ đậu xe, cảnh quan, phát triển và lắp đặt các bảng chỉ dẫn	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Quy hoạch và xây dựng	- Quy hoạch và xây dựng	- Duy trì và nâng cấp khi cần
14	Phát triển khu vực ngắm cảnh ➢ Khu nhà chờ có mái che, khu vực đi bộ, phát triển điểm ngắm cảnh, khu vực dã ngoại, diễn giải và biển báo	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Quy hoạch và xây dựng	- Quy hoạch và xây dựng	- Duy trì và nâng cấp khi cần
15	Phát triển điểm ngắm Voọc Hà Tĩnh ➢ Bãi đỗ xe, khu vực quan sát có diễn giải, đường mòn xuống sông, bến sông và công trình xây dựng bờ sông.	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Quy hoạch và xây dựng	- Quy hoạch và xây dựng	- Duy trì và nâng cấp khi cần
16	Phát triển bến thuyền thôn Chày Lập ➢ Đường đi bộ và bến thuyền, cung cấp thuyền chèo khách, phòng bán vé, gian bán hàng nhu yếu phẩm, nhà vệ sinh, trạm xe buýt, hệ thống điện và nước thải.	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Quy hoạch và xây dựng	- Quy hoạch và xây dựng	- Duy trì và nâng cấp khi cần
17	Cải thiện tình hình rác thải ➢ Huấn luyện cách thức vận hành và bảo dưỡng thiết bị, thùng thu gom rác thải, cống thoát nước và sửa chữa đường sá.	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Cải tạo và xây dựng	- Cải tạo và xây dựng	- Duy trì và nâng cấp khi cần
18	Hỗ trợ hoạt động giao thông vận tải ➢ Các chuyến xe buýt tuyến ngắn cho phân khu Hành chính và Dịch vụ.	- Đánh giá phát triển hạ tầng	- Triển khai hoạt động xe buýt tuyến ngắn	- Duy trì	- Duy trì và nâng cấp khi cần
19	Biển chỉ dẫn cho các điểm du lịch ưu tiên ➢ Dựa trên tài liệu diễn giải cho từng điểm cụ thể, xây dựng các biển báo tại các điểm du lịch ưu tiên. Tất cả các biển báo trong VQG PNKB cần thống nhất và tiêu chuẩn hóa.	- Phát triển nội dung và chuẩn bị biển báo	- Chuẩn bị biển báo	- Duy trì	- Duy trì và nâng cấp khi cần
20	Biển báo thông tin quảng bá về khu vực ➢ Trên cơ sở xây dựng thương hiệu của khu vực, đặt biển báo thông tin khu vực dọc theo các tuyến đường du lịch.	- Phát triển nội dung và chuẩn bị biển báo	- Chuẩn bị biển báo	- Duy trì	- Duy trì và nâng cấp khi cần

CHƯƠNG BA

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. YÊU CẦU THỰC HIỆN

1. Quản lý

1.1.1. Khung thực hiện

QH PTDLBV khu vực VQG PNKB sẽ được thực hiện thông qua một cơ chế quản lý gồm 3 cấp: Giám đốc, Điều phối, Thực hiện với các chức năng giám sát, báo cáo, đánh giá và quản lý theo chu kỳ.

Bảng 55: Yêu cầu thực hiện - Khung quản lý

Khung Quản lý	
Bộ phận và Chức danh	Trách nhiệm
I. Ban Giám đốc	
1. Giám đốc VQG 2. Chủ tịch Huyện 3. Giám đốc Sở Du lịch/hoặc Phó Giám đốc phụ trách du lịch	1. Giám sát việc thực hiện QH PTDLBV 2. Đảm bảo toàn bộ các hoạt động du lịch bao gồm các chương trình đầu tư phù hợp với QH PTDLBV và Luật Bảo vệ Rừng cũng như các quy định liên quan khác. 3. Đảm bảo việc thực hiện QH PTDLBV được các chương trình, chính sách và kế hoạch cấp quốc gia và cấp tỉnh tuân thủ và hỗ trợ <i>Báo cáo cho: Ban Chỉ đạo Điều phối hàng năm</i>
II. Ban Chỉ đạo Điều phối thực hiện	
1. Khu vực nhà nước, Phó giám đốc các Sở liên quan (6-8) 2. Giám đốc chương trình/dự án ODA (4-5) 3. Các doanh nghiệp, đại diện Hiệp hội Du lịch Quảng Bình (2-3)	1. Điều phối các bên tham gia hiệu quả trong quá trình thực hiện QH PTDLBV 2. Bảo đảm việc thực hiện QH PTDLBV được các hoạt động ở cấp tỉnh hỗ trợ kể cả việc vượt quá khuôn khổ của QHPTKTXH và các chương trình khác 3. Hỗ trợ điều phối giữa VQG và các cộng đồng ở Vùng đệm (UBND Huyện/UBND Xã) <i>Báo cáo cho: Chủ tịch tỉnh, Ban Chỉ đạo Du lịch tỉnh hàng quý</i>
III. Tổ công tác	
1. Khu vực nhà nước, lãnh đạo các Sở ngành liên quan 2. Cố vấn chương trình/dự án ODA 3. Các Doanh nghiệp quan tâm tích cực trong việc hỗ trợ thực hiện QHPTDLBV cần thêm vào không nên để sót - Số lượng do Ban Chỉ đạo và Tổ công tác quyết định	1. Thực hiện QH PTDLBV hiệu quả và đảm bảo tính phối hợp 2. Cộng tác trong các hoạt động trồng trọt 3. Chia sẻ thông tin và duy trì việc thông tin liên lạc tích cực 4. Thiết lập và duy trì cơ chế phối hợp giữa các doanh nghiệp du lịch, VQG và các khu dân cư ở Vùng đệm (UBND Huyện/UBND Xã). <i>Báo cáo cho: Ban Chỉ đạo Điều hành một năm 4 lần.</i>

Bảng 56: Yêu cầu thực hiện - Chu kỳ giám sát, báo cáo đánh giá và quản lý

Chu kỳ giám sát, báo cáo, đánh giá và quản lý	
<i>Đơn vị Quản lý</i>	<i>Trách nhiệm báo cáo</i>
<u>Tổ công tác</u>	Thu thập, sắp xếp dữ liệu và thông tin để triển khai báo cáo trình Ban Chỉ đạo Điều hành Thực hiện
<u>Bộ phận chỉ đạo điều hành</u>	Xem xét đánh giá và phân tích báo cáo của Tổ công tác. Bổ sung các khuyến nghị và trình cho Ban Giám đốc
<u>Ban Giám đốc</u>	Xem xét đánh giá báo cáo của Bộ phận chỉ đạo điều hành, ban hành và lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị cấp Tỉnh và Bộ. Bổ sung thêm các khuyến nghị và chỉ đạo cho Ban Điều hành.
<u>Bộ phận chỉ đạo điều hành</u>	Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Giám đốc, triển khai các chương trình và hướng dẫn phối hợp đối với các hoạt động thực thi.
<u>Tổ công tác</u>	Xây dựng các chiến lược và hoạt động thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của Ban Điều hành.

1.1.2. Thủ tục

Việc triển khai các hoạt động QH PTDLBV sẽ được thực hiện thông qua các thủ tục chuẩn, có thủ tục sử dụng cho các hoạt động hỗ trợ đơn vị quản lý và đối tác phát triển, và một số thủ tục khác dành cho các hoạt động hợp đồng

I. Các hoạt động hỗ trợ đơn vị quản lý và đối tác phát triển:

Ban Điều hành sẽ:

- ▶ Đặt ra chương trình và các ưu tiên thực hiện các hoạt động thực thi
- ▶ Tập thể quyết định quy trình hiệu quả nhất đối với việc triển khai các hoạt động
- ▶ Trao đổi và quyết định vai trò và trách nhiệm cụ thể đối với việc thực hiện hoạt động
- ▶ Truyền đạt các Quy trình này đến Tổ công tác

II. Các hoạt động hợp đồng

1. Xây dựng điều khoản tham chiếu trên cơ sở các hoạt động, mục tiêu và thời gian đánh giá địa điểm
2. Kêu gọi các đề xuất và các nhà cung cấp dịch vụ hợp đồng cung cấp minh bạch và hợp lý
3. Đánh giá và xác nhận các kết quả của điều khoản tham chiếu bao gồm việc triển khai kế hoạch hành động
4. Kêu gọi các đề xuất và các nhà cung cấp dịch vụ hợp đồng để thực hiện kế hoạch hành động
5. Giám sát và đánh giá các hoạt động thực hiện

2. Chính sách

Nhằm thực hiện hiệu quả QH PTDLBV cần phải xây dựng và triển khai các chính sách. Yêu cầu về chính sách nhằm thực hiện QH PTDLBV sẽ bao gồm:

1. Xây dựng các điều khoản đối với hợp đồng doanh nghiệp (**trên cơ sở cơ chế nhượng quyền³⁰**) giữa VQG và doanh nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ du lịch ở VQG và Vùng Đệm.
2. Tạo điều kiện thiết lập các Quỹ phát triển cộng đồng.
3. Xây dựng một cơ chế hợp đồng đối với việc cung ứng dịch vụ du lịch giữa cộng đồng và chính quyền địa phương nhằm phổ biến các dịch vụ du lịch ở khu vực Vùng Đệm.
4. Điều phối Phát triển – cấp vĩ mô cam kết phân bổ phát triển hài hòa trong tỉnh. Điều này bao gồm việc lồng ghép QH PTDLBV trong quá trình triển khai QHPTKTXH.
5. Có nhiệm vụ chia sẻ nguồn thu và nguồn lợi từ du lịch một cách rõ ràng đối với cộng đồng dân cư Vùng đệm để bảo tồn tự nhiên và văn hóa địa phương.
6. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của địa phương vào các dịch vụ du lịch.
7. Hỗ trợ chính quyền trong phát triển cơ sở hạ tầng và tiếp thị du lịch PNKB

1.2.1. Tiếp thị và Quảng bá

Quản chúng, đặc biệt là các nhóm tham gia và bị tác động sẽ nhận thức được về việc tán thành và thực hiện QH PTDLBV. Điều này sẽ được thực hiện thông qua chiến dịch phổ biến thông tin bao gồm phương tiện in ấn, truyền hình, internet và đài phát thanh.

Các hoạt động/hội thảo tư vấn và điều phối sẽ được thực hiện nhằm huy động các nhóm tham gia phù hợp vào việc triển khai hiệu quả QH PTDLBV.

1.2.2. Nguồn nhân lực

Việc thực hiện đòi hỏi nỗ lực phát triển nguồn nhân lực đáng kể. Chương Hai, phần 10 nêu những nét chính của việc phát triển nguồn nhân lực. Nhu cầu về nguồn nhân lực trong quá trình quản lý thực hiện được thể hiện như sau.

Bảng 57: Yêu cầu thực hiện - Nguồn nhân lực

Các bộ phận và Chức danh	Thời gian cần thiết
I. Ban Giám đốc:	
1. UBND Tỉnh, Phó Chủ tịch	3 cuộc họp với Ban Điều phối, mỗi cuộc 2 ngày (1 ngày chuẩn bị và phản hồi, 1 ngày tham dự) = 6 ngày /năm
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giám đốc	Đánh giá và tư vấn về việc thực hiện QH PTDLBV từ Hà Nội
3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến du lịch	Một đợt 3 ngày = 6 ngày/năm
Bổ sung: Yêu cầu hỗ trợ công tác thư ký tại UBND tỉnh	1 ngày/tháng = 12 ngày/năm

³⁰ Xem phụ lục 8: Các chính sách và quy chế nhượng quyền hoạt động kinh doanh

II. Ban Chỉ đạo Điều hành thực hiện:

1. Khu vực nhà nước, Phó giám đốc các Sở liên quan (6-8)	i. 3 cuộc họp lập kế hoạch hàng năm, mỗi cuộc 2 ngày (1 ngày chuẩn bị và phản hồi, 1 ngày tham dự) = 6 ngày /năm
2. Các giám đốc Chương trình/dự án ODA (4-5)	ii. Trách nhiệm theo dõi: ½ ngày/tháng = 6 ngày/năm
3. Các doanh nghiệp, Đại diện Hiệp hội Du lịch Quảng Bình (2-3)	
Bổ sung: Yêu cầu hỗ trợ công tác thư ký	2 ngày/tháng = 24 ngày/năm

III. Lực lượng triển khai chính:

1. Khu vực nhà nước, Lãnh đạo các Sở liên quan	i. Trách nhiệm theo dõi: 2 ngày/tháng = 24 ngày/năm
2. Tư vấn Chương trình/dự án ODA	ii. 3 cuộc họp lập kế hoạch mỗi năm, mỗi cuộc họp 2 ngày (1 ngày chuẩn bị và phản hồi, 1 ngày tham dự) = 6 ngày/năm
3. Các doanh nghiệp quan tâm tích cực hỗ trợ việc thực hiện QH PTDLBV	
Bổ sung: Yêu cầu hỗ trợ công tác thư ký	4 ngày/tháng = 48 ngày/năm

1.2.3. Tài chính³¹

Lĩnh vực	Giai đoạn - Các năm			Tổng	Nhu cầu	Chênh lệch
	2010-2012	2013-2015	2016-2020			
<u>Cơ sở hạ tầng kỹ thuật</u>						
Chính phủ	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
ODA	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Khối doanh nghiệp	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
<u>Phát triển Sản phẩm</u>						
Chính phủ	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
ODA	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Khối doanh nghiệp	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
<u>Quy hoạch</u>						
Chính phủ	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
ODA	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Khối doanh nghiệp	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
<u>Phát triển nguồn nhân lực</u>						
Chính phủ	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
ODA	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Khối doanh nghiệp	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
<u>Hỗ trợ ngành</u>						
Chính phủ	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
ODA	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC
Khối doanh nghiệp	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC	TBC

³¹ Phần này sẽ được bổ sung khi có kết quả của buổi họp điều phối giữa các nhà tài trợ. TBC = Sẽ tiếp tục bổ sung
 Quy hoạch Phát triển Du lịch bền vững khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

2. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về nâng cao nhận thức xã hội về du lịch

2.1.1. Nâng cao nhận thức của các đối tượng quản lý

Thực tế cho thấy một bộ phận không nhỏ các nhà quản lý du lịch và các ngành có liên quan chưa thực sự hiểu rõ lợi ích của du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trọng việc thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển, tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, góp phần vào bảo tồn và phát triển bền vững. Để nâng cao nhận thức của các nhà quản lý cần:

- ▶ Tổ chức một số chuyến tham quan đến các khu du lịch, đặc biệt các khu du lịch ở các VQG, khu BTTN trong nước và khu vực có hoạt động du lịch phát triển để nhận biết lợi ích từ hoạt động du lịch và trao đổi kinh nghiệm về phát triển du lịch;
- ▶ Tổ chức các buổi hội thảo/tọa đàm về du lịch, đặc biệt là du lịch bền vững với sự tham gia của các chuyên gia, các nhà quản lý các địa phương nơi có hoạt động du lịch phát triển;
- ▶ Tăng cường thông tin về du lịch cho các nhà quản lý.

2.1.2. Nâng cao nhận thức của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp du lịch

Nhận thức về du lịch bền vững của các nhà đầu tư du lịch và các đơn vị kinh doanh du lịch đôi lúc vẫn còn hạn chế. Trong một số trường hợp, các dự án đầu tư hay hoạt động kinh doanh du lịch đã gây tác động đáng kể tới tài nguyên, môi trường, ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững. Những ảnh hưởng này sẽ là không nhỏ đối với các khu vực nhạy cảm ở các khu rừng đặc dụng như VQG PNKB. Chính vì vậy cần thiết phải nâng cao nhận thức của các đối tượng này, theo đó:

- ▶ Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo về mối quan hệ giữa phát triển bền vững với lợi ích của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch. Diễn giả tại các buổi thuyết trình này, ngoài các nhà khoa học là chính các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đã thành công trong hoạt động đầu tư, kinh doanh du lịch gắn với các nguyên tắc về phát triển du lịch bền vững;
- ▶ Tổ chức các chuyến tham quan, trao đổi đến các khu du lịch thành công trong phát triển du lịch bền vững, du lịch có trách nhiệm;
- ▶ Tăng cường phổ biến, giải thích các quy định hiện hành liên quan đến đầu tư và quản lý tác động của hoạt động du lịch tại các khu di sản thế giới, các VQG, khu BTTN.

2.1.3. Nâng cao nhận thức của cộng đồng Vùng đệm VQG về phát triển du lịch

Ở đây cần cung cấp thông tin 2 chiều một cách đầy đủ để cộng đồng hiểu được những lợi ích mà du lịch đem lại, đồng thời cũng cảnh báo những tác động tiêu cực mà hoạt động du lịch có thể gây ra. Việc nâng cao nhận thức một cách đầy đủ và có trách nhiệm đối với cộng đồng là hết sức quan trọng để cộng đồng có được sự hợp tác và cởi mở hơn với các nhà quản lý, phát triển du lịch trong quá trình thực hiện các dự án nơi sinh sống của cộng đồng. Để thực hiện có hiệu quả giải pháp này cần:

- ▶ Xây dựng một số chương trình tuyên truyền về du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng địa phương để nâng cao nhận thức về du lịch trong cộng đồng.
- ▶ Tổ chức một số hình thức vui chơi giải trí tìm hiểu về du lịch để thu hút sự quan tâm và khuyến khích sự tự tìm hiểu, nâng cao nhận thức của cộng đồng về du lịch và cơ hội nâng cao mức sống của người dân thông qua sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động dịch vụ kinh doanh du lịch.
- ▶ Công khai hoá các dự án phát triển du lịch trong cộng đồng và khuyến khích sự đóng góp ý kiến của cộng đồng đối với các phương án phát triển du lịch dưới mọi hình thức.
- ▶ Tăng cường phổ biến, giải thích các quy định hiện hành về bảo vệ tài nguyên tự nhiên, văn hóa truyền thống đến cộng đồng. Kinh phí dành cho những hoạt động này cần được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc một phần kinh phí trích trực tiếp từ thu nhập du lịch;

2. Giải pháp về quản lý phát triển du lịch

- ▶ Nhiệm vụ nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về du lịch cần được thực hiện với việc thành lập các cơ quan chuyên trách phát triển du lịch tại VQG PNKB. Đối với các dự án phát triển các khu du lịch, công trình quan trọng cần thành lập ban chuẩn bị (kêu gọi, xúc tiến) đầu tư, và sau này trở thành các BQL dự án có năng lực, hoạt động hiệu quả.
- ▶ UBND tỉnh Quảng Bình sớm chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật về quản lý du lịch (quy chế quản lý các khu du lịch trong tỉnh, quy chế quản lý quy hoạch, quy chế xây dựng các công trình du lịch v.v...) nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để quản lý và khuyến khích phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh nói chung và trên địa bàn VQG PNKB nói riêng.
- ▶ Tăng cường phối hợp hành động liên ngành và liên vùng (đặc biệt với địa phương trong vùng du lịch Bắc Trung bộ với Huế, Đà Nẵng là trung tâm vùng; và với Thủ đô Hà Nội, TP Hồ Chí Minh là 2 trung tâm phân phối khách lớn nhất của cả nước) trong việc thực hiện QHPTDLBV dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh Quảng Bình để giải quyết những vấn đề có liên quan đến quản lý phát triển du lịch như đầu tư phát triển sản phẩm, xúc tiến quảng bá du lịch, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, khai thác tài nguyên tự nhiên, quản lý sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, v.v.
- ▶ Tăng cường các biện pháp nhằm bảo vệ các giá trị di sản, đặc biệt là các giá trị về cảnh quan, về đa dạng sinh học, về văn hoá truyền thống bản địa và các di tích lịch sử cách mạng gắn với đường mòn Hồ Chí Minh qua địa bàn VQG PNKB.
- ▶ Liên quan đến bảo vệ các giá trị tài nguyên tự nhiên cần có điều tra đánh giá “sức chứa” đối với các điểm tài nguyên cụ thể và hoạt động du lịch cần được quản lý không chỉ bằng các quy định chung mà còn bằng quy định về quản lý “sức chứa” của VQG PNKB. Quy định riêng này cần tham khảo kinh nghiệm của một số nước khác trên thế giới và trong khu vực về các chỉ tiêu “sức chứa”. Ví dụ như : một vài khuyến cáo của các chuyên gia du lịch sinh thái đã cho thấy, ở các điểm du lịch sinh thái, nhất là các điểm có giá trị đa dạng sinh học cao, nhạy cảm với môi trường thì mỗi đoàn khách tham quan không được quá hai mươi người. Một giờ không được có quá ba đoàn khách đến dừng chân ở một điểm, v.v.
- ▶ Việc xác định giới hạn và ban hành quy định quản lý “sức chứa” sẽ giúp hoạt động quản lý du lịch có hiệu quả hơn, góp phần tích cực giảm thiểu tác động của hoạt động du lịch đến các giá trị di sản VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

- ▶ Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về môi trường thông qua:
 - Tổ chức thực hiện tốt trên phạm vi VQG “*Quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch*” căn cứ Quyết định số 02/2003/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ban hành.
 - Lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào các hoạt động đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn VQG, đặc biệt trong công tác quy hoạch phát triển các điểm du lịch, dịch vụ cụ thể với việc thực hiện đánh giá tác động môi trường.

3. Giải pháp về chính sách phát triển du lịch

Kinh nghiệm thực tế phát triển du lịch ở nhiều khu di sản, VQG cho thấy vai trò quan trọng của cơ chế chính sách

Để đảm bảo việc thực hiện QHPTDLBV có hiệu quả, góp phần tích cực đối với phát triển du lịch không chỉ của địa phương mà còn của du lịch cả nước, UBND tỉnh Quảng Bình cần chỉ đạo các ngành chức năng tập trung nghiên cứu xây dựng một số cơ chế chính sách cơ bản sau:

2.3.1. Cơ chế chính sách về thuế

Trên cơ sở các chính sách chung về thuế của Nhà nước, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng nghiên cứu xây dựng một số cơ chế đặc thù của địa phương có thể áp dụng được đối với du lịch Quảng Bình nói chung và du lịch VQG PNKB nói riêng theo hướng ưu tiên miễn giảm thuế (đặc biệt là thuế sử dụng đất ở những khu vực có điều kiện phát triển khó khăn, nơi mà hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém...); miễn giảm thuế hoặc không thu thuế trong những năm đầu đối với một số lĩnh vực kinh doanh du lịch có trách nhiệm, gắn với bảo tồn như du lịch sinh thái, du lịch của cộng đồng.

Ngoài ra cũng cần nghiên cứu xây dựng và đề xuất Chính phủ cho phép áp dụng các cơ chế chính sách giảm thuế nhập khẩu đối với một số loại tư liệu sản xuất trong lĩnh vực du lịch - khách sạn mà trong nước chưa sản xuất được (các thiết bị vui chơi giải trí, máy bảo quản và chế biến thực phẩm, các phương tiện vận chuyển chuyên dùng v.v...) vì đây được coi là những tư liệu sản xuất trong ngành du lịch để tạo ra những sản phẩm du lịch có chất lượng cao phục vụ khách du lịch.

2.3.2. Cơ chế chính sách về huy động vốn đầu tư

Trên cơ sở Luật pháp của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Quảng Bình có thể tạo mọi điều kiện thuận lợi và đơn giản hóa các thủ tục hành chính để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với địa phương nói chung và khu vực VQG PNKB nói riêng. Nghiên cứu xây dựng một số cơ chế ưu đãi đối với các nhà đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên (du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa - làng nghề, du lịch sinh thái...);

Một trong những nội dung quan trọng cần nghiên cứu xây dựng của “*cơ chế chính sách về huy động vốn đầu tư*” là đảm bảo được sự công bằng và điều hòa lợi ích trong quá trình đầu tư khai thác kinh doanh giữa các chủ đầu tư (VQG PNKB), chủ thể quản lý lãnh thổ hành chính (UBND huyện, xã), chủ thể có quyền sử dụng tài nguyên trong phạm vi VQG (các nhà đầu tư) và cộng đồng dân cư địa phương.

2.3.3. Cơ chế chính sách về thị trường

Trên cơ sở các nghiên cứu về thị trường du lịch của Quảng Bình nói chung và khu vực VQG PNKB nói riêng (như đã đề cập ở trên) bao gồm cả thị trường trong và ngoài nước, các ngành chức năng cần nghiên cứu xây dựng các cơ chế và chính sách thích hợp nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng của các thị trường này. Kèm theo đó là các cơ chế chính sách về dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ y tế, về các chương trình khuyến mại giá cả (có giá cả ưu đãi đối với các đoàn du lịch lớn; đối với khách lưu trú dài ngày; đối với khách là các nhà khoa học, học sinh, sinh viên; đối với những đoàn khách đến vào mùa thấp điểm v.v...) nhằm tạo môi trường thuận lợi nhất đối với khách du lịch quốc tế khi đến Quảng Bình và khu vực VQG PNKB.

2.3.4. Chính sách phát triển cộng đồng

Các chính sách được xây dựng cần tạo được những điều kiện thuận lợi để cộng đồng ở Vùng đệm tham gia một cách tích cực nhất vào hoạt động phát triển du lịch, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cộng đồng địa phương. Ngoài ra cũng cần có chính sách và quy định đối với các tổ chức kinh doanh du lịch để đảm bảo có sự chia sẻ lợi nhuận bằng vật chất cho cộng đồng địa phương và cho công tác bảo tồn tài nguyên, môi trường nơi các tổ chức này khai thác phát triển du lịch.

Một số chính sách cần được xem xét cụ thể hoá bao gồm:

- ▶ Chính sách cụ thể về việc phân chia quyền lợi giữa tổ chức kinh doanh du lịch khu vực VQG PNKB với các cộng đồng dân cư địa phương. Phương án chia sẻ lợi ích từ hoạt động kinh doanh du lịch với cộng đồng cần được thực hiện ngay trong quá trình quy hoạch.
- ▶ Chính sách khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực địa phương phục vụ hoạt động phát triển du lịch ở VQG PNKB.
- ▶ Chính sách giảm thuế, khuyến khích sử dụng các nguyên, vật liệu địa phương trong xây dựng các công trình dịch vụ du lịch.
- ▶ Chính sách giảm thuế và ưu đãi về tài chính đối với những dự án phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng, có phương án chia sẻ lợi ích với cộng đồng Vùng đệm.
- ▶ Chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân địa phương vào các dự án phát triển du lịch. Cho phép VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và địa phương tạo nguồn vốn đóng góp vào các dự án liên doanh phát triển du lịch từ quỹ đất hoặc các dạng tài nguyên du lịch mà VQG, địa phương quản lý nhằm nâng cao vai trò và tăng cường quyền lợi của cộng đồng địa phương trong các dự án này.

Tuy nhiên việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng ở Quảng Bình nói chung và ở khu vực VQG PNKB nói riêng không có nghĩa đơn thuần là cung cấp nguồn vật chất cho sự phát triển cộng đồng. Lợi ích quan trọng và có ý nghĩa lâu dài đối với cộng đồng là thông qua hoạt động phát triển du lịch, cộng đồng sẽ có được công ăn việc làm mới ổn định với thu nhập cao hơn và nhờ đó sẽ hạn chế được sức ép của cộng đồng đối với tài nguyên, môi trường du lịch, góp phần tích cực vào phát triển du lịch bền vững. Thông qua những lợi ích cụ thể mà hoạt động phát triển du lịch đem lại, ý thức của mỗi thành viên trong cộng đồng đối với việc ủng hộ du lịch cũng sẽ được nâng lên, nhờ đó hoạt động phát triển du lịch sẽ thuận lợi và bền vững hơn.

2.3.5. Chính sách về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Để bảo vệ môi trường du lịch cho phát triển bền vững, bên cạnh việc giám sát và thực thi các giải pháp hạn chế tác động của phát triển kinh tế - xã hội đến môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch cũng cần được quan tâm hơn với việc bổ sung và hoàn thiện một số cơ chế chính sách chủ yếu sau :

- ▶ Chính sách ưu tiên miễn giảm hoặc không thu thuế trong thời gian nhất định với các hình thức đầu tư thuần túy cho việc bảo vệ môi trường du lịch hoặc đầu tư kinh doanh du lịch với các công nghệ đồng bộ về bảo vệ môi trường.
- ▶ Chính sách ưu tiên các dự án đầu tư du lịch có các giải pháp cụ thể trong vấn đề giảm thiểu ô nhiễm, mang lại các hiệu quả trực tiếp cho bảo tồn tài nguyên và môi trường.
- ▶ Chính sách phát triển nghiên cứu, ứng dụng công nghệ du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên, đảm bảo phát triển du lịch bền vững. Khuyến khích ứng dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng, nước sạch và tái sử dụng chất thải trong các cơ sở dịch vụ du lịch.
- ▶ Chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển các loại hình du lịch có trách nhiệm với môi trường, đặc biệt là du lịch sinh thái. Điều này đã được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 2001 - 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 97/2002/QĐ-TTg, ngày 22/7/2002.
- ▶ Chính sách khuyến khích đối với các dự án phát triển du lịch có những cam kết cụ thể về bảo vệ, tôn tạo và phát triển các nguồn tài nguyên, môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững khu vực VQG PNKB.
- ▶ Xây dựng cơ chế/chính sách phù hợp với đặc thù của địa phương để đảm bảo một phần từ thu nhập du lịch sẽ “quay lại” hỗ trợ cho cộng đồng và cho công tác bảo tồn, phát triển tài nguyên môi trường, du lịch nơi diễn ra hoạt động du lịch với sự tham gia của cộng đồng;

4. Giải pháp về quảng bá và tiếp thị

Trên cơ sở chiến lược về xúc tiến quảng bá du lịch khu vực VQG PNKB đã được đề xuất, cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu bao gồm:

- ▶ Xây dựng tổ chức xúc tiến quảng bá du lịch nói chung và du lịch khu vực VQG PNKB nói riêng với tính chuyên nghiệp cao. Tổ chức này có thể độc lập (nếu có điều kiện) hoặc trong cơ quan xúc tiến chung của tỉnh.
- ▶ Đưa kế hoạch xúc tiến quảng bá du lịch khu vực VQG PNKB vào kế hoạch xúc tiến chung của tỉnh và dành nguồn ngân sách tương xứng cho hoạt động quan trọng này ;
- ▶ Tiến hành nghiên cứu đặc điểm thị trường du lịch trọng điểm của du lịch khu vực VQG PNKB để có được phương thức xúc tiến quảng bá du lịch cụ thể và phù hợp (xây dựng website du lịch; tờ rơi, tập gấp về du lịch khu vực VQG PNKB; xây dựng phim quảng bá; tham gia hội chợ, các sự kiện; v.v.) đạt hiệu quả cao nhất.
- ▶ Tranh thủ các cơ hội hỗ trợ của Tổng cục Du lịch để tham gia các sự kiện, các hội chợ du lịch, v.v. nhằm quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Bình và khu vực VQG PNKB trong nước và quốc tế.

- ▶ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng, thông tin đối ngoại, đặt các văn phòng xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm (cả trong nước và quốc tế); tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế, đặc biệt của UNESCO, để xúc tiến quảng bá du lịch Quảng Bình nói chung và du lịch khu vực VQG PNKB nói riêng có hiệu quả.
- ▶ Chú trọng tổ chức các điểm thông tin về du lịch Quảng Bình với trọng tâm là du lịch khu vực VQG PNKB tại các đầu mối giao thông, các địa điểm du lịch chính tại Hà Nội, Huế, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.

5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Để du lịch Quảng Bình nói chung và du lịch khu vực VQG PNKB có được đội ngũ lao động tương xứng với yêu cầu phát triển du lịch, cần đẩy mạnh hoạt động đào tạo nguồn nhân lực du lịch với một số hướng tiếp cận cụ thể bao gồm:

- ▶ Tổ chức điều tra xác định nhu cầu đào tạo cụ thể đối với đội ngũ cán bộ quản lý du lịch và các lĩnh vực liên quan; đội ngũ lao động trực tiếp trong các hoạt động nghiệp vụ, đặc biệt là hướng dẫn viên; đối với cộng đồng tham gia hoạt động dịch vụ du lịch làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo/bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch cụ thể cho Quảng Bình nói chung và khu vực VQG PNKB nói riêng.
- ▶ Chủ động tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ cho đội ngũ lao động du lịch hiện có của địa phương và khu vực VQG PNKB. Kinh phí cho hoạt động này cần được UBND tỉnh Quảng Bình chỉ đạo đưa vào kế hoạch hàng năm.
- ▶ Liên kết với Hà Nội, Huế, Đà Nẵng trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt đào tạo về nghiệp vụ hướng dẫn và khách sạn bởi Hà Nội, Huế và Đà Nẵng là những trung tâm đào tạo nghiệp vụ du lịch có chất lượng và có điều kiện thuận lợi cho việc thực tập.
- ▶ Chủ động tranh thủ sự giúp đỡ và hỗ trợ của Tổng cục Du lịch và các tổ chức quốc tế, đặc biệt là UNESCO trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch. Chú trọng đội ngũ hướng dẫn viên và diễn giải viên VQG PNKB.
- ▶ Về lâu dài, cần có kế hoạch về phát triển nguồn nhân lực du lịch trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực chung cho Quảng Bình.

6. Giải pháp về tài chính

Huy động mọi nguồn vốn để giải quyết về nhu cầu đầu tư, đảm bảo nhu cầu tài chính cho việc thực hiện thành công các chiến lược đã xác định trong QHPTDLBV khu vực VQG PNKB. Những nguồn vốn chủ yếu bao gồm:

- ▶ Vốn từ nguồn tích lũy GDP của các doanh nghiệp du lịch trong tỉnh Quảng Bình; vốn vay ngân hàng; thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong cả nước, vốn trong dân thông qua Luật Đầu tư; vốn thông qua cổ phần hóa các doanh nghiệp du lịch; vốn từ việc “nhượng quyền kinh doanh”; dùng quỹ đất để tạo nguồn vốn thông qua hình thức cho thuê đất trả tiền trước, đổi đất lấy cơ sở hạ tầng có giới hạn thời gian v.v...

- ▶ Tạo mọi điều kiện thuận lợi (có thể xây dựng các cơ chế ưu đãi đặc thù về thuế, về thủ tục hành chính) để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoặc liên doanh với nước ngoài. Với nguồn vốn này cần ưu tiên cho các nhà đầu tư có đủ năng lực để đầu tư xây dựng các dự án du lịch trọng điểm đã được xác định trên địa bàn khu vực VQG PNKB.
- ▶ Vốn ngân sách Nhà nước (cả trung ương và địa phương) ưu tiên sử dụng vào việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nội bộ tại các khu vực trọng điểm phát triển du lịch khu vực VQG PNKB; vào công tác bảo vệ và tôn tạo tài nguyên, xúc tiến quảng bá du lịch khu vực VQG PNKB và đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- ▶ Vốn vay ngân hàng với tỷ lệ lãi suất ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp du lịch sử dụng nguồn vốn này vào việc đầu tư tạo ra các sản phẩm du lịch có chất lượng. Bên cạnh đó, cần đồng thời cải tiến các thủ tục cho vay đảm bảo rút ngắn thời gian xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình dịch vụ.
- ▶ Vốn vay từ các nguồn ODA: các nhà tài trợ chủ chốt có khả năng cung cấp nguồn vốn này là Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), và một số tổ chức quốc tế như UNDP, v.v. để đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng du lịch bổ sung cho vốn tích lũy đầu tư từ GDP ngành du lịch tỉnh.

3. HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT THỰC HIỆN

1. Giới thiệu

3.1.1. Mục đích

Giám sát là công việc quan trọng để xác định xem các hoạt động du lịch có đạt được mục tiêu hay không và những mục tiêu của hoạt động du lịch đó có góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển tổng thể hay không.

3.1.2. Cấp độ và lĩnh vực giám sát

Để đảm bảo việc thu thập và đánh giá tác động chính xác và kịp thời, công tác giám sát nên triển khai ở ba cấp độ.

Bảng 58: Các cấp độ giám sát

Cấp độ	Mô tả
1. Cấp độ điểm tham quan	Hầu hết cấp độ đánh giá đều đòi hỏi việc quản lý hiệu quả các điểm tham quan cụ thể. Thông tin này là cần thiết để có những phản ứng về mặt quản lý cụ thể tại điểm tham quan kịp thời nhằm ngăn chặn sự xuống cấp nghiêm trọng điểm tham quan và để hoạt động du lịch hiệu quả. Các đầu ra giám sát ở cấp này cũng được đưa vào đánh giá của cấp phân khu.
2. Cấp phân khu	Đánh giá các hoạt động du lịch tại các khu vực trọng điểm (những điểm và phân vùng quan trọng) để đảm bảo rằng du lịch đang triển khai hiệu quả và bền vững trong phạm vi lớn hơn có thể gồm vài hoặc nhiều điểm tham quan. Thông tin từ giám sát cấp phân khu được tập hợp thành các chỉ báo phù hợp cho việc ra quyết định quản lý ở cấp này. Thông tin này sẽ được đưa vào nội dung giám sát và đánh giá cấp khu vực.
3. Cấp khu vực	Trọng tâm của giám sát và đánh giá ở cấp này là nhằm xác định và quản lý tính hiệu quả về mặt tác động của QH PTDLBV, được đánh giá thông qua việc đạt được các mục đích và mục tiêu của QH PTDLBV. Thông tin được tập hợp từ kết quả đánh giá cấp phân khu, kết hợp các yếu tố từ các cấp độ cao hơn (tỉnh, vùng, quốc gia, quốc tế) để quản lý các chiến lược phát triển cho khu vực.

Hai khía cạnh quan trọng để xem xét trong giám sát du lịch tại các khu vực bảo vệ:

1. Giám sát tác động của Du khách: Cung cấp các thông tin liên quan đến các tác động của hoạt động du lịch tại một điểm tham quan hoặc trong một khu vực.
2. Giám sát chất lượng dịch vụ: Cung cấp thông tin về các dịch vụ và các hoạt động du lịch có hiệu quả như thế nào. Duy trì chất lượng dịch vụ ở mức độ phù hợp có tầm quan trọng cơ bản nếu các hoạt động du lịch nhằm đem lại tác động tích cực ở mức cao nhất và tác động tiêu cực ở mức thấp nhất.

3.1.3. Quy trình giám sát và quản lý

Ở mỗi cấp giám sát như vậy cũng như cả hai khía cạnh của quy trình giám sát và quản lý đều phải được thiết kế và thực hiện thông qua một Kế hoạch Giám sát và Quản lý toàn diện. Thông thường quá trình thiết kế và thực hiện một kế hoạch giám sát và quản lý liên quan đến các bước sau:

Bảng 59: Quy trình của kế hoạch giám sát tổng thể

Các bước	Nội dung
1. Lập kế hoạch giám sát	➤ Thành lập Ban chỉ đạo. ➤ Tổ chức họp các bên liên quan.
2. Xây dựng chương trình giám sát	➤ Xác định những tác động và những chỉ báo cần giám sát. ➤ Lựa chọn phương pháp đo lường. ➤ Xác định mức độ hay giới hạn thay đổi có thể chấp nhận được. ➤ Xây dựng kế hoạch tiến hành giám sát.
3. Tiến hành giám sát và áp dụng các kết quả	➤ Đào tạo nhân viên, cấp quản lý, đại diện của cộng đồng, diễn giả viên/phụ trách đoàn. ➤ Thực hiện giám sát và đánh giá dữ liệu. ➤ Trình bày kết quả giám sát.
4. Đánh giá và quyết định về quản lý	➤ Đánh giá kết quả những nhận định và đưa ra các quyết định về mặt quản lý để cải thiện kết quả. ➤ Quản lý việc trao đổi thông tin, phản hồi đối với các bên liên quan

Nên xây dựng một Kế hoạch giám sát và quản lý toàn diện cho khu vực PNKB như là một sáng kiến ưu tiên riêng. Với mục đích của QH PTDLBV, những thông tin ở đây nhằm tạo bước khởi đầu và định hướng chiến lược cho quá trình này.

2. Thông tin cơ bản, chỉ báo và các chỉ tiêu

3.2.1. Thông tin cơ bản

Việc thu thập thông tin cơ bản chính xác có tầm quan trọng cơ bản vì nó chính là xuất phát điểm từ đó những điều kiện và tác động sẽ được đánh giá trong tương lai. Thông tin cơ bản cần được thu thập tại từng điểm tham quan và phải bao gồm các khía cạnh sau:

Bảng 60: Nội dung cơ bản của hoạt động giám sát

Nội dung cơ bản	Mô tả
➤ Dữ liệu về hoạt động của du khách	➤ Nội dung này bao gồm mức độ hoạt động của du khách cho mỗi điểm/vùng tham quan. Ngoài những con số có thể có được thì những thông tin rải rác về: cách thức đi lại, thị trường nguồn, thời gian lưu trú, chi tiêu, các hoạt động /các điểm tham quan đã ghé, mức độ hài lòng của du khách, những góp ý này cũng rất hữu dụng.
➤ Dữ liệu liên quan đến môi trường	➤ Nội dung này bao gồm điều kiện môi trường và chỉ báo phù hợp với điểm tham quan nhất.
➤ Dữ liệu nghiên cứu xã hội học	➤ Nội dung này bao gồm điều kiện xã hội hiện tại ở ngay hoặc gần các điểm tham quan du lịch.

3.2.2. Các chỉ báo

Đối với từng điểm tham quan các chỉ báo thích hợp nhất phải được xác định dựa trên những xem xét:

- ▶ Những đặc điểm cụ thể của điểm tham quan
- ▶ Những ưu tiên và rủi ro quản lý chính.
- ▶ Mối tương quan của chỉ báo đối với tác động đang được giám sát.
- ▶ Mức độ dễ dàng để thu thập thông tin.

Các chỉ báo ở cấp độ điểm tham quan phải phù hợp để thu thập thông tin được những thông tin cần thiết nhằm đưa vào các mức độ giám sát và quản lý tác động cấp cao hơn. Chỉ báo cấp độ cao hơn cần được chọn để phù hợp với mối quan tâm quản lý tại cấp phân khu và cấp khu vực. Xem Phụ lục 10 về toàn bộ các chỉ báo tiềm năng.

3.2.3. Chỉ tiêu: giới hạn của những thay đổi chấp nhận được và những mục tiêu phát triển diện rộng

Giới hạn của thay đổi chấp nhận được (LAC) là cách tiếp cận quản lý tác động du lịch ở các Vườn quốc gia và khu bảo tồn trên thế giới. Cách tiếp cận này xác định rằng mỗi điểm tham quan sẽ có một ngưỡng nhất định trong tổ chức các hoạt động du lịch ở mức độ mà không gây hại đến điểm tham quan. Ngưỡng hay giới hạn của sự thay đổi chấp nhận được, thường bao gồm một số yếu tố quan trọng, như:

- ▶ Sự hài lòng của du khách
- ▶ Điều kiện môi trường
- ▶ Tính thẩm mỹ của điểm tham quan
- ▶ Tạo thu nhập

Chỉ báo cụ thể cần được chọn lọc trong các yếu tố này dựa trên đặc tính của điểm tham quan trong Khu du lịch và ưu tiên quản lý. Bảng 61 trình bày Quy trình đối với ba cấp giám sát đã đề cập trên.

Bảng 61: Quy trình của các cấp độ giám sát

Cấp độ	Quy trình giám sát
1. Cấp điểm tham quan	➤ Có bằng chứng rõ ràng về tác động của hoạt động du lịch tại một điểm tham quan cụ thể. Giám sát và quản lý các hoạt động du lịch ở cấp độ điểm tham quan để duy trì các tác động liên quan đến du lịch trong phạm vi Giới hạn thay đổi chấp nhận được (LAC). Mỗi điểm tham quan sẽ có tiêu chí cụ thể mô tả những khía cạnh quan trọng của thay đổi chấp nhận được. Quy trình xác định các vấn đề chính và làm thế nào để đo lường chúng thường liên quan đến các bước sau đây: - Xác định những vấn đề chính - Mục tiêu phải đạt được - Những tiêu chuẩn sẽ duy trì để đạt được các mục tiêu - Hình thành các chỉ báo chính và tiến hành thống kê - Xây dựng các giải pháp và chiến lược nhằm giảm thiểu tác động - Giám sát và đánh giá.

2. Cấp phân khu	➤ Đánh giá trên diện rộng về khả năng có thể chấp nhận tác động du lịch dựa trên việc tổng hợp, xem xét và đánh giá các ở cấp độ điểm tham quan để có được cái nhìn tổng quan về tác động của hoạt động du lịch tại một điểm tham quan lớn hoặc phân khu cụ thể. Kiến nghị nên có quy trình giám sát và quản trị cụ thể được thiết kế cho các phân khu và các lĩnh vực sau đây: 1. Vùng lõi, kể cả khu vực Mở rộng - Phân khu Hành chính và Dịch vụ - các khu du lịch - Phân khu Phục hồi sinh thái - các khu du lịch - Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt - các khu du lịch - Khu vực Mở rộng - các khu du lịch 2. Vùng đệm - các khu du lịch ➤ Đối với từng lĩnh vực và phân khu du lịch thì Ngưỡng thay đổi chấp nhận được (LAC) cũng có thể xây dựng được. Những giới hạn như thế có thể sẽ có cùng phạm trù/ khía cạnh như LAC ở cấp độ điểm tham quan, nhưng với phạm vi rộng hơn nhằm kết hợp thông tin cụ thể từ các chỉ số và ngưỡng được sử dụng tại các điểm tham quan khác nhau ở từng vùng.
3. Cấp độ khu vực	➤ Ở cấp độ này nên thiết kế những Quy trình giám sát và quản lý riêng biệt cho: - VQG PNKB - Khu vực vùng đệm ➤ Mỗi khu vực như thế sẽ có chỉ tiêu phát triển phản ánh mục đích và mục tiêu phát triển tổng thể. Việc tập hợp và xem xét các kết quả từ đánh giá cấp phân khu về mục đích và mục tiêu phát triển cấp khu vực, sẽ chỉ ra rằng tác động của phát triển du lịch ở khu vực có góp phần hiệu quả không.

3. Hướng dẫn giám sát

Các cấp độ khác nhau về giám sát và đánh giá đòi hỏi tần suất chú ý khác nhau. Bảng 62 biểu thị các cấp độ giám sát và hướng dẫn về thời gian.

Bảng 62: Hướng dẫn về thời gian giám sát

	Thu thập thông tin	Tổng hợp thông tin	Đánh giá thông tin	Biện pháp quản lý
Điểm tham quan	2 tuần/lần	2 tháng/lần	Theo mùa (2 lần/năm)	Theo mùa (2 lần/năm)
Phân khu	2 tháng/lần	Theo mùa (2 lần/năm)	Theo mùa (2 lần/năm)	Hàng năm
Vùng	Theo mùa (2 lần/năm)	Theo mùa (2 lần/năm)	Theo mùa (2 lần/năm)	Hàng năm

Cần nỗ lực phối hợp để tập hợp và rà soát có hiệu quả thông tin thu thập được trong quá trình giám sát để hỗ trợ cho việc thẩm định và thông báo những biện pháp quản lý chiến lược kịp thời. Bảng 63 thể hiện trách nhiệm quản lý giám sát.

Bảng 63: Trách nhiệm quản lý về giám sát

	Giám sát điểm tham quan do	Thông tin tập hợp bởi	Thông tin được thẩm định bởi	Biện pháp quản lý do
Phân khu Hành chính và Dịch vụ,	Nhân viên VQG PNKB Các đơn vị kinh doanh, khai thác, các đơn vị lữ hành	Trung tâm DLSTVH, VQG PNKB	BQL VQG, Các bên liên quan	BQL VQG
Phân khu Phục hồi sinh thái	Nhân viên VQG PNKB Các đơn vị kinh doanh, khai thác, các đơn vị lữ hành	TTDL VQG PNKB, HKL VQG PNKB	BQL VQG, Các bên liên quan	BQL VQG
Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt	Nhân viên VQG PNKB Các đơn vị kinh doanh, khai thác, các đơn vị lữ hành	TTDL VQG PNKB, HKL VQG PNKB	BQL VQG, Các bên liên quan	BQL VQG
Vùng đệm: i. Chung	Xã/thôn, UBND xã Các đơn vị lữ hành	UBND xã/ huyện	UBND huyện, BQL VQG, Các bên liên quan	UBND tỉnh, UBND huyện
Vùng đệm: ii. Khu hạ tầng du lịch	UBND huyện, Doanh nghiệp	UBND huyện	UBND huyện/ UBND tỉnh, BQL VQG, Các bên liên quan	UBND tỉnh, UBND huyện
QH PTDLBV	Thông tin giám sát cấp vùng được tổng hợp bởi BQL VQG, UBND Huyện, Sở VH-TDL, SKHĐT		Các bên liên quan	UBND tỉnh, BQL VQG, UBND huyện

4. Giám sát QHPTDLBV

QHPTDLBV là một công cụ để đạt được kết quả phát triển mong muốn cũng cần phải được theo dõi và đánh giá định kỳ để những điều chỉnh được thông báo có được thực hiện một cách kịp thời. Bảng 64 thể hiện mục tiêu và biện pháp giám sát QHPTDLBV.

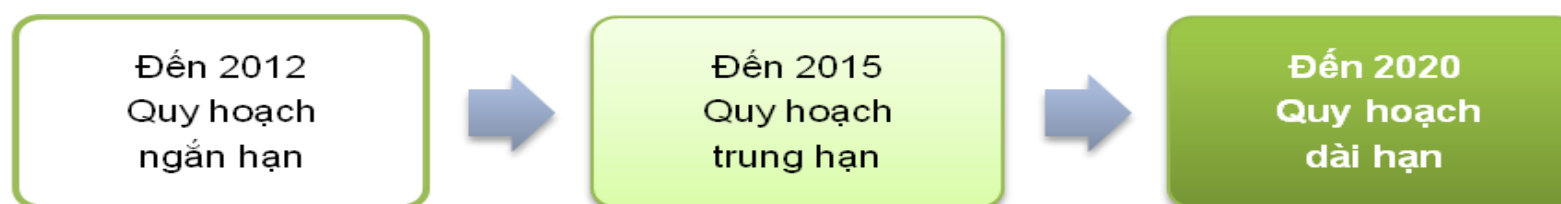
Bảng 64: Mục tiêu và biện pháp giám sát QH PTDLBV

Thời gian	Mục tiêu	Biện pháp
Năm 1-3	➢ Đảm bảo rằng các hoạt động phát triển du lịch đi đúng hướng và góp phần vào mục tiêu phát triển trung hạn	➢ Kế hoạch và phản ứng về quản lý được xem xét trên cơ sở chứng cứ xuất hiện trong quá trình giám sát. ➢ Rà soát ban đầu QHPTDLBV để xác định xem tác động du lịch có góp phần vào mục tiêu phát triển hay không.
Năm 3-5	➢ Đảm bảo các mục tiêu phát triển du lịch trung hạn góp phần vào mục tiêu phát triển mong muốn	➢ Kế hoạch và phản ứng về quản lý được xem xét trên cơ sở chứng cứ xuất hiện trong quá trình giám sát. ➢ Đánh giá giữa kỳ QHPTDLBV để xác định xem tác động du lịch có đạt được các mục tiêu phát triển và những mục tiêu này vẫn đang hỗ trợ các mục tiêu phát triển hay không. ➢ Chính lý QHPTDLBV nếu thấy cần thiết.
Năm 5-10	➢ Đảm bảo các mục tiêu phát triển mong muốn đi đúng hướng và góp phần vào tầm nhìn phát triển dài hạn của khu vực	➢ Kế hoạch và phản ứng về quản lý được xem xét trên cơ sở chứng cứ xuất hiện trong quá trình giám sát. ➢ Đánh giá sau cùng về QH PTDLBV để xác định xem phát triển và quản lý du lịch có đạt được các mục tiêu phát triển hay không. ➢ Chính lý QH PTDLBV nếu thấy cần thiết. ➢ Chuẩn bị xây dựng QH PTDLBV tiếp theo.

4. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Tổng quan về kế hoạch thực hiện

Kế hoạch thực hiện sẽ có hiệu lực vào năm 2010 sau khi UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt. Việc triển khai được phân bổ thành ba giai đoạn quy hoạch như sau:



Quy hoạch ngắn hạn: Năm 1 - 3 (đến 2012)

Thực hiện QHPTDLBV tập trung vào:

- Các hoạt động phát triển ưu tiên cao
- Tạo khuôn khổ thực hiện QH PTDLBV tổng thể

Quy hoạch trung hạn: Năm 3 - 5 (đến 2015)

Thực hiện QHPTDLBV tập trung vào:

- Các biện pháp phát triển trước mắt
- Hiện thực hóa các mục đích quy hoạch
- Hướng hoạt động phát triển đến các mục tiêu quy hoạch

Quy hoạch dài hạn: Năm 5 – 10 (đến 2020)

Thực hiện QHPTDLBV tập trung vào:

- Đạt được mục đích quy hoạch
- Các chính sách và hướng dẫn quy hoạch để đạt được tầm nhìn phát triển xa hơn

2. Các hoạt động ngắn hạn và ưu tiên thực hiện (đến năm 2012)

4.2.1. Quản lý và quy hoạch phát triển du lịch

Bảng 65: Các hoạt động ngắn hạn và ưu tiên thực hiện - quản lý và quy hoạch phát triển du lịch

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
1	Kế hoạch quản lý du khách tham quan tại động Phong Nha, động Tiên Sơn và Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa Xây dựng một hệ thống quản lý du khách đối với tuyến du lịch tham quan động Phong Nha – kể cả động Tiên Sơn (động Khô) trong đó quy định lượng du khách vào tham quan động, đặc biệt vào mùa cao điểm, hình thành công suất vận chuyển từng giờ, xác định rõ các tuyến đi bộ vào động và tăng cường, nâng cấp hệ thống ánh sáng trong động, hạn chế nghiêm ngặt thuyền du lịch vào động và tại khu vực cổng vào động, xây dựng các hướng dẫn và thủ tục rõ ràng cho các nhà điều hành thuyền du lịch để lượng khách du lịch có thể theo đúng quy định, cải thiện chất lượng và số lượng các tài liệu thông tin và diễn giải về động Phong Nha, điều tra tiềm năng phát triển trung tâm diễn giải tại cổng vào động.	✓✓✓	GTZ và KfW	GTZ: Hỗ trợ phát triển ý tưởng và tài liệu quy hoạch. KfW: Tài trợ một phần cho việc xây dựng Trung tâm du lịch – phát triển hạ tầng. Vốn ghi: \$60,000	2010
2	Khảo sát theo dõi du khách tại động Phong Nha, động Tiên Sơn và Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa Xây dựng và thực hiện khảo sát theo dõi định kỳ nhằm đánh giá chất lượng trải nghiệm của du khách	✓✓✓	GTZ	Hoạt động này kết hợp với hoạt động 1. Vốn ghi: \$15,000	2010
3	Xây dựng lại Trung tâm thông tin du khách - Lập kế hoạch: Hợp nhất Trung tâm du khách Phong Nha vào mô hình quản lý và quy hoạch của khu bến thuyền du lịch, cải thiện chất lượng và số lượng các tài liệu thông tin và diễn giải về Trung tâm, nghiên cứu một mô hình doanh nghiệp tiềm năng đối với Trung tâm, tích cực xúc tiến và hợp nhất Trung tâm du khách thành một phần của tuyến du lịch động Phong Nha. - Xây dựng: Đánh giá các nhu cầu tái thiết.	✓✓	KfW	GFA sẽ hỗ trợ nghiên cứu khả thi. Hoạt động này bao gồm xây dựng một trung tâm thông tin (tại bến thuyền du lịch) và một trung tâm hướng dẫn (tại đường vào các hang động). Vốn ghi: \$20,000	2010-2011
4	Kế hoạch Quản lý Du khách tại Hang Tám Cô	✓✓✓	VQG PNKB	UBND tỉnh giao cho VQG PNKB chuẩn bị kế hoạch quản lý điểm	2010

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	Xây dựng kế hoạch quản lý địa điểm (kể cả các hệ thống quản lý môi trường đối với việc thu gom và xử lý rác thải) bao gồm hệ thống theo dõi du khách nhằm đánh giá các luồng khách cụ thể tại điểm này, xác định các tuyến đi bộ tại từng điểm, đặc biệt giữa khu vực Miếu thờ và hang, cải thiện và mở rộng các cơ sở và dịch vụ du lịch, phát triển tốt hơn nữa các tài liệu diễn giải về địa điểm này cũng như cung cấp các thông tin khác về khu vực, nghiên cứu khả năng phát triển cơ hội đi bộ nhằm cung cấp thêm kinh nghiệm về địa điểm và giải tỏa lượng du khách quanh địa điểm này.			tham quan. Vốn ghi: \$5,000	
5	Phát triển sản phẩm đi bộ leo núi tại VQG PNKB - Đánh giá các nhu cầu về tuyến đi bộ leo núi, đánh dấu các tuyến đi bộ, hướng dẫn triển khai và các thủ tục điều hành đối với các tuyến đi bộ leo núi, hệ thống quản lý đối với các tuyến đi bộ leo núi, giảm thiểu tác động đối với môi trường, sức chứa và tài liệu diễn giải. - Các tuyến đi bộ đề xuất đến – hang Én, Thung Tre, hang Thiên Đường, hang Mẹ Bồng Con và hang Vòm, hang Sơn Đoòng, bản dân tộc thiểu số A Rem và các hang động xung quanh.	✓	Sẽ xác định sau	Trước khi triển khai phát triển sản phẩm đi bộ leo núi ở VQG PNKB, cần phải có quy định chung về phát triển hang động của UBND tỉnh/ Ban quản lý VQG. Quy định này sẽ đưa ra hướng dẫn và tiêu chí cụ thể cho những phát triển loại này đặc biệt có tính đến tiêu chí phát triển các điểm Di sản Thế giới. Vốn ghi: \$10,000	2011 - 2012
6	Phát triển tuyến đi bộ, đi bộ leo núi và đi xe đạp tại Vùng đệm - Đánh dấu tuyến đi bộ, đi bộ leo núi và đi xe đạp ở Vùng đệm tập trung vào vùng lân cận khu vực dịch vụ và hành chính – Xã Sơn Trạch, hướng dẫn xây dựng các tuyến đi bộ, đi bộ leo núi và đi xe đạp, hệ thống quản lý đối với tuyến đi bộ, đi bộ leo núi và đi xe đạp bao gồm việc giảm thiểu tác động môi trường, cộng đồng, sức chứa và tài liệu diễn giải. - Nội dung này cần kết nối với việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng ở Vùng đệm - Các địa điểm cần đưa vào tuyến: hang 36 và Bến phà Xuân Sơn, các bản được chọn và hệ thống song ngòi.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$20,000	2011 - 2012
7	Phát triển sản phẩm du lịch sông nước ở VQG PNKB / Vùng đệm - Xây dựng các hoạt động trên sông như chèo thuyền kayak, tubing, bơi, du thuyền trên sông. - Đánh dấu các tuyến hoạt động trên sông, xây dựng hướng dẫn đối với các	✓✓	ADB và VQG PNKB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. VQG PNKB hỗ trợ phát triển sản	2011 - 2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	hoạt động trên sông, giảm thiểu tác động môi trường, sức chứa, tham khảo ý kiến của VQG PNKB và cộng đồng nhằm hợp tác sử dụng con sông, cung cấp các khóa tập huấn phù hợp về các dịch vụ diễn giải, tiếp đón du khách và tìm kiếm cứu nạn. ➢ Nội dung này cần kết nối với việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng ở Vùng đệm ➢ Các con sông nên đưa vào tuyến: sông Chày, sông Troóc, sông Son và sông Long Đại.			phẩm. Vốn ghi: \$10,000	
8	Phát triển sản phẩm du lịch thám hiểm hang động ➢ Xây dựng các hoạt động thám hiểm hang động. ➢ Đánh giá các hang động có tiềm năng thám hiểm, đánh dấu các tuyến đi bộ qua các hang động, xây dựng hướng dẫn và quy trình vận hành hoạt động thám hiểm hang động, giảm thiểu tác động môi trường, sức chứa và tài liệu diễn giải. ➢ Các hang động nên đưa vào tuyến: hang E, hang Tối, hang Thiên Đường, hang Mẹ Bồng Con và hang Vòm, hang Ến	✓	Sẽ xác định sau	Trước khi tiến hành phát triển sản phẩm thám hiểm hang động cần có đánh giá đầy đủ về mặt khoa học và các hang và quyết định của UBND tỉnh /BQL VQG về quy định chung phát triển các hang. Quy định này sẽ đưa ra hướng dẫn và tiêu chí cụ thể cho những phát triển loại này đặc biệt có tính đến tiêu chí phát triển các điểm DSTG. Vốn ghi: \$15,000	2011 - 2012
9	Phát triển sản phẩm du lịch ngắm động vật hoang dã ➢ Hình thành các cơ hội ngắm động vật hoang dã. ➢ Đánh giá các khu vực phù hợp với hoạt động ngắm động vật hoang dã, nghiên cứu các nhu cầu về cơ sở hạ tầng như các điểm hoặc khu vực quan sát, xây dựng hướng dẫn đối với hoạt động này. ➢ Tập trung vào các điểm hiện có như khu vực xem Voọc Hà Tĩnh ngay trước tuyến Sinh thái Nước Moọc, Trung tâm Cứu hộ linh trưởng và Vườn thực vật	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$10,000	2011 - 2012
10	Phát triển các ý tưởng điều hành hoạt động du lịch tại Trung tâm Cứu hộ linh trưởng ➢ Xây dựng một kế hoạch quản lý điều hành cụ thể tại địa điểm này nhằm đảm bảo sự an toàn, nguyên tắc hướng dẫn du khách và ngăn ngừa các tác động đối với môi trường và động vật, hình thành các tài liệu diễn giải,	✓✓	Vườn Thú Cologne	Vốn ghi: \$10,500	2011 - 2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	tập huấn về hướng dẫn, lập chương trình và chương trình giám sát/đánh giá tác động, xây dựng kế hoạch tham quan phù hợp với các nhà quản lý dự án.				
1 1	Xây dựng các ý tưởng tổ chức hoạt động du lịch tại Vườn thực vật ➢ Chuẩn bị kế hoạch cho Vườn thực vật. Hoạt động này bao gồm quản lý du khách, xây dựng đường mòn, thông tin và diễn giải, nhu cầu cơ sở hạ tầng tiềm năng như bảng hiệu, nơi đỗ xe, nhà vệ sinh và phòng nhân viên, xây dựng thông tin và diễn giải cụ thể về địa điểm, nghiên cứu cơ hội sử dụng nhân viên của VQG PNKB hoặc người dân trong cộng đồng làm diễn giải viên.	✓	VQG PNKB	Vốn ghi: \$5,000	2012
1 2	Phát triển các ý tưởng điều hành hoạt động du lịch tại Thung Tre ➢ Xem xét kỹ lưỡng mọi đề xuất đầu tư tại Thung Tre về tác động của những đề xuất này đối với sự đa dạng sinh học của khu vực này nói riêng và vùng này nói chung, đánh giá sự đa dạng sinh học và mô tả rõ động vật hoang dã hiện có trong Thung Tre, tiến hành đánh giá tổng thể địa điểm này để xác định mức độ sản phẩm du lịch phù hợp và phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu thị trường nhưng vừa đảm bảo việc bảo vệ môi trường và các giá trị bảo tồn, nghiên cứu tiềm năng hình thành lối đi bộ trong khu vực có mái che và chuẩn bị nghiên cứu khả thi.	✓	Sẽ xác định sau	Thung Tre cần có đánh giá đầy đủ về mặt khoa học và đánh giá tác động môi trường trước khi tính đến việc phát triển. Vốn ghi: \$15,000	2012
1 3	Phát triển các ý tưởng tổ chức hoạt động du lịch đối với rừng Gáo ➢ Chuẩn bị kế hoạch cơ sở đối với rừng Gáo. Hoạt động này bao gồm quản lý du khách, xây dựng đường mòn, thông tin diễn giải, nhu cầu cơ sở hạ tầng tiềm năng như biển báo, nơi đỗ xe, nhà vệ sinh và phòng nhân viên, xây dựng thông tin và diễn giải cụ thể về địa điểm, nghiên cứu cơ hội sử dụng nhân viên của VQG PNKB hoặc người dân trong cộng đồng làm diễn giải viên.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$5,000	2011 - 2012
1 4	Phát triển các ý tưởng phát triển du lịch đối với đỉnh U Bò ➢ Nghiên cứu tuyến đường mòn tại đỉnh U Bò, tìm hiểu tính khả thi trong việc tìm nguồn tài trợ đối với tuyến đường mòn, xem xét địa điểm này sẽ được kết nối như thế nào với các tuyến/sản phẩm du lịch khác.	✓	VQG PNKB	Vốn ghi: \$5,000	2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
1 5	Theo dõi kế hoạch xây dựng Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh Theo dõi việc lập kế hoạch và xây dựng bảo tàng, giới thiệu văn hóa với những người chịu trách nhiệm xây dựng về QHPTDLBV, đưa việc phát triển bảo tàng vào công tác quản lý du khách của VQG PNKB. Đặc biệt trong tuyển tham quan quanh khu vực dịch vụ và hành chính. Cần lưu ý đây sẽ là một địa điểm du lịch có lượng khách tham quan cao.	✓	Bộ Quốc Phòng	Vốn ghi: \$2,000	2010 - 2012
1 6	Phát triển sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng ở VQG PNKB Các bản A Rem, A Rộc và Sơn Đoòng: cần tiến hành đánh giá nhu cầu phát triển cộng đồng, các yêu cầu về bảo tồn và tính nhạy cảm về văn hóa xã hội, phân tích độ nhạy về môi trường, hỗ trợ tổ chức cộng đồng, nâng cao nhận thức và phát triển các kỹ năng tổ chức du lịch, thiết lập và cải thiện việc quản lý chất thải, nước uống và thông tin liên lạc, tiến hành phân tích thị trường cụ thể và phát triển khái niệm sản phẩm, xem xét các chính sách cho phép du khách lưu trú, phát triển hệ thống nhượng quyền/thỏa thuận kinh doanh.	✓	KfW	Vốn ghi: \$30,000	2012
1 7	Phát triển sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng tại Chày Lập Đào tạo kỹ năng và ngôn ngữ cho người dân địa phương tham gia vào các dịch vụ du lịch nhằm cung cấp các dịch vụ tốt hơn (giá trị cao hơn), nâng cao nhận thức về du lịch cho người dân địa phương, phát triển và hỗ trợ hình thức homestay ở thôn Chày Lập thành mô hình homestay có thể nhân rộng cho một khu vực lớn hơn, xác định và hỗ trợ việc điều hành hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng như đi xe đạp, đi bộ sang các thôn bản khác, chèo thuyền kayak và tubing, sẵn sàng cung cấp hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng cho các du khách đến tham quan vào ban ngày, xác định các cơ hội hỗ trợ nhằm tạo thêm thu nhập từ du lịch cho nhiều hộ gia đình khác, hỗ trợ tiếp thị và quảng bá hình thức homestay và các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng trong vùng.	✓✓✓	GTZ, KfW và ADB	GTZ sẽ hỗ trợ hoạt động này dưới hình thức một dự án thí điểm. KfW sẽ xem xét việc đầu tư dựa trên kế hoạch hành động được GTZ hỗ trợ. Các hoạt động mà ADB đang thực hiện về CBT cần gắn kết với hoạt động này Hoạt động số 18 phụ thuộc vào hoạt động này. Vốn ghi: \$30,000	2010
1 8	Phát triển sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng ở Vùng Đệm Rà soát và đánh giá thêm các cộng đồng khác về khả năng tổ chức du lịch dựa vào cộng đồng và nâng cao nhận thức về du lịch trong cộng đồng và các thôn bản, đánh giá nhu cầu tiềm năng đối với sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng ở Vùng đệm, đánh giá nhu cầu năng lực, khảo sát và đánh giá sản phẩm du lịch cũng như tính khả thi trong cơ chế tài chính.	✓✓	GTZ và ADB	GTZ: Các hoạt động tiếp theo sẽ dựa vào hoạt động số 17. ADB: Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$100,000	2011-2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
1 9	Du lịch vì lợi ích cộng đồng tại Vùng đệm Hỗ trợ việc sản xuất các sản phẩm địa phương nhằm kết nối với chuỗi cung ứng du lịch, cộng tác với các sáng kiến phát triển liên quan (chính quyền và tổ chức phát triển), tham khảo ý kiến của các nhà điều hành du lịch nhằm sàng lọc nhu cầu thực sự đối với sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng và hợp tác nhằm phát triển những sản phẩm thích hợp nhất, hỗ trợ và đưa cộng đồng cũng như các thôn bản vào các chương trình phát triển nguồn nhân lực.	✓✓	GTZ, KfW và ADB	Hoạt động sản xuất thực tế có thể được hỗ trợ thông qua Quỹ Phát triển Vùng đệm (BDF). Quỹ này là một nội dung trong Kế hoạch Phát triển Vùng đệm (BDP) do GTZ lập nên. Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: sẽ xác định sau	2011-2012
2 0	Phân tích chuỗi giá trị du lịch đối với khu vực VQG PNKB Tiến hành nghiên cứu cung cấp các chỉ số cơ bản về du lịch nhằm hỗ trợ việc mở rộng và phát triển các cơ hội vì lợi ích du lịch, bao gồm kết nối các sản phẩm địa phương vào kinh tế du lịch và tăng việc làm cho người dân trong ngành du lịch.	✓✓✓	GTZ và ADB	Vốn ghi: \$40,000	2010-2011
2 1	Thiết lập các quỹ phát triển doanh nghiệp cộng đồng nhằm hỗ trợ và xây dựng doanh nghiệp Quỹ phát triển doanh nghiệp cộng đồng sẽ hỗ trợ: các khoản vay phát triển du lịch cho doanh nghiệp nhỏ như homestay, nhà nghỉ cộng đồng và việc điều hành của cộng đồng đối với hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng, hỗ trợ kinh doanh nhằm thống nhất giữa cộng đồng với các nhà điều hành du lịch thương mại và tài trợ cho các hoạt động phát triển nguồn nhân lực khác.	✓✓	KfW và ADB	Hoạt động này bao gồm quỹ phát triển Vùng đệm của KfW – chương trình tín dụng vi mô. Xem hoạt động 19. Vốn ghi: sẽ xác định sau	2011-2012
2 2	Chiến lược tiếp thị và quảng bá, kế hoạch hành động tại khu vực VQG PNKB Hoạt động này sẽ bao gồm: phân tích thị trường toàn diện (trên cơ sở khảo sát theo dõi du khách), chiến lược xác định vị trí và xây dựng thương hiệu (phối hợp với tỉnh Quảng Bình và Tổng cục Du lịch Việt Nam), phát triển các kênh phân phối và cũng như kế hoạch hành động toàn diện liên tục triển khai.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$50,000	2011-2012
2 3	Xây dựng thương hiệu Phát triển thương hiệu và biểu trưng nhất quán cho khu vực này để sử	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang	2011-2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	dụng cho tất cả các tài liệu quảng bá, trên các kênh truyền thông và các biển báo tiếp thị khác.			thực hiện. Vốn ghi: \$10,000	
2 4	Phát triển các hình thức tiếp thị khác cho khu vực VQG PNKB ➢ Xây dựng các hình thức tiếp thị nhất quán như tập gấp, áp phích, tờ rơi, v...v... về khu vực này. Kể cả việc xây dựng bản đồ du lịch tổng thể và các tập gấp cụ thể về từng địa điểm.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$40,000	2011- 2012
2 5	Quảng cáo và xúc tiến ➢ Thực hiện các hoạt động quảng cáo và xúc tiến như đã soạn thảo trong chiến lược tiếp thị và quảng bá, kế hoạch hành động đối với khu vực VQG PNKB.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$15,000	2011- 2012
2 6	Phát triển và duy trì trang web ➢ Xây dựng một trang web quảng bá trình bày về khu vực và tất cả các bên tham gia vào lĩnh vực du lịch, có khả năng bao gồm hệ thống đặt vé qua mạng cho các tuyến tham quan hàng động chính, các hoạt động quanh các khu vực này và nơi lưu trú.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$15,000	2011- 2012
2 7	Hỗ trợ các FAM Tour dành cho các nhà điều hành du lịch và giới truyền thông ➢ Tiếp tục cung cấp những hỗ trợ cho các nhà điều hành tour và giới truyền thông đại chúng tham quan tại khu vực này. Định kỳ mời các hãng lữ hành lớn (đại lý tour) và đại diện giới truyền thông.	✓✓	ADB và KfW	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. KfW dành ra một khoản chi cho tham quan nghiên cứu và đào tạo. Vốn ghi: \$10,000	2011- 2012
2 8	Tham gia các sự kiện và hội chợ thương mại xúc tiến cấp tiểu vùng và quốc gia ➢ Định kỳ tham gia các sự kiện và hội chợ thương mại xúc tiến cấp tiểu vùng và quốc gia căn cứ vào chiến lược quảng bá và tiếp thị, kế hoạch hành động dành cho khu vực VQG PNKB.	✓✓	ADB và KfW	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$10,000	2011- 2012
2 9	Phát triển hệ thống quản lý thông tin ➢ Hoạt động này nhằm thu thập thông tin phục vụ các mục đích về quản lý tác động du lịch, quy hoạch, tiếp thị và phát triển sản phẩm cũng như diễn	✓✓	KfW	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà KfW đang thực hiện – thông qua nghiên	2011- 2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	giải.			cứu cơ bản về tác động và sau đó tiến hành các hoạt động giám sát và đánh giá Vốn ghi: Sẽ quyết định sau	
3 0	Phát triển Kế hoạch diễn giải và các hoạt động của Kế hoạch Hành động ➢ Chuẩn bị kế hoạch diễn giải và các hoạt động của kế hoạch hành động. Kế hoạch diễn giải cung cấp cho ban quản lý VQG PNKB căn cứ để diễn giải về tự nhiên cũng như văn hóa của VQG kể cả việc đề xuất các biện pháp trước mắt nhằm cải thiện tình hình hiện tại.	✓✓	ADB và KfW	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB và KfW đang thực hiện Vốn ghi: \$40,000	2011-2012
3 1	Phát triển chương trình quản lý và giám sát du lịch ➢ Chuẩn bị chương trình quản lý và giám sát du lịch. Chương trình này sẽ bao gồm các chỉ số du lịch chính, các hoạt động khảo sát thường xuyên đối với các địa điểm du lịch. Cung cấp các báo cáo thường niên.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$10,000	2011-2012
3 2	Phát triển tài liệu diễn giải cho Trung tâm du khách Phong Nha ➢ Xây dựng nội dung diễn giải cho trung tâm du khách Phong Nha. Hoạt động này bao gồm nội dung trưng bày dành cho chính Trung tâm du khách và các nội dung mô tả khu vực cũng như các điểm cụ thể.	✓✓✓	GTZ và KfW	GTZ và KfW phân công lẫn nhau. Kết hợp với chương trình nâng cao nhận thức bảo tồn trong quá trình xây dựng kế hoạch quản lý cho VQG PNKB. Vốn ghi: \$20,000	2010
3 3	Kế hoạch và tài liệu diễn giải điểm cụ thể đối với các điểm ưu tiên ➢ Chuẩn bị tài liệu diễn giải điểm cụ thể đối với các điểm ưu tiên như động Phong Nha, hang Tám Cô. Tài liệu diễn giải điểm cụ thể cần nhất quán với việc gắn thương hiệu của hình thức tiếp thị. Chuẩn bị các tài liệu diễn giải cụ thể địa điểm đối với các điểm ưu tiên như động Phong Nha, hang Tám Cô. Tài liệu diễn giải cụ thể địa điểm cần nhất quán với việc xây dựng thương hiệu của các tài liệu tiếp thị	✓✓	ADB, KfW và GTZ	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB, KfW và GTZ đang thực hiện. Vốn ghi: \$25,000	2011

4.2.2. Phát triển nguồn nhân lực du lịch

Bảng 66: Các hoạt động thực thi ngắn hạn - phát triển nguồn nhân lực du lịch

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
1	Xây dựng chương trình Phát triển nguồn nhân lực cho Khu vực VQG PNKB Chuẩn bị một chương trình Phát triển nguồn nhân lực du lịch mở rộng và toàn diện cho Khu vực VQG PNKB. Chương trình sẽ bao gồm các sáng kiến đào tạo sau đây.	✓✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$40,000	2010-2012
2	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch dựa vào cộng đồng Đánh giá các nhu cầu đào tạo, đào tạo các kỹ năng và ngôn ngữ cho những người dân địa phương hoạt động trong ngành dịch vụ du lịch nhằm mang lại các dịch vụ tốt hơn (có giá trị cao hơn), nâng cao nhận thức về du lịch giữa các cư dân địa phương.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$100,000	2010-2012
3	Đào tạo Phát triển nguồn nhân lực du lịch cho VQG PNKB - đội ngũ quản lý - Đánh giá các nhu cầu đào tạo, quản lý du lịch ở các khu vực bảo tồn và khu vực Vùng đệm - Hoạt động này bao gồm quản lý nhượng quyền kinh doanh, tham vấn cộng đồng, hiểu biết các chính sách và quy định liên quan đến du lịch, giám sát và quản lý du lịch. - Đào tạo tập trung vào đội ngũ quản lý vườn - Tổ chức tham quan học tập cho đội ngũ quản lý chủ chốt	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$50,000	2010-2012
4	Đào tạo Phát triển nguồn nhân lực du lịch cho VQG PNKB - đội ngũ nhân viên nói chung Đào tạo nâng cao nhận thức du lịch và đào tạo kỹ năng ngôn ngữ	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$50,000	2010-2012
5	Đào tạo Phát triển nguồn nhân lực du lịch cho VQG PNKB - đội ngũ nhân viên du lịch Đào tạo về chăm sóc khách hàng và các kỹ năng ngôn ngữ.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$50,000	2010-2012
6	Đào tạo Phát triển nguồn nhân lực du lịch cho VQG PNKB - hướng dẫn viên tại các hang động	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang	2010-2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	Chương trình đào tạo cho các hướng dẫn viên hàng động của VQG PNKB. Cần tập trung vào hướng dẫn động Phong Nha. Chương trình đào tạo này nên dành cho cả cán bộ của VQG PNKB, cộng đồng địa phương và các công ty du lịch tiềm năng liên quan.			thực hiện. Vốn ghi: \$100,000	
7	Đào tạo Phát triển nguồn nhân lực du lịch cho ngành trên diện rộng Chủ động đào tạo về du lịch cho các đơn vị hoạt động tại địa phương và khu vực.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$30,000	2010-2012

4.2.3. Phát triển cơ sở hạ tầng trực tiếp cho du lịch

Bảng 67: Các hoạt động thực thi ngắn hạn - phát triển cơ sở hạ tầng trực tiếp cho du lịch

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
1	Quy hoạch và nâng cấp hai động Phong Nha và Tiên Sơn Đảm bảo an toàn cơ sở vật chất trong động và an toàn cơ sở vật chất lối đi và tay vịn khi vào động.	✓✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$453,000	2010-2012
2	Quy hoạch và nâng cấp Trung tâm du khách Phong Nha Quy hoạch kiến trúc của Trung tâm du khách được kết hợp với việc quy hoạch và nâng cấp khu vực bên thuyền Phong Nha. Hoạt động này bao gồm cả việc phát triển một trung tâm diễn giải nằm giữa khu vực động Phong Nha và động Tiên Sơn.	✓✓	KfW	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$250,000	2011-2012
3	Quy hoạch và nâng cấp bến thuyền Phong Nha ➤ Quy hoạch kiến trúc của bến thuyền Phong Nha. Hoạt động này cần phải được kết hợp với việc quy hoạch Trung tâm du khách	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$100,000	2011-2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	Phong Nha.				
4	Hỗ trợ bảo tồn hang động đối với các hang động khác ➢ Cơ sở vật chất an toàn trong động, cơ sở vật chất đảm bảo an toàn lối đi và tay vịn vào động, bao gồm cả những hang động sẽ được phát triển dành cho hoạt động thám hiểm hang động	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$50,000	2012
5	Hỗ trợ nâng cấp và xây dựng tuyến đường mòn leo núi ➢ Phát triển/nâng cấp các tuyến đường mòn leo núi trong khu vực VQG PNKB. Các tuyến đường chính gồm có: đường mòn đến hang Én, Thung Tre, động Thiên Đường, hang Mẹ Bồng Con và hang Vòm, hang Sơn Đoòng, bản A Rem và các hang động xung quanh.	✓	KfW	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$50,000	2012
6	Xây dựng tuyến đường đi bộ, leo núi và đi xe đạp trong khu vực Vùng đệm ➢ Đánh dấu các tuyến đường đi bộ, leo núi và đi xe đạp trong khu vực Vùng đệm tập trung vào khu vực nằm kề với -hân khu Hành chính và Dịch vụ - xã Sơn Trạch, xây dựng các hướng dẫn dành cho các tuyến đường đi bộ, leo núi và đi xe đạp, có hệ thống quản lý đối với các tuyến đường này bao gồm cả công tác giảm thiểu tác động đối với môi trường và cộng đồng, sức chứa và tài liệu diễn giải.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$100,000	2011-2012
7	Duy trì và mở rộng tuyến sinh thái suối Nước Moọc ➢ Xem xét khả năng mở rộng tuyến đường, xem xét và kiểm tra kế hoạch bảo dưỡng tuyến đường, đặc biệt là các cầu, cải tiến các trạm Panô diễn giải và thông tin ở từng địa điểm, liên kết và hợp nhất tuyến đường với các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng ở thôn Chày Lập, tìm kiếm thêm nhiều cơ hội để đóng góp vào sự phát triển kinh tế địa phương như cung cấp hàng hóa và dịch vụ và các sản phẩm địa phương của các làng lân cận, thiết lập một kế hoạch quản lý du khách và xem xét kế hoạch quản lý địa điểm trong tương lai, hỗ trợ quảng bá và tiếp thị tuyến du lịch, liên kết và kết hợp gói du lịch này với các hoạt động du lịch khác.	✓✓	KfW	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$30,000	2011-2012
8	Phát triển điểm du lịch thác Mơ ▶ Quy hoạch điểm du lịch, xây dựng khu vực đỗ xe như là điểm dừng	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện.	2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	xe được chọn bên cạnh Quốc lộ 15. Cơ sở hạ tầng trọng điểm cần thiết cho khu vực dừng xe này là: Biển báo khu vực đỗ xe và thác nước, trang thiết bị nhà vệ sinh và thùng rác, các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch như ăn uống, thư giãn, bán đồ lưu niệm. Thiết lập các điểm giải điểm du lịch này và thông tin về khu vực. Xây dựng điểm du lịch này thành một phần trong sự phát triển các tuyến du lịch khác ở Quốc lộ 15.			Vốn ghi: \$15,000	
9	Công trình hỗ trợ phát triển các điểm du lịch nhỏ để phát triển tuyến du lịch bằng xe ô tô. - Các điểm bao gồm: hang Cha Lo (bao gồm diện tích nhìn từ Quốc lộ vào thung lũng), Di tích lịch sử Bãi Dinh, hang Én/Cổng trời gần Cha Lo và Đồi 37, sân bay Khe Gát và núi Thần Đinh. - Phát triển riêng biệt điểm du lịch cần bao gồm: Phát quang sạch sẽ điểm du lịch và cung cấp cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ như nhà vệ sinh, xây dựng điểm giải riêng cho điểm du lịch và thông tin về khu vực, xây dựng điểm du lịch trở thành một phần trong sự phát triển tuyến du lịch, nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về du lịch và các dịch vụ hỗ trợ như ăn uống, đồ lưu niệm.	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$35,000	2012
10	Điểm tham quan phong cảnh ở hệ thống hang động Karst - nâng cấp đường vào cho du khách và hạ tầng bảo vệ an toàn Bãi đỗ xe dài 30m, nền 20m2, tay vịn nằm ở rìa bên ngoài	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$15,000	2012
11	Phát triển tuyến Rào Thương và khu vực dã ngoại Bãi đỗ xe dài 30m, lan can vịn nằm ở rìa bên ngoài, sức chứa 10 xe ô tô và 02 xe buýt nhỏ, khu vực bến xe buýt dài 10m.	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$60,000	2012
12	Quy hoạch và nâng cấp hang Tám Cô Khu vực dã ngoại, công trình xây dựng, nhà vệ sinh, gian bán hàng, quang cảnh và bảng chỉ dẫn.	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$35,000	2011-2012
13	Cầu Trà Ang - Nâng cấp đường mòn Hồ Chí Minh	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện.	2012

#	Hoạt động Phát triển	Độ ưu tiên (- Thấp ✓ - Cao)	Cơ quan chịu trách nhiệm	Nhận xét và phân bổ ngân sách	Khung thời gian thực hiện
	Cải thiện bãi đỗ xe, quang cảnh, xây dựng và lắp đặt các Panô diễn giải.			Vốn ghi: \$10,000	
1 4	Xây dựng các khu vực quan sát Khu vực chờ và khu vực đi lại có mái che, xây dựng điểm quan sát, khu vực dã ngoại, diễn giải và bảng chỉ dẫn	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$80,000	2012
1 5	Xây dựng khu vực tham quan Vực Hà Tĩnh Khu vực đỗ xe, bục quan sát có diễn giải, đường mòn đến sông, bến sông và công trình tại dòng sông.	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$178,000	2012
1 6	Xây dựng Bến thuyền Chày Lập Đường mòn đi bộ và bến thuyền, cung ứng tàu thuyền chở khách, quầy và thiết bị bán vé, khu nhà tiện nghi và chợ, nhà vệ sinh, bến xe buýt, hệ thống điện và nước thải.	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$362,000	2012
1 7	Cải thiện tổng thể việc xử lý chất thải rắn Đào tạo vận hành và bảo trì, trang thiết bị, thùng để thu gom rác, sửa chữa đường bộ và hệ thống thoát nước	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$195,000	2011-2012
1 8	Hỗ trợ hoạt động giao thông vận tải Xe buýt chạy tuyến ngắn dành cho phân khu Hành chính và Dịch vụ	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$132,000	2012
1 9	Biển báo diễn giải cho từng điểm ưu tiên Dựa trên tài liệu diễn giải dành riêng cho điểm du lịch, xây dựng các bảng chỉ dẫn và biển báo ở các điểm ưu tiên. Tất cả các bảng chỉ dẫn ở VQG PNKB đều phải thống nhất và theo quy chuẩn.	✓✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$100,000	2011-2012
2 0	Bảng thông tin quảng bá về khu vực Trên cơ sở quảng bá hình ảnh khu vực, xây dựng các bảng thông tin về khu vực dọc theo tuyến du lịch.	✓	ADB	Hoạt động này cần gắn kết với các hoạt động mà ADB đang thực hiện. Vốn ghi: \$50,000	2012

3. Mục tiêu thực hiện trung hạn (2013 đến 2015)

Bảng 68: Mục tiêu thực hiện trung hạn (2013 đến 2015)

Mục tiêu thực hiện trung hạn (2013 đến 2015)
Phát triển sản phẩm du lịch:
<u>Phân khu Hành chính và Dịch vụ:</u> ➢ Tổ chức các sản phẩm du lịch chất lượng cao tại các điểm du lịch đại chúng – Trung tâm thông tin, động Phong Nha, động Tiên Sơn, và Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh. ➢ Tổ chức nhiều sản phẩm du lịch mạo hiểm và thiên nhiên nhẹ nhàng trên cơ sở lượng khách vừa phải ở khu vực Trung Tre ➢ Tổ chức nhiều sản phẩm du lịch mạo hiểm và thiên nhiên nhẹ nhàng – trên cơ sở lượng khách vừa phải ở các khu vực hang E, hang Tối, tuyến du lịch sinh thái Nước Moọc và sông Chày. ➢ Củng cố và duy trì mối liên kết sản phẩm du lịch với vùng đệm ➢ Rà soát và nhân rộng sản phẩm du lịch nếu phù hợp
<u>Phân khu phục hồi sinh thái:</u> ➢ Phát triển các sản phẩm du lịch ở khu vực hang Mẹ Bồng Con và Hang Vòm, hang Thiên Đường. ➢ Phát triển các sản phẩm du lịch ở bản dân tộc thiểu số A Rem và những vùng xung quanh.
<u>Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt:</u> ➢ Quản lý chặt chẽ các sản phẩm du lịch ở hang Én và tuyến trekking ➢ Phát triển các sản phẩm du lịch ở đỉnh U Bò ➢ Phát triển các sản phẩm du lịch ở bản Sơn Đoòng
<u>Khu vực Mở rộng:</u> ➢ Nếu được, xúc tiến phát triển các hoạt động du lịch ở các hang động quanh bản dân tộc Rục.
<u>Vùng đệm:</u> ➢ Tổ chức các sản phẩm du lịch cộng đồng thành công ở các khu vực lựa chọn trong vùng đệm ➢ Hình thành và tổ chức các hoạt động du lịch mạo hiểm nhẹ nhàng (đi bộ, trekking, đi xe đạp và bơi thuyền kayak) ở những khu vực liên quan trong vùng đệm. ➢ Hỗ trợ nhân rộng và phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng trong tương lai. ➢ Hỗ trợ nhân rộng và phát triển các sáng kiến du lịch vì lợi ích cộng đồng bao gồm cung cấp các sản phẩm/dịch vụ cho du khách và kinh tế du lịch, cũng như chiến lược gia tăng việc làm ở địa phương trong lĩnh vực du lịch. ➢ Củng cố và duy trì mối liên kết sản phẩm du lịch với vùng lõi
<u>Khu hạ tầng du lịch:</u> ➢ Hỗ trợ đầu tư và phát triển du lịch đại chúng trong ngành du lịch
Tiếp thị và quảng bá:
<u>Khu vực Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng:</u> ➢ Theo dõi thông tin thị trường, ➢ Cải tiến và củng cố tài liệu tiếp thị

- Khai thác các kênh phân phối chính

Quảng Bình, Quốc gia, và tiểu vùng:

- Mở rộng vị thế của VQG PNKB nhắm đến các thị trường chính yếu
- Kết hợp VQG PNKB nhiều hơn nữa vào các cuộc vận động/tiếp thị của quốc gia, khu vực và toàn cầu
- Khai thác các kênh tiếp thị tối ưu
- Nâng cấp và hoàn chỉnh các tài liệu tiếp thị
- Liên tục phân tích thị trường

Quản lý thông tin và quản lý diễn giải

Quản lý thông tin:

- Thực hiện hệ thống Quản lý thông tin tổng thể và chương trình hành động
- Thực hiện chiến lược đào tạo về quản lý thông tin
- Đưa vào hoạt động hệ thống quản lý thông tin

Quản lý diễn giải:

- Thực hiện Chiến lược Diễn giải tổng thể và chương trình hành động
- Thực hiện chiến lược đào tạo về quản lý thông tin
- Đưa vào hoạt động hệ thống diễn giải.

Phát triển nguồn nhân lực

- Thiết lập Chương trình phát triển nguồn nhân lực thường xuyên để tạo ra một hệ thống đào tạo và nâng cao kỹ năng không ngừng cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho nhu cầu quản lý và phục vụ du lịch trong vùng
- Nâng cấp, mở rộng và nhân rộng hoạt động 2 bên trên
- Lập kế hoạch và chuẩn bị các Biện pháp trước mắt

Phát triển hạ tầng du lịch

Phân khu Hành chính và Dịch vụ:

- Soát xét các nhu cầu hạ tầng hiện tại.

Phân khu Phục hồi sinh thái và Bảo vệ nghiêm ngặt:

- Soát xét các nhu cầu hạ tầng hiện tại

Vùng đệm:

- Soát xét các nhu cầu hạ tầng hiện tại.

Khu hạ tầng du lịch:

- Soát xét các nhu cầu hạ tầng hiện tại

4. Định hướng thực hiện mục tiêu dài hạn (đến 2020)

Bảng 69: Định hướng thực hiện mục tiêu dài hạn (đến 2020)

<u>Định hướng thực hiện mục tiêu dài hạn (đến 2020)</u>
Phát triển sản phẩm du lịch:
➤ Sản phẩm du lịch chất lượng cao sẽ đóng góp vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng ➤ Giám sát (rà soát thường xuyên, duy tu, giảm nhẹ tác động) ➤ Nâng cấp khi cần và mở rộng có chọn lọc nếu thấy phù hợp dựa trên kết quả, mục tiêu quản lý và thông tin thị trường đã cập nhật
Tiếp thị và Quảng bá:
➤ Tiếp tục rà soát và hoàn chỉnh quan hệ sản phẩm-thị trường nhằm đạt mục tiêu quản lý Vườn QG ➤ Duy trì chiến lược tiếp thị và quảng bá, sản phẩm và hoạt động du lịch chất lượng cao, đóng góp vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng ➤ Giám sát (rà soát thường xuyên và hoàn chỉnh) ➤ Nâng cấp khi cần và mở rộng có chọn lọc nếu thấy phù hợp dựa trên kết quả, mục tiêu quản lý và thông tin thị trường đã cập nhật
Quản lý thông tin và quản lý diễn giải
➤ Duy trì hệ thống quản lý thông tin chất lượng cao, góp phần quản lý hiệu quả du lịch bền vững và bảo tồn di sản ➤ Duy trì hệ thống diễn giải chất lượng cao là một thành tố rất cần cho trải nghiệm và sản phẩm du lịch góp phần thực hiện mục tiêu bảo tồn ➤ Giám sát (rà soát thường xuyên và hoàn chỉnh) ➤ Nâng cấp khi cần và mở rộng có chọn lọc nếu thấy phù hợp dựa trên kết quả, mục tiêu quản lý và thông tin thị trường đã cập nhật
Phát triển nguồn nhân lực
➤ Duy trì việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần tạo ra những trải nghiệm du lịch có chất lượng và quản lý hiệu quả du lịch bền vững và bảo tồn di sản ở khu vực VQG PNKB ➤ Nâng cấp khi cần và mở rộng có chọn lọc nếu thấy phù hợp dựa trên kết quả, mục tiêu quản lý và thông tin thị trường đã cập nhật
Phát triển hạ tầng du lịch
➤ Duy trì cơ sở hạ tầng có chất lượng để hỗ trợ phát triển du lịch bền vững ➤ Giám sát (rà soát thường xuyên, duy tu, giảm nhẹ tác động) ➤ Nâng cấp khi cần và mở rộng có chọn lọc nếu thấy phù hợp dựa trên kết quả, mục tiêu quản lý và thông tin thị trường đã cập nhật

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mô tả Thị trường khách và các phân khúc thị trường

Thị trường khách và các phân khúc thị trường đối với khu vực PNKB	Quan tâm chính đối với khu vực VQG PNKB
Thị trường quốc tế	
Phân khúc thị trường đầu tiên: Khách lẻ tự do ➤ Khách du lịch dạng này đến Việt Nam mà không có sắp xếp trước, thường có lịch trình linh hoạt và đặt mua tour trong nước chẳng hạn như đi du lịch PNKB sau khi đã vào Việt Nam - TP.HCM, Hà Nội hay Huế. Họ thường có liên hệ trước với đơn vị điều hành tour du lịch trong nước, nhưng đi PNKB riêng lẻ hoặc theo từng nhóm nhỏ (thường là các cặp vợ chồng) hoặc trong đoàn du lịch kết hợp. ➤ Những khách này chủ yếu từ các thị trường quốc tế, nhưng thị trường khách lẻ tự do từ Nhật Bản, Singapore và Thái Lan cũng đang tăng trưởng. Phân khúc thị trường này có khả năng lưu lại khu vực VQG PNKB hơn một ngày. ➤ Khách này bao gồm nhiều nhóm tuổi khác nhau. ➤ Đối tượng khách này tìm những trải nghiệm độc đáo và có ý nghĩa và đây là loại khách có giá trị cao về doanh thu. Tuy nhiên họ chỉ tìm đến những điểm ít khách tham quan. Họ muốn được tham gia với các hoạt động và thích tìm hiểu về văn hóa và môi trường của khu vực. Họ là những người tích cực và muốn tham gia vào các hoạt động chứ không phải chỉ quan sát. ➤ Chỗ lưu trú của những khách này rất đa dạng - từ ở với dân cho đến những nơi sang trọng. Tuy nhiên, họ muốn xứng đáng với đồng tiền bỏ ra từ chỗ ở cho đến các hoạt động du lịch, và luôn nghĩ đến chất lượng cao và tiêu chuẩn quốc tế.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô. ➤ Du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm và du lịch thiên nhiên, văn hóa và di sản của khu vực này. ➤ Du lịch dựa vào công đồng. ➤ Những khu vực bảo tồn và bảo vệ. ➤ Tập trung vào các hoạt động du lịch mạo hiểm trọn gói, đi riêng lẻ, ít người đi và ít gây tác động, như bơi lội, bơi thuyền kayak trên sông, đi bộ và ngắm động vật hoang dã. ➤ Tập trung vào các hoạt động trọn gói, đi riêng lẻ tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Ngắm động vật hoang dã và trải nghiệm về văn hóa và di sản của khu vực.
Phân khúc thị trường thứ hai: Khách du lịch ba lô ➤ Khách du lịch dạng này đến Việt Nam mà không có sắp xếp trước, thường có lịch trình linh hoạt và đặt mua tour trong nước chẳng hạn như đi du lịch PNKB sau khi đã vào Việt Nam - TP.HCM, Hà Nội hay Huế. Một số đăng ký trước với đơn vị điều hành tour du lịch, nhưng đi PNKB riêng lẻ hoặc theo từng nhóm nhỏ (thường là các cặp vợ chồng). ➤ Họ thường sử dụng phương tiện của địa phương hoặc có xe máy riêng khi du lịch khắp nước. Họ đặc biệt tìm các điểm nằm ngoài những tuyến quá quen thuộc. ➤ Những khách này chủ yếu từ các thị trường quốc tế, nhưng thị trường khách ba lô từ Nhật Bản, Singapore và Thái Lan cũng đang tăng trưởng. Phân khúc thị trường này có khả năng lưu lại khu vực VQG PNKB lâu nhất. ➤ Họ có xu hướng nằm trong độ tuổi 20-35. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều người lớn tuổi đi du lịch ba-lô. ➤ Đối tượng khách này tìm những trải nghiệm độc đáo và có ý nghĩa. Trong khi người ta thường quan niệm đây là loại khách tiết kiệm, thì họ vẫn có thể có giá trị cao (đặc biệt là những nhóm lớn tuổi) vì chi tiêu của họ lại hỗ trợ	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô. ➤ Du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm và du lịch thiên nhiên, văn hóa và di sản của khu vực này. ➤ Du lịch dựa vào công đồng. ➤ Những khu vực bảo tồn và bảo vệ. ➤ Tập trung vào các hoạt động du lịch mạo hiểm trọn gói, đi riêng lẻ, ít người đi và ít gây tác động, như bơi lội, bơi thuyền kayak trên sông, đi bộ và ngắm động vật hoang dã. ➤ Tập trung vào các hoạt động trọn gói, đi riêng lẻ tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Ngắm động vật hoang dã và trải nghiệm về văn hóa và di sản của khu vực.

Thị trường khách và các phân khúc thị trường đối với khu vực PNKB	Quan tâm chính đối với khu vực VQG PNKB
trực tiếp đến kinh tế nông thôn địa phương. ➤ Họ muốn được tham gia vào các hoạt động và thích tìm hiểu về văn hóa và môi trường của khu vực. Họ là những người tích cực và muốn tham gia vào các hoạt động chứ không phải chỉ quan sát. ➤ Họ thích lưu trú ở những khách sạn giá rẻ nhưng có tiêu chuẩn chất lượng. Họ mong muốn xứng đáng với đồng tiền bỏ ra từ chỗ ở cho đến các hoạt động du lịch.	
Phân khúc thị trường thứ ba: Du khách quốc tế đi theo đoàn ➤ Họ thường đi du lịch đến Việt Nam và khu vực VQG PNKB theo các đoàn khách du lịch nhỏ (khoảng 15 người) và tất cả đều được đặt trước thông qua một đơn vị điều hành du lịch hoặc lữ hành. Họ đi du lịch Việt Nam theo những sắp xếp từ trước và lịch trình hoạch định sẵn. ➤ Khách du lịch dạng này chủ yếu là từ Châu Âu, Bắc Mỹ và Úc. Họ có rất ít thời gian để tiêu tiền ở khu vực PNKB. ➤ Họ thường sử dụng phương tiện đi lại của các công ty lữ hành. ➤ Họ thường tìm những điểm đến thú vị và tương đối dễ tiếp cận. Họ coi trọng những điểm đến đặc biệt và sẵn sàng chi trả cho những trải nghiệm độc đáo. ➤ Họ có xu hướng khá lớn tuổi và phần lớn là ở lứa tuổi trung niên. ➤ Mức chi tiêu và sự quan tâm của họ trong việc mua quà lưu niệm thường cao hơn các phân khúc thị trường đã đề cập ở trên. ➤ Đối tượng khách này chủ yếu ở những khu nghỉ mát loại khá như những khu nghỉ sinh thái hoặc những khu nghỉ mát tầm trung. Tuy nhiên, họ mong muốn xứng đáng với đồng tiền bỏ ra từ chỗ ở cho đến các hoạt động du lịch, và luôn nghĩ đến chất lượng cao và tiêu chuẩn quốc tế.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô. ➤ Các điểm du lịch sinh thái dễ đi, du lịch thiên nhiên và các điểm văn hóa, di sản. ➤ Những trải nghiệm du lịch cộng đồng trọn gói và gọn gàng. ➤ Những khu vực bảo tồn và bảo vệ. ➤ Có tiềm năng cho các hoạt động du lịch mạo hiểm trọn gói, ngắn gọn và ít gây tác động, như bơi lội, bơi thuyền kayak trên sông, đi bộ và ngắm động vật hoang dã. ➤ Có tiềm năng cho các hoạt động du lịch tổ chức trọn gói, có tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Đặc biệt quan tâm thưởng ngoạn đời sống hoang dã và trải nghiệm về văn hóa và di sản như các hang động sử dụng trong chiến tranh.
Phân khúc thị trường thứ tư: Du khách trong khu vực đi theo đoàn ➤ Họ thường đi du lịch đến Việt Nam và khu vực VQG PNKB theo các đoàn khách du lịch lớn (khoảng 40 người) và tất cả được đặt mua trước thông qua một đơn vị điều hành du lịch hoặc lữ hành. Họ đi du lịch Việt Nam theo những sắp xếp từ trước và lịch trình hoạch định sẵn. ➤ Khách du lịch dạng này chủ yếu là từ Đông Bắc Thái Lan và Lào và đi vào Việt Nam qua cửa khẩu đường bộ. Họ có rất ít thời gian để tiêu tiền ở khu vực VQG PNKB. ➤ Họ thường sử dụng phương tiện đi lại của các công ty lữ hành. ➤ Họ thường tìm những điểm đến thú vị và tương đối dễ tiếp cận từ khu vực biên giới. ➤ Khách dạng này bao gồm nhiều độ tuổi khác nhau. ➤ Họ ở trong các khách sạn và khu nghỉ mát hạng thấp đến trung bình. Họ mong muốn xứng đáng với đồng tiền bỏ ra về chỗ ở. ➤ Những khách này thường tìm đến những nơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động như đi tham quan bằng thuyền có diễn giải và các tour du lịch đi bộ một quãng	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô. ➤ Đôi khi là các điểm du lịch sinh thái dễ đi, du lịch thiên nhiên và các điểm văn hóa, di sản. ➤ Những trải nghiệm du lịch cộng đồng chọn lọc, trọn gói và gọn gàng. ➤ Những trải nghiệm tham quan thắng cảnh giá trị. ➤ Có tiềm năng cho các hoạt động du lịch tổ chức trọn gói, có tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Tìm kiếm những nơi vui chơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động.

Thị trường khách và các phân khúc thị trường đối với khu vực PNKB	Quan tâm chính đối với khu vực VQG PNKB
ngắn. ➤ Cách chi tiêu của họ tùy thuộc vào giá trị đối với đồng tiền, những mặt hàng đặc sản và lưu niệm độc đáo trong vùng. Phân khúc thị trường tiềm năng: Các chuyên gia đi du lịch tại Việt Nam ➤ Họ sống ở Việt Nam và chọn điểm đến có thể đi đến nhanh chóng cho những kỳ nghỉ ngắn. Họ đặt tour với một đơn vị điều hành du lịch hoặc lữ hành trong nước hay tự mình tổ chức chuyến đi. ➤ Họ thường đi du lịch thành các nhóm nhỏ, bao gồm đủ mọi lứa tuổi, chủ yếu là từ các thị trường quốc tế. ➤ Nhiều người trong số đó biết Việt Nam rất rõ. Tuy nhiên họ chỉ tìm đến những điểm ít khách tham quan. ➤ Họ muốn được tham gia các hoạt động và thích tìm hiểu về văn hóa và môi trường của khu vực. Họ là những người tích cực và muốn tham gia vào các hoạt động chứ không phải chỉ quan sát. ➤ Chỗ lưu trú của những khách này rất đa dạng - từ ở với dân cho đến những nơi sang trọng. Tuy nhiên, họ muốn xứng đáng với đồng tiền bỏ ra từ chỗ ở cho đến các hoạt động du lịch, và luôn nghĩ đến chất lượng cao và tiêu chuẩn quốc tế.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô. ➤ Du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch thiên nhiên và các điểm văn hóa, di sản trong vùng. ➤ Du lịch dựa vào cộng đồng. ➤ Những khu vực bảo tồn và bảo vệ. ➤ Tập trung vào các hoạt động du lịch mạo hiểm trọn gói, đi riêng lẻ, ít người đi và ít gây tác động, như bơi lội, bơi thuyền kayak trên sông, đi bộ và ngắm động vật hoang dã. ➤ Tập trung vào các hoạt động trọn gói, đi riêng lẻ tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Ngắm động vật hoang dã và trải nghiệm về văn hóa và di sản của khu vực.
Phân khúc thị trường tiềm năng: Du khách Caravan trong khu vực ➤ Loại khách này sống ở Thái Lan hay Lào và chọn các điểm đến trong khoảng cách lái xe được từ nước mình. ➤ Caravan là du lịch tự lái xe và nói chung là không được thu xếp trước, nhưng có xây dựng tuyến. Họ thường đi thành từng đoàn xe. Chủ yếu là bạn bè và gia đình đi du lịch cùng nhau. ➤ Họ thường tìm những điểm đến thú vị và tương đối dễ tiếp cận từ khu vực biên giới. ➤ Khách dạng này bao gồm nhiều độ tuổi khác nhau. ➤ Họ ở trong các khách sạn và khu nghỉ mát hạng thấp đến trung bình. Thỉnh thoảng ở loại sang. Họ mong muốn xứng đáng với đồng tiền bỏ ra về chỗ ở. ➤ Những khách này thường tìm đến những nơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động như đi tham quan bằng thuyền có diễn giải và các tour du lịch đi bộ một quãng ngắn.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô. ➤ Đôi khi là các điểm du lịch sinh thái dễ đi, du lịch thiên nhiên và các điểm văn hóa, di sản. ➤ Những trải nghiệm du lịch cộng đồng chọn lọc, trọn gói và gọn gàng. ➤ Những trải nghiệm tham quan thắng cảnh giá trị. ➤ Có tiềm năng cho các hoạt động du lịch tổ chức trọn gói, có tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Tìm kiếm những nơi vui chơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động.
Phân khúc thị trường tiềm năng: Du khách khác ➤ Du khách khác bao gồm tất cả các phân khúc thị trường tiềm năng khác, ví dụ thị trường khách đi theo đoàn ở Châu Á như từ Trung Quốc hoặc Đài Loan hoặc các nhà khoa học quốc tế đi thám hiểm tại VQG PNKB. Lượng du khách của các phân khúc thị trường riêng lẻ này tương đối nhỏ và không đáng kể ở giai đoạn này. Tuy nhiên những đối tượng khách này có thể phát triển thành một thị trường quan trọng trong tương lai.	➤ Mỗi quan tâm chính đối với PNKB chưa tổng hợp được và lẻ tẻ đối với phân khúc thị trường này.
Thị trường nội địa	

Thị trường khách và các phân khúc thị trường đối với khu vực PNKB	Quan tâm chính đối với khu vực VQG PNKB
Phân khúc thị trường đầu tiên: Du khách đi nghỉ dưỡng theo đoàn ➤ Loại khách này thăm PNKB như là một phần của đoàn đi theo tour có tổ chức. Họ thường đến khu vực VQG PNKB trên một Tuyến chạt chèo và tất cả được đặt chỗ trước thông qua một đơn vị điều hành du lịch hoặc lữ hành. ➤ Họ là từ các nơi khác nhau của Việt Nam, tuy nhiên hầu hết các tour du lịch được tổ chức từ các trung tâm lớn như TP.HCM, Hà Nội hay Huế. ➤ Họ thường sử dụng phương tiện đi lại của các công ty lữ hành. Họ thường lưu lại khu vực chỉ trong một thời gian rất hạn chế. ➤ Họ thường tìm những điểm đến thú vị và tương đối dễ tiếp cận. Các hoạt động nói chung đều được sắp xếp trước và được đưa vào lịch trình. ➤ Khách này bao gồm nhiều độ tuổi khác nhau. ➤ Họ ở trong các khách sạn và khu nghỉ mát hạng thấp đến trung bình. Họ mong muốn xứng đáng với đồng tiền bỏ ra về chỗ ở. ➤ Những khách này thường tìm đến những nơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động như đi tham quan bằng thuyền có diễn giải và các tour du lịch đi bộ quang ngấn. ➤ Cách chi tiêu của họ tùy thuộc vào giá trị đối với đồng tiền, những mặt hàng đặc sản và lưu niệm độc đáo trong vùng.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô và những di tích lịch sử văn hóa chính. ➤ Đôi khi là các điểm du lịch sinh thái dễ đi, du lịch thiên nhiên và các điểm văn hóa, di sản. ➤ Những trải nghiệm tham quan thắng cảnh giá trị. ➤ Có tiềm năng cho các hoạt động du lịch tổ chức trọn gói, có tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Tìm kiếm những nơi vui chơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động.
Phân khúc thị trường đầu tiên: Du khách đi nghỉ dưỡng độc lập ➤ Loại khách này đi du lịch độc lập đến khu vực VQG PNKB, thông thường theo các nhóm nhỏ gia đình và bạn bè. Họ thường thuê xe để đi. Một số cũng tự lái xe đi (Caravan). Họ đến từ khắp nơi trên đất nước, nhưng có xu hướng bắt đầu đi từ TP HCM, Hà Nội, Đà Nẵng hay Huế. ➤ Lịch trình nhìn chung là có nhưng không sắp xếp gì nhiều trước khi đi. Họ tự thu xếp chỗ ở và các hoạt động tại điểm đến. ➤ Họ thường tìm những điểm đến thú vị và tương đối dễ tiếp cận từ khu vực biên giới. ➤ Khách dạng này bao gồm nhiều độ tuổi khác nhau. ➤ Họ ở trong các khách sạn và khu nghỉ mát hạng thấp đến trung bình. Thịnh thoảng ở loại sang. Họ mong muốn xứng đáng với đồng tiền bỏ ra về chỗ ở. ➤ Những khách này thường tìm đến những nơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động như đi tham quan bằng thuyền có diễn giải và các tour du lịch đi bộ một quãng ngấn. ➤ Cách chi tiêu của họ tùy thuộc vào giá trị đối với đồng tiền, những mặt hàng đặc sản và lưu niệm độc đáo trong vùng.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô và những di tích lịch sử văn hóa chính. ➤ Đôi khi là các điểm du lịch sinh thái dễ đi, du lịch thiên nhiên và các điểm văn hóa, di sản. ➤ Những trải nghiệm du lịch cộng đồng chọn lọc, trọn gói và gọn gang. ➤ Những trải nghiệm tham quan thắng cảnh giá trị. ➤ Có tiềm năng cho các hoạt động du lịch tổ chức trọn gói, có tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Tìm kiếm những nơi vui chơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động.
Phân khúc thị trường tiềm năng: Du khách đào tạo/ khoa học ➤ Loại khách này đến khu vực VQG PNKB theo mục đích giáo dục và nghiên cứu, bao gồm học sinh và giáo viên.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô.

Thị trường khách và các phân khúc thị trường đối với khu vực PNKB	Quan tâm chính đối với khu vực VQG PNKB
Họ đặc biệt quan tâm đến VQG PNKB. ➤ Chương trình tham quan và mọi thu xếp đều được thực hiện trước. ➤ Họ ở trong khách sạn cấp thấp.	➤ Tiềm năng đối với Du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm và du lịch thiên nhiên, văn hóa và di sản của khu vực này. ➤ Tiềm năng đối với Du lịch dựa vào cộng đồng. ➤ Những khu vực bảo tồn và bảo vệ. ➤ Tiềm năng đối với các hoạt động du lịch mạo hiểm trọn gói, ít người đi và ít gây tác động, như bơi lội, bơi thuyền kayak trên sông, đi bộ và ngắm động vật hoang dã. ➤ Tiềm năng đối với các hoạt động trọn gói, tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Ngắm động vật hoang dã và trải nghiệm về văn hóa và di sản của khu vực.
Phân khúc thị trường tiềm năng: Du lịch thăm bạn bè và người thân ➤ Loại khách này thường đi độc lập đến khu vực VQG PNKB thăm gia đình, bà con và bạn bè. Thông thường đi theo nhóm nhỏ gia đình và bạn bè bằng xe thuê. Một số cũng tự lái xe đi (Caravan). ➤ Lịch trình nhìn chung là có nhưng không sắp xếp gì nhiều trước khi đi. Họ tự thu xếp chỗ ở và các hoạt động tại điểm đến. ➤ Khách này bao gồm nhiều độ tuổi khác nhau. ➤ Họ ở trong khách sạn cấp thấp hoặc ở lại bà con. ➤ Những khách này thường tìm đến những nơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động như đi tham quan bằng thuyền có diễn giải và các tour du lịch đi bộ một quãng ngắn.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô. ➤ Đôi khi là các điểm du lịch sinh thái để đi, du lịch thiên nhiên và các điểm văn hóa, di sản. ➤ Những trải nghiệm tham quan thắng cảnh giá trị. ➤ Có tiềm năng cho các hoạt động du lịch tổ chức trọn gói, có tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Tìm kiếm những nơi vui chơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động.
Phân khúc thị trường tiềm năng: Khách kinh doanh/ Chính phủ ➤ Loại khách này đến Quảng Bình/ Đồng Hới vì mục đích kinh doanh và công tác. Đối tượng này bao gồm khách thương gia và quan chức chính phủ. Họ cũng có thể kết hợp thăm PNKB trong chuyến đi. ➤ Chương trình tham quan và mọi thu xếp đều được thực hiện trước. ➤ Họ ở khách sạn từ loại thấp đến loại trung bình. Chỗ ở của họ thường được chính quyền địa phương hoặc các tổ chức sắp xếp.	➤ Các điểm du lịch chính – động Phong Nha và động khô và những di tích lịch sử văn hóa chính. ➤ Đôi khi là các điểm du lịch sinh thái để đi, du lịch thiên nhiên và các điểm văn hóa, di sản. ➤ Những trải nghiệm tham quan thắng cảnh giá trị. ➤ Có tiềm năng cho các hoạt động du lịch tổ chức trọn gói, có tác động vừa phải như đi thuyền dọc theo sông. ➤ Tìm kiếm những nơi vui chơi giải trí và các hoạt động du lịch thụ động.

Phụ lục 2: Các dự án Xây dựng và Đầu tư liên quan đến Du lịch hiện nay tại tỉnh Quảng Bình

Bảng 70: Công trình liên quan đến du lịch do chính phủ đầu tư

	Hạng mục xây dựng	Khung thời gian	Tổng đầu tư (Tỷ đồng)
1	Đường vào khu nghỉ mát Vũng Chùa – đảo Yến	2005-2006	1,36
2	Đường nội bộ khu vực Phong Nha	2006-2007	1.321
3	Đường từ Nhật Lệ Quảng Phú đến khu nghỉ mát Hồ Thiệu Trị	2006	1,19
4	Sửa chữa đường vào khu du lịch đảo Yến	2007-2008	920
5	Hệ thống chiếu sáng từ đường HCM đến Phong Nha	2006-2008	4,41
6	Các tuyến đèn	2007	1.050
7	Cải tạo đường Nhật Lệ Quảng Phú	2003- 2009	24.885
8	Hệ thống chiếu sáng đường Nhật Lệ Quảng Phú	2004-2009	3.625
9	Hệ thống nước sạch cho Phong Nha	2003-2009	6,26
10	Đường nội bộ khu du lịch Phong Nha	2007-2009	36,65
11	Đường quanh điểm du lịch Bao Ninh	2006	
	Tổng cộng		31.850,87

Bảng 71: Các dự án đầu tư của doanh nghiệp/phi chính phủ

	Tên dự án	Đơn vị đầu tư
A. Những dự án đã hoàn thành		
1	Khu nghỉ mát Sun Spa Bảo Ninh	Công ty Xây lắp Trường Thịnh
2	Khách sạn Sài Gòn Quảng Bình	Công ty TNHH Sài Gòn Quảng Bình
3	Tuyến sinh thái Nước Moọc	VQG Phong Nha - Kẻ Bàng
B. Những dự án đang triển khai		
1	Điểm du lịch sinh thái Vũng Chùa Đảo Yến	Công ty TNHH Đông Sơn
2	Điểm du lịch sinh thái Giếng Đá	Công ty TNHH Hoàng Yến
3	Điểm du lịch sinh thái Bảo Ninh	Công ty TNHH Vinh Hà
4	Khu nghỉ mát Hồ Thiệu Trị	Công ty TNHH Hồ Thiệu Trị & các đối tác

5	Điểm du lịch sinh thái Phong Nha - Kẻ Bàng	Công ty Phát triển Đô thị
6	Điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Phong Nha	Công ty TNHH Minh Tân
7	Khu nghỉ mát Bang	Công ty TNHH Indochina
8	Điểm du lịch sinh thái Bàu Sen	
9	Nhà khách Công an	Công an Quảng Bình
10	Điểm du lịch chùa Non, núi Thần Đinh	UBND Huyện Quảng Ninh
11	Khách sạn Phong Nha	VINASHIN
12	Điểm du lịch Đá Nhảy	Công ty TNHH Hoàn Cầu 2

C. Những dự án đã đăng ký

1	Điểm du lịch sinh thái Thung E	Công ty TNHH Indochina
2	Sân Golf - Khu nghỉ mát- Vườn Lan- Casino	Công ty TNHH Indochina
3	Khu đô thị và công viên Hải Ninh	Công ty TNHH Indochina
4	Điểm du lịch sinh thái Bảo Ninh	Công ty TNHH Indochina
5	Sân golf ở Đông Bắc Đồng Hới	Công ty TNHH Indochina
6	Khu nghỉ mát Coastal	Tập đoàn Thái Lan
7	Điểm du lịch sinh thái Phong Nha - Kẻ Bàng	Tập đoàn Linh Thanh
8	Hệ thống cầu treo ở VQG PNKB	Công ty TNHH Soan Tien Tien
9	Điểm du lịch sinh thái Bình Minh	Công ty TNHH Đức Thắng.
10	Khu nghỉ mát Tân Hải	Công ty TNHH Tân Hải Nam

Phụ lục 3: Ước tính tăng trưởng phân khúc thị trường du khách hàng năm

Bảng 72: Ước tính tăng trưởng phân khúc thị trường du khách hàng năm

Thị trường khách	Phân khúc thị trường khách	Đầu năm 1	Năm 1 đến 2	Năm 2 đến 3	Năm 3 đến 4	Năm 4 đến 5	Năm 5 đến 6	Năm 6 đến 7	Năm 7 đến 8	Năm 8 đến 9	Năm 9 đến 10	Năm 10 đến 11	Năm 11 đến 12
Quốc tế	Khách lẻ	3%	3%	7%	10%	10%	7%	7%	7%	7%	7%	5%	5%
	Khách ba lô	3%	3%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	3%	3%
	Khách đoàn Tây Âu	2%	3%	7%	10%	12%	12%	10%	10%	10%	10%	7%	7%
	Khách đoàn khu vực	5%	7%	10%	10%	10%	10%	12%	12%	12%	12%	10%	5%
	Khách chuyên gia	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%
	Khách Caravan khu vực	3%	3%	7%	7%	7%	7%	7%	7%	7%	7%	7%	5%
	Khách khác	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%
Tổng khách quốc tế		3%	4%	7%	9%	9%	8%	8%	8%	8%	8%	6%	5%
Nội địa	Khách nghỉ dưỡng theo đoàn	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%
	Khách nghỉ dưỡng đi lẻ	5%	7%	10%	10%	12%	12%	15%	15%	12%	12%	12%	10%
	Khách giáo dục/khoa học	1%	1%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%
	Khách thăm thân	2%	2%	3%	5%	5%	5%	3%	2%	2%	2%	2%	2%
	Khách công tác/kinh doanh	2%	3%	5%	5%	5%	5%	3%	3%	3%	3%	2%	2%
Tổng khách nội địa	Tăng trưởng trung bình	5%	5%	6%	6%	7%	7%	8%	8%	7%	7%	7%	7%
Tổng cộng số khách	Tăng trưởng trung bình	5%	5%	6%	6%	7%	7%	8%	8%	7%	7%	7%	7%

Phụ lục 4: Dự báo lượng du khách hàng năm

Bảng 73: Dự báo lượng du khách hàng năm

Thị trường khách	Phân khúc thị trường khách	"2009"	"2010"	"2011"	"2012"	"2013"	"2014"	"2015"	"2016"	"2017"	"2018"	"2019"	"2020"
Quốc tế	Khách lẻ	4.995	5.145	5.505	6.055	6.661	7.127	7.626	8.160	8.731	9.342	9.810	10.300
	Khách ba lô	1.858	1.914	2.009	2.110	2.215	2.326	2.442	2.565	2.693	2.827	2.912	3.000
	Khách đoàn Tây Âu	2.149	2.213	2.368	2.605	2.918	3.268	3.595	3.954	4.350	4.785	5.120	5.478
	Khách đoàn khu vực	1.045	1.118	1.230	1.353	1.488	1.637	1.834	2.054	2.300	2.576	2.834	2.975
	Khách chuyên gia	407	427	449	471	495	519	545	573	601	631	663	696
	Khách Caravan khu vực	348	358	384	410	439	470	503	538	576	616	659	692
	Khách khác	813	854	896	941	988	1.038	1.089	1.144	1.201	1.261	1.324	1.391
Tổng khách quốc tế		11.615	12.030	12.841	13.946	15.205	16.385	17.635	18.987	20.452	22.039	23.321	24.532
Nội địa	Khách nghỉ dưỡng theo đoàn	223.512	234.688	246.422	258.743	271.680	285.264	299.527	314.504	330.229	346.740	364.077	382.281
	Khách nghỉ dưỡng đi lẻ	69.003	73.833	81.217	89.338	100.059	112.066	128.876	148.207	165.992	185.911	208.220	229.042
	Khách giáo dục/khoa học	3.000	3.030	3.091	3.152	3.215	3.280	3.345	3.412	3.481	3.550	3.621	3.694
	Khách thăm người thân	3.000	3.060	3.152	3.309	3.475	3.649	3.758	3.833	3.910	3.988	4.068	4.149
	Khách công tác/kinh doanh	1.500	1.545	1.622	1.703	1.789	1.878	1.934	1.992	2.052	2.114	2.156	2.199
Tổng khách nội địa		300.015	316.156	335.503	356.246	380.218	406.136	437.441	471.949	505.663	542.303	582.143	621.365
Tổng cộng số khách		311.630	328.185	348.345	370.193	395.422	422.522	455.076	490.936	526.115	564.342	605.464	645.897

Phụ lục 5: Tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu

Hợp tác về Tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu

Du lịch bền vững đang trên đà phát triển: nhu cầu khách hàng ngày càng tăng, các đơn vị cung cấp dịch vụ du lịch đang phát triển những chương trình du lịch xanh mới và các chính phủ đang đề ra chính sách mới khuyến khích mô hình bền vững du lịch. Nhưng "du lịch bền vững" thực sự nghĩa là gì? Làm thế nào có thể được đo lường và chứng minh một cách đáng tin cậy để xây dựng niềm tin nơi khách hàng, phát huy hiệu quả, và đấu tranh chống hiện tượng giả tạo?

Tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu là nỗ lực đi đến một sự hiểu biết chung về du lịch bền vững, và sẽ là yêu cầu tối thiểu mà bất kỳ hoạt động kinh doanh du lịch nào cũng nên vươn tới. Các tiêu chí này được tập trung quanh bốn chủ đề chính: Quy hoạch hiệu quả bền vững; tối đa hóa lợi ích xã hội và kinh tế cho các cộng đồng địa phương; nâng tầm di sản văn hóa; và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Mặc dù các tiêu chí ban đầu dự kiến áp dụng cho các đơn vị lưu trú và lữ hành, nhưng chúng vẫn có tính ứng dụng cho toàn bộ ngành du lịch.

Các tiêu chí này là phần hưởng ứng của cộng đồng du lịch đối với những thách thức toàn cầu trong Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc. Xóa đói giảm nghèo và bền vững về môi trường - bao gồm biến đổi khí hậu - là những vấn đề đan xen chính được đề cập thông qua các tiêu chí.

Bắt đầu từ năm 2007, một liên minh của 27 tổ chức – Chương trình hợp tác về Tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu – cùng nhau xây dựng các tiêu chí. Kể từ đó, những tiêu chí này đã thu hút sự tham gia của gần 100.000 đơn vị du lịch liên quan, phân tích hơn 4.500 chỉ tiêu từ hơn 60 giấy chứng nhận được cấp cũng như các bộ tiêu chí tự nguyện khác và nhận được ý kiến từ hơn 1.500 cá nhân. Các tiêu chí du lịch bền vững đã được xây dựng theo bộ quy tắc hình mẫu tốt nhất của ISEAL, và sẽ trải qua quá trình tham vấn và tiếp nhận ý kiến đóng góp cứ hai năm một lần cho đến khi không còn ý kiến phản hồi nào khác hoặc đã thống nhất hoàn toàn.

Một số ứng dụng dự kiến trong các tiêu chí bao gồm:

- ▶ Trở thành những hướng dẫn cơ bản cho các doanh nghiệp thuộc mọi quy mô trở nên bền vững hơn, và giúp các doanh nghiệp lựa chọn các chương trình du lịch bền vững đáp ứng các tiêu chí toàn cầu này;
- ▶ Hướng dẫn cho các đơn vị lữ hành trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ và các chương trình du lịch bền vững;
- ▶ Trợ giúp người tiêu dùng nhận ra các chương trình và các doanh nghiệp du lịch bền vững;
- ▶ Làm hình mẫu chung để các phương tiện thông tin nhận biết đơn vị cung cấp dịch vụ du lịch bền vững
- ▶ Giúp cho việc chứng nhận cũng như các chương trình tình nguyện khác đảm bảo tiêu chuẩn cơ bản được thừa nhận rộng rãi;
- ▶ Các chương trình của chính phủ, tổ chức phi chính phủ, và doanh nghiệp là điểm khởi đầu cho việc xây dựng yêu cầu về du lịch bền vững; và
- ▶ Trở thành những hướng dẫn cơ bản cho các cơ sở giáo dục và đào tạo, như các trường trung cấp và đại học chuyên ngành khách sạn

Các tiêu chí nêu rõ những gì nên làm, chứ không phải cách làm hoặc có đạt được mục tiêu hay không. Vai trò này được thực hiện thông qua chỉ báo thực hiện, các tài liệu giảng dạy, và các công cụ để thực hiện, tất cả đều là những bổ sung không thể thiếu đối với Tiêu chí Du lịch bền vững toàn cầu.

Chương trình hợp tác xem Tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu là bước khởi đầu cho quá trình làm chuẩn hóa một cách bền vững tất cả các loại hình du lịch.

Tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu

A. Chứng minh khả năng quản lý bền vững hiệu quả.

- ▶ A.1. Công ty triển khai hệ thống quản lý bền vững lâu dài phù hợp với tình hình thực tế và quy mô của công ty, và có tính đến các vấn đề về môi trường, văn hóa - xã hội, y tế, chất lượng và an toàn
- ▶ A.2. Công ty tuân thủ mọi quy định và luật pháp quốc tế hoặc địa phương liên quan (bao gồm các mặt y tế, an toàn lao động, môi trường, và những khía cạnh khác).
- ▶ A.3. Tất cả nhân viên được huấn luyện định kỳ về vai trò của mình trong quản lý thực hiện các vấn đề về môi trường, văn hóa-xã hội, y tế và an toàn.
- ▶ A.4. Sự hài lòng của khách hàng được đo lường và đưa ra được biện pháp điều chỉnh phù hợp
- ▶ A.5. Tài liệu quảng bá chính xác và đầy đủ và không phóng đại khả năng cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.
- ▶ A.6. Thiết kế và xây dựng các công trình và cơ sở hạ tầng:
 - A.6.1. Phù hợp với phân vùng của địa phương và những yêu cầu đối với khu vực bảo vệ hoặc di sản;
 - A.6.2. Tôn trọng cảnh quan di sản văn hóa hoặc tự nhiên trong việc bố trí công trình, thiết kế, đánh giá tác động, và quyền sử dụng đất;
 - A.6.3. Sử dụng nguyên tắc xây dựng bền vững phù hợp với địa điểm;
 - A.6.4. Tạo điều kiện cho những người có nhu cầu đặc biệt vào trong khu vực.
- ▶ A.7. Thông tin và diễn giải về cảnh quan thiên nhiên, văn hóa địa phương, và di sản văn hóa đầy đủ cho khách, cũng như hướng dẫn hành vi thích hợp khi tham quan khu thiên nhiên, sinh hoạt văn hóa, và các điểm di sản văn hóa.

B. Tối đa hoá lợi ích xã hội và kinh tế đối với cộng đồng địa phương và giảm thiểu tác động tiêu cực

- ▶ B.1. Công ty tích cực hỗ trợ sáng kiến phát triển xã hội và phát triển hạ tầng cho cộng đồng bao gồm các mặt giáo dục, y tế, vệ sinh và các mặt khác.
- ▶ B.2. Cư dân địa phương có được việc làm, kể cả ở các vị trí quản lý. Tổ chức đào tạo nếu cần.
- ▶ B.3. Các dịch vụ và hàng hóa của địa phương và hội chợ được các doanh nghiệp mua, nếu có.
- ▶ B.4. Công ty cung cấp phương tiện để các doanh nghiệp nhỏ tại địa phương phát triển và bán các sản phẩm bền vững dựa vào đặc điểm tự nhiên, lịch sử và văn hóa của khu vực (bao gồm thức ăn, đồ uống, hàng thủ công, nghệ thuật biểu diễn, sản phẩm nông nghiệp, v.v...)
- ▶ B.5. Một bộ quy tắc ứng xử đối với các hoạt động trong cộng đồng bản địa được xây dựng, với sự đồng thuận và có sự hợp tác của cộng đồng.
- ▶ B.6. Công ty thực hiện chính sách chống tệ nạn bóc lột sức lao động đặc biệt là đối với trẻ vị thành niên, kể cả bóc lột về tình dục.
- ▶ B.7. Công ty đối xử bình đẳng trong việc sử dụng lao động nữ và người dân tộc thiểu số địa phương, kể cả ở các vị trí quản lý, đồng thời hạn chế sử dụng lao động trẻ em.
- ▶ B.8. Việc bảo vệ về mặt pháp lý quốc tế hoặc quốc gia đối với người lao động cần được tôn trọng, và nhân viên được trả lương đủ sống.
- ▶ B.9. Các hoạt động của công ty làm phương hại đến việc cung cấp các dịch vụ cơ bản như nước, năng lượng, hay vệ sinh đối với các cộng đồng trong vùng phụ cận.

C. Tối đa hóa lợi ích đối với di sản văn hóa và giảm thiểu tác động tiêu cực

- ▶ C.1. Công ty tuân theo hướng dẫn hoặc Quy tắc ứng xử đã có khi tham quan các điểm nhạy cảm về văn hoá hay lịch sử, để giảm đến mức thấp nhất tác động của du khách và tối đa hóa cảm nhận thú vị.

- ▶ C.2. Các di vật lịch sử và khảo cổ không được bán, trao đổi, hoặc trưng bày, trừ khi được pháp luật cho phép.
- ▶ C.3. Doanh nghiệp góp phần vào việc bảo vệ những tài sản và điểm tham quan quan trọng của địa phương về mặt lịch sử, khảo cổ, văn hóa, và tâm linh, và không cản trở cư dân địa phương tiếp cận những khu vực đó.
- ▶ C.4. Doanh nghiệp sử dụng các yếu tố nghệ thuật, kiến trúc, hoặc di sản văn hóa địa phương trong tổ chức hoạt động, thiết kế, trang trí, ẩm thực, hoặc các cửa hàng của mình, đồng thời tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của các cộng đồng địa phương.

D. Tối đa hóa lợi ích đối với môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực.

- ▶ D.1. Bảo tồn tài nguyên
 - D.1.1. Ưu tiên mua các sản phẩm thân thiện môi trường như vật liệu xây dựng, thực phẩm, và các loại hàng hóa tiêu dùng.
 - D.1.2. Việc mua các loại hàng dùng một lần rồi bỏ đều được lượng định, và các doanh nghiệp phải chủ động tìm cách giảm thiểu việc sử dụng chúng.
 - D.1.3. Tiêu thụ năng lượng cần được đo lường, nguồn năng lượng gì phải được nêu cụ thể, và các biện pháp để giảm mức tiêu thụ chung cần được áp dụng, đồng thời khuyến khích sử dụng nguồn năng lượng có thể tái tạo được.
 - D.1.4. Tiêu thụ nước cần được đo lường, nguồn nước gì phải được nêu cụ thể, và các biện pháp để giảm mức tiêu thụ chung cần được áp dụng.
- ▶ D.2. Giảm ô nhiễm
 - D.2.1. Các loại khí thải gây hiệu ứng nhà kính từ tất cả các nguồn phải được doanh nghiệp đo lường và kiểm soát, thực hiện các Quy trình để giảm bớt và bù đắp đối với các loại khí thải đó là một cách để đạt trung hòa khí hậu.
 - D.2.2. Nước thải, kể cả nước bẩn, được xử lý hiệu quả và tái sử dụng nếu được.
 - D.2.3. Có kế hoạch quản lý rác thải với mục tiêu định lượng cụ thể để giảm lượng chất thải không sử dụng lại hoặc tái chế được.
 - D.2.4. Việc sử dụng các chất độc hại, kể cả thuốc trừ sâu, sơn, chất khử trùng bề bơi, và các chất tẩy rửa phải được hạn chế đến mức thấp nhất, hoặc thay thế nếu được, bằng những sản phẩm không độc hại; và tất cả các chất hóa học sử dụng phải được quản lý.
 - D.2.5. Các doanh nghiệp thực hiện giảm thiểu ô nhiễm từ tiếng ồn, ánh sáng, dòng Chảy, xói lở đất, các chất làm suy kiệt tầng ozon, cũng như các chất gây ô nhiễm đất và không khí.
- ▶ D.3. Bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan
 - D.3.1. Các loài động thực vật hoang dã chỉ được tiêu thụ, trưng bày, bán, hoặc đưa đi nước ngoài nếu nằm trong phạm vi hoạt động được quy định rõ nhằm đảm bảo việc sử dụng bền vững
 - D.3.2. Không được phép tổ chức nuôi nhốt động vật hoang dã, ngoại trừ các hoạt động theo quy định, và chỉ những người có thẩm quyền, được trang bị chuồng trại và có kỹ năng chăm sóc phù hợp mới được phép nuôi giữ các tiêu bản sống của các loài động vật hoang dã đang được bảo vệ.
 - D.3.3. Doanh nghiệp nên sử dụng các loài bản địa để tạo và khôi phục cảnh quan, và cần có biện pháp để tránh việc du nhập các loài ngoại lai vào lẫn át loài bản địa
 - D.3.4. Các doanh nghiệp cần đóng góp vào việc hỗ trợ bảo tồn đa dạng sinh học, kể cả hỗ trợ các khu vực bảo tồn thiên nhiên, các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao.
 - D.3.5. Các hoạt động tiếp xúc với các loài động vật hoang dã không được gây nên ảnh hưởng tiêu cực đối với sự sinh tồn của các quần thể trong thiên nhiên; và bất kỳ xáo trộn nào đối với hệ sinh thái tự nhiên đều phải hạn chế đến mức thấp nhất, phải được phục hồi, và phải góp phần đền bù để quản lý công tác bảo tồn

Phụ lục 6: Đánh giá các điểm du lịch Khu vực VQG PNKB

1. Khu Hành chính và Dịch vụ Vườn Quốc gia PNKB

i. Động Phong Nha – động chính

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm

Động Phong Nha là động nước và là một điểm thu hút khách du lịch của Vườn Quốc gia PNKB. Nó nằm trong khu vực Hành chính – Dịch vụ, và cách thị trấn Phong Nha khoảng 30 phút đi thuyền. Có thể đi bộ vào động hoặc đi bằng thuyền.

Hoạt động du lịch hiện nay

Động Phong Nha là địa điểm tập trung khách du lịch với số lượng lớn

Động Phong Nha đón khoảng 300,000 lượt khách mỗi năm. Vào mùa cao điểm, có thể lên đến 4,000 lượt khách mỗi ngày.

Cơ hội phát triển du lịch

Động Phong Nha là một biểu tượng của khu vực và có thể nói rằng đại đa số khách du lịch khi đến vùng này đều ghé thăm động.

Có khá nhiều việc cần phải cải thiện để nâng cao chất lượng của các trải nghiệm của du khách tại động Phong Nha, bao gồm: cải thiện phần ánh sáng trong động, cải thiện thông tin và các bảng dịch thông tin ở trong động.

Lối vào hang là vị trí thích hợp để xây dựng một trung tâm thông tin – diễn giải về Động Phong Nha.

Hiện tại, theo đánh giá của Hiệp hội Di sản Thế giới - UNESCO thì hoạt động du lịch tại động Phong Nha vẫn chưa đạt chuẩn. Và còn nhiều yếu tố cần được cải thiện.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Tất cả các thị phần.

Đánh giá các hoạt động du lịch / việc phát triển các điểm thu hút khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓✓✓)

Du ngoạn sông bằng thuyền (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về khu vực (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓✓)

Mua sắm và hàng lưu niệm (✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học / Nâng cao ý thức (✓✓✓)

Đóng góp tiềm năng vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Là điểm thu hút khách du lịch chính, động Phong Nha là trụ cột của nền kinh tế du lịch trong khu vực, tạo việc làm trực tiếp cho người dân như: điều hành tour thuyền hoặc cửa hàng bán hàng lưu niệm, cũng như thu nhập gián tiếp như: người dân địa phương cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho ngành du lịch.

Thông tin cũng như diễn giải tại động Phong Nha và việc quảng bá động có thể nâng cao ý thức về vấn đề phát triển bảo tồn một cách hiệu quả. Động Phong Nha có cơ hội để “giáo dục” cho phần lớn du khách đến VQG PNKB.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Kích thước của động

Những hư hại sau này cho hang động

Tác động của một lượng lớn du khách – hàng ngày, hàng giờ vào những mùa cao điểm, khi số lượng khách vượt quá khả năng đón tiếp của địa điểm.

Quản lý không tốt lưu lượng khách tham quan

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Khả năng tiếp nhận du khách của động Phong Nha cần phải được đánh giá cẩn thận dựa trên lượt khách hàng ngày và hàng giờ. Khả năng đón khách cần phải tương xứng với hệ thống quản lý và hệ thống đường đi trong hang động. Cần phải có một loạt các quy trình quản lý tác động của du khách.

Hiện nay, khâu thực hiện của hệ thống quản lý khách tương đối kém. Đặc biệt vào mùa cao điểm, lượng khách mỗi giờ và mỗi ngày luôn vượt quá khả năng quản lý của động. Như thế, tác động của du khách là tương đối rõ ràng, hang động bị hư hại rất nhiều.

Với một hệ thống quản lý hợp lý, có thể duy trì lượng khách từ 2,000 – 2,500 người/ ngày.

Hướng dẫn biện pháp quản lý và phát triển trước mắt

Phát triển hệ thống quản lý du khách cho tour tham quan động Phong Nha – bao gồm động Tiên Sơn (động khô), nhằm điều tiết lưu lượng khách đến động, nhất là vào mùa cao điểm.

Đặt ra khả năng tiếp đón khách theo giờ

Xác định rõ các lối đi vào động, nâng cấp phần ánh sáng bên trong động.

Nghiêm chỉnh hạn chế số lượng thuyền đi vào trong động và đậu trước các khu vực ra vào.

Xây dựng quy định và quy trình cụ thể cho những người điều hành thuyền để có thể điều tiết lưu lượng khách

Cải thiện số lượng và chất lượng các tài liệu thông tin cũng như lời dịch chú thích về động Phong Nha.

Khảo sát khả năng thành lập một trung tâm thông tin, diễn giải tại lối vào của động.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Auther Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

ii. Động Phong Nha – khu vực sâu bên trong động

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm

Khu vực hang sâu của động Phong Nha là phần nổi dài của hang nước chính, nơi mà phần lớn du khách không còn hứng thú để đi tiếp

Khu vực hang sâu có thể đi thuyền vào thêm khoảng 1.6 km nữa.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện không có hoạt động du lịch thường xuyên trong giai đoạn này. Chỉ có thể vào tham quan với sự cho phép của VQG PNKB.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tạo thêm sản phẩm du lịch bên cạnh những trải nghiệm thông thường về động Phong Nha.

Có thể sử dụng như là một sản phẩm du lịch giá cao.

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Tất cả thị phần nếu đam mê phiêu lưu mạo hiểm

Đánh giá các hoạt động du lịch / việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓)

Khám phá hang động (✓✓✓✓✓)

Đi thuyền kayak / ca nô (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa điểm (✓✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓)

Đóng góp tiềm năng vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Là điểm thu hút khách du lịch chính, động Phong Nha là trụ cột của nền kinh tế du lịch trong khu vực, tạo việc làm trực tiếp cho người dân như: điều hành tour thuyền hoặc cửa hàng bán hàng lưu niệm, cũng như thu nhập gián tiếp như: người dân địa phương cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho ngành du lịch.

Thông tin cũng như hoạt động diễn giải tại động Phong Nha và việc quảng bá động có thể nâng cao ý thức về vấn đề phát triển bảo tồn một cách hiệu quả. Động Phong Nha có cơ hội để “giáo dục” cho phần lớn du khách đến VQG PNKB.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Kích thước, mà đặc biệt là chiều rộng của khu vực nổi dài. Phần mở rộng rất hẹp và có thể chỉ đủ cho 1 hoặc 2 thuyền đi cùng 1 lúc.

Phá hủy hang động

Những tác động của lượng lớn du khách - lưu lượng khách hàng ngày và hàng giờ tại động chính thường vượt quá khả năng tiếp đón của động vào mùa cao điểm

Quản lý không tốt lưu lượng khách tham quan

Cần phải có các thiết bị chuyên dụng cũng như những buổi tập huấn để có thể điều hành các chuyến tham quan một cách an toàn.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Khả năng tiếp đón du khách tại động Phong Nha nổi dài cũng phải ngang bằng với lưu lượng khách hàng ngày và hàng giờ tại động chính. Tuy nhiên, phần hang động nổi dài chỉ có thể đón khách vào từng mùa nhất định, ví dụ như vào mùa vắng khách.

Theo quan sát, phần hang nổi dài có thể cho phép 2 thuyền vào cùng 1 lúc. Như thế, số lượng du khách có thể đón tiếp 1 ngày vào khoảng 100-150 người/ngày.

Hướng dẫn biện pháp quản lý và phát triển trước mắt

Cần phải thực hiện những khảo sát về đa dạng sinh học và đánh giá mức độ nhạy cảm của môi trường để xác định liệu khu vực này có chịu được các hoạt động du lịch mà không bị tổn hại đến các hang động hay không, và mức độ chịu được là bao nhiêu.

Nếu có thể đưa vào khai thác du lịch thì cần phải có những thiết bị phù hợp cũng như những huấn luyện nhằm đảm bảo an toàn cho các chuyến tham quan.

Hệ thống quản lý du khách lấy theo động chính.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Auther Peterson, 2002)

- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

iii. Động Tiên Sơn (động khô)

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm

Động Tiên Sơn là động khô nằm cao hơn so với Động Phong Nha, và đây cũng là một điểm thu hút khách khác nữa của VQG PNKB.

Nằm trong khu vực Hành chính – dịch vụ của Vườn quốc gia, động Tiên Sơn cách thị trấn Phong Nha 30 phút đi thuyền.

Chỉ có thể đi bộ vào bên trong. Khoảng cách từ động Phong Nha đến động Tiên Sơn là 30 phút đi bộ.

Các hoạt động du lịch hiện nay

Động Phong Nha là địa điểm tập trung khách du lịch với số lượng lớn

Động Phong Nha hiện đón khoảng 300,000 lượt khách mỗi năm. Vào mùa cao điểm, có thể lên đến 4,000 lượt khách mỗi ngày. Có thể nói rằng phần lớn du khách đến VQG PNKB đều vào tham quan động Tiên Sơn.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch cho động Tiên Sơn là rất lớn.

Nhìn từ lối đi lên động, khung cảnh xung quanh rất đẹp. Đồng thời, chính hang động này cũng giúp cho du khách có được những trải nghiệm rất thú vị.

Có nhiều việc cần làm để nâng cao hình ảnh, đánh giá của du khách về địa điểm này, bao gồm: nâng cấp phần ánh sáng bên trong hang, bổ sung thông tin cũng như diễn giải trong hang động.

Vị trí thuận lợi để xây dựng 1 trung tâm diễn giải về động Phong Nha là ngay tại điểm xuất phát của đường lên động Tiên Sơn.

Hiện tại, theo đánh giá của Hiệp hội di sản thế giới - UNESCO thì hoạt động du lịch tại động Tiên Sơn vẫn chưa đạt chuẩn. Và còn nhiều yếu tố cần được cải thiện.

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Tất cả thị phần

Đánh giá các hoạt động du lịch / việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về khu vực (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học / Nâng cao nhận thức (✓✓✓)

Mua sắm và hàng lưu niệm (✓✓✓)

Đóng góp tiềm năng vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Động Tiên Sơn nằm ngay cạnh động Phong Nha – hang động được tham quan nhiều nhất trong tất cả các địa điểm thuộc VQG PNKB. Động Tiên Sơn đã tạo việc làm trực tiếp cho người dân như: điều hành tour thuyền hoặc cửa hàng bán hàng lưu niệm, cũng như thu nhập gián tiếp như: người dân địa phương cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho ngành du lịch.

Thông tin cũng như hoạt động diễn giải tại động Tiên Sơn và việc quảng bá động có thể nâng cao ý thức về vấn đề phát triển bảo tồn một cách hiệu quả. Động Tiên Sơn có cơ hội để “giáo dục” cho phần lớn du khách đến VQG PNKB.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Kích thước của hang

Lối đi vào động tương đối dốc.

Các tác động gây huỷ hoại không thể phục hồi đến hang động

Những tác động của lượng lớn du khách - lưu lượng khách hàng ngày và hàng giờ tại động chính thường vượt quá khả năng tiếp đón của động vào mùa cao điểm

Quản lý không tốt luồng khách tham quan

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Khả năng tiếp nhận du khách của động Tiên Sơn cần phải được đánh giá cẩn thận dựa trên lượt khách hàng ngày và hàng giờ. Khả năng đón khách cần phải tương xứng với hệ thống quản lý và hệ thống đường đi trong hang động. Cần phải có một loạt các quy trình quản lý tác động của du khách.

Hiện nay, hệ thống quản lý khách tương đối kém và diễn giải nghèo nàn. Đặc biệt vào mùa cao điểm, lượng khách mỗi giờ và mỗi ngày luôn vượt quá khả năng tải bền vững của hang động. Như thế, tác động của du khách là tương đối rõ ràng, hang động bị hư hại rất nhiều.

Với một hệ thống quản lý hợp lý, có thể duy trì lượng khách từ 2,000 – 2,500 người/ ngày.

Hướng dẫn biện pháp quản lý và phát triển trước mắt

Phát triển hệ thống quản lý du khách cho tour tham quan động Phong Nha – bao gồm động Tiên Sơn (động khô), nhằm điều tiết các luồng khách đến động, nhất là vào mùa cao điểm.

Xác định sức chứa khách tham quan hang động theo giờ.

Xác định rõ các tuyến đi bộ trong hang động, tăng cường và nâng cấp phần ánh sáng bên trong động.

Nghiêm chỉnh hạn chế số lượng thuyền du lịch đi vào trong động và đậu trước các khu vực ra vào.

Xây dựng quy định và quy trình cụ thể cho những người điều hành thuyền để có thể điều tiết các luồng khách

Cải thiện số lượng và chất lượng các tài liệu thông tin cũng hoạt động diễn giải về động Phong Nha.

Khảo sát khả năng xây dựng một trung tâm diễn giải tại lối vào hang động.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Auther Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

iv. Hang E

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm

Hang E nằm phía đông của khu Hang chính – dịch vụ VQG PNKB. Từ đường Hồ Chí Minh, có một con đường mòn dẫn vào trong hang. Mất khoảng 2 giờ để đi bộ từ đường vào đến cổng hang và mất khoảng 60 phút để đi từ thị trấn Phong Nha đến con đường mòn vào hang bằng xe hơi, hoặc cách thôn Chày Lập khoảng 40 phút đi xe.

Hang E là hang nước, có sông Chày bên trong. Một điều thú vị là hệ thống sông ở hang E nối với hệ thống sông ở hang Tối và sông Chày.

Thung Tre nằm ngay trước mặt hang. Cách duy nhất để đi vào bên trong hang là bơi vào.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện không có hoạt động du lịch nào

Tiềm năng phát triển du lịch

Hang E có tiềm năng về thám hiểm hang động. Có thể tổ chức các chuyến đi thám hiểm có hướng dẫn viên. Bản thân hang E có thể được khám phá bằng cách bơi vào bên trong hoặc trượt theo đường ống để vào hang.

Hiện đã có sẵn đường vào hang, chỉ cần chỉnh trang thêm một ít. Đường đi vào hang là một đường mòn rừng nhiệt đới rất đẹp với tán cây tạo thành mái che.

Việc đi vào trong hang và thám hiểm hang động cũng có thể là những sản phẩm du lịch độc lập, và có thể phát triển thành những hoạt động trọn ngày.

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Những du khách yêu thích thám hiểm hang động

Thị trường nội địa: Người nước ngoài sống ở Việt nam

Thị trường quốc tế: Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô”, và các nhóm du khách đi hành hương.

Đánh giá các hoạt động du lịch / việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓/✓)

Thám hiểm hang động (✓✓✓✓✓)

Đi vào rừng (✓✓✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓✓)

Trôi theo ống (✓✓✓✓✓)

Tham quan hang (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về khu vực (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓)

Đóng góp tiềm năng vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Hang E có tiềm năng khai thác hoạt động thám hiểm hang động. Người dân địa phương có thể được huấn luyện thành các hướng dẫn viên hoặc nhân viên hỗ trợ. Ngoài ra, có thể liên kết với các hoạt động du lịch ở Thung Tre, hang Tối và các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng ở thôn Chày Lập để khai thác các dịch vụ hỗ trợ du lịch.

Các tài liệu diễn giải thích hợp sẽ nâng cao nhận thức về việc bảo tồn lịch sử và di sản thiên nhiên.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Cách duy nhất để đi vào bên trong hang là bơi hoặc trượt theo đường ống

Để có thể hình thành hoạt động thám hiểm hang động, cần phải có các hướng dẫn viên có năng lực và được đào tạo bài bản, cũng như trang thiết bị chuyên dụng.

Hang thường bị ngập lụt theo mùa

Chỉ nhắm đến một nhóm đối tượng du khách cụ thể với số lượng không lớn

Thiếu kỹ năng hướng dẫn, thiếu hướng dẫn viên có năng lực và trang thiết bị

Thiếu kỹ năng kinh doanh du lịch để có thể mở một công ty thám hiểm hang động

Điều hành không tốt các quy trình và quy định về hang động.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Phát triển kế hoạch quản lý hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo an toàn khi vào trong hang, không ảnh hưởng đến môi trường và có được tài liệu diễn giải phù hợp

Xây dựng những quy định hoạt động cho việc thám hiểm hang động ở hang E.

Khảo sát khả năng thiết lập một công ty thám hiểm hang động trong cộng đồng. Có thể tuân theo các hoạt động du lịch cộng đồng.

Xây dựng thông tin, tài liệu diễn giải tương ứng về hang E.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Author Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

v. Thung Tre

Đặc điểm, Vị trí và Cách tiếp cận địa điểm

Thung Tre tọa lạc theo hướng phía Bắc của Khu Hành chính và Dịch vụ của VQG Phong Nha Kẻ Bàng. Để vào thung lũng này thì phải đi theo con đường mòn từ đường Hồ Chí Minh. Đi bộ từ đường chính đến cổng vào của thung lũng mất khoảng 2 giờ đồng hồ. Và để đến lối vào đường mòn, chỉ mất khoảng 60 phút từ thị trấn Phong Nha và 40 phút từ thôn Chày Lập nếu đi bằng ô-tô.

Thung Tre nằm sát cạnh hang E. Thung Tre thể hiện được đặc thù của rừng tự nhiên, có nhiều loài động vật hoang dã sinh sống

Hoạt động du lịch hiện hành

Hiện tại không có hoạt động du lịch nào cả

Tiềm năng phát triển du lịch

Với vị trí, đường đi và nguồn tại nguyên sẵn có như hiện nay thì đây chính là những cơ hội tốt để phát triển hoạt động du lịch và dịch vụ nhằm giảm bớt áp lực lớn lên diện tích rộng lớn của địa điểm này. Những đặc điểm này cũng là những tiềm năng, thế mạnh để phát triển du lịch, nhằm nâng cao ý thức bảo tồn và nhận thức sâu sắc về môi trường nếu được phát triển đúng đắn.

Thung lũng này có cảnh quan đẹp và có nhiều tiềm năng cho việc quan sát đời sống hoang dã.

Có thể kết hợp cùng với hoạt động thám hiểm hang động ở hang E.

Có thể xây dựng các hoạt động tham quan đi bộ trong khu vực thiên nhiên có mái che.

Lối đi vào thung lũng đã có rồi, chỉ cần phát quang thêm. Đoạn đường vào thung lũng là một đường mòn rừng nhiệt đới đẹp với khung cảnh của tán cây rừng.

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Điều này phụ thuộc vào các hoạt động và đường đi vào thung lũng. Các hoạt động nên chú trọng dựa vào thiên nhiên.

Địa điểm này có khả năng hướng đến tất cả các thành phần thị trường.

Đánh giá các hoạt động du lịch / việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓/✓)

Du lịch thám hiểm (✓✓✓✓✓)

Đi bộ (✓✓✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về khu vực (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓)

Quan sát động vật hoang dã (?)

Hệ thống cáp treo Flying Fox

Đóng góp tiềm năng vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Nếu được phát triển hợp lý để trở thành một khu du lịch với lượng khách trung bình – cao thì đây sẽ là một cơ hội tốt để nâng cao ý thức về môi trường và bảo tồn cho một lượng lớn du khách.

Địa điểm này thích hợp để xây dựng các hoạt động đi bộ giữa thiên nhiên. Có thể đào tạo dân địa phương thành những hướng dẫn viên hoặc nhân viên hỗ trợ. Ngoài ra, có thể liên kết với các hoạt động du lịch ở Thung Tre, hang Tối và các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng ở thôn Chày Lập để khai thác các dịch vụ hỗ trợ du lịch.

Các tài liệu diễn giải tốt sẽ nâng cao nhận thức về việc bảo tồn lịch sử và di sản thiên nhiên.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Lối đi hiện tại chỉ thích hợp với việc đi thám hiểm rừng chứ không phải các hoạt động đi bộ thông thường

Bất kỳ sự phát triển mở rộng cơ sở hạ tầng nào trong thung lũng cũng có thể giúp có được đường đi vào bên trong. Hiện tại, phải mất khoảng 2 giờ để đi bộ đến thung lũng. Vì vậy, để có thể thu hút thêm nhiều du khách, cần phải làm lại đường cho thẳng lối và mở rộng ra. Một số con đường mòn cũng cần phải làm lại do hiện nay nhiều đoạn đường rất dốc và toàn toàn đá.

Sông bị ngập lụt theo mùa

Số lượng động thực vật hoang dã bị hạn chế

Thiếu kỹ năng hướng dẫn – hướng dẫn viên có năng lực và trang thiết bị

Thiếu kỹ năng kinh doanh du lịch để có thể phát triển hoạt động

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Khả năng tiếp nhận du khách sẽ phụ thuộc vào từng loại hoạt động và đường đi vào thung lũng.

Với tiềm năng phát triển và quy mô hiện tại của địa điểm, nếu có thể đặt ra những biện pháp hạn chế tác động thích ứng với các sản phẩm và dịch vụ du lịch phù hợp, địa điểm này có thể tiếp nhận một lượng du khách ở mức trung bình.

Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng lâu dài cần được xem xét kỹ lưỡng dựa trên cơ sở tham khảo rộng rãi ý kiến của VQG PNKB và Hiệp hội Di sản Thế giới.

Bất kỳ hoạt động du lịch nào hình thành trong khu vực này cũng đều phải vì những mục đích tốt đẹp nhất.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Xem xét kỹ lưỡng bất kỳ lời đề nghị đầu tư nào vào thung lũng, trên cơ sở tác động đến đa dạng sinh học của khu vực và của toàn vùng nói chung.

Đánh giá mức độ đa dạng sinh học và mô tả cụ thể những loài động thực vật hoang dã đang sống trong thung lũng.

Thực hiện một cuộc đánh giá hiện trạng toàn diện nhằm xác định mức độ phát triển sản phẩm du lịch và cơ sở hạ tầng thích hợp, để có thể vừa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, vừa bảo vệ môi trường và các giá trị bảo tồn.

Khảo sát tiềm năng xây dựng một lối đi bộ có vòm che trong thung lũng và chuẩn bị nghiên cứu khả thi.

vi. Hang Tối

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm

Hang Tối nằm hướng thẳng ra Sông Chày gần cổng vào phía bắc của VQG PNKB, trong khu vực Hành chính và Dịch vụ.

Hang động này chỉ có thể đi vào bằng thuyền và đi bộ khi đã vào bên trong.

Đây vừa là động khô vừa là động ướt. Lối vào hang động tuy hơi khó đi nhưng vẫn có thể xoay sở được.

Hoạt động du lịch hiện tại

Hiện không có hoạt động du lịch nào.

Tiềm năng phát triển du lịch

Có tiềm năng phát triển hoạt động thám hiểm hang động

Một khi đã xây dựng được lối vào hang, thì việc đi vào bên trong hang khá dễ dàng.

Hang động đã được đo lường và đánh giá đầy đủ.

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Du khách rất thích thú với các hoạt động thám hiểm hang động

Thị trường nội địa – Người nước ngoài sống tại Việt Nam tại Việt Nam

Thị trường quốc tế - Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô”, và các nhóm khách du lịch quốc tế

Đánh giá các hoạt động du lịch/việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓/✓)

Thám hiểm hang động (✓✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa điểm (✓✓✓✓)

Chèo thuyền kayak / Đi canô (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Địa điểm này có tiềm năng cho hoạt động thám hiểm hang động. Có thể đào tạo người dân địa phương thành hướng dẫn viên hoặc nhân viên hỗ trợ. Ngoài ra, còn có thể kết hợp các hoạt động du lịch ở hang Tối với các hoạt động du lịch cộng đồng ở thôn Chày Lập, bao gồm chèo thuyền và các dịch vụ hỗ trợ du lịch khác.

Các tài liệu diễn giải tốt sẽ nâng cao nhận thức về việc bảo tồn lịch sử và di sản thiên nhiên.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Lối vào chính của hang chỉ toàn đá nhọn lởm chởm. Với tình trạng hiện tại thì việc đi lại rất nguy hiểm. Cần phải tạo nên một lối đi.

Hang bị ngập lụt theo mùa.

Chỉ hướng đến một thị trường cụ thể với lượng du khách thấp

Thiếu kỹ năng hướng dẫn, thiếu hướng dẫn viên có năng lực và trang thiết bị

Thiếu kỹ năng kinh doanh du lịch để có thể mở một công ty thám hiểm hang động

Thiếu vắng sự quản lý các thủ tục và quy định về hang động.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Phát triển kế hoạch quản lý hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo an toàn khi vào trong hang, ngăn ngừa các tác động môi trường và có tài liệu diễn giải phù hợp

Xây dựng những hướng dẫn điều hành hoạt động thám hiểm hang động ở hang Tối.

Xác định rõ ràng các đường đi bộ qua hang.

Khảo sát khả năng thiết lập một công ty thám hiểm hang động tại cộng đồng. Có thể tuân theo các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng.

Xây dựng thông tin, tài liệu diễn giải thích hợp về hang Tối.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Author Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

vii. Trung tâm cứu hộ linh trưởng

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Trung tâm cứu hộ linh trưởng là một khu vực có rào chắn bán khép kín, dùng để dẫn đưa các loài linh trưởng trở lại môi trường hoang dã.

Trung tâm này cách trung tâm du lịch chính 2km, trên đường đến Vườn thực vật và hang Tám Cô

Xung quanh Trung tâm cứu hộ linh trưởng có một lối đi bộ rất tốt. Chỉ mất khoảng 45 phút để đi hết 1 vòng quanh khu trung tâm bán thiên nhiên này.

Hoạt động du lịch hiện hành

Hiện tại không có hoạt động du lịch nào. Thỉnh thoảng, có các đoàn giáo dục đến tham quan.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch của Trung tâm cứu hộ linh trưởng là khá cao.

Đến địa điểm này là một cơ hội tốt để ngắm các loài động vật hoang dã và cảnh quan thiên nhiên xung quanh. Việc ngắm động vật hoang dã ở Trung tâm cứu hộ linh trưởng nơi đây có thể so sánh với ngắm nhìn cá voi, vì không hẳn lúc nào khách đến cũng có thể nhìn thấy chúng. Các loài linh trưởng có thể được định vị bằng thiết bị vô tuyến.

Từ thị trấn Phong Nha, đường đi đến địa điểm này tương đối dễ dàng.

Đã có sẵn lối đi xung quanh khu vực có rào chắn bán khép kín này

Được chuẩn bị tốt để tiếp đón du khách

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Tất cả phân khúc thị trường đều đi kèm với loại hình quan sát đời sống hoang dã.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ Việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓)

Tuyến du lịch đi bộ (✓✓✓✓✓)

Ngắm động vật hoang dã (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Đội ngũ nhân viên VQG PNKB và người dân địa phương phải được huấn luyện để trở thành hướng dẫn

viên du lịch cho các tour quan sát đời sống hoang dã.

Diễn giải về địa điểm du lịch này sẽ là cơ hội tốt để nâng cao ý thức về bảo tồn đa dạng sinh học trong khu vực VQG PNKB. Có thể kết hợp các tour quan động vật hoang dã với kế hoạch giám sát động vật hoang dã.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Cần phải có thêm các tài liệu diễn giải và đào tạo thêm nhiều cán bộ diễn giải và hướng dẫn viên du lịch

Thời điểm tốt nhất để ngắm các loài linh trưởng là vào sáng sớm và chiều tối do đó chúng ta nên tổ chức cho du khách tham quan vào các thời điểm này. Điều này cũng giúp hạn chế số lượng du khách vào thời gian cao điểm trong vùng.

Cần phát triển thêm các khu vực đỗ xe và các phương tiện hỗ trợ cho du khách.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Đối với các nhóm du khách quan sát đời sống hoang dã nên hạn chế tối đa là 20 người (không kể hướng dẫn viên). Khoảng cách khởi hành giữa các nhóm nên cách nhau từ 30 phút đến 1 giờ để tránh việc tụ tập đông người tại các khu vực quan sát để không làm giảm chất lượng diễn giải và trải nghiệm của du khách.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Phát triển kế hoạch quản lý việc vận hành du lịch tại khu vực để đảm bảo an toàn, hướng dẫn du khách và ngăn chặn các tác động đến môi trường và động vật.

Phát triển các tài liệu diễn giải, đào tạo đội ngũ diễn giải viên, xây dựng thời gian biểu và chương trình đánh giá/ giám sát các tác động.

Thiết kế lịch trình tham quan phù hợp cùng với các nhà quản lý dự án.

viii. Vườn thực vật

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Vườn thực vật cách thị trấn Phong Nha khoảng 25 phút đi xe.

Nó chỉ nằm ngay sau lối vào chính của VQG PNKB và trên đường đến hang Tám Cô.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện tại hầu như chưa có các hoạt động du lịch và mới chỉ có một số ít khách du lịch dừng chân tại địa điểm này.

Tiềm năng phát triển du lịch

Địa điểm này tạo cơ hội phát triển các lối đi bộ có diễn giải qua Vườn thực vật.

Có thể sử dụng các tòa nhà để cung cấp thông tin và diễn giải.

Địa điểm này có thể nhận các đoàn khách tham quan ổn định như là điểm dừng chân giữa thị trấn Phong Nha và hang Tám Cô.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Tất cả các phân khúc thị trường.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ Việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Tản bộ (✓✓✓✓✓)

Quan sát động vật hoang dã (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓)

Nghiên cứu khu vực (✓✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Thông tin và các biện giới thiệu, mô tả đa dạng sinh học của VQG PNKB và cung cấp thông tin về khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng.

Địa điểm này có thể tạo ra một số việc làm cho đội ngũ nhân viên tại VQG PNKB và là tiềm năng tạo việc làm cho dân địa phương sống gần VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Tại giai đoạn này, tiện nghi còn nghèo nàn.

Địa điểm du lịch còn chưa hấp dẫn du khách. Cần chỉnh trang lại.

Thiếu hình thức diễn giải, cung cấp thông tin và bảng chỉ dẫn cho du khách.

Việc nâng cấp các lối mòn còn quá hạn chế.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hiện tại không gian dành cho du khách và đỗ xe còn hạn chế. Sức chứa cần xác định sau khi khu vực đỗ xe và các đường mòn đã hoàn chỉnh.

Hiện thời, không nên tiếp nhận quá 40 khách du lịch cho mỗi lần tham quan tại địa điểm này.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Chuẩn bị kế hoạch phác họa ý tưởng cho Vườn thực vật. Kế hoạch này nên bao gồm việc quản lý du khách, nâng cấp lối đi, cung cấp thông tin và diễn giải du lịch, và những nhu cầu cơ sở hạ tầng tiềm năng như bảng chỉ dẫn, khu vực đỗ xe, nhà vệ sinh và phòng làm việc cho nhân viên.

Cần phát triển các hình thức diễn giải và cung cấp thông tin tại địa điểm du lịch.

Cần tìm hiểu khả năng sử dụng đội ngũ nhân viên của VQG PNKB và người dân địa phương làm diễn giải viên.

ix. Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh ngoài trời (đang triển khai)

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Bảo tàng lịch sử Hồ Chí Minh đã được quy hoạch tại điểm giao nhau giữa đường Hồ Chí Minh và Tỉnh Lộ 20 của khu vực VQG PNKB và đang trong quá trình xây dựng.

Từ thị trấn Phong Nha đến Bảo tàng HCM mất khoảng 45 phút đi xe.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện tại chưa có hoạt động du lịch nào. Bảo tàng này vẫn còn đang trong quá trình xây dựng

Tiềm năng phát triển du lịch

Bảo tàng này sẽ là điểm du lịch lịch sử mang tầm vóc của tỉnh và của quốc gia quan trọng.

Vị trí của bảo tàng tạo cơ hội cho việc tiếp cận với các đoàn khách du lịch ổn định và đáng kể. Khi đi vào hoạt động, địa điểm này chắc chắn sẽ là điểm thu hút nhiều lượt khách du lịch.

Nó sẽ là một phần của các gói du lịch tham quan, ngắm cảnh trọng điểm trong vùng Phong Nha - Kẻ Bàng. Ngoài ra nó có thể lồng ghép vào tour du lịch trọn gói ở Phong Nha - Kẻ Bàng như là điểm dừng chân giữa thị trấn Phong Nha và hang Tám Cô.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch.

Du khách thích tìm hiểu lịch sử của khu vực và Hồ Chí Minh.

Tất cả các phân khúc thị trường - tuy nhiên chủ yếu vẫn là các phân khúc thị trường nội địa.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ Việc phát triển những điểm thu hút du khách – Từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Lịch sử cách mạng (✓✓✓✓✓)

Khám phá khu vực (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓)

Mua sắm và quà lưu niệm (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Lượng khách tham quan khá cao tại địa điểm này sẽ tạo cơ hội nâng cao ý thức bảo tồn di sản cho một nhiều người dân. Do đó cần có hình thức diễn giải phù hợp.

Tiềm năng sử dụng nhân lực trong cộng đồng phục vụ cho Viện bảo tàng.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Chưa có quy hoạch kiến trúc cụ thể.

Việc xây dựng bị chậm trễ.

Đường vào khu du lịch này qua cổng chính của khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng và khu vực đón tiếp khách vẫn còn hẹp - Tại nhiều điểm, hai đoàn khách du lịch đi bằng xe buýt khi đi ngược chiều nhau sẽ không thể đi qua cùng lúc.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Ở giai đoạn này chưa có các quy hoạch xây dựng cụ thể.

Theo kế hoạch, đây sẽ là điểm du lịch đại chúng, do đó cần phải xây dựng các bãi đỗ xe và hệ thống quản lý khách du lịch phù hợp.

Địa điểm du lịch này có thể sẽ được xây dựng để phục vụ từ 2.000 đến 2.500 du khách mỗi ngày trong suốt mùa cao điểm.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Theo dõi thực hiện quy hoạch và quá trình xây dựng khu bảo tàng. Thông tin cho những người chịu trách nhiệm xây dựng về QHPTDLBV.

Gắn việc phát triển bảo tàng với quản lý du khách trong VQG PNKB, đặc biệt với tuyến du lịch ngắm cảnh quanh phân khu Hành Chính – Dịch vụ. Lưu ý rằng đây sẽ là điểm du lịch đại chúng.

x. Tuyến sinh thái Nước Moọc

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Tuyến sinh thái suối Nước Moọc được phát triển vào tháng 8 năm 2007 và đi vào hoạt động từ năm 2008. Tuyến này nằm toàn bộ trong VQG PNKB.

Đường vào điểm này tương đối dễ dàng từ đường Hồ Chí Minh. Mất khoảng 10 phút đi xe từ đường vào phía Bắc khu Hành Chính - Dịch vụ của VQG PNKB. Từ đường mòn đến thôn Chày Lập mất khoảng 20 phút đi xe.

Tuyến này dài khoảng 1 km và mất khoảng 1 giờ để đi hết tuyến. Tuyến này chia thành nhiều phần dọc theo Sông Chày.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hoạt động du lịch hiện tại là khá yếu.

Không thể xác định chính xác lượng khách du lịch từ VQG PNKB.

Hiện tại phí vào tham quan tuyến này là 50.000 VND.

Tiềm năng phát triển du lịch

Có tiềm năng giới thiệu cho du khách du lịch thiên nhiên và du lịch sinh thái.

Địa điểm này có tiềm năng thu hút và phát triển một lượng khách du lịch trung bình.

Đi tản bộ có thể được xem là loại hình du lịch thám hiểm nhẹ nhàng cho những khách du lịch chưa có kinh nghiệm về du lịch thiên nhiên. Tuyến đường mòn này thích hợp cho thị trường du lịch nội địa và thị trường du lịch trong khu vực và một số tour du lịch quốc tế trọn gói, cũng như du khách tham quan tìm hiểu thiên nhiên- nhưng không bao gồm sản phẩm du lịch thám hiểm.

Phần cuối của tuyến đường có thể tận dụng cho các loại hình du lịch bơi lội và có tiềm năng cho sự khởi đầu các hoạt động du lịch sông nước như bơi xuồng, canô hoặc trượt nước.

Có thể mở rộng tuyến đường mòn và kéo dài thời gian tham quan và trải nghiệm tại tuyến đường này

Việc tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng có hướng dẫn viên có tiềm năng để phát triển.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách thích tham gia du lịch khám phá thiên nhiên.

Tất cả phân khúc thị trường

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Đi tản bộ (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓✓)

Quan sát đời sống hoang dã (✓✓✓)

Khám phá khu vực (✓✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓✓)

Có thể lồng ghép các hoạt động CBT tại thôn Chày Lập và tạo nguồn thu nhập thêm cho địa phương.

Các pa-nô thông tin và diễn giải có thể mô tả đa dạng sinh học tại VQG PNKB và cung cấp thông tin thêm về khu vực VQG PNKB.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Thiếu các bảng diễn giải du lịch phù hợp.

Thiếu sự liên kết với các hoạt động du lịch khác như các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch trọn gói từ các công ty lữ hành.

Phí vào cổng cao hơn phí vào cổng Động Phong Nha.

Thiếu duy tu các lối đi.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Mỗi nhóm gồm tối đa 20 du khách. Nếu trên 20 du khách trong mỗi nhóm cho mỗi lần tham quan sẽ dẫn đến hạn chế những trải nghiệm du lịch của du khách.

Hiện tại khả năng vận chuyển du khách còn thiếu. Nếu xét đến chiều dài của đường mòn và hệ thống đường một chiều của nó thì lượng khách du lịch là không quá 100 người hay không quá 5 nhóm trong

mỗi chuyến du lịch là phù hợp. Mỗi chuyến tham quan sẽ mất khoảng 45 phút. Theo cách này thì có khoảng 1.000 khách tham quan mỗi ngày. Nếu vượt quá số lượng này thì có thể xảy ra hiện tượng ách tắc tại các điểm du lịch.

Cần phải phát triển hệ thống quản lý du khách nếu điểm du lịch phát triển với lượng khách trung bình và có thể vượt quá năng lực cho phép.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Cần tính đến khả năng mở rộng tuyến đường mòn.

Kiểm tra lại lịch trình duy tu tuyến đường mòn mà đặc biệt là các cây cầu.

Nâng cấp các bảng diễn giải và việc cung cấp thông tin tại điểm du lịch.

Gắn kết tuyến đường mòn với các hoạt động du lịch cộng đồng tại thôn Chày Lập.

Tìm kiếm thêm nhiều cơ hội để đóng góp để phát triển kinh tế địa phương như cung cấp hàng hóa và dịch vụ (nước giải khát, quà lưu niệm và những sản phẩm khác từ khu vực lân cận).

Lập kế hoạch điều hành và quản lý du khách đồng thời xem xét kế hoạch quản lý địa điểm du lịch trong tương lai.

Hỗ trợ dịch vụ marketing và nâng cấp tuyến đường, nối các tour du lịch đường mòn với các hoạt động du lịch khác.

xi. Sông Chày

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Con sông này chảy qua VQG PNKB và lên Vùng đệm, nơi nó hòa dòng với sông Troóc và sông Son.

Con sông này khá dễ tiếp cận, đặc biệt là khu vực tuyến sinh thái suối Nước Moọc và trạm kiểm lâm Trọ Mọng, nơi đánh dấu đường vào phía Bắc khu Hành Chính - Dịch Vụ của VQG PNKB.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện tại hoạt động du lịch ở sông Chày còn hạn chế.

Tại khu vực VQG PNKB, tuyến sinh thái suối Nước Moọc chạy dọc theo dòng sông Chày, do đó tạo cơ hội cho hoạt động du lịch bơi lội trên sông.

Ở Vùng đệm có cho thuê xuồng qua thôn Chày Lập. Loại hình này mới được đề xuất.

Tiềm năng phát triển du lịch

Có nhiều cơ hội phát triển hoạt động du lịch sông nước như bơi xuồng, trượt nước và bơi lội trên sông- Nên liên kết các hoạt động du lịch tại đây với sông Troóc và sông Son.

Có nhiều cơ hội quan sát động vật và thiên nhiên ven sông- nên kết hợp hoạt động du lịch với các hoạt động khác ở sông Son và sông Troóc.

Đã có sẵn lối vào hang Tối, tuyến sinh thái suối Nước Moọc và các khu ngắm cảnh khác ven sông.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Thị trường nội địa - Người nước ngoài sống tại Việt Nam, phân đoạn thị trường nội địa về du lịch thám hiểm thiên nhiên nhẹ hoặc du lịch sông nước.

Thị trường quốc tế- Du khách tự do, khách du lịch balô và những nhóm du lịch nhỏ từ Châu Âu.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓✓)

Bơi xuồng (✓✓✓✓✓)

Ca nô (✓✓✓✓✓)

Trượt nước (✓✓✓✓✓)

Du ngoạn trên sông bằng thuyền (✓✓✓✓✓)

Ngắm thú vật hoang dã (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Phát triển hoạt động bơi xuồng, trượt ống nước và bơi lội phải là một phần của Du lịch cộng đồng và có thể là nguồn thu nhập thiết yếu của dân địa phương thôn Chày Lấp.

Việc phát triển hoạt động du lịch cộng đồng cho người dân địa phương có thể cung cấp nguồn thu nhập thay thế cho cộng đồng và có khả năng làm giảm việc săn trộm và chặt cây lấy gỗ trong khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

Đặc điểm tự nhiên của con sông này có thể góp phần nâng cao nhận thức của con người về bảo tồn bằng các tài liệu diễn giải du lịch phù hợp.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Một số lưu vực sông trong VQG PNKB không có giá trị cao nhất đối với tiềm năng du lịch nhưng lại là những điểm quan trọng trong việc phát triển các hoạt động du lịch sông nước.

Quan hệ giữa VQG PNKB và cộng đồng dân địa phương đang gặp khó khăn. Cần cải thiện đường đi đến sông trong VQG PNKB để khai thác tối đa tiềm năng du lịch của dòng sông.

Hiện tại đang thiếu các dịch vụ hỗ trợ như ăn uống và dịch vụ thuê mái chèo trượt.

Thiếu kỹ năng kinh doanh du lịch trong cộng đồng bao gồm kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng vận hành liên quan đến sức khỏe và an toàn.

Hiện tại đang thiếu xuồng cho thuê.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Số lượng khách tham quan tối đa nên khoảng 30 người mỗi chuyến để tránh hiện tượng ách tắc trên sông tại cùng thời điểm làm giảm đi sự thú vị của du khách.

Số lượng du khách trên sông Chày hoặc sông Sơn có thể lên đến 100 và sông Troóc là điểm khởi đầu của du khách.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Phát triển tài liệu diễn giải phù hợp.

Tham khảo mô hình du lịch của VQG PNKB và phối hợp với dân địa phương trong việc khai thác thế mạnh của các dòng sông.

Đưa ra các hướng dẫn cụ thể cho các hoạt động du lịch trên sông.

Mở rộng và nâng cấp dịch vụ du lịch (ăn uống) và các hoạt động CBT (bơi xuồng, trượt ống nước và bơi lội) trong khu vực.

Cung cấp các khóa huấn luyện phù hợp về kỹ năng diễn giải, nơi lưu trú cho khách và sơ cấp cứu.

xii. Rừng Gáo

Mô tả, vị trí và đường vào

Rừng Gáo cách Thị trấn Phong Nha khoảng 25 phút chạy xe, gần Tỉnh lộ 20 dọc theo suối Rào Thương trải dài từ Km 11 đến Km 13.

Đây là khu rừng nguyên sinh toàn cây Gáo, có diện tích 15 ha gồm nhiều cây cao tán rộng, bao bọc bởi suối Rào Thương.

Hoạt động du lịch hiện tại

Hiện không có hoạt động du lịch tại đây, chỉ có một số ít du khách ghé lại.

Tiềm năng phát triển du lịch

Đây là điểm có thể phát triển hình thức du lịch đi bộ có hướng dẫn vào rừng Gáo nguyên sinh.

Điểm này có thể đón tiếp các luồng du khách thường xuyên làm điểm dừng chân trên đường từ Thị trấn Phong Nha đi hang Tám Cô.

Ngoài ra cũng có thể tổ chức tắm suối và ngắm động vật hoang dã.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách tham quan hang Tám Cô và Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh ngoài trời

Tất cả các phân khúc thị trường.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Đi bộ (✓✓✓✓✓)

Ngắm động vật hoang dã (✓✓✓)

Thăng cảnh (✓✓✓)

Tìm hiểu về khu vực (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓)

Tiềm năng góp phần vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng về bảo tồn và phát triển địa phương nói chung (✓✓✓✓✓)

Các bảng thông tin và chỉ dẫn có thể mô tả tính đa dạng sinh học của VQG PNKB và cung cấp thông tin về khu vực VQG PNKB.

Có khả năng tạo việc làm ở quy mô nhỏ cho nhân viên của vườn và có thể cho cả cộng đồng dân cư sống quanh Vườn.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Hiện tại khu vực này chưa hấp dẫn lắm, cần chỉnh trang.

Đường từ Tỉnh lộ 12 vào tương đối khó đi.

Thiếu các bảng chỉ dẫn, thông tin, biển báo.

Hiện nay lối đi trong khu vực còn rất ít.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hiện tại khu vực dành cho du khách và đỗ xe còn hạn chế. Sức chứa cần được xác định cụ thể sau khi hình thành khu vực đỗ xe và tuyến đi bộ.

Với tình hình hiện tại, số lượng khách tham quan đến đây trong một thời điểm không nên quá 40 người.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Xây dựng quy hoạch chung cho Rừng Gáo. Quy hoạch này nên có nội dung quản lý du khách, hình thành đường đi, thông tin và chỉ dẫn, cũng như nhu cầu về hạ tầng như biển báo, điểm đỗ xe, nhà vệ sinh và phòng cho nhân viên.

Xây dựng nội dung diễn giải và thông tin.

Nghiên cứu khả năng sử dụng cán bộ VQG PNKB hoặc dân địa phương làm diễn giải viên.

xiii. Thác Gió

Mô tả, vị trí và đường vào

Thác Gió cách Thị trấn Phong Nha khoảng 15 phút chạy xe, nằm ở km 8 trên Tỉnh lộ 20, ngay cạnh dốc Động Tiên.

Ở khu vực chung quanh, có một số cây lớn phía dưới chân Thác, đặc biệt là cây Gừa, thuộc họ Dâu, có chu vi thân cây trên 10 người ôm. Đây là loại cây gỗ nhẹ gần 1.000 năm tuổi, thân mang nhiều vết tích chiến tranh. Ngoài ra, đây là nơi có thể thấy các loài động vật quý hiếm như khỉ, rắn, nhím, sóc, v.v....

Hoạt động du lịch hiện tại

➤ Hiện không có hoạt động du lịch tại đây.

Tiềm năng phát triển du lịch

Thác Gió bản thân nó không thể xem là một điểm du lịch mà là một điểm hấp dẫn du khách trên tuyến tham quan di tích danh thắng dọc Tỉnh lộ 20.

Các hoạt động phát triển du lịch chính là thưởng ngoạn cảnh quan thiên nhiên.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách tham quan hang Tám Cô và Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh ngoài trời

Tất cả các phân khúc thị trường.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓)

Đi bộ (✓✓✓)

Ngắm động vật hoang dã (✓✓✓✓)

Thưởng cảnh (✓✓✓)

Tìm hiểu về khu vực (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓)

Tiềm năng góp phần vào mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng về bảo tồn và phát triển địa phương nói chung (✓✓✓✓)

Các bảng thông tin và chỉ dẫn có thể mô tả tính đa dạng sinh học của VQG PNKB và cung cấp thông tin về khu vực VQG PNKB.

Có khả năng tạo việc làm ở quy mô nhỏ cho nhân viên của vườn và có thể cho cả cộng đồng dân cư sống quanh Vườn quốc gia.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Thiếu các bảng chỉ dẫn và biển báo.

Không có nơi đỗ xe, du khách chỉ dừng xe cạnh đường 20

Khu vực này là điểm dừng chân trên tuyến du lịch nhưng bản thân nó không phải là điểm đến.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Cùng một lúc chỉ đón tối đa 30 khách đến Thác để tránh tình trạng đông đúc làm giảm giá trị trải nghiệm của du khách. Nếu có nhiều công trình du lịch hơn hình thành gần hoặc ngay tại điểm đỗ xe sẽ giúp tăng sức chứa của điểm này.

Tại điểm dừng chân thì khu vực đỗ xe cần đủ chỗ cho hai xe khách tầm trung và 10 xe con.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Quy hoạch cho khu vực, xây dựng khu vực đỗ xe thành điểm dừng chân cố định trên đường.

Những hạ tầng thiết yếu ở khu vực dừng chân bao gồm:

Biển báo đến khu vực đỗ xe và Thác

Các công trình phục vụ du khách như giải khát, nghỉ ngơi, bán hàng lưu niệm

Xây dựng nội dung diễn giải và thông tin chi tiết về khu vực.

Đưa điểm này thành một phần trong phát triển tuyến du lịch của đường 20.

2. Khu Phục hồi Sinh thái VQG PNKB

xiv. Hang Tám Cô

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Hang Tám Cô nằm trên Tỉnh lộ 20. Từ thị trấn Phong Nha đến hang này mất khoảng 40 phút đi xe.

Hang Tám Cô là di tích lịch sử tâm linh quan trọng. Có thể đến hang này thông qua hệ thống đường giao thông bên trong VQG PNKB.

Tiện nghi phòng nghỉ, phòng chờ và bãi xe nằm gần điểm du lịch này.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hang Tám Cô là điểm hấp dẫn du khách với mức độ cao.

Chưa có con số xác nhận lượng du khách nhưng theo ước lượng có khoảng 150.000 du khách hoặc hơn con số này ở điểm du lịch này.

Tiềm năng phát triển du lịch

Điểm du lịch này khá phổ biến với du khách trong nước và là di tích lịch sử tâm linh quan trọng.

Việc phát triển nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm của du khách còn bị hạn chế tại điểm du lịch hang Tám Cô. Việc phát triển này bao gồm việc nâng cao chất lượng diễn giải và cung cấp thông tin cho du khách về hang động và các vùng lân cận.

Tuyến du lịch đi bộ là loại hình tiềm năng trong khu vực hạ lưu sông. Hoạt động này còn làm giảm nhẹ dòng khách du lịch tại địa điểm này.

Có rất nhiều sản phẩm du lịch hỗ trợ cùng với Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh ngoài trời và các sản phẩm này sẽ thu hút thêm khách du lịch.

Có tiềm năng phát triển và nâng cấp dịch vụ và tiện nghi du lịch bao gồm khu nhà nghỉ, nước giải khát, quà lưu niệm và các tư liệu cần thiết cho việc thờ cúng tâm linh.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Các du khách quan tâm đến tâm linh và lịch sử của vùng và Việt Nam.

Tất cả các thị phần - nhưng thị trường cơ bản vẫn là phân khúc thị trường trong nước.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Lịch sử chiến tranh (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓✓)

Mua sắm và quà lưu niệm (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Cung cấp thông tin và diễn giải du lịch có thể nâng cao ý thức về phát triển công tác bảo tồn.

Là địa điểm thu hút du khách chủ chốt ở khu vực VQG PNKB, người dân địa phương có thể tạo thu nhập từ việc vận hành và hỗ trợ các tour du lịch như buôn bán nước giải khát, quà lưu niệm và cung cấp các tư liệu cho vấn đề thờ cúng tâm linh.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Thiếu các tiện nghi hỗ trợ và dịch vụ.

Thiếu thông tin và tài liệu diễn giải du lịch.

Lối dẫn vào hang Tám Cô còn rất nhỏ.

Bãi đỗ xe hẹp.

Chưa có các hoạt động du lịch trong vùng phụ cận.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hiện tại có nhiều khả năng tiến hành du lịch trong mùa cao điểm. Đám đông du khách đã giảm xuống nhờ vào việc chặn đường, do đó du khách phải đi bộ từ bãi đỗ xe đến vị trí hang tham quan.

Khu vực hang và Miếu thờ còn hơi nhỏ. Do đó sự quá tải về du khách là điều không thể tránh khỏi do địa điểm du lịch này đã trở nên phổ biến. Nên tách biệt rõ ràng vị trí đường một chiều từ Miếu thờ đến khu vực hang để quản lý đám đông.

Tiện nghi phụ trợ như khu vực giải lao, cung cấp thông tin và diễn giải tốt hơn và lối đi bộ có thể làm giảm nạn ách tắc trong khu vực tham quan.

Những nỗ lực nhằm làm giảm nhẹ tác động vào điểm du lịch này có thể hỗ trợ cho một lượng khá lớn khách lưu trú. Chỉ có thể đón 50 khách mỗi 15 phút, tương đương 200 khách /giờ và mỗi ngày chỉ có thể đón khách 10 giờ tương đương 2.000 khách/ ngày. Cần có hệ thống quản lý du khách hiệu quả trong khu vực.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Cần phát triển kế hoạch quản lý khách tại điểm du lịch (bao gồm những hệ thống quản lý môi trường và hệ thống thu gom rác thải). Kế hoạch này bao gồm cả hệ thống điều hành khách để tiếp cận những đoàn khách tiến vào điểm du lịch.

Phân bố lối đi bộ trong điểm du lịch cụ thể là lối đi bộ giữa Miếu thờ và hang động này.

Cần phát triển và nâng cấp tiện nghi và dịch vụ tại điểm du lịch này.

Cần xây dựng tài liệu diễn giải tốt hơn về địa điểm du lịch này cũng như cung cấp thêm những thông tin thêm về khu vực.

Điều tra tiềm năng phát triển lối đi bộ để làm giàu thêm trải nghiệm của du khách tại điểm du lịch này và làm giảm nhẹ nạn ách tắc do nhiều đoàn du khách đến khu vực này.

xv. Hang Thiên Đường

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Hang Thiên Đường nằm ở độ cao 360 mét so với mực nước biển, cửa hang chỉ rộng khoảng 4,2 mét vuông, phía trên là vách đá dựng đứng. Hang động này thuộc phân khu phục hồi sinh thái, VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, cách trung tâm thành phố Đồng Hới khoảng 70km về phía Tây Bắc; cách nhánh Tây

đường Hồ Chí Minh 4,7km về phía Tây.

Từ đường Hồ Chí Minh đến khu trung tâm đón tiếp khách tham quan, quãng đường dài hơn 2km và mất khoảng 10 phút đi xe. Hiện tại có thể sử dụng bằng nhiều phương tiện khác nhau như: xe ô tô, xe máy, xe đạp địa hình. Từ quầy bán vé đến chân núi là con đường mòn dài khoảng 1 km. Để đảm bảo môi trường sinh thái và ổn định sự sống cho các loài, du khách chỉ được phép sử dụng phương tiện thân thiện với môi trường như xe điện (xe golf) trong khoảng 7 phút, hoặc đi bộ trong 20 phút. Từ chân núi đến khu nhà chờ tại cửa động phải đi qua hơn 500 bậc thang và mất khoảng từ 25 phút đi bộ.

Hạ tầng cơ sở mới được đầu tư và đảm bảo chất lượng tốt, phù hợp với cảnh quan và môi trường xung quanh.

Thời gian tham quan trong động có hướng dẫn viên giới thiệu, mất khoảng 1,5 giờ đồng hồ, với chiều dài hơn 700m trên hệ thống hành lang cầu thang được làm bằng chất liệu gỗ Táu, rộng hơn 2m.

Hoạt động du lịch hiện nay

Tập đoàn Trường Thịnh là đơn vị tư nhân đầu tiên được tỉnh Quảng Bình cho phép đầu tư khai thác phục vụ du lịch sinh thái. Tập đoàn Trường Thịnh triển khai xây dựng Khu du lịch sinh thái Thiên Đường trong hai giai đoạn. Hiện nay, Giai đoạn I, bao gồm việc phát triển lối đi dẫn đến hang động và lắp đặt các hệ thống lối đi bằng sàn gỗ, ánh sáng trắng trong hang động đã hoàn thành và bắt đầu đưa vào khai thác.

Tiềm năng phát triển du lịch

Hang đang ở trong tình trạng bảo tồn tốt và hầu như còn nguyên trạng

Tiềm năng phát triển du lịch cho hang Thiên Đường là rất lớn và nên phát triển thành sản phẩm du lịch cao cấp với phí tham quan cao.

Lối đi bộ dẫn lên động được che phủ dưới tán cây rừng Phong Nha- Kẻ Bàng, cùng với vẻ đẹp của động Thiên Đường, sẽ giúp cho du khách có được những trải nghiệm rất thú vị cũng như đem lại ấn tượng và kỷ niệm đẹp.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách quan tâm đến du lịch sinh thái và có ý thức cao.

Thị trường trong nước – Du khách chất lượng cao, du khách Ca-ra-van, du khách theo đoàn, người nước ngoài sống tại Việt Nam.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô”, du khách nghiên cứu và các nhóm khách lữ hành Quốc tế.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Tuyến du lịch đi bộ (✓✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓✓)

Ngắm thú vật hoang dã (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học và nâng cao ý thức (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓)

Hướng dẫn tour đi qua hang này có thể cung cấp thông tin về hang động, sự đa dạng sinh học của nó và có thể nâng cao ý thức về bảo vệ cảnh sắc của khu vực. Ngoài ra thông qua hướng dẫn tour, có thể nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển các đặc điểm của vùng này.

Kinh doanh hướng dẫn du lịch qua các hang động có thể được thành lập nhằm thu hút lao động địa phương những người có vốn kinh nghiệm tương đối về hướng dẫn du lịch trong hang động. Bên cạnh

đó việc kinh doanh này còn cung cấp cơ hội kinh doanh cho các nhà điều hành du lịch địa phương đặc biệt là các hoạt động dựa vào cộng đồng.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Môi trường nhạy cảm cao và có thể làm tổn hại đến hang không thể phục hồi.

Tiềm năng du lịch chỉ tồn tại trong mùa du lịch.

Lối mòn dẫn vào động cần được vận hành cẩn thận đặc biệt là đoạn cuối.

Chỉ dành cho thị trường mục tiêu cụ thể

Thiếu kỹ năng diễn giải du lịch - khả năng hướng dẫn du lịch và trang thiết bị du lịch.

Thiếu kỹ năng kinh doanh du lịch để phát triển và khai thác các tuyến thám hiểm hang động.

Quản lý sai quy định và thủ tục tham quan trong động.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Nên tiếp cận hang theo giá trị đa dạng sinh học của nó.

Nên phát triển hệ thống quản lý vận hành du lịch cho hang Thiên Đường. Điều này bao gồm các lối mòn băng qua động, khu vực riêng để dừng chân, nghỉ giải lao và hệ thống quản lý bảo dưỡng các lối mòn. Ngoài ra nó còn bao gồm các thủ tục cho các nhà điều hành tour và các quy định, yêu cầu về sức khỏe, an toàn trong động và trên các đường mòn.

Nên điều tra tiềm năng phát triển kinh doanh thám hiểm trong các công ty khai thác tour trong cộng đồng dân địa phương. Chủ yếu hướng đến các hoạt động dựa vào cộng đồng.

Nên phát triển hoạt động diễn giải du lịch và cung cấp thông tin về hang động phù hợp.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Author Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

xvi. Hang Mẹ Bồng Con và Hang Vòm

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Hang mẹ Bồng Con và Hang Vòm nằm dọc theo hệ thống Sông Chày.

Hang Mẹ Bồng Con cách lối mòn từ đường Hồ Chí Minh khoảng 2 đến 3 giờ đi bộ, hang Vòm cách lối mòn từ đường Hồ Chí Minh khoảng từ 4 đến 5 giờ đi bộ.

Hiện tại có thể đến hang Vòm thông qua hang Thiên Đường.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện tại chưa có hoạt động du lịch tại đây.

Tiềm năng phát triển du lịch

Các nhà khoa học vừa mới khám phá hang này. Các thông tin cơ bản về hang vẫn còn hạn chế và phải căn cứ vào các nhóm thám hiểm khám phá.

Hai hang này sẽ có tiềm năng du lịch thám hiểm một khi việc thám hiểm hang trở thành vấn đề chính trong khu vực thông qua những công ty thám hiểm hang động chuyên nghiệp.

Loại hình thám hiểm và khám phá hang động có thể được xem là một sản phẩm du lịch sinh học riêng biệt cho công ty khai thác du lịch thám hiểm.

Có tiềm năng cho loại hình ngắm động vật hoang dã.

Nếu hai hang này được bàn giao và đưa vào khai thác một cách chuyên nghiệp, chúng sẽ cung cấp các tour thám hiểm trọn gói với chất lượng cao.

Thực chất hai hang này có thể tận dụng cho sản phẩm du lịch thám hiểm trong nhiều ngày.

Chúng sẽ là sản phẩm du lịch chuyên biệt tập trung với chi phí tham quan lớn và lượng du khách không cao.

Có tiềm năng tạo thành sản phẩm du lịch liên kết với hang Thiên Đường.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách quan tâm đến du lịch sinh thái và du lịch đi bộ nhiều ngày.

Thị trường trong nước – Du khách chất lượng cao, du khách Ca-ra-van, người nước ngoài sống tại Việt Nam

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm khách lữ hành quốc tế.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓)

Thám hiểm (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh hang (✓✓✓✓✓)

Thám hiểm hang (✓✓✓✓✓)

Ngắm cảnh chung (✓✓✓✓✓)

Quan sát động vật hoang dã (✓✓✓)

Khám phá khu vực (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓)

Hướng dẫn tour đi qua hang này có thể cung cấp thông tin về hang, sự đa dạng sinh học của nó và có thể nâng cao ý thức về bảo vệ cảnh sắc của khu vực. Ngoài ra thông qua hướng dẫn tour, có thể nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển các đặc điểm của vùng này.

Kinh doanh hướng dẫn du lịch qua các hang động có thể được thành lập nhằm thu hút lao động địa

phương những người có vốn kinh nghiệm tương đối về hướng dẫn du lịch trong hang động. Bên cạnh đó việc kinh doanh này còn cung cấp cơ hội kinh doanh cho các nhà điều hành du lịch địa phương đặc biệt là các hoạt động dựa vào cộng đồng.

Tạo cơ hội nâng cao việc bảo tồn và bảo vệ môi trường nếu việc diễn giải du lịch và cung cấp thông tin thích hợp.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Môi trường nhạy cảm cao và có thể làm tổn hại đến hang.

Các đường mòn trong hang cần phân biệt rõ ràng.

Tiềm năng du lịch chỉ tồn tại trong mùa du lịch.

Lối mòn dẫn vào hang cần được vận hành cẩn thận đặc biệt là đoạn cuối.

Chỉ dành cho thị trường mục tiêu cụ thể và mức độ thu hút khách thấp.

Thiếu kỹ năng diễn giải du lịch - khả năng hướng dẫn du lịch và trang thiết bị du lịch.

Thiếu kỹ năng kinh doanh du lịch để phát triển công ty khai thác tour thám hiểm hang động.

Quản lý sai quy định và thủ tục tham quan trong hang.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Nên tiếp cận hang theo giá trị đa dạng sinh học của nó.

Nên phát triển hệ thống quản lý vận hành du lịch cho hang. Điều này bao gồm các lối mòn băng qua hang, khu vực riêng để dừng chân, nghỉ giải lao và hệ thống quản lý bảo dưỡng các lối mòn. Ngoài ra nó còn bao gồm các thủ tục cho các nhà vận hành tour và các quy định, yêu cầu về sức khỏe, an toàn trong hang và trên các đường mòn.

Nên điều tra tiềm năng phát triển kinh doanh thám hiểm trong các công ty khai thác tour trong cộng đồng dân địa phương. Chủ yếu hướng đến các hoạt động dựa vào cộng đồng.

Nên phát triển hoạt động diễn giải du lịch và cung cấp thông tin về hang động phù hợp.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Auther Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)

- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

xvii. Bản dân tộc thiểu số A Rem và các hang xung quanh

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Làng của người A Rem và những hang động xung quanh nằm trên tuyến Tỉnh lộ 20 tại khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Con đường đến bản A Rem khá gồ ghề (chỉ có xe 4 bánh mới có thể tiếp cận vào bản được) và mất gần 2 tiếng đồng hồ (trong điều kiện khô ráo) từ hang Tám Cô đến bản.

Bản này chính là khu tái định cư của dân tộc thiểu số A Rem. Ngôi làng này có thể tiếp cận được, nó nằm gần những khu vực có phong cảnh thiên nhiên khá đẹp như các hang động và những khu rừng nguyên sinh. Văn hóa truyền thống của người A Rem vẫn còn khá rõ nét nhưng có nguy cơ thất truyền.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện tại chưa có các hoạt động du lịch. Rất ít du khách thăm bản A Rem và chỉ vào được khi có giấy phép đặc biệt cho mục đích phát triển cộng đồng hoặc nghiên cứu.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch ở bản A Rem nằm trong khoảng thấp đến trung bình.

Có tiềm năng để phát triển du lịch nghỉ tại nhà (nghỉ lại tại nhà và các hoạt động khác) và căn cứ để phát triển du lịch mạo hiểm, ngắm cảnh và các hoạt động liên quan đến thiên nhiên khác như khám phá hệ thống hang động Hang Hồ - Hang Cá.

Cảnh vật ở khu vực này rất đẹp; có các đường mòn được tạo thành các lối đi đến hang động.

Diễn giải lịch sử đường mòn Hồ Chí Minh cùng với các con đường vào hang động này sẽ thêm phần thú vị cho tour du lịch này.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách quan tâm đến du lịch sinh thái và du lịch đi bộ nhiều ngày.

Thị trường trong nước – Người nước ngoài sống tại Việt Nam.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm khách lữ hành quốc tế.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓)

Tìm hiểu về văn hóa của dân tộc ít người (✓✓✓✓✓)

Những hoạt động và kinh nghiệm sinh hoạt chung với dân địa phương (✓✓✓✓✓)

Đi bộ đường dài (✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓✓)

Ngắm thú vật hoang dã (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓)

Khám phá/mạo hiểm về hang động (✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Đây là cộng đồng dân cư rất nghèo và tồn tại trong những điều kiện khó khăn, với kỹ thuật canh tác thấp, sử dụng tập quán về nông nghiệp có nhiều tác hại cho môi trường, chủ yếu dựa vào nguồn lợi

rừng. Hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng sẽ tạo điều kiện cho dân bản phát triển phương thức thu nhập quan trọng khác và mang lại những cải thiện về cơ sở hạ tầng, dịch vụ, chẳng hạn như xử lý rác thải, nguồn nước và thông tin liên lạc.

Nâng cao sự hiểu biết giữa các cộng đồng địa phương trong công tác hỗ trợ phiên dịch.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Lối vào tiếp cận khu du lịch khó khăn đặc biệt là trong điều kiện mưa gió.

Cần phải cải thiện một số điều kiện quan trọng và cơ bản và khả thi cho bản làng nghèo khổ này trước khi đón khách du lịch. Đáng chú ý nhất là việc xử lý rác thải, nguồn nước và thông tin liên lạc. Những hỗ trợ cần thiết khác như là tổ chức cộng đồng, nâng cao nhận thức và phát triển kỹ năng tiếp đón khách du lịch và hỗ trợ tăng cường xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Mối quan hệ khó khăn tiềm ẩn giữa VQG PNKB và cộng đồng dân tộc A Rem.

Vấn đề an ninh biên giới tiềm ẩn dọc đường Quốc lộ 20.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Cần giới thiệu tiến trình du lịch tại bản này. Khả năng tiếp đón du khách sẽ phụ thuộc vào những nơi lưu trú qua đêm có sẵn và việc xã hội hóa văn hóa của người dân bản địa. Hiện tại chưa có nơi trọ qua đêm chính thức ngoại trừ các trạm kiểm lâm và trường học địa phương.

Dựa vào kế hoạch, sự chuẩn bị, ý thức về môi trường và xã hội đang dần được nâng lên, địa điểm du lịch này có thể tiếp nhận 20 khách du lịch mỗi đêm.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Chuẩn bị đánh giá nhu cầu phát triển xã hội.

Thiết lập và cải thiện việc xử lý rác thải, vận chuyển nước uống và giao thông liên lạc.

Hỗ trợ tổ chức cộng đồng, nâng cao nhận thức và phát triển kỹ năng tiếp đón khách du lịch.

Cần tư vấn cho cộng đồng dân cư địa phương về khả năng du lịch dựa vào cộng đồng – sinh hoạt và nghỉ lại tại nhà dân.

3. Khu vực Bảo tồn nghiêm ngặt VQG PNKB

xviii. Đỉnh U Bò

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Đỉnh U Bò nằm cuối phía Nam VQG PNKB.

Có thể tiếp cận đỉnh này vào cuối đường Hồ Chí Minh. Từ thị trấn Phong Nha đến đây mất khoảng 90 phút đi xe.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện tại chưa có các hoạt động du lịch tại đây.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch tại điểm U Bò nằm trong khoảng trung bình.

Có tiềm năng phát triển đường mòn tản bộ lên đỉnh U Bò. Lối dẫn vào đường mòn tản bộ của đỉnh U Bò sẽ gần với trạm kiểm lâm cuối góc phía Nam của VQG PNKB.

Loại hình du lịch tản bộ có thể đưa vào kế hoạch du lịch bằng qua VQG PNKB thông qua đường mòn Hồ Chí Minh. Tản bộ lên đỉnh U Bò có thể được xem là một hình loại hình du lịch độc lập và nó cần liên kết với các hoạt động du lịch khác thông qua một tuyến đường hoặc một sản phẩm du lịch hòa nhập khác.

Những gói sản phẩm du lịch tiềm năng có thể phát triển cùng với xã Trường Sơn/ sông Long Đại.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Dành cho khách du lịch thích khám phá thiên nhiên ở mức độ nhẹ.

Tất cả các phân khúc thị trường

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓)

Đi bộ đường dài (✓✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓)

Ngắm thú vật hoang dã (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓)

Nhiên cứu khoa học (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Có thể kết nối lối mòn tản bộ với các hoạt động du lịch khác tại xã Trường Sơn và sông Long Đại.

Tuyến đường mòn này có thể trực tiếp hỗ trợ dân làng bên cạnh thông qua việc tạo điều kiện cung cấp dịch vụ du lịch như buôn bán nước giải khát, thức ăn và các sản phẩm địa phương.

Việc cung cấp thông tin và diễn giải du lịch có thể nâng cao ý thức về bảo tồn đa dạng sinh học của vùng.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Hiện tại chưa có lối mòn tản bộ này và kế hoạch chi tiết thiết lập lối mòn này vẫn chưa được lập.

Đỉnh U Bò hơi nằm bên ngoài khu Hành Chính - Dịch Vụ.

Thiếu kinh phí lập đường mòn này.

Cần phải phát triển thêm cơ sở hạ tầng như khu đỗ xe, nhà nghỉ.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Cần phải đánh giá khả năng phát triển tuyến đường cùng với các điểm dừng chân và điểm diễn giải. Nên ưu tiên tạo tuyến đường tản bộ thành đường một chiều để tránh tình trạng ách tắc và đám đông.

Nếu tiện nghi cho du lịch là thuận lợi và tuyến đường mòn này được phát triển toàn diện, có thể tiếp nhận 45 khách (chia làm 3 nhóm với 15 khách trong mỗi nhóm) mỗi lần du lịch trong khoảng 45 phút đi tản bộ. Như vậy, mỗi ngày điểm du lịch này có thể thu hút xấp xỉ từ 400 đến 500 khách.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Cần điều tra tuyến đường mòn lên đỉnh U Bò.

Tìm kiếm nguồn quỹ khả thi cho việc xây dựng tuyến đường mòn.

Cần xem xét liệu điểm du lịch này có thể liên kết với các tuyến đường du lịch khác hay sản phẩm du lịch khác hay không.

xix. Hang Én

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận

Hang Én tọa lạc hầu như ở vị trí trung tâm của phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt, phía nam VQG PNKB.

Chỉ có một lối vào duy nhất thông qua con đường mòn đi bộ cách đường mòn Hồ Chí Minh khoảng 2 km, phía trước trạm kiểm lâm, ở cuối phía Nam của VQG PNKB.

Du khách phải mất khoảng từ 6 – 8 giờ đi bộ từ đại lộ Hồ Chí Minh đến hang Én. Đường đi bộ được bảo

quản tốt, và men theo một con sông có nhiều nhánh cắt ngang.

Du khách phải mất một giờ để đi ngang qua hết hang động.

Hang Ёn rất rộng: có 3 lối vào / ra chính. Cả 3 lối vào đều rộng và trông rất ngoạn mục. Hang có một con sông Chày xuyên qua, khiến cho việc ra vào hang dễ dàng về mùa mưa.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện nay chưa có hoạt động du lịch nào được tổ chức. Chỉ có dân địa phương và các đoàn thám hiểm đến thăm. Họ sử dụng hang làm nơi nghỉ qua đêm.

Tiềm năng phát triển du lịch

Con đường đi bộ vào hang Ёn băng qua một thung lũng phong cảnh rất đẹp và được bảo quản tốt, sẵn sàng cho các tuyến du lịch có hướng dẫn.

Hang Ёn có thể sử dụng cho các nhóm du khách đi bộ nghỉ lại đêm.

Tuyến đi bộ đến hang Ёn có thể trở thành sản phẩm du lịch đi bộ độc lập và rất thú vị. Cũng có thể tổ chức thành tuyến du lịch đi bộ nhiều ngày và trải qua một vài đêm cắm trại dọc theo tuyến đường này.

Tiềm năng: ngắm động vật hoang dã.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách quan tâm đến du lịch sinh thái và du lịch đi bộ nhiều ngày.

Thị trường trong nước – Du khách chất lượng cao, du khách Ca-ra-van, người nước ngoài sống tại Việt Nam.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm khách lữ hành quốc tế.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Tuyến du lịch đi bộ (✓✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓✓✓)

Mạo hiểm khám phá hang động (✓✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓✓)

Ngắm động vật hoang dã (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓)

Xe trượt nước (✓✓✓✓)

Nhiên cứu khoa học (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓✓)

Du lịch đi bộ đến hang Ёn sẽ giúp chúng ta có thêm kiến thức về sự đa dạng của hệ sinh thái VQG PNKB và nâng cao sự hiểu biết về phong cảnh trong vùng. Ngoài ra, nó còn giúp nâng cao nhận thức về những vấn đề phát triển bảo tồn.

Có thể tổ chức một doanh nghiệp du lịch theo lối đi bộ có hướng dẫn viên với sự cộng tác của dân địa phương có kinh nghiệm tốt về dẫn đường đi bộ và vào hang động.

Hoạt động này có thể cung cấp việc làm cho những người kinh doanh ở địa phương, xuất phát từ cộng đồng. Hoạt động du lịch được tổ chức chặt chẽ dựa vào cộng đồng rất có tiềm năng.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Có tính nhạy cảm cao về sự tác động và hủy hoại môi trường và hang động.

Cần tăng cường duy tu những con đường đi bộ dành riêng cho du lịch.

Chỉ hoạt động theo mùa; trong suốt mùa mưa du khách không thể đi vào hang động được.

Chỉ dành riêng cho thị trường đặc biệt và lượng du khách thấp.

Chưa có hệ thống quản lý thích hợp cho tuyến du lịch đi bộ.

Thiếu kỹ năng hướng dẫn du khách – hướng dẫn viên có năng lực, bao gồm thiết bị.

Thiếu kỹ năng kinh doanh nhằm phát triển thành công ty du lịch đi bộ.

Quản lý yếu kém về hoạt động du lịch đi bộ cũng như về thủ tục, quy định trong các hang động.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Cần đánh giá hang động về giá trị đa dạng sinh thái và chuẩn bị kế hoạch quản lý hiện trường. Điều này đặc biệt quan trọng nếu những nhóm đi bộ thường xuyên trải qua đêm trong hang. Các công trình tạm thời để giải quyết rác thải có thể cần thiết và nên được xử lý kịp thời nhằm tránh tác động đến VQG.

Nghiên cứu khả năng cho một đơn vị tổ chức tour đi bộ đến các cộng đồng địa phương. Có thể kết hợp với các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng.

Phát triển việc quảng bá thông tin và diễn giải liên quan về hang động và tuyến đi bộ.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Author Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

xx. Hang Sơn Đoòng

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận

Hang Sơn Đoòng nằm ở vị trí lân cận với Hang Én. Khoảng 90 phút đi bộ dọc theo dòng sông để vào hang Sơn Đoòng.

Hang vừa mới được khám phá đầy đủ và được khẳng định là hang rộng nhất thế giới. Lối vào hang rất

ngoạn mục, nhưng rất khó đi vào do độ dốc và toàn đá bao phủ. Hang có một con sông chảy xiết, có thể nghe tiếng nước chảy khi mới đặt chân vào cửa hang.

Con đường mòn đi từ hang Én tới hang Sơn Đoòng chỉ có thể sử dụng được vào mùa khô mà thôi.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện tại, chưa có hoạt động du lịch nào trong hang động. Chỉ có những nhóm thám hiểm đã vào hang.

Tiềm năng phát triển du lịch

Hang Sơn Đoòng chưa có thể sử dụng cho việc phát triển du lịch. Ngay cả việc thám hiểm trong hang cũng còn quá nguy hiểm. Chỉ nên cho phép các đoàn thám hiểm tiếp cận với điều kiện có những thiết bị lặn và leo núi chuyên nghiệp.

Lối vào hang trông rất ngoạn mục với vẻ đẹp thiên nhiên kỳ ảo của đá, của gió thổi liên miên và âm vang tiếng nước chảy của dòng sông trong hang đá. Đây là hang động lớn nhất thế giới.

Chuyến đi tham quan cửa hang có thể là một phần trong tuyến du lịch đi bộ đến hang Én.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách cảm thấy rất thú vị về du lịch sinh thái và đi bộ nhiều ngày.

Thị trường trong nước – Du khách chất lượng cao, du khách Ca-ra-van, người nước ngoài sống tại Việt Nam.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm khách lữ hành quốc tế.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓)

Tuyến du lịch đi bộ (✓✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓✓✓)

Mạo hiểm khám phá hang động (✓✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓✓)

Ngắm động vật hoang dã (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Du lịch có hướng dẫn đi bộ đến hang Sơn Đoòng, một phần của tuyến du lịch đi bộ đến hang Én, sẽ giúp du khách có thêm kiến thức về sự đa dạng của hệ sinh thái VQG PNKB và nâng cao sự hiểu biết về cảnh quan trong vùng. Ngoài ra, nó còn giúp nâng cao nhận thức về những vấn đề phát triển bảo tồn.

Một doanh nghiệp du lịch theo lối đi bộ có hướng dẫn viên có thể tổ chức với sự cộng tác của dân địa phương có kinh nghiệm tốt về dẫn đường đi bộ và vào hang động.

Hoạt động này có thể cung cấp việc làm cho những người kinh doanh ở địa phương, xuất phát từ cộng đồng. Hoạt động du lịch được tổ chức chặt chẽ dựa vào cộng đồng rất có tiềm năng.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Có tính nhạy cảm cao về sự tác động và hủy hoại môi trường và hang động.

Cần tăng cường duy tu những con đường đi bộ. Phần lớn con đường mòn chạy dọc theo hoặc ngang qua dòng sông. Sau mỗi mùa mưa con đường này cần phải được phát quang hoặc tôn tạo lại.

Hoạt động du lịch chỉ triển khai theo mùa; trong suốt mùa mưa du khách không thể đi vào hang động được.

Du khách chỉ có thể tham quan cửa hang.

Chỉ dành riêng cho thị trường đặc biệt và lượng du khách thấp.

Chưa có hệ thống quản lý thích hợp cho tuyến du lịch đi bộ.

Chưa có đủ hoặc thiếu kỹ năng hướng dẫn du khách – hướng dẫn viên có năng lực, bao gồm thiết bị.

Chưa có đủ hoặc thiếu kỹ năng kinh doanh nhằm phát triển thành công ty du lịch đi bộ.

Quản lý yếu kém về hoạt động du lịch đi bộ cũng như về thủ tục, quy định trong các hang động.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Cần đánh giá hang động về giá trị đa dạng sinh thái và chuẩn bị kế hoạch quản lý hiện trường.

Cần điều tra tiềm năng kinh doanh nhằm phát triển một công ty lữ hành đi bộ xuất phát từ các cộng đồng địa phương. Cần phải tổ chức chặt chẽ và có tiềm năng các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng.

Phát triển quảng bá thông tin và diễn giải rõ ràng tiềm năng du lịch về hang động và tuyến du lịch đi bộ.

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Auther Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

4. Khu vực Mở rộng VQG PNKB

xxi. Bản dân tộc người Rục

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận

Bản làng dân tộc Rục ở cách Quốc lộ 15 khoảng 30 phút đi bộ, nằm trong khu vực Mở rộng của VQG.

Đi bằng đường bộ rất dễ dàng đến bản này, dọc theo thung lũng trải dài với đặc điểm phong cảnh đẹp. Truyền thống văn hóa của dân tộc Rục đang có nguy cơ bị mai một. Người Rục là một trong những dân

tộc ít người của Việt Nam có nguy cơ bị tuyệt chủng. Trước đây người dân tộc Rục sống trong các hang động, sau này họ đã được tái định cư khoảng hơn 40 năm qua và hiện đang sống tại bản làng hiện nay. Dân làng tự trồng trọt để sinh sống và nhận sự hỗ trợ của chính phủ.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện tại, chưa có hoạt động du lịch nào. Chỉ có những chuyến đi tham quan đặc biệt được cho phép.

Tiềm năng phát triển du lịch

Có thể tổ chức điểm du lịch bản làng này theo dự án du lịch dựa vào cộng đồng. Cộng đồng dân tộc Rục có những đặc điểm văn hóa hấp dẫn và độc đáo, có thể khai thác yếu tố này làm nền tảng phát triển du lịch.

Những hang động mà nhóm người Rục đã sử dụng trước đây, bây giờ thỉnh thoảng người Rục cũng sử dụng để ngủ lại đêm khi đến mùa săn bắn. Phải mất khoảng 8 giờ để đi bộ vào những địa điểm của hang chính. Có thể phát triển tuyến du lịch đi bộ và nghỉ qua 1 đêm tại những hang động này.

Hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng có thể phát triển thành sản phẩm tuyến du lịch độc đáo trong vùng. Tuy vậy, loại hình du lịch này cần phải được tổ chức và quản lý thận trọng chu đáo, với sự tham gia của cộng đồng.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách quan tâm đến du lịch dựa vào cộng đồng, du lịch đi bộ và khám phá hang động.

Thị trường nội địa – Người nước ngoài sống tại Việt Nam

Thị trường quốc tế – Khách du lịch quốc tế và du lịch “ba-lô” và là một sản phẩm đặc biệt cho du lịch nhóm nhỏ.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓)

Tìm hiểu về văn hóa của dân tộc ít người (✓✓✓✓✓)

Những hoạt động và kinh nghiệm sinh hoạt chung với dân địa phương (✓✓✓✓✓)

Đi bộ đường dài (✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓✓)

Ngắm động vật hoang dã (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Tham quan hang động (✓✓✓)

Khám phá hang động (✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓✓)

Đây là cộng đồng dân cư rất nghèo và tồn tại trong những điều kiện khó khăn, với kỹ thuật canh tác thấp, sử dụng tập quán về nông nghiệp có nhiều tác động tới môi trường, chủ yếu dựa vào nguồn lợi rừng. Hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng sẽ tạo điều kiện cho dân bản phát triển phương thức thu nhập quan trọng khác và mang lại những cải thiện về cơ sở hạ tầng, dịch vụ, chẳng hạn như xử lý rác thải, nguồn nước và thông tin liên lạc.

Nâng cao sự hiểu biết giữa các cộng đồng địa phương trong công tác hỗ trợ diễn giải.

Hoạt động này có thể cung cấp việc làm cho những người kinh doanh ở địa phương, xuất phát từ cộng đồng. Hoạt động du lịch được tổ chức chặt chẽ dựa vào cộng đồng rất có tiềm năng.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Cần phải cải thiện một số điều kiện quan trọng và cơ bản và khả thi cho bản làng nghèo khổ này trước

khí đón khách du lịch. Đáng chú ý nhất là việc xử lý rác thải, nguồn nước và thông tin liên lạc. Những hỗ trợ cần thiết khác như là tổ chức cộng đồng, nâng cao nhận thức và phát triển kỹ năng tiếp đón khách du lịch và hỗ trợ tăng cường xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Mối quan hệ khó khăn tiềm ẩn giữa VQG PNKB và cộng đồng dân tộc A Rem.

Vấn đề an ninh biên giới tiềm ẩn dọc theo Quốc lộ 15. Hiện nay, đây là khu vực giới hạn và nhạy cảm cao.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Cần phải từng bước xúc tiến việc quảng bá du lịch tại bản làng này. Năng lực vận chuyển sẽ tùy thuộc vào chỗ ở lại qua đêm sẵn có. Hiện tại, chưa có chỗ ở qua đêm chính thức trong bản.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Cần tư vấn cho cộng đồng dân cư địa phương, VQG PNKB, các ban, ngành và chính quyền các cấp về việc phát triển du lịch tại bản làng này.

Cần bố trí công trình phụ cho du khách đến tham quan điểm du lịch này.

Chuẩn bị đánh giá nhu cầu phát triển xã hội.

Thiết lập và cải thiện việc xử lý rác thải, vận chuyển nước uống và giao thông liên lạc.

Hỗ trợ tổ chức cộng đồng, nâng cao nhận thức và phát triển kỹ năng tiếp đón khách du lịch.

Cần tư vấn cho cộng đồng dân cư địa phương về khả năng du lịch dựa vào cộng đồng – sinh hoạt và nghỉ lại tại nhà dân.

Thiết lập phương tiện tiếp đón du khách cơ bản (chỗ ở, cung cấp thức ăn), và cung cấp dịch vụ (hướng dẫn viên, diễn giải, tạo cơ hội cho du khách mua những sản phẩm địa phương).

4. Vùng đệm

xxii. Thị trấn Phong Nha

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Thị trấn Phong Nha thuộc xã Sơn Trạch và là trung tâm hoạt động du lịch chính của VQG PNKB.

Thị trấn có thể dễ dàng tiếp cận bằng đường bộ, cách Đồng Hới một giờ đồng hồ đi xe.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện nay, thị trấn đón khoảng từ 300,000 du khách hằng năm. Đây là một khu du lịch có lượng du khách lớn.

Thị trấn có nhiều hạng mục du lịch và dịch vụ, bao gồm khu lưu trú (một khách sạn và nhiều nhà nghỉ), nhà hàng và các quán giải khát. Phần lớn các khu vực phục vụ du lịch đều nằm trên trục đường chính, gần khu vực bến thuyền để tiếp đón tàu du lịch.

Tiềm năng phát triển du lịch

Trong khu vực VQG PNKB, thị trấn Phong Nha có vị thế thích hợp nhất để mở rộng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và dịch vụ du lịch, gồm khu lưu trú, nhà hàng và quầy giải khát nhằm đáp ứng nhu cầu trong tương lai của khách du lịch.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Thị trường trong nước – Khách lẻ đi du lịch nghỉ mát.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô”.

Thị trường tiềm năng còn có thể mở rộng nếu thị trấn Phong Nha có nhiều khu lưu trú chất lượng cao (2-3 sao) có đủ sức chứa (các đoàn du lịch)

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Đạp xe địa hình/ du lịch bằng xe đạp (✓✓✓)

Mua sắm/Hàng lưu niệm (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓✓)

Việc phát triển và tập trung cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và dịch vụ du lịch ở thị trấn Phong Nha sẽ giúp làm giảm nhẹ những tác động xấu của hoạt động du lịch đến VQG PNKB, hỗ trợ quản lý lượng du khách đến khu vực có hiệu quả và

Tăng cường tối đa cơ hội phát triển kinh tế trong vùng

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Thị trấn Phong Nha cần phải được quy hoạch và quản lý toàn diện

Thiếu sự đầu tư của khu vực tư nhân

Thiếu nguồn nhân lực địa phương có kỹ năng làm việc

Các dịch vụ hỗ trợ và hoạt động du lịch còn hạn chế

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hiện nay, khả năng tiếp đón du khách của thị trấn Phong Nha chưa được quan tâm. Tuy nhiên, việc quản lý lượng giao thông trên trục đường chính và lưu lượng khách du lịch ở bến thuyền nên được kiểm soát chặt chẽ.

Thị trấn có đủ tiềm năng đất đai để phát triển cơ sở hạ tầng du lịch. Tuy nhiên, cần đánh giá nghiêm túc những tác động của du lịch đến môi trường cũng như xây dựng hệ thống quản lý khách du lịch.

Việc quy hoạch thị trấn toàn diện và có chiến lược sẽ giúp tăng lượng khách du lịch đồng thời vẫn duy trì sự tác động ở mức thích hợp.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Cần quy hoạch và quản lý toàn diện thị trấn, đặc biệt là xung quanh khu vực bến thuyền du lịch trước khi tiến hành phát triển du lịch. Trong việc quy hoạch và quản lý thị trấn, cần kết hợp quy hoạch cơ sở hạ tầng với hệ thống quản lý môi trường, dựa trên những dự báo chính xác về lượng khách du lịch và nhu cầu thị trường.

Xác định và đánh giá các địa điểm tiềm năng để xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch, đặc biệt là xây dựng các khu lưu trú có quy mô lớn.

xxiii. Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hóa, VQG PNKB

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hoá là một phần của khu phức hợp bến thuyền du lịch ở thị trấn Phong Nha, bao gồm tàu thuyền du lịch, phòng bán vé, quầy hàng lưu niệm, bãi đỗ xe và một số nhà hàng.

Đây là khu vực trung tâm phục vụ du khách đi thuyền đến động Phong Nha.

Trung tâm được xây dựng tại thôn Hà Lờ và có khu vực trưng bày rộng khoảng 100 mét vuông.

Trung tâm phục vụ khách du lịch do VQG PNKB quản lý.

Hoạt động du lịch hiện nay

Có rất ít pa-nô và biển chỉ dẫn. Cần nâng cấp những biển cung cấp thông tin và hướng dẫn trong Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hoá, phần lớn các biển báo này chưa đạt mức tiêu chuẩn mà UNESCO đã

công nhận cho VQG PNKB.

Hiện nay, phần lớn khách du lịch hầu như không ở lại lâu trong khu vực này.

Tiềm năng phát triển du lịch

Đây là khu vực có tiềm năng phát triển du lịch rất lớn. Đặc biệt về mặt cung cấp thông tin và kinh nghiệm thu hút khách du lịch.

Trung tâm này có thể được xem như là điểm đặt chân đầu tiên khi du khách đến tham quan VQG PNKB. Nó có tiềm năng thu hút toàn bộ du khách khi họ đến tham quan Động Phong Nha.

Tại trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hoá, có thể tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch, như nhà sách và các cửa hàng lưu niệm.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Tất cả các thị phần.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓)

Mua sắm/Hàng lưu niệm (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hoá có thể giúp nâng cao tầm nhận thức về vấn đề bảo tồn. Nó có thể giúp du khách đến thăm VQG PNKB cũng nhận thức được điều đó.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Hiện nay còn thiếu pa-nô thông tin và những bảng chỉ dẫn nhằm thu hút sự chú ý của du khách.

Thiếu quy hoạch và quản lý thống nhất khu phức hợp bến thuyền du lịch.

Các tòa nhà hiện tại có một số hạn chế – về mặt quy mô và bố trí.

Do VQG PNKB hỗ trợ tài chính.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hiện nay, khả năng tiếp đón du khách chưa được quan tâm. Tòa nhà có thể tiếp đón tối đa là 50 khách trên trung bình 15 phút, tương đương 200 khách một giờ.

Việc xây dựng tòa nhà, bao gồm trang bị hệ thống thông tin và bảng chỉ dẫn sẽ xác định khả năng tiếp đón du khách.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Phải đưa kế hoạch xây dựng Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hoá vào quy hoạch và xây dựng khu phức hợp bến thuyền du lịch.

Cải thiện về cả số lượng lẫn chất lượng các tài liệu thông tin và hướng dẫn trong Trung tâm.

Tìm hiểu mô hình kinh doanh tiềm năng cho Trung tâm.

Chủ động tăng cường và đưa Trung tâm Du lịch Sinh thái và Văn hoá trở thành một phần của hoạt động du lịch động Phong Nha.

xxiv. Thôn Chày Lập

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Thôn Chày Lập thuộc Xã Phúc Trạch, Huyện Bố Trạch, dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh.

Chỉ cần mất khoảng 30 phút đi qua Quốc lộ 15 từ thị trấn Phong Nha, du khách có thể đến thôn. Thôn Chày Lập cũng gần lối vào VQG PNKB từ phía Bắc của khu vực Hành Chính và Dịch vụ.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hoạt động du lịch ở Thôn Chày Lập bắt đầu vào cuối năm 2008. Lượng du khách vẫn còn khá thấp, ước tính khoảng dưới 1.000 khách mỗi năm. Tuy nhiên, lượng du khách đến tham quan thôn cũng khá ổn định và tăng dần.

Hiện tại ở thôn cũng có dịch vụ lưu trú tại nhà dân. Các hoạt động sau đây đang được phát triển: đi bộ, đi xuống, đi xe đạp, các hoạt động cung cấp lưu trú tại nhà dân cũng như các hoạt động tình nguyện.

Tiềm năng phát triển du lịch

Việc phát triển dịch vụ lưu trú tại nhà dân ở thôn Chày Lập được xem như là việc xây dựng du lịch cộng đồng đầu tiên trong khu vực.

Dịch vụ lưu trú tại nhà dân được rất nhiều công ty tổ chức tour du lịch ở Việt Nam quan tâm và hỗ trợ.

Dịch vụ lưu trú tại nhà dân có tiềm năng trở thành một mô hình quan trọng để tái tạo hoạt động du lịch cộng đồng ở VQG PNKB.

Thôn Chày Lập còn hỗ trợ cho các hoạt động du lịch khác trong vùng.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Thị trường trong nước – Người nước ngoài sống tại Việt Nam, những nhóm người thích phiêu lưu mạo hiểm.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm khách lữ hành quốc tế.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Thăm các làng quê và tham gia các hoạt động sinh hoạt của địa phương (✓✓✓✓✓)

Tham gia sinh hoạt và ở với dân địa phương (✓✓✓✓✓)

Đạp xe địa hình/ du lịch bằng xe đạp (✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓)

Ngắm thú vật hoang dã (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Đi xuống (✓✓✓✓)

Đi ca nô (✓✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓✓)

Đóng góp vào việc phát triển cộng đồng bằng cách tạo ra các phương tiện tăng thu nhập và đa dạng hóa ngành công nghiệp địa phương.

Cung cấp cho dân cư địa phương các phương tiện kiếm sống và bảo vệ VQG PNKB khỏi các hoạt động chặt cây phá rừng bất hợp pháp.

Tạo cơ hội cho du khách tìm hiểu về văn hóa/phong tục địa phương và mối liên quan của chúng với sự phát triển môi trường và văn hóa bền vững.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Dịch vụ lưu trú tại nhà dân chỉ tối đa 8-10 người/1 đêm.

VQG PNKB hỗ trợ cho các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng của khu vực lân cận và của VQG.

Các chiến lược tiếp thị và quảng bá hiện nay nhằm tiếp đón du khách từ các thị trường mục tiêu.

Cần phải thành lập các kênh phân phối với các công ty tổ chức tour du lịch.

Tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động hiện tại.

Cần chú ý hơn đến việc phát triển nguồn nhân lực, kể cả việc đào tạo và nâng cao nhận thức nhận thức, để nhiều cư dân tham gia vào các hoạt động du lịch.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Dịch vụ lưu trú tại nhà dân hiện nay chỉ tối đa 8-10 người/1 đêm.

Các gia đình chủ nhà vẫn chưa có khả năng cung cấp các dịch vụ khác khi lượng du khách lên đến hơn 10 người.

Điều quan trọng là phải duy trì “không khí dân dã” của của khu vực/dịch vụ này. Cần cân nhắc cẩn thận khi mở rộng cơ sở vật chất cho dịch vụ lưu trú tại nhà dân, kể cả các khu vực và các gia đình.

Tối đa không quá 50 người trọ qua đêm tại xã Phúc Trạch, và không quá 30 người ở lại qua đêm tại thôn Chày Lập.

Vào thời điểm ban ngày, khả năng tiếp đón du khách tối đa 100 người mỗi ngày.

Nên điều tiết số lượng du khách, đặc biệt cân nhắc những ảnh hưởng của khách du lịch lên cộng đồng.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Việc đào tạo kỹ năng và ngôn ngữ cho người dân địa phương có tham gia vào hoạt động du lịch nhằm cung cấp dịch vụ tốt hơn (chất lượng cao).

Nâng cao nhận thức về du lịch cho người dân địa phương.

Phát triển và hỗ trợ dịch vụ cung cấp chỗ lưu trú tại nhà dân tại thôn Chày Lập trở thành mô hình mẫu áp dụng cho các khu vực khác.

Xác định và hỗ trợ hoạt động cho các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng.

Tổ chức hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng cho du khách tham quan ban ngày.

Tạo cơ hội cung cấp cho các hộ gia đình kiếm thêm thu nhập từ hoạt động du lịch.

Hỗ trợ hoạt động tiếp thị và tăng cường dịch vụ lưu trú tại nhà dân và hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng trong khu vực.

xxv. Sông Troóc

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Sông Troóc bắt nguồn từ ngã ba sông Chày và sông Son chảy vào VQG PNKB, gần lối vào thôn Chày Lập.

Đoạn sông có thể được sử dụng để phục vụ ngành du lịch là thuộc vùng đệm.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện nay hoạt động du lịch trên sông vẫn còn hạn chế.

Có nhiều xuồng cho thuê, thông qua việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại thôn Chày Lập, đây được xem như là lối tiếp cận vào sông.

Chỉ có rất ít thuyền du lịch từ các động Phong Nha đi ngược lên sông Troóc.

Tiềm năng phát triển du lịch

Có nhiều cơ hội cho các hoạt động dựa vào nguồn nước như đi xuồng, trượt nước và bơi lội dọc theo các đoạn sông.

Các hoạt động nên được thống nhất và phối hợp với các hoạt động khác dọc theo sông Chày và sông Son.

Cũng có khả năng phải xây dựng thêm một bến thuyền nữa để phục vụ tàu du lịch đến động Phong Nha

nhằm quản lý lưu lượng du khách lớn đến tham quan động và trong khu vực Hành chính và Dịch vụ.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Thị trường trong nước – Người nước ngoài sống tại Việt Nam, những nhóm người thích phiêu lưu mạo hiểm.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm khách lữ hành quốc tế.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Tham quan danh lam thắng cảnh (✓✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓✓)

Đi xuồng (✓✓✓✓✓)

Đi ca nô (✓✓✓✓✓)

Trượt nước (✓✓✓✓✓)

Đi thuyền trên sông (✓✓✓✓✓)

Ngắm động vật hoang dã (✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓✓)

Việc phát triển các hoạt động đi xuồng, trượt nước và bơi lội là một phần của du lịch dựa vào cộng đồng có thể giúp tăng thu nhập cho người dân địa phương ở Chày Lấp.

Việc phát triển các doanh nghiệp du lịch dựa vào cộng đồng cho người dân địa phương có thể giúp người dân có thêm thu nhập và góp phần giảm bớt các hoạt động phá hoại trong khu vực VQG PNKB.

Việc xây dựng các tài liệu thông tin thích hợp trong khu vực này sẽ giúp gia tăng nhận thức của con người về vấn đề bảo tồn.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Một số đoạn sông có thể không có giá trị tiềm năng du lịch nhưng lại có vị trí tiếp cận thuận tiện cho các hoạt động du lịch dựa vào con sông.

Mối quan hệ giữa VQG PNKB và cộng đồng chưa chặt chẽ. Cần tăng cường tiềm năng du lịch của các điểm tiếp cận của con sông với Sông Chày và VQG PNKB.

Hiện tại còn thiếu các dịch vụ hỗ trợ, chẳng hạn như giải khát, ăn uống hoặc cho thuê phương tiện đi lại trong vùng.

Dân cư trong vùng chưa có kỹ năng kinh doanh du lịch tại cộng đồng, bao gồm kỹ năng ngôn ngữ và các kỹ năng liên quan đến an toàn và sức khỏe.

Hiện nay số lượng xuồng cho thuê còn hạn chế.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Mỗi lượt tối đa 30 khách du lịch đi dọc theo sông để tránh tình trạng quá tải và làm giảm đi những trải nghiệm của du khách.

Tối đa 100 du khách đi dọc theo các hệ thống sông của sông Son.

Sông Troóc có thể là lối vào cho du khách đi đến sông Son

Sông Troóc có thể là lối ra cho du khách đi từ sông Chày.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Tư vấn cho VQG PNKB và cộng đồng về hoạt động khai thác hoạt động con sông, đặc biệt kết hợp với Sông Troóc

Xây dựng các chủ trương rõ ràng cho các hoạt động trên sông.

Mở rộng và củng cố các dịch vụ du lịch (giải khát và ăn uống) và các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng (đi xuồng, xe trượt nước và bơi lội) trong khu vực.

Đào tạo cho đội ngũ diễn giải viên, đón tiếp du khách, và cứu hộ cho các hoạt động dịch vụ trên thuyền.

xxvi. Hang 36 và Bến phà Xuân Sơn

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Hang 36 và Bến phà Xuân Sơn tọa lạc tại xã Sơn Trạch và có thể dễ dàng tiếp cận từ đường mòn HCM.

Trước đây quân đội sử dụng hang làm kho chứa đạn dược và vũ khí. Cũng có lối mòn từ hang đến Bến phà Xuân Sơn. Hang 36 là một phần của hệ thống hang trong vùng được sử dụng cho mục đích quân sự.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện nay chưa có hoạt động du lịch nào được tổ chức.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển từ mức trung bình đến mức cao dựa vào các đặc điểm riêng biệt và được bảo tồn tốt của hang “có chức năng đặc biệt” này.

Hang và bến phà Xuân Sơn có thể là một phần của con đường di sản du lịch bằng đường bộ/xe đạp xuyên qua các bản làng, những danh lam thắng cảnh với núi đá vôi và các di tích lịch sử trong khu vực. Nó có thể dễ dàng liên kết với các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng trong và xung quanh thôn Chày Lấp.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Thị trường trong nước – Khách du lịch tự do và các nhóm du khách quan tâm đến lịch sử của vùng này. Người nước ngoài sống tại Việt Nam, những khách lẻ đi tham quan/nghỉ mát (quan tâm đến các địa danh di tích lịch sử) và những du khách đi tham quan với mục đích giáo dục/khoa học (quan tâm đến các địa danh di tích lịch sử).

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô”, các nhóm khách lữ hành quốc tế và các nhóm du khách đi hành hương (quan tâm đến các địa danh di tích lịch sử).

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Lịch sử thời chiến tranh (✓✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓✓)

Thăm các làng quê và tham gia các hoạt động sinh hoạt của địa phương (✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓✓)

Là một phần của tuyến du lịch di sản bằng đường bộ/xe đạp, có khả năng tạo ra cơ hội tăng thu nhập trực tiếp hay gián tiếp cho người dân ở các thôn/xã lân cận.

Việc chỉ dẫn tốt và phát triển phù hợp mức độ của khu vực sẽ góp phần bảo tồn di tích lịch sử của Hang

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Cả Hang 36 và Bến phà Xuân Sơn cần phải được kết hợp vào các hoạt động du lịch và quảng bá trong khu vực – có tiềm năng phát triển tuyến du lịch di sản bằng đường bộ/xe đạp

Hỗ trợ tài chính để phát triển và duy trì tuyến du lịch. Các tuyến đường tiếp cận hiện tại cần được cải thiện, xây dựng và đưa vào bản đồ.

Hiện nay vẫn còn thiếu tài liệu hướng dẫn và thông tin chung về khu vực.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Chuẩn bị kế hoạch quản lý hoạt động cho khu vực hang.

Nâng cấp các tuyến đường tiếp cận hiện tại và phát triển thêm tuyến du lịch di sản bằng đường bộ/xe đạp.

Tăng cường nhận thức về du lịch cho dân cư địa phương.

Tìm kiếm cơ hội để đào tạo cho người dân địa phương trở thành hướng dẫn viên du lịch, xác định và hỗ trợ hoạt động của các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng trong khu vực.

Hỗ trợ các hoạt động như giải khát, ăn uống và hàng lưu niệm tại những điểm thích hợp.

Đảm bảo cơ sở hạ tầng cơ bản có sẵn:

- Biển chỉ dẫn vào bãi đỗ xe hoặc khu vực nghỉ ngơi
- Nhà vệ sinh và thùng rác

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Auther Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

xxvii. Hang Chà Nòi

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Hang Chà Nòi nằm gần Quốc lộ 15. Có thể dễ dàng tiếp cận thông qua đường mòn từ Quốc lộ, chỉ mất khoảng 45 phút đi bộ là có thể đến cửa hang.

Từ thị trấn Phong Nha và thôn Chày Lập đến hang mất khoảng 45 phút đi xe.

Từ trên Quốc lộ nhìn xuống thung lũng xung quanh hang là một khung cảnh đẹp và ngoạn mục.

Trước đây, hang được sử dụng làm kho chứa đạn dược và vũ khí cho quân đội.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện nay chưa có hoạt động du lịch nào được tổ chức.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch cho hang Chà Nòi là từ mức thấp đến trung bình.

Có thể phát triển hang thành nơi trưng bày cho mục đích đặc biệt trong thời chiến.

Có tiềm năng phát triển hang thành các điểm dừng chân trên Quốc lộ 15, đây là một phần của tuyến du lịch tham quan di tích lịch sử và ngắm cảnh.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách đi dọc theo Quốc lộ 15

Thị trường trong nước – Khách du lịch tự do và các nhóm du khách quan tâm đến lịch sử của vùng này. Người nước ngoài sống tại Việt Nam, những khách lẻ đi tham quan/nghỉ mát (quan tâm đến các địa danh di tích lịch sử) và những du khách đi tham quan với mục đích giáo dục/khoa học (quan tâm đến các địa danh di tích lịch sử).

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô”, các nhóm khách lữ hành quốc tế và các nhóm du khách đi hành hương (quan tâm đến các địa danh di tích lịch sử).

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓)

Lịch sử thời chiến tranh (✓✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Thăm các làng quê và tham gia các hoạt động sinh hoạt của địa phương (✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Thôn bên cạnh cũng có lợi khi du khách dừng chân tại địa phận thôn để mua nước giải khát và sản phẩm của địa phương.

Việc cung cấp thông tin và biển báo chỉ dẫn tốt sẽ góp phần bảo tồn di tích lịch sử của hang.

Những yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Thiếu pa-nô thông tin và các bảng chỉ dẫn.

Khu vực hang là địa điểm dừng chân trong tuyến du lịch, chính bản thân nó không phải là điểm đến.

Có nhiều loài rắn độc trong khu vực lối vào.

Đường mòn đến lối vào hang cần phải được xây dựng phù hợp.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm

bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Chuẩn bị kế hoạch quản lý hoạt động cho khu vực hang.

Phát quang những nơi có nhiều rấn độc ở lối vào hang.

Nâng cấp lối vào hang.

Tăng cường nhận thức về du lịch cho dân cư địa phương.

Thăm dò cơ hội để đào tạo cho người dân địa phương thành hướng dẫn viên du lịch, xác định và hỗ trợ hoạt động của các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng trong khu vực.

Hỗ trợ các hoạt động như giải khát, ăn uống và hàng lưu niệm tại khu vực đỗ xe trên đường Quốc lộ.

Xây dựng tài liệu hướng dẫn

Đảm bảo cơ sở hạ tầng cơ bản có sẵn:

- Biển chỉ dẫn vào bãi đỗ xe hoặc khu vực nghỉ ngơi
- Khu vệ sinh và thùng rác

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Auther Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

xxviii. Thác nước Phú Định

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Con đường để vào thác nước Phú Định có thể tiếp cận tại điểm cuối của con đường đất của Quốc lộ 15 về hướng đông nam của VQG PNKB. Con đường này chạy dọc theo suối dẫn tới rất nhiều thác nước và cuối cùng là thác Phú Định.

Hiện tại con đường để tiếp cận thác nước đang ở trong tình trạng rất xấu.

Tình trạng chặt phá rừng vẫn còn xảy ra tại điểm đầu và đoạn đầu tiên của khu vực này. Đoạn trên của sông có nhiều phong cảnh đẹp và có thể bơi lội.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện nay chưa có hoạt động du lịch nào được tổ chức.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch của thác nước Phú Định là Từ Rất thấp.

Lối tiếp cận khá tốt nhưng mạo hiểm. Chỉ có thể vào được bằng xe 4 bánh vào tất cả các thời điểm trong năm.

Sản phẩm du lịch của thác Phú Định không phải là duy nhất hoặc chất lượng cao, vì cũng có những hoạt động tương tự ở những nơi khác trong khu vực.

Địa điểm giữa Đồng Hới và lối vào VQG PNKB là một thuận lợi, và con đường đang được xây dựng.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách đặc biệt từ tất cả các thị phần quan tâm đến các hoạt động thư giãn với thiên nhiên – đi bộ và bơi lội

Thị trường trong nước – Khách du lịch tự do và các nhóm du khách quan tâm đến lịch sử của vùng này. Người nước ngoài sống tại Việt Nam, những khách lẻ đi tham quan/nghỉ mát và những du khách đi tham quan với mục đích giáo dục/khoa học.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô”, các nhóm khách lẻ hành quốc tế và các nhóm du khách đi hành hương.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓)

Dã ngoại/Hoạt động ngoài trời (✓✓✓)

Bơi lội (✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓)

Mua sắm/Hàng lưu niệm (✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓)

Có một số xã nghèo ở vùng phụ cận có thể cung cấp một số dịch vụ du lịch như giải khát, ăn uống và hàng lưu niệm.

Việc bán vé tham quan cho khu vực này có thể tăng thu nhập cho cộng đồng. Tuy nhiên cần có lượng khách ổn định và dĩ nhiên là du khách phải sẵn sàng chi tiền.

Những biển chỉ dẫn và hướng dẫn có thể giúp nâng cao nhận thức bảo tồn cho dân cư trong cộng đồng.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Lối vào chưa được đầu tư thích hợp.

Các hoạt động du lịch còn hạn chế, ngoại trừ hoạt động đi bộ và bơi lội tại thác nước

Không phải là duy nhất và cũng không có điểm hấp dẫn nào lân cận.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Tối đa là 30 du khách vào hang mỗi lượt nhằm tránh tình trạng quá tải và làm giảm đi những trải nghiệm của du khách. Khu vực này chỉ có thể đón 4 nhóm khách, tương đương 120 du khách mỗi ngày, với điều kiện là phải có khu vực vệ sinh.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Tư vấn và điều tra tính khả thi nhằm xây dựng khu vực du lịch cho du khách. Tuy nhiên, việc xây dựng

khu vực này không phải là ưu tiên hàng đầu, khu vực này chỉ xứng đáng nhận được ưu tiên phát triển du lịch ở mức độ thứ yếu.

xxix. Di tích lịch sử Bãi Dinh

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Di tích lịch sử Bãi Dinh nằm trên Quốc lộ 12

Đây là một địa điểm lịch sử quan trọng, đánh dấu trận chiến quan trọng trong chiến tranh chống Mỹ.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện nay chưa có hoạt động du lịch nào được tổ chức.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch của Di tích lịch sử Bãi Dinh thấp.

Có tiềm năng phát triển Di tích lịch sử Bãi Dinh thành các điểm dừng chân trên Quốc lộ 12, đây là một phần của tuyến du lịch tham quan di tích lịch sử.

Lối tiếp cận vào khu vực rất dễ dàng và có thể nhìn thấy từ Quốc lộ.

Lượng du khách qua cửa khẩu Cha Lo và dọc theo Quốc lộ 12 ngày càng gia tăng.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓)

Lịch sử thời chiến tranh (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓)

Mua sắm/Hàng lưu niệm (✓✓✓)

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách đi dọc theo Quốc lộ 12

Thị trường trong nước – Khách du lịch tự do và các nhóm du khách quan tâm đến lịch sử của vùng này. Những khách lẻ đi tham quan/ngủ mát đi ngang qua vùng này.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm du khách đi hành hương.

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓).

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Có một số xã nghèo ở vùng phụ cận có thể cung cấp một số dịch vụ du lịch như giải khát, ăn uống và hàng lưu niệm.

Các biển thông tin và chỉ dẫn có thể cho thấy tầm quan trọng lịch sử của khu vực này và cung cấp thông tin về VQG PNKB.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Hiện nay khu vực vẫn chưa có nhiều cảnh quang ngoạn mục. Cần phải phát quang.

Thiếu sự chỉ dẫn và các bảng hiệu.

Khu vực này là địa điểm dừng chân trong tuyến du lịch, chính bản thân nó không phải là điểm đến.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Tối đa là 40 du khách (tương ứng với số lượng khách trên mỗi xe tour) mỗi lượt nhằm tránh tình trạng quá tải và làm giảm đi những trải nghiệm của du khách.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Phát quang khu vực và xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ, chẳng hạn như khu vực vệ sinh.

Xây dựng hệ thống biển báo và thông tin hướng dẫn về khu vực.

Xây dựng khu vực trở thành một tuyến du lịch lịch sử cho Quốc lộ 12.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương về du lịch và hỗ trợ các dịch vụ như giải khát, ăn uống và hàng lưu niệm.

xxx. Hang Én, Cổng Trời gần Cha Lo và Đồi 37

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Hang Én/Cổng Trời gần Cha Lo và Đồi 37 nằm ngoài Quốc lộ 12 gần cửa khẩu Cha Lo qua Lào.

Hang Én là một hang khô, trước đây được dùng làm nơi chứa vũ khí trong chiến tranh chống Mỹ. Cũng có một hang nước ở phía dưới con đường vào hang Én. Du khách mất khoảng 45 phút để lên đến hang vì lối vào thỉnh thoảng hơi bị dốc đứng.

Cổng Trời và Đồi 37 đánh dấu trận đánh quan trọng trong lịch sử trong chiến tranh chống Mỹ.

Hoạt động du lịch hiện nay

Hiện nay chưa có hoạt động du lịch nào được tổ chức.

Chỉ có rất ít chuyến du lịch đặc biệt.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch của hang Én/Cổng Trời và Đồi 37 là Từ Rất thấp.

Có tiềm năng phát triển điểm Cổng Trời thành khu vực dừng chân trên Quốc lộ 12 trong tuyến du lịch lịch sử. Khu vực này đã có bãi đỗ xe và có quang cảnh đẹp nhìn về hướng hang Én.

Lối tiếp cận vào khu vực rất dễ và có thể nhìn thấy từ Quốc lộ.

Lượng du khách qua cửa khẩu Cha Lo và dọc theo Quốc lộ 12 ngày càng gia tăng.

Lối đi bộ vào hang Én rất đẹp và khi vào hang, du khách có thể thưởng ngoạn được cảnh đẹp của khu vực.

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách đi dọc theo Quốc lộ 12 quan tâm đến các hoạt động thiên nhiên như đi bộ và tham quan di sản lịch sử.

Thị trường trong nước – Khách du lịch tự do và các nhóm du khách quan tâm đến lịch sử của vùng này. Những khách lẻ đi tham quan/ngủ mát đi ngang qua vùng này.

Thị trường quốc tế – Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm du khách đi hành hương.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Lịch sử thời chiến tranh (✓✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓✓)

Nghiên cứu khoa học (✓✓)

Dã ngoại / Hoạt động ngoài trời (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Người dân ở khu vực lân cận cũng được hưởng lợi từ việc du khách dừng chân lại và mua thức uống giải khát, thức ăn, các sản phẩm và quà lưu niệm địa phương.

Các tấm pa-nô cung cấp đầy đủ thông tin cũng như lời biên dịch chú giải về ý nghĩa lịch sử của địa điểm và về VQG PNKB

Những yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Địa điểm này nằm trong khu vực nhạy cảm, ảnh hưởng đến an ninh biên giới. Du khách vào hang Én có thể bị kiểm soát và hạn chế.

Đường đi vào hang Én hiện không thích hợp cho những chuyến tham quan du lịch thường xuyên

Thông tin không được dịch đầy đủ và thiếu biển báo.

Người dân thiếu ý thức trong việc làm du lịch

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hang động là môi trường nhạy cảm do đó phải tuyệt đối tránh những tác động gây hủy hoại đến hang động nhằm bảo tồn cho thế hệ sau. Việc xác định sức chứa và đặt ra những quy định quản lý sẽ đảm bảo cho du khách có những trải nghiệm du lịch đáng giá và các quy định về sự an toàn cũng như bảo dưỡng hang động sẽ được tuân thủ trong mọi thời điểm.

Trước khi đưa vào khai thác một hang động mới, cần phải có sự nghiên cứu khảo sát do các chuyên gia danh tiếng về hang động tiến hành để đánh giá về sức chứa trung bình và tối đa, lượng khách tham quan theo nhóm, số lần tham quan trong ngày cũng như các hoạt động được phép v.v ..

Số lượt và số lượng khách tham quan tùy thuộc vào điều kiện về hạ tầng cơ sở và năng lực quản lý du khách của nhà đầu tư cũng như khả năng giám sát các hoạt động du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Giới hạn về sức chứa không có nghĩa là tối đa hoá khả năng đón khách vào hang động mà vì mục đích bảo tồn.

Tất cả du khách/ các nhóm du khách khi tham quan phải có sự hướng dẫn của hướng dẫn viên có năng lực và chuyên môn, và tốt nhất là có chứng chỉ hành nghề. Và ngược lại, các hướng dẫn viên phải chịu sự giám sát của Vườn quốc gia/ cơ quan chuyên môn nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và quy tắc hành nghề.

Một vấn đề ưu tiên quản lý khác là kế hoạch giảm nhẹ tác động và đánh giá tác động về mặt xã hội và môi trường. Việc lập kế hoạch và đánh giá cần phải bao gồm vấn đề môi trường của hang động, đường đi và các phương tiện phục vụ du lịch khác.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Xem lại và thảo luận về quy định và quy trình đi vào hang Én

Nâng cao chất lượng và độ an toàn của đường đi vào hang Én. Khảo sát các con đường khác để đi vào động ướt ở phía dưới

Thực hiện các bản dịch và thông tin cụ thể về khu vực

Xây dựng địa điểm này thành một phần của chương trình phát triển tuyến du lịch lịch sử cho Quốc lộ 12

Nâng cao ý thức của cộng đồng địa phương về du lịch và các ngành dịch vụ hỗ trợ, ví dụ: nước giải khát, thức ăn và quà lưu niệm

Đảm bảo sẵn sàng về cơ sở vật chất trọng yếu:

- Biển chỉ dẫn đến bãi đỗ xe hoặc những khu vực nghỉ ngơi
- Nhà vệ sinh và thùng rác

Các biện pháp quản lý cần phải xem xét và tuân thủ các quy định quốc tế liên quan của IUCN và UNESCO. Các tài liệu tham khảo liên quan:

- Cẩm nang quản lý Du lịch tại các khu Di sản Thế giới (Auther Peterson, 2002)
- Hướng dẫn của IUCN về bảo vệ karst và hang động (Adiran Phillips, WCPA, 1997)
- Hướng dẫn phân loại hệ thống hang động được phép mở đón khách (Graeme Worboys, Adrian Davey và Clyde Stiff, 1979)
- Hướng dẫn của Hiệp hội các hang động du lịch Quốc tế về quản lý các hang động phục vụ du lịch (Stein-Erik Lauritzen, Julia James và Paul Willimas, ISCA, 2009)
- Quy tắc ứng xử do Hội hang động học Quốc tế xây dựng (UIS, 2009)

xxxi. Khu Kinh tế Cửa khẩu Cha Lo

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Thị trấn nằm ngay cạnh đường biên giới và đi ngang qua Lào và Quốc lộ 12.

Đường biên giới cách thị trấn Phong Nha khoảng 2 giờ đi xe.

Hoạt động du lịch hiện hành

Hoạt động du lịch còn kém phát triển. Ước tính có đến 1,000 du khách qua lại biên giới hiện nay. Chỉ 1 số ít nhóm tour từ Lào hoặc đến Lào đi qua đường biên giới.

Chỗ nghỉ qua đêm, thức ăn và giải trí đã có sẵn. Tuy nhiên, phần lớn chỉ để phục vụ cho ngành công nghiệp vận tải. Hầu như không có du khách nào có ý ở lại qua đêm nơi này.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch ở Biên giới / Khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo không lớn.

Ngày càng có nhiều du khách qua biên giới Cha Lo và đi vào Quốc lộ 12. Đây có thể là khởi đầu tại điểm kết thúc của con đường du lịch lịch sử, một phần của Quốc lộ 12.

Đã có một số cơ sở lưu trú và nhà hàng, tuy nhiên, chất lượng đang ở mức trung bình.

Thị trấn có thể cung cấp dịch vụ cho các du khách đi qua biên giới, nếu lượng người qua lại biên giới tăng.

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Du khách đi qua Quốc lộ 12

Thị trường nội địa - Khách du lịch đi lẻ, du khách Caravan

Thị trường quốc tế - Nhóm nghiên cứu thực địa, khách du lịch ba-lô và khách lữ hành quốc tế

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓)

Mua sắm (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Người dân ở thị trấn có thể được hưởng lợi từ việc du khách dừng chân và mua các thức uống giải khát, đồ ăn, các sản phẩm của địa phương, hàng lưu niệm.

Thông tin về địa điểm du lịch và diễn giải trên các tấm pa-no được đặt ở địa điểm thích hợp để có thể cung cấp thông tin cho du khách đến Việt Nam và chỉ dẫn họ đến các địa điểm tham quan tại VQG.

Những yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Hiện tại cơ sở vật chất còn khá thiếu thốn. Chủ yếu là để phục vụ cho ngành giao thông vận tải và không thực sự phù hợp với khách du lịch.

Khá biệt lập so với các khu vực khác và bản thân nó cũng không phải là một điểm đến cho du khách

Không có các điểm tham quan hay các hoạt động được tổ chức ở các khu vực lân cận

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hiện tại các đơn vị vận tải không quan tâm đến khu vực biên giới/ khu kinh tế Cha Lo

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Đưa đường Quốc lộ 12 vào con đường phát triển du lịch lịch sử

Phát triển và cung cấp các thông tin du lịch về khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng cho khách du lịch đến Việt Nam.

xxxii. Xã Trường Sơn / Sông Long Đại

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Xã Trường Sơn/ Sông Long Đại nằm ở phía Nam khu vực VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và có thể đi vào theo hướng Tây của đường Hồ Chí Minh. Để có thể đến được địa điểm này từ phía Bắc, du khách cần phải đi bằng đường Hồ Chí Minh phía tây và đây cũng chính là một phần của VQG PNKB

Xã Trường Sơn có một nhánh đổ vào sông Long Đại, chảy theo theo hướng bờ biển đến Đồng Hới.

Xã Trường Sơn cách Thị Trấn Phong Nha khoảng 90 phút đi xe

Hoạt động du lịch hiện hành

Hiện tại khu vực này không có hoạt động du lịch nào. Con sông này có thể được sử dụng vào nhiều hoạt động khác nhau

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch tại xã Trường Sơn/ sông Long Đại vẫn còn ở mức trung bình

Có thể dễ dàng đến được con đường danh lam thắng cảnh này từ VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

Xã Trường Sơn là một điểm đi xuống sông Long Đại

Sông Long Đại có cảnh quang thiên nhiên rất đẹp gồm những thác nước nhỏ và điểm du lịch như các điểm dừng chân dọc theo sông cho các hoạt động như bơi lội, đi bộ, giải khát hay cắm trại.

Dòng sông đổ ra tại một điểm ngay phía dưới Quốc lộ 15, tạo nên một bến tàu, bãi đậu xe và một lối đi vào.

Sông Long Đại phù hợp với việc chèo thuyền (hoạt động trọn ngày), đi thuyền kayak (hoạt động trọn ngày) và ngắm cảnh trên thuyền (hoạt động nửa ngày).

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Điều này tùy thuộc vào các hoạt động trên sông – đi canô và đi thuyền thám hiểm là những hoạt động mạo hiểm hơn trong khi đi thuyền dài có thể thu hút thêm nhiều dòng khách chính

Thị trường nội địa – Những người yêu thích hoạt động du lịch thám hiểm thiên nhiên ở mức trung bình; người nước ngoài sống tại Việt Nam.

Thị trường Quốc tế - Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm du khách đi hành hương.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Các tiềm năng phát triển du lịch (✓✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓)

Đi thuyền kayak/ đi ca nô (✓✓✓✓✓)

Đi tham quan bằng thuyền (✓✓✓✓✓)

Quan sát đời sống hoang dã (✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓)

Thăm các thôn bản và trải nghiệm đời sống ở thôn quê (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Có cơ hội phát triển các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng như đi ca nô, chèo thuyền kayak và tham quan ngắm cảnh trên thuyền dài với người dân trong thôn Trường Sơn. Các tiềm năng khác bao gồm cung cấp dịch vụ du lịch như giải khát, thức ăn và sản phẩm địa phương.

Thông tin và các tài liệu diễn giải nhằm nâng cao ý thức về việc bảo tồn, đặc biệt là khi du khách xuôi dòng từ những khu vực thiên nhiên nhất đến những khu vực có sự can thiệp của con người.

Những yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Hiện không có hoạt động du lịch nào và thiếu các cơ sở có tổ chức hỗ trợ cho hoạt động du lịch.

Mối quan hệ không chắc chắn giữa VQG Phong Nha – Kẻ Bàng với cộng đồng. Lối đi vào chính cần phải kết hợp với VQG.

Tài trợ và tổ chức tập huấn nhằm hình thành và duy trì hoạt động du lịch dọc theo con sông.

Thiếu kỹ năng kinh doanh du lịch cộng đồng, bao gồm kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng vận hành liên quan đến sức khỏe và an toàn.

Các loại thuyền dài đang sử dụng cần được chỉnh sửa lại cho phù hợp với mục đích du lịch.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Hiện hữu, không quan tâm đến khả năng tiếp đón du khách.

Thông thường, các nhóm tham gia hoạt động du lịch trên sông chỉ hạn chế ở số lượng nhỏ. Tối đa 10 người /nhóm trừ hướng dẫn viên. Con số này cũng tùy thuộc vào từng hoạt động du lịch.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Tham khảo ý kiến của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và cộng đồng để cùng phối hợp thực hiện các hoạt động trên sông.

Khảo sát tính khả thi của hoạt động kinh doanh du lịch trên sông.

Đề xuất hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng: đi ca-nô, chèo thuyền kayak và ngắm cảnh trên thuyền dài.

Nâng cấp các thuyền dài và những thiết bị cần thiết, đảm bảo an toàn và chất lượng cho những chuyến đi dọc sông.

Xây dựng nguyên tắc quản lý và an toàn rõ ràng; các chương trình tập huấn hoạt động trên sông.

Tập huấn kỹ năng và ngôn ngữ cho người dân địa phương tham gia vào dịch vụ du lịch để có thể cung cấp dịch vụ tốt hơn và có giá trị hơn.

Phối hợp với các gói / tuyến du lịch

Hệ thống kiểm soát

xxxiii. Các thôn và xã khác

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Có 13 xã với khoảng 60,000 người sống trong vùng Đệm

Phần lớn các xã, thôn cách thị trấn Phong Nha 2 giờ đi xe.

Hoạt động du lịch hiện hành

Hoạt động du lịch hiện hành tập trung ở xã Sơn Trạch. Hiện nay, phần lớn các xã và thôn khác không được hưởng lợi từ việc phát triển du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

Tiềm năng phát triển du lịch

Hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng: các địa điểm du lịch có những nét đặc trưng của văn hóa địa phương, cảnh quang thiên nhiên và các danh lam thắng cảnh khác.

Là một phần của con đường du lịch và được hưởng lợi gián tiếp từ du lịch như là kết hợp các sản phẩm của địa phương và các loại hình dịch vụ vào ngành kinh tế du lịch của khu vực.

Có được việc làm trực tiếp từ ngành du lịch như là cung cấp dịch vụ lưu trú.

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Tất cả các thị trường và các lĩnh vực mở rộng khác thông qua việc phối hợp cung cấp các sản phẩm và dịch vụ của địa phương.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓)

Các hoạt động tiềm năng bao gồm:

Tìm hiểu về địa phương (✓✓✓✓)

Thăm các thôn bản và trải nghiệm những hoạt động tại các thôn bản (✓✓✓✓)

Mua sắm/ Hàng lưu niệm (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Cộng đồng địa phương tại các xã Vùng đệm có thể được hưởng lợi từ việc tổ chức các hoạt động du lịch tại địa phương mình hay bằng việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ cho ngành du lịch của địa phương.

Các hoạt động du lịch bền vững có thể hỗ trợ cho việc bảo tồn thiên nhiên và gìn giữ văn hóa.

Những yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Chưa có nhận thức rõ ràng về khả năng kết hợp kinh tế với ngành du lịch

Con số thực tế của địa phương có khả năng tổ chức các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng còn ít.

Chưa nhận thức được về tiềm năng phát triển du lịch tại cộng đồng hay một số vùng lân cận

Kỹ năng kinh doanh du lịch của người dân địa phương còn yếu, bao gồm khả năng ngoại ngữ và kỹ năng tổ chức hoạt động chú trọng đến sức khỏe và an toàn.

Thiếu nhận thức thị trường về nhu cầu du lịch và nhu cầu của ngành du lịch, làm thế nào để có thể quảng bá các sản phẩm của địa phương đến những thị trường này

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Phụ thuộc vào cộng đồng và các hình thức du lịch được triển khai

Phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường về các sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Hỗ trợ việc sản xuất các sản phẩm của địa phương để kết hợp vào dây chuyền cung ứng cho ngành du lịch, là đối tác với những đơn vị có liên quan (chính phủ và tổ chức phát triển)

Đánh giá sâu cộng đồng về tiềm năng tổ chức các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng và nâng cao ý thức về du lịch cho các xã và thôn

Tham khảo ý kiến của các đơn vị tổ chức du lịch để xác định nhu cầu thực tế của các sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng và cùng phối hợp để phát triển loại sản phẩm phù hợp nhất.

Hỗ trợ và kêu gọi các xã, thôn tham gia vào các chương trình phát triển nguồn nhân lực

xxxiv. Chùa Non, núi Thần Đinh và hồ Rào đá

Mô tả, địa điểm và cách tiếp cận

Chùa Non, núi Thần Đinh và hồ Rào đá nằm ở xã Trường Xuân, Huyện Quảng Ninh, cách Thành phố Đồng Hới 25 phút lái xe về phía Tây Nam.

Chùa Non – Núi Thần Đinh là một di tích lịch sử và tôn giáo. Có thể dễ dàng đến Chùa bằng hệ thống đường bộ và đi bộ lên đỉnh núi.

Hoạt động du lịch hiện tại

Chùa Non là một điểm du lịch đại chúng nhưng chỉ theo mùa.

Du khách chủ yếu là người địa phương và các huyện lân cận đến tham quan vào dịp hè, lễ hội và ngày rằm.

Tiềm năng phát triển du lịch

Đây là một địa điểm du lịch rất phổ biến đối với du khách nội địa và là một di tích lịch sử và tôn giáo.

Hướng phát triển là nâng cao chất lượng trải nghiệm của du khách tại Chùa Non, bao gồm tăng cường diễn giải và thông tin về chùa và vùng phụ cận.

Có nhiều sản phẩm du lịch có thể kết hợp như Hồ Rào Đá, Bến phà Long Đại lịch sử và khu tưởng niệm Anh hùng Liệt sĩ. Những địa điểm này chắc chắn sẽ thu hút thêm du khách nghỉ dưỡng hay tâm linh.

Nơi đây có tiềm năng phát triển và nâng cấp các cơ sở dịch vụ du lịch bao gồm khu vực nghỉ ngơi, giải trí, bán hàng lưu niệm và đồ cúng bái.

Năng lực tải khá cao

Thị trường mục tiêu để phát triển du lịch

Du khách quan tâm đến vấn đề tâm linh và lịch sử của khu vực và Việt Nam.

Tất cả các phân khúc thị trường – tuy nhiên chủ yếu là phân khúc thị trường nội địa và tại chỗ.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓)

Lịch sử cách mạng (✓✓✓✓)

Tham quan thắng cảnh (✓✓✓)

Tìm hiểu về khu vực (✓✓✓✓)

Dã ngoại (✓✓✓✓)

Mua sắm và hàng lưu niệm (✓✓✓)

Bơi (✓✓✓)

Tâm linh (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Thông tin và diễn giải về Chùa Non có thể nâng cao nhận thức về các vấn đề phát triển bảo tồn.

Là một địa điểm thu hút khách du lịch chính ở phía Nam tỉnh, người dân địa phương có cơ hội nâng cao thu nhập của mình thông qua tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch phụ trợ như bán giải khát, hàng lưu niệm và đồ cúng bái.

Các điểm hạn chế đối với du lịch

Thiếu hoặc chưa có các dịch vụ và cơ sở vật chất hỗ trợ.

Thiếu hoặc chưa có tài liệu thông tin và diễn giải.

Không có các hoạt động du lịch ở khu vực liền kề.

Nhận thức kém về các hoạt động du lịch của chính quyền và cộng đồng địa phương.

Chính quyền địa phương thiếu kinh nghiệm trong việc phát triển du lịch.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Khu vực chùa tương đối nhỏ do đó không thể tránh khỏi tình trạng đông đúc do sự phổ biến của điểm du lịch này. Lối đi cần được mở rộng để có thể tránh tắc nghẽn.

Những cơ sở vật chất kèm theo như điểm nghỉ chân, thông tin và diễn giải tốt hơn, mở một lối đi bộ nhỏ ở khu vực chung quanh để giảm thiểu tình trạng tắc nghẽn tại địa điểm du lịch này.

Những nỗ lực giảm thiểu tác động tác ở điểm du lịch này tăng khả năng đón tiếp lượng lớn du khách tham quan trong thời gian ngắn, 50 khách cùng lúc trong 15 phút (200 khách/giờ) và cả ngày (10 giờ)=

2.000 khách/ngày. Cũng cần có một hệ thống quản lý du khách hiệu quả cho di tích này.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Tu sửa chữa và phát triển cơ chế quản lý chùa

Xây dựng kế hoạch quản lý điểm này (kể cả cơ chế quản lý môi trường đối với việc thu gom và xử lý rác thải) bao gồm hệ thống quản lý du khách để đánh giá lưu lượng du lịch cụ thể tại khu di tích.

Xác định các tuyến đi bộ khu vực xung quanh chùa, đặc biệt trên đỉnh núi

Cải thiện và mở rộng các cơ sở và dịch vụ du lịch.

Xây dựng các tài liệu diễn giải tốt hơn về di tích và cung cấp thêm thông tin về khu vực này.

Điều tra tiềm năng tăng cường hoạt động đi bộ để nâng cao trải nghiệm cho du khách về di tích và tạo điều kiện cho việc lưu chuyển của khách quanh di tích.

Xây dựng một kế hoạch phát triển du lịch cho khu vực lân cận nhằm đảm bảo tính kết nối của lưu lượng du lịch cụ thể.

xxxv. Sân bay Khe Gát

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm du lịch

Sân bay Khe Gát nằm dọc theo Quốc lộ 15, và là một phần của con đường này

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, địa điểm này từng là đường băng. Cách thị trấn Phong Nha 30 phút đi xe

Các hoạt động du lịch hiện hành

Các hoạt động du lịch hiện hành còn ít. Khách du lịch chỉ thỉnh thoảng dừng chân trên con đường này

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch tại Sân bay Khe Gát còn yếu.

Có thể phát triển sân bay Khe Gát thành một điểm dừng chân trên đường Quốc lộ 15, một phần của con đường du lịch lịch sử và ngắm cảnh

Địa điểm này có tiềm năng để phát triển thành một điểm dừng chân hay là một điểm tham quan dọc theo Quốc lộ 15

Thị trường mục tiêu nhằm phát triển du lịch

Khách du lịch đi ngang qua Quốc lộ 15

Thị trường nội địa – Khách du lịch tự do

Thị trường Quốc tế - Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô”, và các nhóm du khách đi hành hương.

Đánh giá các hoạt động du lịch/ việc phát triển các điểm thu hút du khách – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓)

Tìm hiểu về địa điểm (✓✓✓✓✓)

Lịch sử thời chiến (✓✓✓✓✓)

Mua sắm/ Hàng lưu niệm (✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓)

Các thôn lân cận có thể hưởng lợi từ việc du khách dừng chân tại địa phương và mua đồ giải khát, thức ăn, các sản phẩm của địa phương và hàng lưu niệm.

Các tấm pa nô có đầy đủ thông tin và diễn giải về ý nghĩa lịch sử của khu du lịch và cung cấp thông tin

Những yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Thông tin không được diễn giải đầy đủ và thiếu biển báo chỉ dẫn

Người dân địa phương thiếu ý thức làm du lịch

Đây chỉ là một điểm dừng chân, chứ không phải là điểm đến trong hành hình du lịch

Đây là khu vực quân sự nhạy cảm nên có khả năng trong tương lai sẽ được xây dựng thành sân bay.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Việc hạn chế số lượng du khách cho mỗi lần tham quan (100 người/lần) để tránh đông đúc sẽ phá hỏng trải nghiệm của khách.

Cần phải có quy hoạch rõ ràng, bởi vì hiện nay trên đường đi không có điểm dừng cho xe để đảm bảo an toàn cho du khách.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Quy hoạch địa điểm: hiện không có điểm dừng xe dọc cả tuyến đường nhằm đảm bảo an toàn cho du khách

Cơ sở hạ tầng thiết yếu cần phải có tại khu nghỉ dưỡng là:

- Biển báo đến bãi đậu xe
- Nhà vệ sinh và thùng rác

Thực hiện thông tin và các tài liệu diễn giải cụ thể về khu vực này

Xây dựng địa điểm này thành một phần của chương trình phát triển tuyến du lịch lịch sử của Quốc lộ 15.

Nâng cao ý thức của cộng đồng địa phương về du lịch và các dịch vụ hỗ trợ như ăn uống và quà lưu niệm.

5. Khu vực tiếp giáp vùng đệm

xxxvi. Thác Mơ

Đặc điểm, vị trí và cách tiếp cận địa điểm

Thác Mơ nằm trên tuyến Quốc lộ 15 đi từ Khe Vẽ đến Phong Nha – đường Hồ Chí Minh. Bãi đậu xe để đi vào thác nước nằm trên đường Hồ Chí Minh. Thác Mơ cách thị trấn Phong Nha khoảng 45 phút đi xe.

Từ bãi đậu xe, đi bộ khoảng 10 phút thì sẽ đến thác nước.

Hoạt động du lịch hiện hành

Hiện tại không có hoạt động du lịch nào. Người dân đang sử dụng thác để câu cá và giải trí.

Tiềm năng phát triển du lịch

Tiềm năng phát triển du lịch của Thác Mơ chỉ ở mức trung bình.

Từ Quốc lộ 15, đường vào thác khá dễ dàng.

Bản thân Thác Mơ không thể gọi là một điểm đến du lịch, tuy nhiên đây được xem như là một điểm dừng chân lý thú dọc theo tuyến tham quan ngắm cảnh và lịch sử của Quốc lộ 15.

Bãi đậu xe tiếp giáp với Quốc lộ có thể được phát triển thành một điểm dừng chân nghỉ ngơi. Lúc nghỉ xe, du khách có thể tham quan thác nước nếu muốn.

Lối đi đến thác nước vừa đủ rộng. Tại thác, hiện không cần xây dựng thêm cơ sở hạ tầng gì ngoài một tấm ván đỡ giúp việc đi đến hồ bơi của thác nước dễ dàng hơn.

Hoạt động du lịch chủ đạo sẽ là bơi lội và thưởng thức khung cảnh thiên nhiên xung quanh.

Thị trường mục tiêu

Du khách đi dọc theo Quốc lộ 15

Thị trường nội địa – Khách du lịch tự do hoặc các nhóm du khách đi ngang qua khu vực này và cần tìm một nơi để nghỉ ngơi và thư giãn.

Thị trường quốc tế: Khách du lịch tự do, du khách “ba-lô” và các nhóm du khách đi hành hương

Đánh giá các hoạt động du lịch / việc phát triển các điểm thu hút du khách - từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Tiềm năng phát triển du lịch nói chung (✓✓✓✓✓)

Bơi lội (✓✓✓✓✓)

Đi bộ (✓✓✓✓)

Dã ngoại (Hoạt động giải trí ngoài trời) (✓✓✓✓)

Ngắm cảnh (✓✓✓✓)

Mua sắm / hàng lưu niệm (✓✓✓✓)

Tiềm năng đóng góp cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cộng đồng – từ Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)

Công tác bảo tồn nói chung và tiềm năng phát triển địa phương (✓✓✓✓)

Các thôn lân cận được hưởng lợi từ việc du khách dừng xe tại địa phương mình và mua các loại nước giải khát, thức ăn, và các sản phẩm, hàng lưu niệm địa phương.

Các tấm pa-nô cung cấp đầy đủ thông tin cũng như diễn giải về ý nghĩa lịch sử của địa điểm và về VQG PNKB.

Các yếu tố làm hạn chế hoạt động du lịch

Thông tin không được dịch đầy đủ và thiếu biển báo

Người dân địa phương thiếu ý thức trong việc làm du lịch.

Đây chỉ là một điểm dừng chân trong hành trình, chứ chưa phải là một điểm đến du lịch.

Sức chứa và những ưu tiên quản lý chủ yếu

Việc hạn chế tối đa 100 người cho mỗi lần tham quan thác nước để tránh đông đúc sẽ làm giảm đi các trải nghiệm của du khách. Với ngày càng nhiều tiện ích được xây dựng tại/gần bãi đậu xe, khả năng vận chuyển và tiếp đón khách của địa điểm này ngày một tăng lên.

Bãi xe của khu vực tạm dừng nghỉ ngơi có đủ chỗ cho 2 chiếc xe buýt loại trung bình và 10 chiếc xe hơi.

Hướng dẫn biện pháp trước mắt để quản lý du lịch và phát triển bền vững

Quy hoạch lại địa điểm, xây dựng bãi đậu xe thành một điểm dừng nghỉ ngơi trên tuyến Quốc lộ 15.

Cơ sở hạ tầng trọng yếu cần phải đầu tư tại điểm dừng nghỉ ngơi bao gồm:

- Biển báo đến bãi đậu xe và thác nước
- Nhà vệ sinh và thùng rác

Các tiện nghi để mua bán, trao đổi với khách du lịch, bao gồm: nước giải khát, trò giải trí và mua bán hàng lưu niệm.

Thực hiện các bảng thông tin cũng như lời biên dịch cụ thể về khu vực.

Xây dựng địa điểm này thành một phần của việc phát triển tuyến du lịch Quốc lộ 15.

Phụ lục 7: Danh sách các hoạt động du lịch theo từng điểm tham quan và thị trường mục tiêu

Sau đây là danh sách các hoạt động du lịch tương ứng với các điểm tham quan và thị trường mục tiêu. Thông tin chi tiết về các địa điểm du lịch cụ thể được nêu tại Phụ lục 6.

Hoạt động du lịch	Các điểm phát triển du lịch và có tiềm năng phát triển du lịch - Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)	Thị trường mục tiêu
Đi bộ Đi bộ ở đây là từ quảng trường trong vòng 5 phút cho đến những tuyến dài hơn từ 2 đến 3 giờ. Đi bộ tức là không cần bất kỳ trang bị đặc biệt nào. Hầu hết các tuyến đi bộ cần phải làm sao để đi bằng giày thông thường vẫn dễ dàng.	➤ Động Phong Nha và Động Tiên Sơn (✓✓✓✓) ➤ Thung tre (✓✓✓✓) ➤ Trung tâm cứu hộ linh trưởng (✓✓✓✓✓) ➤ Vườn thực vật (✓✓✓✓) ➤ Tuyến sinh thái Nước Mooc (✓✓✓✓✓) ➤ Rừng Gáo (✓✓✓) ➤ Thác Gió (✓✓✓) ➤ Bản dân tộc thiểu số Arem và các hang động xung quanh (✓✓✓) ➤ Đỉnh U Bò (✓✓✓) ➤ Bản Dân tộc thiểu số Rục (✓✓✓) ➤ Thị trấn Phong Nha (✓✓✓) ➤ Thôn Chày Lập (✓✓✓) ➤ Hang 36 và Bến phà Xuân Sơn (✓✓✓✓✓) ➤ Thác nước Phú Định (✓✓) ➤ Hang Én/Hang Cổng trời (✓✓✓) ➤ Các thôn và xã khác (✓✓✓✓✓) ➤ Thác mơ (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn. ➤ Thị trường Quốc tế - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn.
Leo núi Hoạt động leo núi là những cuộc đi bộ đường dài từ nửa ngày đến nhiều ngày. Cần mang những loại giày chắc chắn để đi vào những tuyến đường mòn và đối với những chuyến đi dài ngày cần trang bị dụng cụ đặc biệt như lều bạt và dụng cụ nấu ăn.	➤ Các tuyến leo núi đến: ➤ Hang E (✓✓✓✓✓) ➤ Thung Tre (✓✓✓✓) ➤ Hang Thiên đường (✓✓✓✓✓) ➤ Hang Mẹ bồng Con và Hang Vòm (✓✓✓) – cần được phát triển ➤ Bản dân tộc thiểu số A Rem và các hang động xung quanh (✓✓✓) – cần được phát triển ➤ Bản dân tộc thiểu số Rục (✓✓✓) ➤ Hang Én (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách giáo dục và khoa học ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và chuyên gia nước ngoài đi du lịch tại Việt Nam
Thăm hiểm hang động Các hoạt động thăm hiểm đến những hang xa xôi và nhạy cảm. Những hang này không	➤ Hang E (✓✓✓✓✓) ➤ Hang Tối (✓✓✓✓✓) ➤ Hang Thiên Đường (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách giáo dục và khoa học ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách

Hoạt động du lịch	Các điểm phát triển du lịch và có tiềm năng phát triển du lịch - Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)	Thị trường mục tiêu
phát triển thành điểm tham quan du lịch đại chúng. Để đến được hang, du khách đôi khi phải đi bộ, leo trèo hoặc bơi lội một số đoạn trong hang.	➤ Hang Mẹ Bồng Con và Hang Vòm (✓✓✓✓) ➤ Hang Én (✓✓✓✓✓)	ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và chuyên gia nước ngoài đi du lịch tại Việt Nam
Tham quan hang động Tham quan hang động có nghĩa là tham quan một hang động được dễ dàng tiếp cận bằng đường bộ hoặc bằng thuyền.	➤ Động Phong Nha – Lối chính vào động (✓✓✓✓✓) ➤ Động Phong Nha – Khu vực động sâu hơn (✓✓✓✓✓) ➤ Động Tiên Sơn (Động khô) (✓✓✓✓✓) ➤ Hang Tám Cô (✓✓✓✓✓) ➤ Động 36 và Bến phà Xuân Sơn (✓✓✓✓) ➤ Hang Chà Nòi (✓✓✓✓) ➤ Hang Én/Hang Cổng Trời (✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn. ➤ Thị trường Quốc tế - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn.
Ngắm đời sống thiên nhiên hoang dã Ngắm thiên nhiên hoang dã tức là ngắm động thực vật hoang dã từ một khoảng cách an toàn cho cả du khách lẫn động vật, chim chóc.	➤ Trung tâm cứu hộ linh trưởng (✓✓✓✓) ➤ Thung Tre (✓✓✓✓) ➤ Tuyến sinh thái Nước Mọc (✓✓✓) ➤ Sông Chày (✓✓✓) ➤ Sông Troóc (✓✓✓) ➤ Rừng Gáo (✓✓✓) ➤ Thác Gió (✓✓✓) ➤ Thác mơ (✓✓✓) ➤ Bản dân tộc thiểu số A Rem và các hang động xung quanh (✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn. ➤ Thị trường Quốc tế - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn.
Bơi Liên quan đến các hoạt động bơi lội ở sông và hồ.	➤ Hang E (✓✓✓✓) ➤ Tuyến du lịch sinh thái Nước Mọc (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Chày (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Troóc (✓✓✓✓✓) ➤ Thác mơ (✓✓✓✓) ➤ Thác Gió (✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách nghỉ dưỡng đi lẻ, thăm bạn bè, người thân và khách du lịch vì mục đích giáo dục/khoa học. ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và khách du lịch caravan trong khu vực
Dã ngoại Đi dã ngoại nghĩa là tổ chức ăn ngoài trời. Nói chung hoạt động này nghĩa là tổ chức ăn trưa tại một điểm thắng cảnh.	➤ Trung tâm Cứu hộ linh trưởng (✓✓✓✓) ➤ Tuyến du lịch sinh thái Nước Mọc (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Chày (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Troóc (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách nghỉ dưỡng đi lẻ, thăm bạn bè, người thân và khách du lịch vì mục đích giáo dục/khoa học. ➤ Thị trường quốc tế -

Hoạt động du lịch	Các điểm phát triển du lịch và có tiềm năng phát triển du lịch - Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)	Thị trường mục tiêu
	➤ Thác Gió(✓✓✓) ➤ Thôn Chày Lập (✓✓✓) ➤ Thị trấn Phong Nha (✓✓✓) ➤ Thác mơ (✓✓✓✓✓) ➤ Các làng và xã khác (✓✓✓)	Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và khách du lịch caravan trong khu vực ➤
Bơi thuyền kayak hoặc canoe trên sông Bơi thuyền kayak nghĩa là bơi thuyền trên sông hồ dùng mái chèo tay. Bơi thuyền kayak hơi khác so với bơi thuyền canoe ở chỗ kayak có khu vực ngồi bơi kín còn ở canoe thì chỗ ngồi mở. Người bơi kayak ngồi trên ghế gắn trong lòng thuyền chân duỗi ra trước. Người bơi canoe hoặc là ngồi trên băng ghế kê cao hoặc quỳ gối vào lòng thuyền.	➤ Sông Chày (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Troóc (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Long Đại (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa– Khách nghỉ dưỡng đi lẻ, thăm bạn bè, người thân và khách du lịch vì mục đích giáo dục/khoa học. ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và khách du lịch caravan trong khu vực
Chơi ống trên sông Chơi tubing trên sông nghĩa là trượt bên trong đường ống dọc theo sông. Người chơi mặc đồ tắm hoặc các loại áo quần khác có thể vận động thoải mái trong nước. Để an toàn hơn người chơi còn mặc cả áo cứu sinh	➤ Hang E (✓✓✓✓) ➤ Sông Chày (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Troóc (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa– Khách nghỉ dưỡng đi lẻ, thăm bạn bè, người thân và khách du lịch vì mục đích giáo dục/khoa học. ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và khách du lịch caravan trong khu vực
Du ngoạn trên sông bằng thuyền Du ngoạn trên sông sử dụng thuyền dài hiện tại.	➤ Động Phong Nha (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Chày (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Troóc (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Long Đại ver (✓✓✓✓✓) ➤ Các làng và xã khác (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn. ➤ Thị trường Quốc tế - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn.
Leo núi bằng xe đạp xe máy Đi xe đạp và xe máy khắp vùng theo những con đường lớn và lối mòn. Đi xe trên núi nghĩa là đi trên những con đường chưa được	➤ Chung: Các con đường được lựa chọn ở PNKB và Vùng đệm. ➤ Các làng và xã khác (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách đi lẻ và khách giáo dục và khoa học ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và chuyên gia nước ngoài đi du lịch

Hoạt động du lịch	Các điểm phát triển du lịch và có tiềm năng phát triển du lịch - Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)	Thị trường mục tiêu
thăm bề mặt.		tại Việt Nam
Đi cáp treo Flying Fox/Zip Lines Cáp treo flying fox hay zip line là một loại xe cáp nhỏ gắn vào hệ thống treo kéo đẩy nhờ trọng lực. Hệ thống flying fox hay zip line có thể kéo băng ngang qua thung lũng nhiều cây.	➤ Thung Tre (✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách đi lẻ và khách giáo dục và khoa học ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và chuyên gia nước ngoài đi du lịch tại Việt Nam
Đi xe máy Nghĩa là đi chơi bằng xe máy trên những con đường có thảm nhựa hay cấp phối.	➤ Chung: Các con đường được lựa chọn ở PNKB và Vùng đệm. ➤ Các làng và xã khác (✓✓✓✓✓) ➤ Di tích Lịch sử Bãi Dinh (✓✓✓✓) ➤ Sân bay Khe Gát (✓✓✓✓)	➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, và chuyên gia nước ngoài đi du lịch tại Việt Nam
Tìm hiểu lịch sử cách mạng Tham quan về chủ đề lịch sử về chiến tranh cách mạng.	➤ Động Phong Nha và Động Tiên Sơn (✓✓✓✓) ➤ Hang Tám Cô (✓✓✓✓✓) ➤ Hang 36 và Bến phà Xuân Sơn (✓✓✓✓✓) ➤ Hang Chà Nòi (✓✓✓✓) ➤ Di tích Lịch sử Bãi Dinh (✓✓✓✓) ➤ Hang Én /Hang Cổng trời (✓✓✓✓) ➤ Sân bay Khe Gát (✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn. ➤ Thị trường Quốc tế - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn.
Tìm hiểu văn hóa dân tộc thiểu số Sinh hoạt và trải nghiệm cùng văn hóa dân tộc thiểu số, có thể qua những câu chuyện kể có diễn giải đến những lớp nấu ăn.	➤ Bản dân tộc thiểu số A Rem và các hang động xung quanh (✓✓✓✓✓) ➤ Bản dân tộc thiểu số Rục (✓✓✓✓✓) ➤ Thôn Chày Lập (✓✓✓✓✓) ➤ Các thôn xã khác (✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách đi lẻ và khách giáo dục và khoa học ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và chuyên gia nước ngoài đi du lịch tại Việt Nam
Tham quan làng quê và trải nghiệm những sinh hoạt dân dã Trải nghiệm cuộc sống làng quê và đắm mình trong các sinh hoạt dân dã, có thể từ đi dạo quanh làng cho đến tham gia vào các sinh hoạt hàng ngày như ra đồng cấy ruộng hoặc nấu nướng.	➤ Bản dân tộc thiểu số A Rem và các hang động xung quanh (✓✓✓✓✓) ➤ Bản dân tộc thiểu số Rục (✓✓✓✓✓) ➤ Thôn Chày Lập (✓✓✓✓✓) ➤ Các thôn xã khác (✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách đi lẻ và khách giáo dục và khoa học ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lẻ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và chuyên gia nước ngoài đi du lịch tại Việt Nam

Hoạt động du lịch	Các điểm phát triển du lịch và có tiềm năng phát triển du lịch - Rất thấp (✓) đến Rất cao (✓✓✓✓✓)	Thị trường mục tiêu
Tham quan thắng cảnh Thường ngoạn và trải nghiệm những cảnh quan thiên nhiên.	➤ Động Phong Nha và động Tiên Sơn (✓✓✓✓) ➤ Thung Tre (✓✓✓✓) ➤ Trung cấp cứu hộ linh trưởng (✓✓✓✓) ➤ Tuyến du lịch sinh thái Nước Moọc (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Chày (✓✓✓✓✓) ➤ Sông Troóc (✓✓✓✓✓) ➤ Rừng Gáo (✓✓✓) ➤ Thác Gió (✓✓✓) ➤ Thôn Chày Lập (✓✓✓) ➤ Sông Long Đại (✓✓✓✓✓) ➤ Các thôn xã khác (✓✓✓) ➤ Thác mơ (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn. ➤ Thị trường Quốc tế - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn.
Trải nghiệm sinh hoạt Nghỉ lại với một gia đình địa phương và tham gia vào sinh hoạt hàng ngày.	➤ Bản dân tộc thiểu số A Rem và các hang động xung quanh (✓✓✓✓) ➤ Bản dân tộc thiểu số Rục (✓✓✓✓✓) ➤ Thôn Chày Lập (✓✓✓✓✓) ➤ Các thôn xã khác (✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách đi lễ và khách giáo dục và khoa học ➤ Thị trường quốc tế - Khách tự do đi lễ, khách ba lô, khách quốc tế đi theo đoàn nhỏ và chuyên gia nước ngoài đi du lịch tại Việt Nam
Mua sắm hàng hóa và đồ lưu niệm Mua quà lưu niệm được làm tại địa phương	➤ Động Phong Nha và Động Tiên Sơn (✓✓✓✓) ➤ Thị trấn Phong Nha (✓✓✓✓✓) ➤ Trung tâm Du lịch Văn hóa và Sai thái Phong Nha (✓✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn. ➤ Thị trường Quốc tế - tất cả các phân khúc thị trường cho các địa điểm được chọn.
Nghiên cứu khoa học Tham quan các khu vực nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu và giáo dục	➤ Hang E (✓✓✓✓) ➤ Hang Tối (✓✓✓✓) ➤ Hang Mẹ Bồng Con và Hang Vòm (✓✓✓✓) ➤ Hang Én (✓✓✓✓) ➤ Hang Sơn Đoòng (✓✓✓✓✓) ➤ Thung Tre (✓✓✓✓) ➤ Trung tâm cứu hộ linh trưởng (✓✓✓✓✓) ➤ Tuyến Du lịch sinh thái Nước Moọc (✓✓✓✓) ➤ Rừng Gáo (✓✓✓✓✓) ➤ Thác Gió (✓✓✓✓)	➤ Thị trường nội địa – Khách giáo dục và khoa học

Phụ lục 8: Các chính sách và quy chế nhượng quyền hoạt động kinh doanh

1. Giới thiệu

Hiện nay, các hoạt động du lịch chính trong Khu vực VQG PNKB bao gồm tham quan động Phong Nha (kể cả động Tiên Sơn) và Hang Tám Cô. Những điểm tham quan này có lượng khách khá cao, đặc biệt vào mùa hè. Du khách rất ít khi hoặc chỉ thi thoảng ghé thăm các nơi khác của Khu vực VQG PNKB.

Hoạt động du lịch ở VQG PNKB được quy định theo Quyết định số 104/2007/QĐ/BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về quy chế quản lý các hoạt động du lịch sinh thái các Vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Hiện nay, Tổ chức Bảo tồn Động thực vật Quốc tế (FFI) đang phối hợp với VQG PNKB xây dựng “khuôn khổ quy định về quản lý hoạt động du lịch ở VQG PNKB” dựa trên Quyết định số 104/2007/QĐ/BNN.

Cả Quyết định số 104/2007/QĐ/BNN và dự thảo “khuôn khổ quy định về quản lý hoạt động du lịch ở VQG PNKB” đều nêu lên vấn đề quản lý các hoạt động du lịch bên trong Vườn quốc gia. Tuy nhiên, cả hai văn bản này đều có thiếu sót, đặc biệt là việc hình thành một hệ thống quản lý các hoạt động du lịch.

Quyết định 104/2007/QĐ/BNN giao cho VQG PNKB quản lý đất đai, nhưng cũng là đơn vị khai thác du lịch trong khu vực bảo vệ môi trường. Điều này thường dẫn tới mâu thuẫn tiềm tàng về vấn đề bảo tồn và mục đích phát triển du lịch với tư cách vừa là cơ quan đưa ra quy định và thi hành pháp luật độc lập vừa là đơn vị phát triển.

Các hình mẫu quốc tế tốt nhất về quản lý du lịch ở các khu bảo tồn gợi ý việc sử dụng cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch. Cơ chế nhượng quyền nhằm mục đích tách bạch giữa “quản lý du lịch” và “hoạt động kinh doanh du lịch”. Cơ chế nhượng quyền du lịch có thể kết hợp dễ dàng với “khuôn khổ quy định về quản lý hoạt động du lịch ở VQG PNKB” (theo Điều 5) và cũng phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Quyết định số 104/2007/QĐ/BNN.

2. Cơ sở của cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch

Nhượng quyền kinh doanh du lịch là gì?

Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch là việc chính thức ủy quyền để tiến hành hoạt động kinh doanh du lịch tại Vườn quốc gia, khu bảo tồn hoặc cộng đồng. Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch nên được coi là một thỏa thuận đồng hợp tác giữa hai đơn vị thụ hưởng – cơ quan quản lý, ban hành quy định với các đơn vị du lịch và đầu tư. Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch có thể ở dạng hợp đồng cho thuê, giấy phép, cấp phép hoặc giao quyền.

Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch sẽ giúp đảm bảo các hoạt động du lịch phù hợp với mục đích chính bảo vệ đất đai, tài nguyên và tính toàn vẹn về văn hóa của Vườn quốc gia, khu bảo tồn hoặc cộng đồng. Nó cũng giúp đảm bảo rằng các dịch vụ và các cơ sở dịch vụ dành cho du khách thích hợp, đúng tiêu chuẩn cũng như đảm bảo các hoạt động khác không xung đột với trải nghiệm của du khách.

Điểm mạnh của nhượng quyền kinh doanh du lịch là gì?

Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch tạo quan hệ đối tác giữa khu vực nhà nước và tư nhân đồng thời khai thác triệt để năng lực chuyên môn của tất cả các bên liên quan. Bảng dưới đây tóm tắt những thế mạnh năng lực chuyên môn của VQG PNKB và khu vực doanh nghiệp tiềm năng – các đơn vị lữ hành, nhà đầu tư và doanh nghiệp cộng đồng.

Bảng 74: Điểm mạnh của Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch

Thế mạnh của VQG PNKB	Thế mạnh của khu vực tư nhân - các đơn vị lữ hành, nhà đầu tư và doanh nghiệp cộng đồng
➢ Cơ quan quản lý thẩm quyền. ➢ Cơ quan xây dựng chính sách. ➢ Cơ quan quản lý độc lập. ➢ Cơ quan đề ra chính sách và giám sát thực thi. ➢ Có chuyên gia quản lý tài sản du lịch thiên nhiên, văn hóa và lịch sử.	➢ Có chuyên gia về tổ chức du lịch và đầu tư – kinh nghiệm về kinh doanh du lịch. ➢ Nắm chắc và tiếp cận được các thị trường du lịch mục tiêu và có kinh nghiệm tiếp thị du lịch. ➢ Có chuyên gia về các hoạt động – như hướng dẫn tham quan hang động, tổ chức các hoạt động đi bộ, bơi thuyền.... ➢ Có năng lực tài chính, biết cách tìm nguồn vốn đầu tư cho những ý tưởng kinh doanh bền vững.

Lợi ích của nhượng quyền kinh doanh du lịch là gì?

Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch đem lại lợi ích đáng kể cho các bên liên quan. Bảng 75 nêu tóm tắt những lợi ích của VQG PNKB và doanh nghiệp tiềm năng - các đơn vị lữ hành, nhà đầu tư và doanh nghiệp cộng đồng.

Bảng 75: Lợi ích của nhượng quyền kinh doanh du lịch

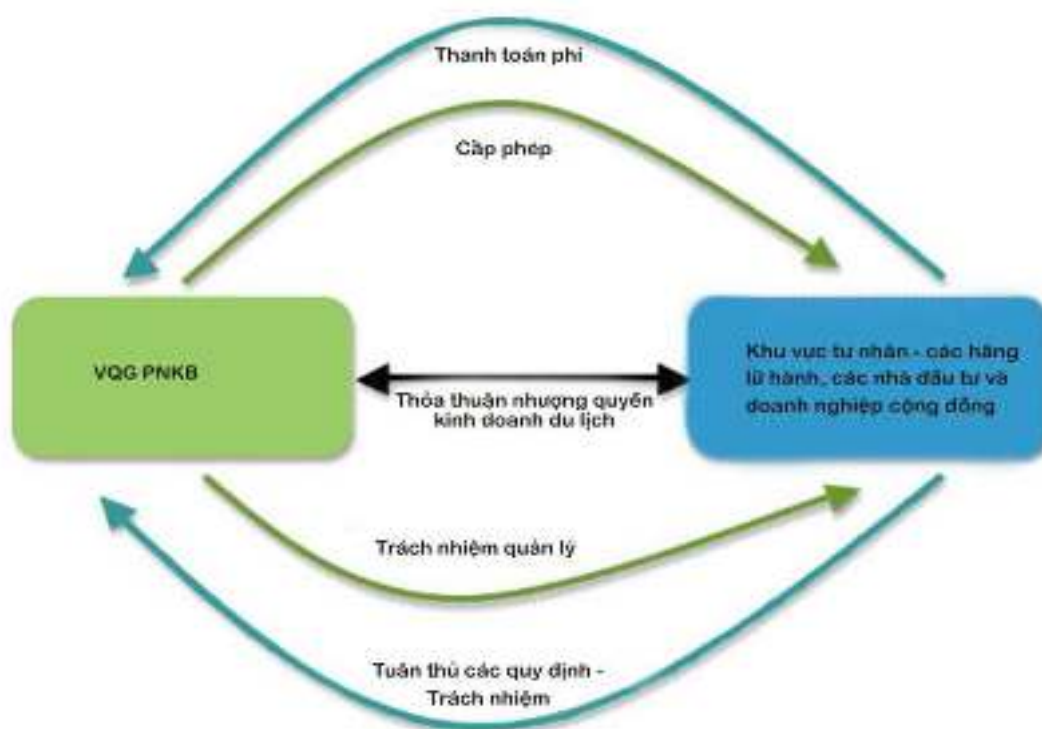
Lợi ích của nhượng quyền kinh doanh du lịch đối với VQG PNKB	Lợi ích của nhượng quyền kinh doanh du lịch đối với khu vực doanh nghiệp - các đơn vị lữ hành, nhà đầu tư và doanh nghiệp cộng đồng
➢ Tránh mâu thuẫn về lợi ích của tình trạng vừa là cơ quan thực thi pháp luật vừa là đơn vị tổ chức du lịch . ➢ Tiết kiệm thời gian và nguồn lực để tập trung vào quản lý với mục đích bảo tồn và bảo vệ môi trường. ➢ Tiếp nhận các khoản thu từ hoạt động du lịch mà không cần đứng ra tổ chức, mà chỉ điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu bảo tồn Vườn quốc gia. ➢ Có trách nhiệm đối với các đơn vị điều hành du lịch và nhà đầu tư, kể cả các hoạt động kiểm tra giám sát thường xuyên. ➢ Có một khuôn khổ quy định hợp lý để quản lý các hoạt động du lịch. ➢ Có một quy trình đánh giá các hoạt động du lịch. ➢ Có phương tiện để nghiêm túc thi hành những yêu cầu về tổ chức hoạt động.	➢ Có tư cách pháp nhân để thực hiện hoạt động du lịch đề xuất tại VQG PNKB. ➢ Có quan hệ chính thức giữa khu vực doanh nghiệp với VQG PNKB để cả hai bên đều nhận thức được trách nhiệm và cam kết của mình. ➢ Bảo đảm quyền sử dụng trong thời hạn nhượng quyền kinh doanh du lịch miễn là bên khai thác tuân thủ các điều kiện đối với nhượng quyền kinh doanh du lịch.

Cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch hoạt động như thế nào?

Như đã nêu trên, cơ chế nhượng quyền kinh doanh du lịch nên được coi là một thỏa thuận đồng hợp tác giữa hai đơn vị thụ hưởng: cơ quan quản lý, ban hành quy định VQG PNKB với đơn vị du lịch và đầu tư hoặc doanh nghiệp cộng đồng.

Với thỏa thuận đã có, VQG PNKB sẽ cấp phép cho một đơn vị điều hành du lịch, nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp cộng đồng để tổ chức hoạt động du lịch trên phạm vi của Vườn quốc gia. Đổi lại các đơn vị du lịch, nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp cộng đồng sẽ phải trả một khoản phí để tổ chức hoạt động du lịch trên đất của Vườn quốc gia. Thỏa thuận sẽ bao gồm trách nhiệm của cả hai bên. Ví dụ, VQG PNKB sẽ có trách nhiệm đảm bảo việc quản lý các khu vực mà hoạt động du lịch diễn ra, có thể bao gồm việc xây dựng hướng dẫn an toàn hoặc theo dõi quản lý. Các đơn vị du lịch, nhà đầu tư hay doanh nghiệp cộng đồng có trách nhiệm tuân theo các quy tắc và quy định được ghi trong thỏa thuận và chịu trách nhiệm về bất kỳ hoạt động nào trên phạm vi của Vườn quốc gia. Hình dưới đây minh họa cơ chế đó.

Hình 12: Cơ chế nhượng quyền Du lịch



3. Chính sách và quy định về nhượng quyền kinh doanh du lịch đối với VQG PNKB

4.3.1. Trách nhiệm trong quy trình nhượng quyền

Các chính sách và quy định sau đây chỉ áp dụng đối với VQG PNKB. VQG PNKB chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quy trình nhượng quyền. Việc nhượng quyền sẽ được thỏa thuận giữa VQG PNKB và các đơn vị kinh doanh du lịch. UBND tỉnh Quảng Bình là cơ quan có thẩm quyền trên hết đối với Quy trình nhượng quyền.

4.3.2. Các hình thức nhượng quyền du lịch

Nhượng quyền kinh doanh Du lịch là cần thiết đối với các hoạt động du lịch thương mại và phát triển tại VQG PNKB. Các hình thức nhượng quyền du lịch đối với VQG PNKB được bố trí như mô tả trong bảng 76. Có thể kết hợp một số hình thức nhượng quyền như nhượng quyền tổ chức tuyến đi bộ bao gồm tham quan hang động.

Bảng 76: Các hình thức nhượng quyền du lịch đối với VQG PNKB

Phạm trù nhượng quyền	Hình thức nhượng quyền	Mô tả vắn tắt
A: Tổ chức lưu trú	A1: Nhượng quyền kinh doanh lưu trú lâu dài	Bao gồm các cơ sở lưu trú vĩnh viễn. Thí dụ những công trình nhà đã có và được chuyển đổi sang dạng homestay.
	A2: Nhượng quyền kinh doanh lưu trú tạm thời	Bao gồm các cơ sở lưu trú được xây dựng tạm thời. Thí dụ các điểm dựng lều bạt hay cắm trại cho tour trekking (du lịch đi bộ).
B: Tổ chức hoạt động du lịch	B1: Nhượng quyền tổ chức hoạt động Trekking	Bao gồm các hoạt động liên quan đến trekking như đi bộ trong nhiều ngày. Cần xác định các tuyến cụ thể.
	B2: Nhượng quyền kinh doanh hoạt động bơi thuyền kayak, đi canoe, và trượt nước (Tubing)	Gồm các hoạt động trên sông. Những đoạn sông cụ thể cần nêu rõ.
	B3: Nhượng quyền kinh doanh các tour tham quan	Gồm kinh doanh các tour có hướng dẫn viên đến các điểm tham quan trong VQG PNKB.
	B4: Nhượng quyền kinh doanh tour thăm hang động	Gồm các chương trình tham quan hang động.
	B5: Nhượng quyền kinh doanh các hoạt động du lịch khác	Gồm các hoạt động du lịch khác trong VQG PNKB.
C. Tổ chức các điểm/dịch vụ	C1. Nhượng quyền kinh doanh ăn uống	Gồm các cửa hàng ăn uống tại các điểm cụ thể trong VQG PNKB.
	C2. Nhượng quyền kinh doanh hàng lưu niệm và chụp hình	Gồm các cửa hàng lưu niệm và chụp hình trong VQG PNKB.

4.3.3. Cơ cấu thu phí và thời hạn nhượng quyền kinh doanh du lịch

Mọi đơn vị khai thác sẽ phải trả phí nhượng quyền để có được quyền kinh doanh hoặc các lợi ích khác tại VQG PNKB. Các khoản phí phụ thuộc vào từng hoạt động và yêu cầu cụ thể trên cơ sở đàm phán. Cơ cấu phí có thể được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu của hoạt động kinh doanh (thường từ 5 đến 10%), theo mỗi hecta đất phát triển, trên đầu người hoặc theo chuyến, theo mức phí cố định, hoặc kết hợp các hình thức này tùy vào hoạt động và mức độ của thị trường.

Thời hạn nhượng quyền nên kéo dài đủ lâu để các đơn vị tổ chức hoạt động du lịch có quan điểm phát triển dài hạn và duy trì hoạt động kinh doanh, nhưng phải đủ ngắn để ứng phó với những tác động tiềm tàng. Nói chung hợp đồng nhượng quyền có thể dao động từ 2 năm đến 10 năm. Nếu hết kỳ hạn nhượng quyền, đơn vị tổ chức hoạt động du lịch hoặc nhà đầu tư phải làm hồ sơ xin nhượng quyền khai thác lại. và giảm thiểu các vấn đề có thể nảy sinh.

Bảng 77 nêu cơ cấu phí và thời hạn nhượng quyền kinh doanh du lịch đối với VQG PNKB.

Bảng 77: Cơ cấu phí và thời hạn nhượng quyền kinh doanh du lịch đối với VQG PNKB

Hình thức nhượng quyền	Cơ cấu phí	Thời hạn
A1: Nhượng quyền kinh doanh lưu trú lâu dài	Hợp đồng thuê cơ sở theo thỏa thuận từng năm.	Từ 5 đến 10 năm.
A2: Nhượng quyền kinh doanh lưu trú tạm thời	Hợp đồng thuê địa điểm theo thỏa thuận từng năm.	Đến 5 năm.
B1: Nhượng quyền tổ chức hoạt động Trekking	Tính theo đầu người.	Đến 3 năm.
B2: Nhượng quyền kinh doanh hoạt động bơi thuyền kayak, đi ca nô, và Tubing	Tính theo đầu người.	Đến 3 năm.
B3: Nhượng quyền kinh doanh các tour tham quan	Tính theo đầu người.	Đến 3 năm.
B4: Nhượng quyền kinh doanh tour thăm hang động	Tính theo đầu người.	Đến 3 năm.
B5: Nhượng quyền kinh doanh các hoạt động du lịch khác	Tính theo đầu người.	Đến 3 năm.
C1. Nhượng quyền kinh doanh ăn uống	Hợp đồng thuê địa điểm theo thỏa thuận từng năm	Đến 5 năm.
C2. Nhượng quyền kinh doanh hàng lưu niệm và chụp hình	Hợp đồng thuê địa điểm theo thỏa thuận từng năm	Đến 5 năm.

4.3.4. Những yêu cầu về thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch

Thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch thay đổi tùy theo loại thỏa thuận và vào hoạt động sẽ tổ chức. Bảng 78 liệt kê các yêu cầu tối thiểu đối với thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch.

Bảng 78: Những yêu cầu về thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch đối với VQG PNKB

Những yêu cầu về thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch
➢ Mô tả rõ ràng và chi tiết các hoạt động du lịch liên quan – Phần mô tả phải bao gồm trang thiết bị sử dụng, lượng khách, số chuyến mỗi ngày, các điểm cụ thể sẽ được sử dụng, v.v.... ➢ Các điều kiện của Thỏa thuận – những giới hạn, ví dụ số chuyến hoặc số khách mỗi ngày, thỏa thuận trên cơ sở khoản phí hay theo doanh thu? Và thời hạn của thỏa thuận. ➢ Danh mục chi tiết những tác động tiềm tàng của hoạt động du lịch. ➢ Phương pháp mà đơn vị khai thác giám sát và đánh giá tác động và có khả năng giảm thiểu tác động của hoạt động du lịch. ➢ Cam kết các hoạt động đề nghị sẽ phù hợp với một văn bản quy hoạch hiện tại. ➢ Bản kế hoạch về vệ sinh và an toàn chi tiết đối với hoạt động du lịch ➢ Bản mô tả hoạt động du lịch sẽ góp phần bảo tồn VQG PNKB như thế nào. ➢ Bản liệt kê nội dung trách nhiệm của VQG PNKB

4.3.5. Quy trình xin phép tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch

Quy trình xin giấy phép tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch gồm có sáu bước chính:

Bước một - Nộp hồ sơ – Đề án tổ chức hoạt động du lịch cụ thể

- ▶ Các đơn vị tổ chức du lịch, nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp cộng đồng cần phải điền vào một mẫu đơn tiêu chuẩn dành cho các hoạt động đề nghị. Kế hoạch kinh doanh và thông tin bổ sung như đánh giá tác động môi trường có thể đính kèm theo đơn.

Bước Hai - VQG PNKB thẩm định hồ sơ

- ▶ Cán bộ thẩm quyền của VQG PNKB sẽ xem xét hồ sơ và kiểm tra tất cả các thông tin cần thiết trong hồ sơ. Bước này cũng có thể bao gồm đánh giá sơ bộ, nếu đề án phù hợp đối với VQG PNKB.

Bước Ba - Bổ sung làm rõ

- ▶ Nếu có bất kỳ văn bản nào bị thiếu hoặc nếu có phần nào không rõ trong đề án, thì VQG PNKB sẽ yêu cầu các đơn vị tổ chức hoạt động du lịch, nhà đầu tư hoặc chủ doanh nghiệp cộng đồng làm rõ.

Bước Bốn - Lấy ý kiến các bên liên quan

- ▶ Thông tin về hồ sơ sẽ được chuyển cho UBND tỉnh Quảng Bình và các cơ quan liên quan. Điều cần lưu ý là nếu các hoạt động đề xuất có liên quan đến Vùng đệm của VQG PNKB, cộng đồng cũng nên được đưa vào quy trình lấy ý kiến. Lý tưởng nhất là đề án sẽ được thông báo quảng cáo công khai để những người quan tâm có cơ hội trình bày quan điểm. Một cuộc họp chất vấn công khai hoặc quy trình tham khảo ý kiến rộng rãi cũng có thể cần thiết để mọi người trình bày quan điểm của họ chi tiết hơn.

Bước Năm – Ra quyết định

- ▶ Sau khi quá trình tham vấn đã xong, VQG PNKB sẽ tranh thủ ý kiến của UBND tỉnh Quảng Bình để quyết định có nhượng quyền hay không. Một dự thảo thỏa thuận nhượng quyền sẽ được lập trong đó nêu rõ trách nhiệm và điều kiện của tất cả các bên liên quan.

Bước Sáu – Hoàn tất thỏa thuận nhượng quyền

- ▶ Dự thảo hợp đồng nhượng quyền cần được thương thảo và hoàn tất để hoạt động du lịch có thể triển khai tại VQG PNKB.

4. Thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch tại vùng đệm

4.4.1. Trách nhiệm liên quan đến thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch

Cơ sở pháp lý và tổ chức hoạt động du lịch ở Vùng đệm khác hẳn với VQG PNKB. Trong khu vực VQG PNKB, VQG là cơ quan quản lý phát triển du lịch với mục đích để bảo vệ và bảo tồn môi trường. Trong Vùng đệm, chính quyền huyện và xã quản lý hoạt động du lịch, tuy nhiên yêu cầu quản lý tương đối ở mức độ thấp hơn. Tại đây, bản thân cộng đồng đóng một vai trò chủ chốt và thường là đối tác với các doanh nghiệp phát triển du lịch và nhà đầu tư. Hơn nữa, với phát triển du lịch cộng đồng, cộng đồng tích cực tham gia trong phát triển du lịch cùng với đơn vị tổ chức hoạt động du lịch.

Vùng đệm bao gồm 13 xã và du lịch có thể ảnh hưởng đến rất nhiều thôn bản. Xã và thôn bản có thể tham gia tổ chức hoạt động du lịch độc lập. Các đơn vị kinh doanh du lịch làm việc với cộng đồng cần phải xây dựng thỏa thuận hợp tác với cộng đồng cụ thể, chính quyền xã và huyện liên quan – các ban quản lý du lịch cộng đồng. Quyền hạn trên hết đối với các hoạt động du lịch tại Vùng đệm thuộc về UBND huyện và UBND tỉnh Quảng Bình.

4.4.2. Các loại thỏa thuận tổ chức hoạt động du lịch

Đối với tất cả các hoạt động khai thác và phát triển du lịch trong Vùng đệm cần phải có thỏa thuận tổ chức hoạt động du lịch giữa cộng đồng và đơn vị khai thác. Thỏa thuận tổ chức hoạt động du lịch có thể gồm nhiều hơn một loại hình thỏa thuận. Các thỏa thuận tổ chức hoạt động du lịch cho Vùng đệm có thể được tổ chức như mô tả trong bảng 79.

Bảng 79: Các loại thỏa thuận tổ chức hoạt động du lịch trong vùng đệm

Phạm trù thỏa thuận	Loại thỏa thuận	Mô tả
A: Thỏa thuận tổ chức hoạt động CBT	D1. Tổ chức nghỉ lại trong dân (Homestay)	Gồm tất cả những thỏa thuận liên quan đến tổ chức homestay.
	D2. Các hoạt động du lịch cộng đồng	Gồm tất cả những thỏa thuận liên quan đến hoạt động du lịch cộng đồng
	D3. Các hoạt động/ chương trình biểu diễn văn hóa	Gồm tất cả những thỏa thuận liên quan đến các hoạt động/ chương trình biểu diễn văn hóa.
B: Các hoạt động du lịch khác	B1: Các hoạt động du lịch khác	Gồm những thỏa thuận không liên quan trực tiếp đến CBT

4.4.3. Cơ cấu thu phí và thời hạn thỏa thuận tổ chức hoạt động du lịch

Các đơn vị tổ chức tour du lịch gắn kết với cộng đồng đều phải trả chi phí hợp lý cho việc phục vụ và trải nghiệm mà họ nhận được từ cộng đồng. Các đơn vị tổ chức tour phải có trách nhiệm với cộng đồng, đặc biệt là trong quá trình thương lượng mức phí. Thường thì các cộng đồng không có kinh nghiệm về việc đưa ra mức giá cho các hoạt động du lịch. Các đơn vị tổ chức tour chỉ ít phải xây dựng thỏa thuận dựa trên mức giá thị trường đối với các hoạt động và trải nghiệm. Theo gợi ý thì mức phí nên tính theo đầu người đối với các hoạt động CBT.

Thời hạn của hợp đồng kinh doanh nên đủ lâu để các đơn vị tổ chức du lịch có tầm nhìn dài hạn trong phát triển và duy trì doanh nghiệp nhưng đủ ngắn để cộng đồng ứng phó với những tác động tiềm tàng và giảm thiểu các vấn đề có thể nảy sinh. Ở giai đoạn này, thỏa thuận kinh doanh không nên quá hai năm. Điều này đảm bảo rằng các khoản phí có thể điều chỉnh theo mức của thị trường.

Bảng 80 cho thấy cơ cấu phí và khung thời gian cho các thỏa thuận kinh doanh du lịch tại Vùng đệm.

Bảng 80: Cơ cấu phí và khung thời gian cho các thỏa thuận kinh doanh du lịch tại Vùng đệm

Hình thức thỏa thuận	Cơ cấu phí	Thời hạn
D1. Du lịch Homestay	Theo đầu người.	Đến 2 năm
D2. Các hoạt động DLCĐ	Theo đầu người.	Đến 2 năm
D3. Biểu diễn/hoạt động văn hóa	Theo đầu người.	Đến 2 năm
D4: Các hoạt động du lịch khác	Theo đầu người.	Đến 2 năm

4.4.4. Những yêu cầu đối với thỏa thuận tổ chức kinh doanh du lịch

Các thỏa thuận tổ chức hoạt động du lịch về bản chất là một hợp đồng kinh doanh giữa đơn vị tổ chức tour du lịch và cộng đồng. Bằng việc ký thỏa thuận, đơn vị tổ chức tour du lịch được quyền làm việc với cộng đồng, và cộng đồng có quyền làm việc với đơn vị tổ chức tour du lịch có trách nhiệm.

Nguyên tắc quy hoạch và phát triển CBT cho thấy rằng cộng đồng địa phương phải ở trong một vị trí quyết định điều kiện để các hoạt động du lịch diễn ra trong cộng đồng của họ (các phương pháp và quy trình phát triển CBT được đề cập rõ hơn trong phần 4.6.). Điều này đòi hỏi cộng đồng địa phương, thường do Ban Quản lý Du lịch địa phương đại diện, có khả năng xác định, thảo luận, và quyết định các điều khoản của hoạt động kinh doanh du lịch trong cộng đồng của họ. Việc bố trí hoạt động hiệu quả và công bằng đối với các cộng đồng cung cấp dịch vụ và đơn vị tổ chức tour nhằm đưa du khách đến với các cộng đồng là rất quan trọng, vì nó hỗ trợ hoạt động hiệu quả và phối hợp tốt các dịch vụ du lịch, phân phối công bằng lợi ích, những kinh nghiệm du lịch chất lượng, và quan hệ chủ-khách và hoạt động kinh doanh đều thân thiện.

Phụ lục 6 cho ta ví dụ về thỏa thuận giữa một ban quản lý du lịch địa phương và đơn vị hoạt động du lịch nhằm tạo thuận lợi cho sự hiểu biết rõ ràng và trách nhiệm lẫn nhau để đem lại những trải nghiệm du lịch chất lượng, phân chia lợi ích một cách công bằng.

Phụ lục 9: Thỏa thuận tổ chức các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng ở vùng đệm

Thỏa thuận tổ chức hoạt động giữa Bên (“X”) Ban Quản lý Du lịch Cộng đồng và Đơn vị tổ chức tuyển điểm du lịch

1. Mục tiêu và mục đích

Mục tiêu là nhằm xây dựng trải nghiệm du lịch bổ ích, chất lượng cao và bền vững thông qua việc tổ chức hoạt động hiệu quả trên cơ sở chia sẻ lợi ích bình đẳng, sự kỳ vọng và trách nhiệm rõ ràng vì lợi ích chung.

Hai bên nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì trải nghiệm du lịch lành mạnh; đối với cộng đồng địa phương, khách du lịch, và các doanh nghiệp du lịch. Đối với cộng đồng địa phương, trải nghiệm du lịch lành mạnh góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống nói chung bằng việc phân chia lợi ích bình đẳng. Đối với khách du lịch điều này đồng nghĩa với trải nghiệm thực sự chất lượng, có giá trị, an toàn và thú vị. Đối với các đơn vị lữ hành điều này có nghĩa là sản phẩm du lịch chất lượng cao, nhất quán, nguyên bản và có tương lai.

Đối với các hoạt động du lịch tại thôn (“X”) để tạo phương thức quản lý tốt và lành mạnh, hai bên nhận thấy việc nêu những kỳ vọng và phân công công việc giữa Ban Quản lý Du lịch Cộng đồng và Đơn vị lữ hành có trách nhiệm liên quan là cần thiết nhằm đảm bảo đáp ứng các mục tiêu được đặt ra. Mục đích của thỏa thuận này là tạo ra một sự hiểu biết chính thức giữa hai bên để hỗ trợ các lợi ích chung một cách công khai và bình đẳng.

2. Các bên gồm: (Tên và chức vụ)

Ban Quản lý Du lịch Cộng đồng (sau đây gọi tắt là BQLDLCĐ) đã được thành lập với tư cách là một (“X”) vào ngày (“Y”), gồm có (“X”) thành viên, do:

Ông/Bà (“Y”) – Trưởng ban, làm đại diện

Đơn vị tổ chức tuyển điểm du lịch (sau đây gọi tắt là Đơn vị lữ hành) là một công ty có đăng ký, được thành lập theo (“X”) vào ngày (“Y”), do:

Ông/Bà (“W”), làm đại diện

3. Thời hạn:

Thời hạn của Thỏa thuận này là (“X”) năm kể từ ngày ký. Thỏa thuận này sẽ được hai bên xem xét hàng năm vào thời điểm hai bên cùng thống nhất để chịu và thường xuyên được giám sát.

II. Những nội dung thỏa thuận và đóng góp

1. Những Thỏa thuận chung mà hai bên thống nhất nhằm:

- Tìm ra những lợi ích chung của cả hai bên
- Duy trì phương thức chia sẻ thông tin, liên lạc công khai và rõ ràng
- Tìm cách mang lại trải nghiệm chất lượng cho du khách và các thành viên của cộng đồng sở tại
- Tôn trọng và thực hiện nghĩa vụ đã nêu trong Thỏa thuận tổ chức hoạt động
- Tuân thủ bộ quy tắc ứng xử của du khách

2. Những thỏa thuận cụ thể về các mục tiêu dựa trên giá trị

2.1 Bảo tồn văn hóa và phong tục

Các giá trị và mục tiêu cơ bản:

Các hoạt động du lịch sẽ góp phần vào việc bảo tồn và phát huy nền văn hóa và phong tục địa phương.

Các thỏa thuận:

Đơn vị lữ hành nhất trí lắng nghe và tôn trọng các yêu cầu cũng như đề nghị của BQLDLCD hoặc thành viên cộng đồng liên quan đến vấn đề về văn hóa và phong tục, đồng thời thực hiện việc xin phép và làm sáng tỏ mọi vấn đề trước khi tham gia vào các hoạt động liên quan đến văn hóa và phong tục của địa phương.

Cộng đồng nhất trí đem lại trải nghiệm chất lượng cao, nguyên bản và an toàn cho du khách tức là tôn trọng và giới thiệu các hoạt động về văn hóa và phong tục một cách công bằng và lành mạnh.

2.2 Bảo vệ môi trường và quản lý chất thải

Các giá trị và mục tiêu cơ bản:

Việc tôn trọng và bảo tồn môi trường địa phương là ưu tiên cơ bản trong việc phát triển và duy trì trải nghiệm du lịch lành mạnh và bền vững.

Các thỏa thuận:

Đơn vị lữ hành nhất trí: giảm việc tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên đến mức thấp nhất do khách tham quan tạo ra nhằm đảm bảo tài nguyên của địa phương không chịu căng thẳng quá mức, tránh việc sử dụng hóa chất, và xử lý chất thải đúng cách, sử dụng cách tiếp cận "mô hình tốt nhất".

Cộng đồng nhất trí: Duy trì một môi trường địa phương trong lành, tìm cách bảo tồn tài nguyên thiên nhiên bị tiêu hao thông qua việc hỗ trợ các hoạt động du lịch, và quản lý chất thải tại địa phương một cách có trách nhiệm.

2.3 Lợi ích kinh tế của địa phương

Các giá trị và mục tiêu cơ bản:

Việc tạo ra và phân phối công bằng lợi ích kinh tế của địa phương là một mục tiêu quan trọng cho sự phát triển và duy trì trải nghiệm du lịch chất lượng cao.

Các thỏa thuận:

Đơn vị lữ hành nhất trí tham gia và đóng góp vào kinh tế địa phương, cũng như khuyến khích khách hàng của mình, thông qua việc mua các sản phẩm và dịch vụ và đóng góp cho nền kinh tế địa phương theo cách phân phối lợi ích công bằng nhất.

Các thành viên cộng đồng địa phương nhất trí góp phần vào việc phân phối công bằng lợi ích kinh tế từ du lịch bao gồm tăng cường cơ hội nhiều hơn cho các đối tượng thiệt thòi trong cộng đồng.

3. Ủng hộ các quy tắc ứng xử và Thỏa thuận tổ chức hoạt động:

3.1 Các quy tắc ứng xử của du khách (Phụ lục 1)

Trải nghiệm tích cực của du khách và chủ thể có tầm quan trọng cơ bản. Để hỗ trợ vấn đề này, một bộ quy tắc ứng xử mô tả các hành vi mong muốn đối với du khách do BQLDLCĐ xây dựng nên. Những quy tắc này sẽ được các đơn vị lữ hành phân phát cho khách trước khi đến tham quan. Những quy tắc này cũng sẽ được BQLDLCĐ để sẵn trong thôn, bản.

3.2 Thỏa thuận hoạt động (Phụ lục 2)

Các hoạt động triển khai có lợi cho cả cộng đồng địa phương lẫn các đơn vị lữ hành vì nó thúc đẩy tính hiệu quả, những trải nghiệm đáng tin cậy và chất lượng, và thoải mái trong tổ chức hoạt động. Thỏa thuận hoạt động được xây dựng với mục đích đem lại hiểu biết sâu hơn và phân công công việc giữa hai bên về mọi vấn đề liên quan đến việc phân phối công bằng và hiệu quả các hoạt động và dịch vụ du lịch.

4. Phân bổ Chi phí - lợi ích

Các quy định của BQLDLCĐ được lập thành hệ thống rõ ràng để phân bổ chi phí và lợi ích của các hoạt động du lịch. Đơn vị lữ hành dự kiến sẽ hỗ trợ và đóng góp cho hệ thống này. Một cuộc họp mở rộng hàng năm sẽ được tổ chức để công khai sổ sách tài chính. Các bên tham gia vào Thỏa thuận này đều có thể yêu cầu cung cấp báo cáo hàng năm này.

5. Nghĩa vụ - Trách nhiệm

Đơn vị lữ hành thường xuyên thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm về sự an toàn và sức khỏe cho khách. Đơn vị lữ hành chịu trách nhiệm cao nhất về hành vi và hành động của du khách và chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại đối với các công trình và thiết bị tại chỗ do chính đơn vị lữ hành hoặc khách hàng của họ gây ra.

BQLCBT chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các cơ sở du lịch và dịch vụ được duy trì phục vụ với chất lượng và độ tin cậy cao. Mọi thành viên của cộng đồng sẽ tìm cách bảo đảm độ an toàn và sức khỏe cho du khách với khả năng tốt nhất của mình.

6. Giải quyết tranh chấp

Cả hai bên sẽ nỗ lực giải quyết mọi mâu thuẫn hoặc bất đồng trên tinh thần thương lượng và hiểu biết lẫn nhau. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng, thì sẽ áp dụng theo quy định của luật pháp Việt Nam.

7. Sửa đổi và chấm dứt thỏa thuận

Đề xuất sửa đổi Thỏa thuận này có thể do một trong hai bên đưa ra để bên kia xem xét bất kỳ lúc nào. Khi cả hai bên đều nhất trí, thì sẽ điều chỉnh thỏa thuận này thông qua văn bản sửa đổi bổ sung, có chữ ký của cả hai bên.

Một trong hai bên có thể chấm dứt thỏa thuận này bất kỳ thời điểm nào sau khi trình bày rõ lý do và tại sao lại chọn giải pháp chấm dứt thỏa thuận. Trong trường hợp chấm dứt thỏa thuận, hai bên sẽ phải tìm ra giải pháp công bằng và bình đẳng.

Chữ ký:

Ban Quản lý Du lịch Cộng đồng:

Ông/Bà (“Y”), Trưởng ban

Đơn vị lữ hành, do:

Ông/Bà (“Z”), đại diện

Phụ lục

1. Quy tắc ứng xử của du khách
2. Thỏa thuận tổ chức hoạt động

Phụ lục 10: Danh mục các Chỉ báo Phát triển Du lịch tiềm năng

Được trích từ: "Bộ công cụ Quản lý và Giám sát Du lịch cộng đồng" do Mạng lưới Kiến thức Du lịch vùng Châu Á của SNV xây dựng, Tiến sĩ Louise Twining-Ward, ST-CRC và Đại học Hawaii, 2007.

I. Chỉ báo môi trường

Bảo tồn

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
BẢO VỆ RỪNG	1.	Tỷ lệ diện tích rừng theo chương trình sử dụng bền vững
	2.	Phạm vi bảo vệ tính theo km vuông
	3.	Mức độ suy thoái ở những khu vực được cho là đa dạng sinh học
	4.	Thay đổi trạng thái tài nguyên rừng ở những khu vực thí điểm
	5.	Tỷ lệ thay đổi ở rừng nguyên sinh
	6.	Sự tồn tại của các loài chính
	7.	Số lượng loài được cho là giảm
	8.	Số lượng các loài bị đe dọa hay tuyệt chủng theo tỷ lệ của tất cả các loài được biết
DU LỊCH & THIÊN NHIÊN	1.	Giá trị của các loài quan trọng với du lịch
	2.	Giá trị của tài nguyên rừng đối với du lịch
	3.	Số ngày du khách tham gia các hoạt động du lịch thiên nhiên so với số tổng số ngày của kì nghỉ
	4.	Số khách đến tham quan các điểm du lịch mỗi tháng
	5.	Thu nhập từ du lịch ở các vùng hoặc công viên được bảo tồn
	6.	Số lượng các doanh nghiệp hỗ trợ các dự án du lịch sinh thái
	7.	Đối với các khu vực được bảo tồn, du lịch đóng khoảng 50% hoặc hơn trong thu nhập của vùng
	8.	Số thôn bản quản lý tốt tài nguyên rừng theo pháp luật
	9.	Số lượng các hoạt động du lịch sinh thái ở những vùng bảo tồn thí điểm
HOẠT ĐỘNG DU LỊCH	1.	Số lượng khách sạn có chính sách về môi trường
	2.	Số người điều hành tour nhận thức đầy đủ về ảnh hưởng của môi trường
	3.	Tỷ lệ đánh giá tác động môi trường mà những nghiên cứu tiếp theo đã thực hiện

Chất thải

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
RÁC THẢI KHU VỰC	1.	Mật độ tạo chất thải được tính theo đầu người hay theo đơn vị của GDP
	2.	Chất thải độc hại trên mỗi đơn vị GDP
	3.	Tỷ lệ làng có thùng rác công cộng
	4.	Thay đổi về mức độ vệ sinh của làng xã do ủy ban thanh tra mỹ quan môi trường báo cáo
	5.	Tỷ lệ hộ gia đình có chuồng heo

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
	6.	Quy định hiện hành về quản lý rác thải sinh hoạt
	7.	Thay đổi về giá thu gom rác thải tính theo đầu người
	8.	Các chiến dịch nâng cao nhận thức về môi trường đã được thực hiện
	9.	Số cửa hàng tích cực giảm sử dụng bao bì nhựa
	10.	Số lượng nhà xí thải thẳng ra khu vực đầm phá hiện có
	11.	Số lượng các hoạt động của các tổ chức NGO tập trung vào việc giảm rác thải
	12.	Số lượng thôn bản giữ gìn thùng rác thôn mình sạch sẽ
DU LỊCH & RÁC THẢI	1.	Thay đổi số lượng rác thải tại các địa điểm du lịch
	2.	Thay đổi tỷ lệ nước thải đã qua xử lý từ những địa điểm phục vụ du lịch
	3.	Số lượng toilet tự hoại được sử dụng trong công nghiệp du lịch
	4.	Số lượng khách sạn có phân loại rác thải
	5.	Nhận thức của du khách về rác thải/vấn đề rác thải
	6.	Số lượng rác thải ở các khu vực công cộng
	7.	Trực khuẩn ruột từ phân thu được từ sông/hồ
	8.	Số lượng khách sạn có chính sách quản lý rác thải
	9.	Số lượng những đơn vị lữ hành tích cực khuyến khích khách mang rác không thể tự phân hủy về nhà
	10.	Số lượng bãi biển được dọn dẹp hằng tuần tại các điểm du lịch
	11.	Số lượng khách sạn (riêng lẻ) làm rác thành phân/tái chế 25% hoặc hơn rác thải của mình
	12.	Số lượng các trường hợp ô nhiễm được báo cáo liên quan đến phát triển du lịch
	13.	Chi phí giá phòng khách sạn nếu có xử lý rác thải
	14.	Thay đổi trong cách đánh giá rác thải ở các địa điểm được chọn trong quá trình thanh tra
	15.	Số các điểm du lịch có các chiến dịch nâng cao nhận thức về môi trường

Nước

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
CHẤT LƯỢNG NƯỚC	1.	Tỷ lệ cung/cầu cấp nước
	2.	Chất lượng nước sông tính theo hàm lượng oxy và nito trong nước
	3.	Lượng tiêu thụ nước trong gia đình tính theo đầu người
	4.	Giá nước trên mỗi mét khối
	5.	Mức độ độ sử dụng tài nguyên nước (lượng nước tiêu dùng hằng năm/nguồn nước sẵn có)
	6.	Số lượng trực khuẩn đường ruột có trong phân và kim loại nặng trong nước sinh hoạt
	7.	Tần số các bệnh do nước gây ra; số/tỷ lệ báo cáo
	8.	Tỷ lệ giữa sử dụng nguồn cấp nước tái sử dụng và không tái sử dụng
	9.	Lượng nước ngầm và nước bề mặt lấy đi hằng năm

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
	10.	Số lượng các báo cáo về rò rỉ nước hằng năm
	11.	Chi phí tu sửa và nâng cấp hệ thống ống
	12.	Tỷ lệ người dân được cung cấp nước đã xử lý lại
	13.	Mức độ nước đầy đủ tính theo đầu người
	14.	Tiết kiệm nước (% giảm, giữ lại hoặc tái chế)
	15.	Tỷ lệ người sử dụng nước thương mại có sử dụng đồng hồ nước
CẤP NƯỚC	1.	Tiếp cận nguồn nước sạch
	2.	Số lượng các đợt nhiễm mặn ở lưu vực có báo cáo
	3.	Số lượng nước lấy được dùng cho gia súc
	4.	Tỷ lệ các vùng lấy nước được bảo vệ để không sử dụng sai mục đích
	5.	Số lượng khách sạn tại các khu vực lấy nước
	6.	Các chiến dịch nâng cao nhận thức được thực hiện nhằm giữ những khu vực lấy nước được sạch sẽ
	7.	Số lượng các trường học lồng ghép tầm quan trọng của những khu vực lấy nước trong chương trình học
	8.	Thay đổi về số lượng địa chủ có nuôi gia súc ở những khu vực lấy nước
	9.	Số lượng làng tham gia bảo vệ các khu vực lấy nước
	10.	Số lượng các hoạt động không đúng đắn ở những khu vực lấy nước
SỬ DỤNG NƯỚC	1.	Số lượng khách sạn sử dụng toilet giặt nước đôi
	2.	Số lượng khách sạn sử dụng nước được đo bằng đồng hồ
	3.	Phát triển du lịch ở những khu vực lấy nước
	4.	Số lượng các biện pháp sử dụng nước hiệu quả thường do các cơ sở phục vụ du lịch sử dụng
	5.	Thay đổi trong tỷ lệ lượng nước được sử dụng bởi khách du lịch/được người dân sử dụng tính theo đầu người
SỬ DỤNG ĐIỆN	1.	Lượng tiêu thụ năng lượng từ các nguồn tính theo đầu người
	2.	Sử dụng điện trên mỗi khách du lịch mỗi ngày
	3.	Sử dụng điện trên mỗi khách du lịch mỗi năm theo loại và/hoặc tiêu chí của các cơ sở phục vụ du lịch
	4.	Tỷ lệ tham gia kinh doanh trong các chương trình bảo vệ năng lượng
	5.	% lượng tiêu thụ năng lượng từ các nguồn tái sinh

II. CHỈ BÁO KINH TẾ

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
THU NHẬP TỪ DU LỊCH	1.	Tỷ lệ lương bình quân trong các khách sạn/nhà hàng/khác
	2.	Số lượng người dân địa phương làm việc trong lĩnh vực du lịch (nam và nữ)
	3.	Thu ngân sách từ du lịch so với % doanh thu trong cộng đồng
	4.	Tỷ lệ du khách qua đêm tại các địa điểm du lịch địa phương
	5.	Chi phí hằng năm của các quầy lưu niệm về sản phẩm sản xuất tại địa phương

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
	6.	Thu nhập từ du lịch tại các thôn bản được chọn
	7.	Số lượng các dự án du lịch được cộng đồng thực hiện
	8.	Số lượng các nhóm ở những thôn bản được chọn liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp vào du lịch
	9.	Giá trị các hàng hóa trong nước được ngành du lịch tiêu thụ hằng năm/ Tổng mức tiêu thụ của ngành
	10.	Số người trong khu vực nông thôn chiếm chủ yếu tại các cơ sở lưu trú du lịch
	11.	Số cư dân nông thôn (theo giới tính) làm việc trực tiếp trong ngành du lịch
CUNG CẤP DỊCH VỤ DU LỊCH	1.	Số cư dân nông thôn tham gia cung cấp hàng hóa cho khách du lịch hoặc các cơ sở du lịch
	2.	Tỷ lệ sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ của khách du lịch được cung cấp tại địa phương
	3.	Tuổi thọ của các doanh nghiệp du lịch (tỷ lệ doanh thu)
	4.	Thế mạnh của các thành viên hiệp hội du lịch địa phương
	5.	Tỷ lệ khách sạn sử dụng đa số nhân viên địa phương
	6.	Tỷ lệ các sản phẩm lưu niệm không sản xuất tại địa phương ở các cửa hàng lưu niệm chính
	7.	Số khách sạn dưới sự quản lý của người nước ngoài
THU NHẬP TRONG VÙNG	1.	Tỷ lệ phần trăm việc làm được trong ngành du lịch
	2.	Tỷ lệ tăng trung bình hằng năm về việc làm trực tiếp trong ngành du lịch
	3.	Thu nhập bình quân theo giờ (nam / nữ / bán thời gian) trong ngành du lịch so với trung bình khu vực
	4.	Tốc độ tăng trưởng trung bình trong tổng chi tiêu trên mỗi khách du lịch
	5.	Tổng chi phí cho mỗi khách du lịch mỗi ngày
	6.	Tỷ lệ GDP được cung cấp bởi ngành du lịch
	7.	Thay đổi về số lượng lượt khách đến
	8.	Trung bình lưu trú của khách du lịch
	9.	Tỷ lệ Đầu tư hằng năm vào lĩnh vực du lịch so với tổng doanh thu
	10.	Tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp du lịch mới so với toàn bộ các doanh nghiệp mới thành lập
	11.	Tỷ lệ thay đổi về số lượng phòng khách sạn trong các cơ sở hiện có
CÁC NGUỒN THU TỪ DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG	1.	Tỷ lệ thất thoát ngoại hối từ doanh thu du lịch
	2.	Thuế nhập khẩu thu được từ các nguồn du lịch
	3.	Viện trợ / tiền trợ cấp vào ngành công nghiệp du lịch trên tỷ lệ của tổng doanh thu
	4.	Đóng góp của ngành du lịch đối với nền kinh tế địa phương (các thước đo của phụ thuộc)
	5.	Tỷ lệ đối tác nước ngoài so với đối tác địa phương tại các khách sạn
	6.	Tỷ lệ doanh nghiệp do chủ sở hữu ở cộng đồng địa phương đứng tên đăng ký
	7.	Mức phụ thuộc của ngành du lịch vào viện trợ và tài trợ từ nước ngoài
	8.	Tỷ lệ doanh nghiệp du lịch đăng ký với nhà quản lý người Samoa

III. CHỈ BÁO VỀ ĐÓI NGHÈO

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
THU NHẬP CỘNG ĐỒNG	1.	Thu nhập hàng năm được tạo ra bởi cộng đồng
	2.	Tỷ lệ thu nhập dựa vào du lịch so với các hoạt động tạo thu nhập truyền thống
	3.	Tỷ lệ thời gian dành riêng cho du lịch so với các hoạt động tạo thu nhập truyền thống
	4.	Tỷ lệ thời gian dành riêng cho du lịch so với thu nhập du lịch
	5.	Đóng góp tài chính hàng năm từ các dự án du lịch cộng đồng
DOANH NGHIỆP QUY MÔ NHỎ	1.	Tổng số DNVVN hoạt động trong cộng đồng
	2.	Ưu đãi cho các DNVVN trong cộng đồng
	3.	Khảo sát cộng đồng về tính hữu ích và thành công của các chương trình phát triển khác nhau
	4.	Số lượng và loại hình chương trình phát triển đã có (giáo dục, đào tạo)
LAO ĐỘNG ĐỊA PHƯƠNG	1.	% Công nhân trong cộng đồng trực tiếp làm việc trong ngành du lịch, % toàn thời gian, % bán thời gian)
	2.	Tỷ lệ lương được trả thấp nhất cho nhân viên du lịch địa phương
	3.	Kiểm toán hàng năm về sự đóng góp của các hoạt động khác nhau với nhu cầu của hộ gia đình
	4.	% Người dân bản địa làm việc trực tiếp trong ngành du lịch
	5.	Tỷ lệ "người từ nơi khác" làm việc trong ngành du lịch

IV. CHỈ BÁO VỀ BÌNH ĐẲNG

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
CƠ HỘI CHO PHỤ NỮ	1.	Phụ nữ/nam giới làm việc trong ngành du lịch tính theo tỷ lệ %
	2.	Phụ nữ/nam giới làm việc trong ngành du lịch chính thức tính theo tỷ lệ %
	3.	Phụ nữ/nam giới làm việc trong ngành du lịch không chính thức tính theo tỷ lệ %
	4.	% phụ nữ/ nam giới làm việc bán thời gian
THÂM NIẾN	1.	% Phụ nữ / nam giới trong các loại thu nhập du lịch khác nhau
	2.	% Phụ nữ / nam giới không có kỹ năng, bán lành nghề, và chuyên môn trong ngành công nghiệp này
DOANH NGHIỆP	1.	% Phụ nữ / nam giới điều hành các doanh nghiệp du lịch
	2.	% Số doanh nghiệp du lịch đăng ký bởi phụ nữ / nam giới
TẬP HUẤN	1.	% nhân viên nam/nữ trong lĩnh vực du lịch được đào tạo du lịch chính thức
	2.	% nhân viên nam/nữ được gửi đến các chương trình đào tạo
DU LỊCH CỘNG ĐỒNG	1.	% nam/nữ tham gia trực tiếp (cung cấp dịch vụ) trong các dự án du lịch ở thôn bản
	2.	% nam/nữ tham gia gián tiếp (cung cấp hàng hoá) trong các dự án du lịch ở thôn bản
QUYỀN SỞ HỮU	3.	% nam/nữ sở hữu / kiểm soát các doanh nghiệp du lịch ở thôn bản
KHEN THƯỞNG	1.	Thu nhập bình quân cho phụ nữ / nam giới làm việc trong các doanh nghiệp du lịch ở thôn bản
	2.	% nam/nữ nhân viên tham gia vào du lịch thôn bản hài lòng với công việc và phần

		thường của họ
QUYỀN SỞ HỮU ĐẤT ĐAI	1.	% Phụ nữ / nam giới có quyền sử dụng đất tại các khu vực phát triển du lịch
	2.	% Phụ nữ / nam giới đang nắm giữ quyền cho thuê du lịch
CÁC KHOẢN VAY	1.	% các vấn đề cho vay của ngân hàng cho hoạt động kinh doanh du lịch của phụ nữ/nam giới
	2.	% Phụ nữ / nam giới không thể chi trả các khoản vay ngân hàng
	3.	% Các khoản trợ cấp được cấp cho phụ nữ/nam giới trong kinh doanh du lịch

V. CÁC CHỈ BÁO VỀ VĂN HÓA XÃ HỘI

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
MÂU THUẪN TRONG DÂN	1.	Số lượng khiếu nại của khách du lịch về hành vi của người dân địa phương
	2.	Số khách du lịch liên quan đến tội phạm được báo cáo
	3.	Sự hài lòng của địa phương với du lịch
	4.	Số thôn bản mà những vấn đề liên quan đến du lịch đã được giải quyết
	5.	Sự hài lòng với du lịch làng hoạt động du lịch / không hoạt động du lịch
TỘI PHẠM	1.	Số tội phạm được báo cáo bởi khách du lịch/ Tổng lượng khách / năm.
	2.	% Du khách cho rằng điểm đến là an toàn
	3.	Số bãi biển an toàn / tuần tra bãi biển
	4.	Số khách bị phạt tiền do liên quan đến tội phạm
	5.	Số vụ phạm tội được báo cáo bởi khách du lịch/ Tổng lượng khách du lịch mỗi năm
	6.	Số trường hợp mại dâm trẻ em bị phát hiện / khách du lịch
THỦ CÔNG MỸ NGHỆ	1.	Đánh giá chất lượng của các đồ lưu niệm được bán tại các cửa hàng lưu niệm chính
	2.	Du khách hài lòng với chất lượng của các đồ lưu niệm
	3.	Thay đổi về chất lượng các sản phẩm thủ công mỹ nghệ được sản xuất cho thị trường du lịch tại các thôn bản chính
	4.	Số thợ chạm nổi tiếng cung cấp quà lưu niệm thương mại
	5.	Tỷ lệ thôn bản thí điểm sử dụng nhà truyền thống
	6.	Số nhà mới được xây dựng theo phong cách truyền thống ở thôn bản thí điểm
	7.	Thu nhập từ ngành thương mại lưu niệm
NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN	1.	Tính xác thực của các điệu múa và bài hát được đánh giá tại các lễ hội du lịch
	2.	Đánh giá về mức độ tham gia, trong biểu diễn văn hóa tại các điểm đến du lịch (âm thực, thiết kế và thích ứng, trình diễn, giải trí, thủ công mỹ nghệ)
	3.	Thay đổi về chất lượng của bài hát và múa cụ thể
	4.	Số chương trình đào tạo có sẵn trong nghệ thuật biểu diễn
	5.	Số cuộc thi biểu diễn múa truyền thống
	6.	Số sự kiện trong đó có các buổi biểu diễn múa truyền thống mỗi năm
	7.	Thu nhập từ các đêm khiêu vũ tại khách sạn
	8.	Chi phí mỗi ngày từ khách du lịch trong dịp lễ hội so với thời gian khác

VI. CÁC CHỈ BÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DU LỊCH

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
LƯU LƯỢNG KHÁCH	1.	Chi phí bình quân / thời gian lưu trú = trung bình chi phí trên mỗi khách
	2.	Tỷ lệ sử dụng phòng ở các cơ sở lưu trú được cấp phép mỗi tháng
	3.	Tổng lượt khách du lịch (có nghĩa là hàng tháng, thời kỳ cao điểm)
	4.	Thay đổi số khách đêm tại các cơ sở lưu trú
MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH	1.	Mức độ hài lòng của khách
	2.	Tỷ lệ khách quay lại
	3.	Quan điểm về giá trị đồng tiền
TÁC ĐỘNG CỦA TIẾP THỊ	1.	% khách đến từ các thị trường lớn nhất
	2.	Số tiền chi cho tiếp thị trên mỗi khách
	3.	Thay đổi về số lần xem tại trang web quảng cáo
HIỆU QUẢ KINH DOANH	1.	Tỉ lệ % các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ du lịch trên tổng số tất cả các doanh nghiệp
	2.	Trị giá những hồ sơ của người địa phương/người nước ngoài xin đầu tư phát triển khách sạn mỗi năm
	3.	Tuổi thọ của các doanh nghiệp du lịch (tỷ lệ doanh thu)
	4.	Tỷ lệ chi phí / giá thành về khách sạn, các điểm tham quan, các tour và các tour trọn gói so trong ngành / với đối thủ cạnh tranh

VII. NÂNG CAO NHẬN THỨC

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
NHẬN THỨC TRONG VÙNG	1.	Tỷ lệ tuổi của cá nhân tham gia vào các chương trình nâng cao nhận thức về du lịch
	2.	Số lượng các chương trình nâng cao nhận thức về du lịch chính thức cung cấp cho mọi người thông tin về những gì đang được mong đợi từ du lịch và làm thế nào để tác động đến khách du lịch
	3.	Số TV và Đài phát thanh phát các "tin ngắn" về nhận thức du lịch đúng đắn
	4.	Số phương tiện truyền thông tập trung vào các vấn đề du lịch trong thời kỳ thí điểm
	5.	Số lượng thư được gửi đến ban biên tập báo địa phương về các vấn đề du lịch
KHẢ NĂNG ĐÀO TẠO HIỆN CÓ	1.	Ngân quỹ chi cho đào tạo du lịch
	2.	Tỷ lệ nhân viên du lịch được đào tạo du lịch chính quy
	3.	Tỷ lệ đào tạo về du lịch diễn ra ở các vùng nông thôn
	4.	Số người (theo độ tuổi / giới tính và nông thôn / đô thị) hoàn tất các khóa học đào tạo du lịch mỗi năm
	5.	Số nơi có sẵn các khóa đào tạo du lịch chính quy và không chính quy
	6.	Số lượng thành viên hiệp hội du lịch được đào tạo du lịch chính quy
NỘI DUNG KHÓA HỌC	1.	Số lượng các khóa học du lịch đưa giáo dục môi trường vào chương trình học
	2.	Tỷ lệ các khóa học du lịch đưa giáo dục văn hóa vào chương trình học
	3.	Tỷ lệ thay đổi về số lượng tập trung trong những khía cạnh cụ thể của du lịch bền vững trong giáo dục du lịch chính quy
	4.	Nhận thức của các sinh viên tốt nghiệp khóa học du lịch về các vấn đề du lịch bền vững

SỰ TÌM TÒI CỦA DU KHÁCH	1.	Tỷ lệ du khách khi ra về hiểu biết đôi điều về văn hóa địa phương
	2.	Tỷ lệ du khách tham gia tour du lịch
	3.	Tỷ lệ du khách chọn tour du lịch văn hóa thay vì tham quan thắng cảnh
	4.	Tỷ lệ du khách có những trải nghiệm sâu về văn hóa hay lưu trú tại nhà dân
	5.	Số gia đình-nhà cung cấp dịch vụ lưu trú tại nhà
	6.	Số thôn bản tổ chức các chương trình văn hoá cụ thể cho du lịch
	7.	Số sáng kiến giáo dục cho du khách về cách cư xử đúng khi ở trong thôn
	8.	Tỷ lệ các công ty lữ hành trong nước, cung cấp thông tin cho khách du lịch về hành vi và cách ăn mặc thích hợp
	9.	Số khách sạn cung cấp thông tin về luật lệ của thôn bản

VIII. CHỈ BÁO THỰC HIỆN GIÁM SÁT

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
MỤC TIÊU DU LỊCH BỀN VỮNG	1.	Kiến thức về mục tiêu ở các đơn vị lữ hành
	2.	Kiến thức về các mục tiêu của Giám đốc Du lịch và Ban lãnh đạo
	3.	Số lượng ấn phẩm của Sở Du lịch có thông tin về các mục tiêu
	4.	Mức độ hỗ trợ cho các mục tiêu từ nhân viên Sở Du lịch
	5.	Mức độ hài lòng của thành viên các Tổ Giám sát về việc sử dụng các mục tiêu
SỬ DỤNG CHỈ BÁO	1.	Số lần kết quả chỉ báo đã được xuất bản
	2.	Kiến thức về chương trình giám sát của các nhóm liên quan chủ chốt
	3.	Chỉ số hài lòng của Tổ giám sát với các chỉ số đo lường
	4.	Số dự án được triển khai nhờ kết quả chỉ báo
	5.	Số hoạt động được thực hiện của Sở du lịch trong năm, trong đó tập trung vào một hoặc nhiều khía cạnh bền vững (như được định nghĩa trong các mục tiêu)
	6.	Số lần các chỉ số đã được giám sát
	7.	Số lần xem xét danh sách các chỉ số được thực hiện

IX. CÁC CHỈ BÁO QUẢN LÝ DU LỊCH

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
CÁC ĐIỂM THAM QUAN	1.	Chi phí cho các di tích lịch sử và văn hoá
	2.	Số người quản lý các điểm tham quan được đào tạo về du lịch
	3.	Số lượng các điểm có biển báo chỉ dẫn thích hợp và bản chỉ dẫn
	4.	Số các địa điểm lịch sử và văn hóa được bảo vệ theo hương ước hay luật pháp
	5.	Số khách sạn gửi nhân viên đi đào tạo
HẠ TẦNG & DỊCH VỤ	1.	Tỷ lệ nhân viên đã tham dự các khóa đào tạo về du lịch
	2.	Du khách hài lòng với các trang thiết bị và dịch vụ
	3.	Tỷ lệ du khách nước ngoài quay trở lại

VẤN ĐỀ	TT	CHỈ BÁO TIỀM NĂNG
	4.	Thay đổi trong định giá chất lượng của các cơ sở du lịch và dịch vụ
	5.	Số khách sạn thực hiện điều tra về sự hài lòng của khách
PHÁT TRIỂN DU LỊCH	1.	Tỷ lệ các dự án phát triển mới sử dụng kiến trúc bản địa
	2.	Sự tồn tại của việc sử dụng đất hay các quá trình quy hoạch phát triển
	3.	% diện tích bị khống chế trong phát triển
	4.	Tỷ lệ các dự án phát triển mới sử dụng nhà thấp tầng, hài hòa với cảnh quang chung quanh
	5.	Quy trình đánh giá môi trường hay kiểm soát phát triển điểm du lịch có tồn tại hay không
	6.	Tỷ lệ các dự án phát triển du lịch mới được sàng lọc
	7.	Số dự án phát triển du lịch không phù hợp với quy hoạch du lịch
	8.	Số dự án phát triển cần thay đổi Quy mô hoặc hình thức do hệ quả của việc sàng lọc
	9.	Tỷ lệ khác biệt giữa tăng trưởng dự kiến và thực tế của du lịch trong năm khảo sát
CẢNH QUANG	1.	Số diện tích đất được bảo vệ tính theo % của tổng diện tích đất
	2.	Quy định về quy hoạch phát triển ở những vùng quan trọng
	3.	Tỷ lệ cảnh quan du lịch quan trọng được luật pháp hoặc hương ước làng bảo vệ
	4.	Hiện trạng của các cảnh quan lịch sử và thiên nhiên quan trọng
	5.	Số lượng các phát triển cảnh quan không phù hợp được xác định là nhân tố quan trọng đối với du lịch
	6.	Số diện tích đất được bảo vệ tính theo % của tổng diện tích đất
	7.	Quy định về quy hoạch phát triển ở những vùng quan trọng
VAI TRÒ CÁC BÊN THAM GIA	1.	Số lượng các cộng đồng hài lòng với vai trò của họ trong các dự án phát triển du lịch ở địa phương
	2.	Mức độ tham gia của các bên liên quan để chuẩn bị cho các văn bản quy hoạch chính
	3.	Tỷ lệ các bên liên quan trong ngành công nghiệp này cảm thấy họ được tư vấn đầy đủ / thường xuyên về quy hoạch du lịch và lập chính sách
	4.	Số lượng nhóm các bên liên quan tham gia vào việc chuẩn bị các văn bản quy hoạch chính và mức độ tham khảo ý kiến
	5.	Tính đại diện về lợi ích khác nhau của các bên liên quan trong các thể chế ra quyết định về du lịch
	6.	Số thôn xã ở những vùng được hoạch định để phát triển du lịch nhận được thông tin đầy đủ về dự án phát triển du lịch
	7.	Số thôn xã đã xây dựng Quy hoạch du lịch riêng của mình
	8.	Mức độ tham khảo ý kiến giữa các nhà đầu tư và chủ sở hữu đất ở thôn xã
	9.	Số hội đồng thôn xã có các thỏa thuận cho thuê đất phục vụ du lịch hài lòng với những thỏa thuận này
MỨC ĐỘ SỬ DỤNG	1.	Số lượng khách du lịch trên mỗi mét vuông và mỗi Km của điểm đến du lịch
	2.	Tỷ lệ người dân địa phương so với du khách vào những ngày cao điểm

Phụ lục 11: Các thành viên tham gia vào quá trình lập Quy hoạch

Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
Ông Trần Công Thuật	UBND tỉnh Quảng Bình	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Phúc	Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hà	Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình	Phó Giám đốc Sở, Nguyên Giám đốc Dự án Khu vực PNKB
Ông Lê Hùng Phi	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Phó Giám đốc
Ông Lưu Minh Thành	Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng	Giám đốc
Ông Đặng Đông Hà	Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng	Phó Giám đốc, Trưởng nhóm Hỗ trợ Xây dựng Quy hoạch PTDLBV
Ông Lê Thanh Tịnh	UBND tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên, Thành viên nhóm Hỗ trợ Xây dựng Quy hoạch
Ông Lê Thanh Bình	Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)	Giám đốc, Thành viên nhóm Hỗ trợ Xây dựng Quy hoạch
Ông Lê Thế Lực	Dự án Phát triển Du lịch Bền vững Tiểu vùng sông Mê Kông Mở rộng	Giám đốc, Thành viên nhóm Hỗ trợ Xây dựng Quy hoạch
Ông Trang Hiếu Tường	Công ty Tư vấn và Đào tạo Ilumtics	Giám đốc, Thành viên nhóm Hỗ trợ Xây dựng Quy hoạch
Ông Arnoud Steeman	Dự án Khu vực VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (Hợp phần KfW)	Nguyên Cố vấn trưởng
Ông Lương Quang Hùng	Dự án Bảo tồn và Quản lý Bền vững Tài nguyên Thiên nhiên Khu vực VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (Hợp phần KfW)	Phó Cố vấn trưởng, Thành viên nhóm Hỗ trợ Xây dựng Quy hoạch
Ông Joachim Esser	Dự án Khu vực VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (Hợp phần GTZ)	Nguyên Cố vấn trưởng
Ông Trương Sĩ Hồng Châu	Dự án Khu vực VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (Hợp phần GTZ)	Điều phối viên Dự án, Thành viên nhóm Hỗ trợ Xây dựng Quy hoạch
Ông Lê Văn Lanh	Công ty Tư vấn Tài nguyên Du lịch New Zealand - TRC	Đồng tác giả Quy hoạch PTDLBV khu vực PNKB
Ông Achim Munz	Công ty Tư vấn Tài nguyên Du lịch New Zealand - TRC	Đồng tác giả Quy hoạch PTDLBV khu vực PNKB
Ông Douglas Hainsworth	Công ty Tư vấn Tài nguyên Du lịch New Zealand - TRC	Đồng tác giả Quy hoạch PTDLBV khu vực PNKB